

Dịch Chi

TÔI LÀ THẦY TƯỞNG SỐ 2

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách Alpha

Chương 1. ĐẠI PHÁP DỤ CÁ TỪ NĂM HIỂN KHÁNH NHÀ ĐƯỜNG

TÔI ĐÃ TRÔNG THẤY TỔ GIA

Trên đời này làm gì có ma quỷ, tôi biết chứ, rõ ràng Tổ Gia đã mất cách đây 46 năm, nhưng quả thật vừa rồi chính mắt tôi đã trông thấy ông! Giật mình, suýt ngã ngửa ra sau, khi đứng vững lại không thấy bóng đen trước mặt đâu nữa! Tôi sợ toát mồ hôi, mí mắt trái giật mạnh, một dự cảm không lành chạy dọc sống lưng.

Sách vở bày bán khắp hè phố vẫn nói: “Giật mắt trái sẽ gặp tai ương, giật mắt phải là điềm được của”, nhưng theo kinh nghiệm của tôi, giật mắt nào cũng không phải chuyện hay.

Đến các thầy tướng số cũng dùng cách bói máy mắt rất kỳ lạ mà người xưa truyền lại này để đối chiếu với lời phán của mình khi đoán điềm cát hung. Đầu tiên, cần phải phân rõ bói mắt trái và bói mắt phải, trái là dương, phải là âm, sau đó phải xem giờ bị máy mắt vào giờ Tứ chính Tý–Ngọ–Mão–Dậu; giờ Tứ thiên Thân–Dần–Tỵ–Hợi hay giờ Tứ mộ Thìn–Tuất–Sửu–Mùi, còn có bài khẩu quyết thế này: Thập nhị thời thần thập nhị cung, ngũ hành bát quái tàng kỳ trung, Tý Ngọ Mão Dậu đa âm thực, Thân Dần Tỵ Hợi tai họa chí...

Hồi còn trẻ, khi sống ở Đường khẩu, chúng tôi từng dùng trò tâm dịch đoán buộc cổ “lũ gà béo” ngóc ngếch. Mọi hoạt động sinh lý bất bình thường như: máy mắt, giật cơ, ù tai, nóng tai, ngứa bàn tay... đều được đem ra để luận đoán cát hung. Thậm chí còn có vài “con gà béo” dễ lừa đến nỗi chỉ vì hắt hơi vài cái vào sáng sớm mà cũng chạy đến hỏi xem lành dữ thế nào. Đối với bọn “Nhất ca” như mắc bệnh tâm thần này, không lừa chúng thì thật không phải với chúng.

Tôi như người mất hồn quay vào phòng, đồng hồ đã chỉ 12 giờ đêm. Tiết Thanh minh vừa qua, lại đúng nửa đêm giờ Tý, lẽ nào tôi vừa gặp ma thật?

Vợ tôi cũng tỉnh giấc theo, mang áo đến khoác lên người tôi, hỏi: “Sao ông còn chưa ngủ?”

“Tôi... vừa rồi hình như đã trông thấy Tổ Gia... đứng ngay ngoài cửa.” Tôi thất thần nói.

Vợ tôi nhìn ra khoảng không đen như mực ngoài cửa sổ, từ nhỏ bà ấy đã gan lỳ nên không sợ, chỉ cười nói: “Cái ông này, bị hoa mắt thì có, Tứ gia vừa mất, tại ông lại nghĩ đến phải Giang Tướng đây thôi...”

Nghe vợ nói thế, tôi cũng nghĩ chắc là mình đã nhìn nhầm.

“Ngủ đi ông.” Vợ tôi ân cần nói.

Nửa đêm, trời nổi gió to, từng cơn gào rít ghé rợn bên ngoài. Nằm co người trong chăn, tôi mơ hồ dự cảm sắp có chuyện chẳng lành.

Tôi không sao ngủ được, nhìn gương mặt vợ đã chìm vào giấc ngủ say mà lòng chột đây chua xót. Người phụ nữ này đã cùng tôi đi quá nửa đời người, từ lúc còn là một cô nhóc cho đến cái tuổi trung niên này, không một lời oán than hay tỏ ý hối hận vì lấy tôi, vẫn luôn đi bên tôi, bầu bạn cùng tôi. Nay, tóc dần điểm bạc, chúng tôi đều đã già rồi, cuộc đời mà!

Tôi trở mình, đưa tay lùa vào mái tóc bà ấy, bất giác nhói lòng. Đột nhiên, tôi nghĩ đến cái chết. Con người ai chẳng phải một lần chết, Tổ Gia đi rồi, Tứ Bá đầu cũng đi rồi, tôi đã gần này tuổi, 70 sống được bao năm, 80 sống được bao tháng, một ngày nào đó rồi cũng sẽ chết, sau khi chết sẽ đi về đâu, liệu kiếp sau còn gặp bà ấy, gặp phái Giang Tướng, gặp Tổ Gia, gặp các huynh đệ nữa hay không? Tôi ôm chặt vợ trong lòng, dòng suy nghĩ trôi mãi về những ngày tháng xa lắc.

Năm 1966, Cách mạng Văn hóa nổ ra, trong thị trấn nổi lên cuộc đấu tố, phê bình. Người đầu tiên phải hứng chịu chính là một ông giáo già – hiệu trưởng một trường trung học. Bọn tạo phản gọi ông là lão giáo thói, bắt ông phải thẳng thắn nhận tội, ông nói mình chẳng làm gì mà phải thẳng thắn nhận tội hết. Kết quả, ông bị một thằng nhãi ranh đi lên và cho hai cái vào miệng, rồi túm tóc, nói: “Mày phải nhận tội trước mọi người.” Nó còn hỗn hào, lão toét dám cời giày đánh vào mặt ông giáo già đến chảy cả máu.

Thằng đó có biệt danh là “Nhị Bản Tử” – bởi lúc bé từng học đánh trúc bản, tính cách lý lợm. Có lần, người trong thị trấn xì xào rằng, có ma trời ở ngôi mộ sau núi, có người nhìn thấy cả con hồ li ôm quả cầu lửa chạy băng băng lúc chập tối, khiến các xã viên hợp tác xã không ai dám ra sau núi khi trời tối. Thế mà thằng này lại cuôm được một quả lựu đạn từ chỗ đám dân quân, tới đến hấn ra sau núi, thấy đúng là có đám lửa màu xanh nho nhỏ bốc lên khỏi mộ thật, liền chửi: “Mẹ mày!” Rồi cứ thế ném thẳng quả lựu đạn vào nấm mộ. “Bùm” một tiếng, ánh lửa tóe ra xung quanh, hài cốt bắn tứ tung trên mặt đất.

Vào thời đó, kiến thức khoa học chưa được phổ cập, kỳ thực, thứ mà họ gọi là ma trời kia chính là hiện tượng hợp chất phốt-pho trong xương người và sinh vật thoát ra từ những nấm mộ lâu ngày không được chăm nom, tu sửa, gặp không khí thì bốc cháy thành lửa màu xanh nhạt. Mọi người lại nhầm tưởng đó là lũ quỷ ma hiện lên quấy phá, hù dọa.

Sau đó, Nhị Bản Tử lại lôi chuyện ma quỷ nhằm vào cô con gái cả của ông giáo già, hấn hô hào mọi người phê bình đấu tố “giày rách7”. Ông giáo già có ba người con gái và một con trai. Chồng của cô con gái cả chết sớm, về sau, cô lại gặp được một thanh niên trí thức, hai người đều yêu thương nhau, nhưng cô gái lại bị chụp cho cái tội danh “giày rách”. Ai mang tội danh này sẽ bị đưa đi điều phố, phải quàng lên cổ đôi giày rách, trước ngực còn đeo một tấm biển to viết hai chữ: “Giày rách”.

Cô gái này bị đưa đi điều phở suốt hai ngày liền, cô chẳng còn mặt mũi nào trước những cái nhìn chòng chọc của hàng trăm con mắt trên phố. Sau khi trở về nhà, cô tắm rửa, gột sạch nước bọt và những thứ bẩn thỉu, ô uế trên người rồi mặc bộ quần áo ngày xuất giá, nhân lúc cha mẹ đang ngủ, thắt cổ tự tử trong phòng. Khi người nhà phát hiện ra thì cô đã tắt thở.

Hai vợ chồng ông giáo già thương con, khóc đến chết đi sống lại. Trái tim con người đâu phải sắt đá, hay tin cô gái đã thắt cổ tự tử, người trong thị trấn đều lặng đi, chẳng còn ai nghe thằng Nhị Bản Tử nữa. Ủy ban Cách mạng cũng vội vàng tuyên bố, thanh minh: “Dùng văn đầu tố, không dùng vũ lực! Không được gây chết người!” Thế mà thằng Nhị Bản Tử chẳng hề cần rút lương tâm, vẫn già mồm: “Cách mạng phải triệt để! Loại giày rách này, đáng ra phải chết từ lâu rồi mới phải!”

Ông giáo già cả đời dạy dỗ bao nhiêu thế hệ học trò, nay lại rơi vào tình cảnh như thế này, thật khiến người ta thương xót! Ngày chôn cất con gái, trời đang nắng bỗng nhiên lại có sét, đám mây đen kịt ùn ùn từ phía Đông Nam kéo đến, ngay sau đó mưa như trút nước, trận mưa như những giọt nước mắt nứt nở bi thương của cô gái từ trời cao đổ ào xuống, cũng là tiếng khóc tiễn đưa cô về cõi quanh quẽ, thê lương.

Sự việc về sau càng được phủ lên một màu sắc vô cùng thần bí.

Mấy công nhân lò gạch ở ngoại thành kê, khi tan ca đêm về, họ thường thấy có bóng người đu đưa trước mộ phần của cô gái, còn nghe có tiếng người khóc, suốt mấy ngày liền đều như vậy. Ban ngày, mấy xã viên to gan đã đến đó xem xét mà không phát hiện ra điều gì bất thường, nhưng cứ đêm đến, cảnh tượng ấy lại tiếp diễn.

Nhị Bản Tử nghe vậy thì phùng mang trợn má: “Ông mày đếch tin! Sống ông còn chẳng sợ, chết rồi làm gì được ông?”

Mấy hôm sau, vào một tối khi đang định đi nằm thì Nhị Bản Tử nghe thấy tiếng gõ cửa, liền hỏi: “Ai đấy?”

Không có tiếng trả lời, nhưng tiếng gõ cửa vẫn vang lên.

Hắn ta bèn khoác áo vào rồi ra mở cửa, vừa thò đầu ra thì bỗng một thứ gì đó từ trên trời rơi xuống, quần ngay vào cổ khiến hắn giật bắn người. Lấy đèn soi thì thấy đó là một đôi giày thêu hoa đỏ! Đó chẳng phải chính là đôi giày mà cô gái bị đem ra đầu tố đã đi khi còn sống đây sao? Hắn sợ xanh mặt, hốt hoảng kêu lên: “Ma!”

Ngày hôm sau, người trong thị trấn xôn xao bàn tán, việc đôi giày kia được chôn theo cô gái bao nhiêu người đều trông thấy, nay bỗng nhiên từ trên trời rơi xuống, chắc chắn là oan hồn cô về tìm Nhị Bản Tử rồi.

Không ai hay biết rằng, mọi việc đều do một A Bảo hoàn lương đạo diễn.

Một tối, sau ngày cô gái chết một tuần, tôi đang định đi nằm, đột nhiên có tiếng gõ cửa khe khẽ. Muộn thế này rồi, là ai được nhỉ? Mở cửa ra, thấy ông giáo già nọ, tôi không khỏi giật mình. Bấy giờ, không ai trong thị trấn dám qua lại, tiếp xúc với người có tên trong sổ đen như ông, bởi sợ rước họa vào thân.

Ngó ra sau lưng ông lão, thấy không có ai, tôi liền mời ông vào nhà.

Ông giáo già ngồi xuống ghế im lặng một lúc lâu, mãi sau mới lên tiếng: “Nghe nói, ngày trước anh từng xem bói cho người ta, liệu anh có...”

Tôi vừa nghe thấy thế đã sợ tái mặt: “Lão tiên sinh đừng nói liều như vậy! Đó đều là sai lầm của tuổi trẻ, tôi đã được cải tạo rồi! Bây giờ tôi quyết tâm đấu tranh trước thói mê tín dị đoan!” Tôi tưởng ông lão định tìm cách để tôi nói hớ rồi tố giác, hòng lập công chuộc tội.

Ông giáo già run run: “Anh đừng sợ, tôi không có ý gì đâu. Nếu đúng là anh biết xem tướng số, cầu xin anh hãy xem giúp liệu cả nhà tôi có thể qua nổi tao đoạn này không! Chứ tôi thật chẳng thiết sống nữa!” Ông lão nước mắt giàn giụa nói.

Tôi biết tinh thần ông lão đã rất suy sụp, sống chết thế nào đều ở câu trả lời của tôi. Kiến thức về tướng số, tôi học một được từ Tổ Gia cũng chỉ qua loa đại khái. Nhưng còn nhớ, Tổ Gia từng nói: “Lòng người không thể chết, cõi lòng mà chết rồi thì không còn là người được nữa.”

Mãi lâu sau, tôi mới lên tiếng: “Lão tiên sinh, tôi tin lão. Nếu ngày mai lão bán đứng tôi, tôi cũng không oán trách! Tôi biết chút ít về Kinh Dịch, có thể xem sơ qua vận mệnh cho lão được.”

Ông lão cho tôi biết Bát tự của mình, tôi nghĩ một lát rồi nói: “Mấy năm nay, lão gặp phải vận rất xấu, mệnh phạm vào Tai sát, Kiếp sát, nhưng qua được thì sẽ khá lên, về sau mọi việc đều hanh thông, con cái phát lên như điều gặp gió! Lão chắc chắn sẽ được an hưởng tuổi già!” Kỳ thực, đây chỉ là chiêu Long mà thôi, trước dùng để lừa người, giờ dùng để cứu người, tôi muốn đem lại một tia hy vọng để ông có thể kiên cường sống tiếp.

Ông lão ngẩng lên, nửa tin nửa ngờ: “Vẫn có ngày cát đầu lên được sao?”

Tôi quả quyết: “Có! Chắc chắn là có!”

Ông giáo già như trút được gánh nặng nói: “Tôi không dám mong có ngày phát lên, chỉ cần vút đi được chiếc mũ ‘kẻ đại phản nghịch’ đang bị chụp trên đầu, tôi chết cũng nhắm mắt!”

Chúng tôi đang nói chuyện, bỗng từ bên ngoài vọng vào tiếng đập cửa rầm rầm. Tôi giật mình đứng bật dậy, ông giáo già cũng sợ run người.

Tôi nhẹ nhàng đi tới, áp người vào cánh cửa, hỏi khẽ: “Ai vậy?”

Không có tiếng trả lời, tôi mở cửa nhìn ra, lập tức một người nhanh chân chạy vụt vào. Thì ra là cô con gái út nhà ông giáo già – Trương Doanh Doanh.

Ông lão tức giận hỏi: “Sao con lại đến đây? Không phải ta đã bảo cứ đợi ở nhà hay sao? Chẳng ra dáng một đứa con gái chút nào!”

Trong thị trấn, Trương Doanh Doanh nổi tiếng tính tình đanh đá, cá tính mạnh mẽ như con trai. Sau khi chị cả chết, cô dám cầm dao đến liều mạng với Nhị Bản Tử, người nhà phải ra sức ngăn lại.

Trương Doanh Doanh nói: “Con không yên tâm về cha!”

“Lưu tiên sinh nói rồi, cả nhà mình sẽ qua được kiếp nạn này, sẽ khấm khá lên, chỉ cần chịu đựng thêm một thời gian nữa thôi.” Ông lão nói.

Trương Doanh Doanh tỏ vẻ xem thường: “Cha, giờ là lúc nào rồi mà vẫn tin vào mấy thứ nhảm nhí đó! Cẩn thận người ta biết được, tội lại nặng thêm đấy!”

Tôi chỉ biết cười trừ, thầm nghĩ: “Sao cô hiểu được tâm tình của cha mình chứ!” Nhìn cô gái bướng bỉnh, thẳng tính này, tôi có đôi chút thiện cảm.

“Đừng nói năng liên thiên!” Ông lão nói.

“Con không liên thiên! Con nghĩ rồi! Cùng lắm là chết! Sớm muộn gì con cũng phải báo thù cho chị!” Trương Doanh Doanh nói.

Ông lão tức giận quát: “Cút về mau!”

Trương Doanh Doanh bật khóc: “Cứ nghĩ đến chị, con lại thấy đau lòng!”

Ông giáo già cũng rút nước mắt.

Ngẫm nghĩ thế nào tôi lại nói: “Việc báo thù cô đừng nên nghĩ đến, chỉ càng làm cho sự việc xấu thêm thôi! Thực ra, mọi người trong thị trấn đều biết chị cô chết oan. Hay là thế này, tôi có cách trị cho tên khốn đó một trận. Nhưng hai người phải giữ bí mật tuyệt đối, nếu không tôi cũng tiêu đời!”

Nhị Bản Tử này cũng chẳng phải loại người không biết sợ trời khiếp đất là gì, lần này ông sẽ dọa cho mày sợ vỡ mật. Thuật Trát phi bao năm không dùng đến, giờ lại được tôi đem ra sử dụng. Đầu tiên, tôi dán người giấy, lấy thân cây cao lương chống lên, chỗ tiếp nối cắm ống tre dài hai đốt, trên ống tre lại đục mấy cái lỗ, đêm đến đem cắm lên ngôi mộ người con gái kia. Người ta đạp xe trên đường nhìn thấy thế, cộng thêm tiếng gió thổi làm ống tre phát ra tiếng kêu “hu hu”, lại tưởng có người đứng khóc bên mộ. Cứ thế, người nọ truyền tai người kia, một câu chuyện hư hư thực thực lan truyền nhanh chóng. Đây gọi là tạo thế, nhằm để Nhị Bản Tử

biết rằng ở đây có chuyện ma quái.

Sau đó, tôi lại bảo Trương Doanh Doanh nửa đêm mang một đôi giày thêu hoa giống hệt đôi giày kia đến, nửa đêm dùng hai cái sào gác lên mái hiên nhà Nhị Bản Tử, sau đó dùng một sợi chỉ mảnh, một đầu buộc vào con vít, một tay kéo giữ sợi dây, tiếp theo gõ cửa, đợi hắc thò đầu ra ngoài nhìn, tôi khẽ kéo sợi dây làm cho đôi giày rơi từ trên rơi xuống, trúng ngay cổ hắc.

Nhị Bản Tử bị dọa cho sợ chết khiếp, từ đó chừa hắc, không dám cắn càn nữa.

Tôi không ngờ việc giúp ông giáo già lần này lại được phúc báo. Đại khái, Trương tiên sinh thấy tôi lòng dạ lương thiện, một tối mùa hè mời tôi đến nhà, trù mển nói: “Con trai, con đúng là người tốt.”

Tôi rùng mình, người tốt ư? Bao nhiêu năm nay, trải bao phen gió dập mưa vùi, tôi đã thay đổi nhiều. Bản thân cũng không biết mình rốt cuộc là loại người như thế nào nữa.

Ông lão lại nói: “Ta biết con từng ngồi tù, nhưng không có nghĩa con là người xấu. Đứa con gái út của ta luôn kiêu căng ngang ngạnh, kén cá chọn canh, đến nay vẫn chưa lấy chồng, nếu con không chê... Ta định gả nó cho con...”

“Hả?” Tôi ngỡ mình nghe nhầm, “Thưa tiên sinh, tôi... tôi cái gì cũng không có, nghèo rớt mồng tơi, lại từng ngồi tù, ông...” Năm 1958, sau khi ra tù, tôi chưa từng dám mơ tưởng đến việc lập gia đình.

“Ta muốn hỏi con có bằng lòng hay không?” Ông lão gặng hỏi.

“Tôi...” Việc này quá bất ngờ, tôi ấp úng hỏi: “Ý con gái lão thế nào?”

“Em bằng lòng đấy!” Trương Doanh Doanh từ trong nhà vén rèm đi ra: “Anh đã giúp cả nhà em trút được mối hận trong lòng...”

Tôi vội vàng nói: “Ấy ấy! Nếu chỉ vì chuyện nhỏ nhặt này thì không nên đâu. Huống hồ, chúng ta hơn kém nhau đến hơn chục tuổi...”

“Anh vẫn còn kén chọn sao?” Trương Doanh Doanh nói.

“Tôi không có ý đó, tôi...” Tôi không biết nên nói thế nào, trong lòng thầm nghĩ: “Hai người còn biết về tôi quá ít.”

Im lặng một lúc, tôi nói với Trương Doanh Doanh: “Cô không sợ người ta dèm pha mình lấy một người từng ngồi tù sao?”

“Em không quan tâm!” Trương Doanh Doanh tức tôi: “Kệ họ muốn nói gì thì nói!”

Tôi biết, những biến cố lớn ập đến với gia đình tác động rất mạnh đến cô, khiến cô từ lâu đã căm ghét những lời đàm tiếu của người đời.

Trương lão tiên sinh ngồi bên cạnh nói: “Việc này ta làm chủ, cứ quyết định như vậy đi. Ngày mai ta sẽ vạch rõ ranh giới với cả nhà, để các con đỡ bị liên lụy!”

Trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, việc cha con phải “vạch ranh giới” (từ mặt nhau) là chuyện thường thấy. Ấu cũng là chuyện bất đắc dĩ, để đảm bảo an toàn, bởi không còn cách nào khác.

Người ta thường nói, đêm động phòng hoa chúc là một trong bốn niềm vui lớn của đời người. Ngày lấy vợ, tôi đã khóc, một thằng đàn ông nửa đời người phiêu bạt, đến giờ cũng có thể coi như có chốn đi về.

Nửa đêm, tôi ôm Doanh Doanh, hỏi xem rốt cuộc cô ấy đã chọn tôi vì điểm gì, cô ấy cười nói: “Can đảm.” Tôi thầm nghĩ: làm A Bảo, có thể thiếu bất cứ cái gì, trừ lá gan.

Nửa năm sau, Doanh Doanh mang thai, sau đó thì sinh đôi một trai một gái. Mọi người đều nói, tổ tiên phải tích đức ba đời mới sinh con đôi, tôi nghĩ chắc nhờ vào âm đức của cụ tôi, ông tôi, bố tôi, còn tôi thì tích được cái đức gì chứ!

Những đứa con chào đời đã mang đến cho tôi niềm hạnh phúc vô bờ, thứ mà trước đây tôi chưa từng được chạm vào. Tôi thấy mình ngày càng được sống ra dáng một con người, có lúc, tỉnh dậy sau giấc mơ, tôi vẫn thấy mình đang cười. Nhìn các con lớn lên từng ngày, nghe chúng gọi tiếng “cha” đầu tiên, tôi khóc đến khản cả tiếng, ôm chặt vợ con vào lòng, để biết rằng đây không phải một giấc mơ.

Năm 1976, Cách mạng Văn hóa chấm dứt, đám mây mù tan biến, cha vợ tôi được sửa án oan, chị vợ tôi nơi chín tuổi cũng được ngậm cười.

Giao thừa năm đó, cả nhà tôi cùng quây quần bên mâm cơm tất niên, ai nấy đều nức nở, sụt sùi. Mãi sau, cha vợ tôi nói: “Con người sống ở đời, đừng tham lam phú quý, cứ sống bình an là tốt rồi, bình an mới là hạnh phúc!”

VẠCH TRẦN TRÒ BỊP BỌM TRÊN PHỐ

Những năm 1980, mảnh đất Trung Hoa tràn trề nhựa sống. Thị trấn của chúng tôi trở thành thành phố cấp địa khu. Cha vợ tôi về nghỉ hưu trong niềm vinh quang, chị thứ hai nhà vợ trở thành Cục trưởng Cục văn hóa địa phương, bà xã tôi sau mấy năm học bổ túc văn hóa được vào công tác trong Ủy ban Giáo dục. Còn tôi, chính thức theo đuổi nghiên cứu về Chu Dịch, cha vợ đã giới thiệu cho tôi theo học một vị tiền bối am hiểu Quốc học. Vợ tôi nói: “Anh đã yêu thích đến vậy thì cứ chuyên tâm học đi.”

Bà ấy rất hiểu tôi, biết tôi không thể quên được những chuyện đã qua, mấy năm nay, mỗi lần tôi giật mình tỉnh dậy sau cơn mơ, bà ấy đều ôm lấy tôi, nói: “Ông đừng sợ, đừng sợ.”

Tôi biết rõ nghiệp chướng của mình quá nặng, ngày trước mượn cái trò xem tướng xem số để lừa gạt kiếm sống, bây giờ tôi muốn nghiên cứu xem rốt cuộc Chu Dịch là cái gì. Nếu thật sự Dịch lý có thể làm thay đổi cuộc đời, tôi nguyện cùng nó đem cả đời mình tạo phúc cho đời.

Một buổi chiều, tôi tha thân dạo quanh hội chợ sách, tôi muốn tìm một vài cuốn nói về Chu Dịch, đang lật sách xem chợt thấy có tiếng gọi: “Ngũ gia!”

Tim tôi bỗng nhiên đập thình thịch, mấy chục năm rồi không ai gọi tôi bằng hai tiếng “Ngũ gia” cả. Tôi quay lại nhìn thì thấy một người đàn ông chừng ngoài 40 đang đứng trước mặt.

“Cậu là...?” Tôi ngó người hỏi.

“Ngũ gia không nhận ra con à, con là Tặc Miêu đây!”

“Tặc Miêu?” Đầu óc tôi như chạy thẳng về quá khứ mà lục tìm lại, tôi vỗ trán, nhận ra một người anh em trong Đường khẩu! Cậu ta là tay chân của Nhị Bá đầu, sở dĩ gọi Tặc Miêu vì thường đảm nhận những việc như leo tường, trèo cây.

Tôi vỗ người cậu ta một cái, cười nói: “Tiểu tử, đã lớn thế này rồi cơ à! Bao năm không gặp, cậu thay đổi nhiều quá!”

Tặc Miêu gãi gãi đầu, cười hì hì nói: “Vâng, hồi ở Đường khẩu con mới mười mấy tuổi mà.”

Bao nhiêu cảm xúc lẫn lộn, đan xen trong lòng tôi: “Ừ nhỉ, thoáng chốc đã mấy chục năm rồi! Mấy năm nay cậu sống thế nào? Bây giờ đang làm gì?”

Tặc Miêu đỏ mặt nói: “Sau khi Tổ Gia mất, các vị Bá đầu đều vào tù, con cũng đi lao động cải tạo một thời gian thì được tha, sau đó về quê làm ruộng với cha. Còn Ngũ gia, giờ ông làm gì rồi?”

Tôi thở dài: “Tôi à, tôi chuyên tâm nghiên cứu Chu Dịch. Là Chu Dịch chân chính ấy, không phải trò lừa đảo bịp bợm đâu nhé”

Tặc Miêu cười nói: “Giống nhau, giống nhau cả thôi.”

Tôi sầm mặt: “Giống là giống thế nào! Khác nhau đấy!”

Tặc Miêu vội nói: “Không giống, không giống, ông bảo không giống thì không giống.”

“Vậy bây giờ cậu làm gì?” Tôi hỏi.

Tặc Miêu cười giả lả: “Ngũ gia, giờ con phát rồi.”

“Phát rồi ư?” Tôi không hiểu liền hỏi lại.

Tặc Miêu nói: “Ngũ gia biết đấy, trên Nhạc Gia Lĩnh có một đạo quán, cánh cổng lớn bị phá hỏng trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, bây giờ đã được sửa sang lại, con làm đạo trưởng ở đó, còn kiếm tiền nhanh hơn Tổ Gia hồi đó!”

“Cậu xuất gia à?” Tôi kinh ngạc hỏi.

“Không!” Tặc Miêu nói. “Con giả dạng đạo sĩ thôi, ban ngày khoác áo xuất gia, tối lại về quây quần bên vợ con như thường. Đây người đi cầu khẩn, xem tướng, con vừa Thiên vừa Địa, chiêu nào cũng dùng hết.”

Tôi hiểu ra: “Vẫn đi lừa người ta à?”

“Con còn biết làm gì nữa? Cùng làm với con có một ông anh, hai chúng con thuê tóm cả cái đạo quán này. Có lần, một ông chủ lớn đến xem tướng, chúng con cuồn được những 2000 đồng, ‘con gà béo’ đó còn luôn mồm nói cảm ơn đạo trưởng nữa chứ. Lần khác, một con mụ đến xin rút thẻ, nói là thường xuyên gặp ác mộng, con chớp ngay cơ hội Trát luôn, bảo rằng nhà nó có ma quỷ tác oai tác quái. Mụ đó biết Trát phi là cái gì đâu, bị con làm cho đầu óc u mê, mụ mẫn. Qua lại vài lần, cuối cùng con còn lên giường được với mụ ấy, sau mụ còn bảo, nhờ sức mạnh của thầy, đúng là không còn mơ thấy ác mộng nữa.”

Tôi lặng thinh, trầm nghĩ: Thằng tiểu tử này, đúng là hết thuốc chữa.

Cổ nhân nói rằng: “Tà dâm trong chôn chùa chiền, tất sẽ bị đày xuống ngục Vô Gián.” Tặc Miêu giả làm người xuất gia lừa tiền gặt sặc, ắt không có kết cục tốt đẹp.

Thấy tôi không nói gì, Tặc Miêu đảo mắt một cái rồi nói: “Thế nào, Ngũ gia, cũng động lòng rồi phải không? Nếu ông đến cầm trịch, con vẫn nghe theo ông, thời thế đổi thay nhưng vai vế không thể thay đổi.”

Tôi cười: “Ta đã rút khỏi giang hồ rồi.”

“Vậy thì thôi! Nhưng nếu có việc gì, Ngũ gia cứ dặn dò con, làm được con nhất định sẽ làm.”

“Được rồi, ta hy vọng các huynh đệ đều ổn cả.” Tôi biết nó không hiểu hàm ý trong câu nói của tôi. Nó vẫn chưa tỉnh ngộ.

Quả nhiên, năm sau đó, trên báo đăng tin về một vụ án mạng xảy ra trong đạo quán. Hai tên đạo trưởng giả mạo vì chia chác không đều, dẫn đến giết hại lẫn nhau, còn chặt xác ném đầu vào nhà xí. Khi ấy mùa hè, trong nhà xí toàn là dòi bọ, lúc cảnh sát tìm thấy, thịt da trên đầu đã bị phân hủy, chỉ còn trơ hộp sọ trắng hếu, trên vẫn dính vài sợi tóc.

Tôi nghĩ, Tặc Miêu dù là nạn nhân hay hung thủ thì cuộc đời nó cũng đã chấm hết.

Lễ cúng cô hồn rằm tháng Bảy hàng năm, tôi thường đến đạo quán đó thắp hương cho Tặc Miêu, dù sao cậu ta lúc nào cũng luôn tỏ thái độ cung kính với tôi.

Cái chết của Tặc Miêu khiến tôi không khỏi buồn lòng. Con người ta một khi đã sa chân vào con đường tà đạo thì khó mà tìm lại được chính mình. Tôi chợt nhớ đến câu năm xưa Tổ Gia vẫn thường nói: “Kẻ tham lam tất bần tiện, người quân tử luôn đề phòng.” Phạm là con người ai cũng vậy, kẻ làm A Bảo thì càng đúng như vậy.

Tôi biết, trên thế gian vẫn còn vô số A Bảo đang len lỏi trong mọi góc ngách đời sống, không từ bỏ được lòng tham và cái nghề bói toán lừa gạt này. Dựa vào sức của mình tôi, chắc chắn không thể cứu được tất cả bọn họ. Nhưng chí ít, tôi muốn cứu vớt những người anh em của mình.

Năm 1984, cha vợ tôi bị xuất huyết não phải nhập viện, bệnh tình mỗi ngày thêm nặng, rồi rơi vào trạng thái hôn mê. Tôi còn nhớ, khi đó còn chưa có dụng cụ để hạ nhiệt, vợ chồng tôi phải đến nhà máy làm kem mang về một bịch đá lớn, đắp lên trán để hạ sốt cho ông. Hôn mê suốt một tuần liền, bỗng một hôm, ông đột nhiên tỉnh lại. Tôi biết đó là dấu hiệu “hồi dương” của người sắp chết. Hôm ấy, ông nắm chặt tay vợ chồng tôi, nói: “Thiên Lượng à, cha sắp phải đi rồi, hãy đối xử tốt với Doanh Doanh, ta biết con là rể tốt của ta.”

Nhìn người cha già mái tóc bạc phơ, tim tôi đau nhói. Tôi từ nhỏ không cha, tiếng “cha” chỉ có thể gọi thầm trong lòng, tình cảm cha con như thế nào cũng chưa từng được nếm trải cho đến khi cưới Doanh Doanh. Hơn mười năm nay, cha vợ luôn hết lòng chăm lo, bù đắp cho tôi. Giờ thì cha con cũng sắp đến hồi âm dương cách biệt, tôi rút nước mắt, nói với ông: “Cha, cha hãy yên lòng, con nhất định sẽ chăm sóc tốt cho Doanh Doanh.”

Nhiều người trước khi chết thường trông thấy những cảnh tượng kỳ quái, theo giáo lý nhà Phật thì đó gọi là nợ nghiệp, là oan gia trái chủ. Ví như, một kẻ làm nhiều việc ác, sẽ bị cảnh truy đuổi, trừng phạt ám ảnh. Còn cha vợ tôi, cả một đời dạy học, giảng giải đạo lý, làm thức tỉnh con người, đến khi hấp hối không hề đau đớn. Ông ra đi rất đổi thanh thản, nhẹ nhàng.

Sau khi cha mất, tôi càng thêm yêu thương vợ con. Nhớ thời kỳ Cách mạng Văn hóa, khi ấy có những nổi canh cánh của cha và sự cởi mở của vợ. Con người thật may mắn vì có kỷ ức, những năm cũ chuyện xưa, luôn khiến lòng ta bồi hồi, sau động lại là những niềm hạnh phúc ngọt ngào.

Tiếng gà gáy sáng đưa tôi từ dòng hồi ức trở về với thực tại. Vợ tôi cũng đã thức dậy, nhìn bà ấy, tôi bất giác ôm ghì vào lòng: “Doanh Doanh, bà thật tốt!”

Vợ tôi mái đầu cũng đã pha sương, nghe tôi nói thế thì phì cười: “Ông nói gì vậy, tôi đi nấu bữa sáng, ông ngủ thêm một chút đi.”

Ăn sáng xong, tôi chấp tay sau lưng đi dạo phố, lòng chất chứa nỗi niềm. Hình ảnh Tổ Gia lại chập chờn trong tâm trí. Một cơn gió ào đến, tôi đưa tay xóc lại cổ áo.

Đến gần công viên Nhân Dân, thấy một đám người đang túm tụm bên đường, tôi tò mò đi lại thì thấy hai thanh niên trẻ tuổi ăn vận giống hòa thượng đang bày sạp xem tướng số. Nhìn những người xung quanh đang nóng lòng chờ đến lượt, tôi bật cười: thoát nhìn là biết ngay phường lừa đảo! Người xuất gia chân chính, bất kể hòa thượng hay đạo sĩ, đều đã nhìn thấu hồng trần, thanh tâm quả đực, không bao giờ chạy ra nơi đầu đường xó chợ bày trò xem tướng số cho người ta. Mấy kẻ khoác áo nhà tu kia chẳng qua chỉ là bọn A Bảo tép riu đang giở ngón nghề kiếm ăn mà thôi.

Phái Giang Tướng tuy đã bị tiêu diệt, không thể làm mưa làm gió được nữa, nhưng từng trải qua một thời kỳ cực thịnh, môn sinh của nó rải rác khắp nơi trên cả nước, ngày nay chắc hẳn vẫn còn sót lại những tàn dư.

Đến gần hơn, lắng tai nghe, tôi mới giật mình! Đám người này đang dùng Song kim khẩu của Bắc phái. Nhớ năm xưa, tứ đại Đường khẩu đều có sở trường riêng: Đông phái giỏi thuật Trát phi, Nam phái giỏi Anh diệu, Tây phái giỏi đàn Cự phong thủy, Bắc phái giỏi Song kim khẩu.

Song kim khẩu – hay còn gọi Lưỡng đầu đồ, là những luận đoán về tướng số bách phát bách trúng đã được đúc rút từ kinh nghiệm mấy trăm năm của A Bảo Bắc phái. Những luận đoán này hết sức nguy hiểm, bất kể nói về ai, người đó chắc chắn gật gù đáp: “Vâng!”

Chúng ta hãy cùng xem những khẩu quyết dưới đây.

“Số anh/chị ấy à, hay phải bận tâm lo lắng, hơn nữa luôn phải nhọc sức mà việc chẳng thành!”

Con người sống ở đời, chẳng cứ quan lại quyền quý hay bách tính thường dân, ai mà chẳng phải vất vả, mệt nhọc vất óc kiếm tiền, lo toan miếng cơm manh áo? Hơn nữa, đời người mấy ai được như ý muốn, ai chẳng nghĩ rằng, mình chịu nhiều cực nhọc mà thu về chẳng được bao nhiêu. Nhưng những “con gà” đi xem tướng số đều không đủ sáng suốt để nhận ra điều ấy. Thấy bọn A Bảo xem tay xong, đột nhiên buông một câu như thế, có đến tám phần trong số đó đều tẩm tặc trong lòng: “Đúng là thế thật!”

“Anh/chị ấy à, sau tuổi trung niên mới gặp Đại vận, hậu vận sung sướng an nhàn!”

Người già, mấy ai bảy, tám chục tuổi còn thích xem tướng số. Đã đi quá nửa đời người, số mệnh thế nào, bản thân họ rõ nhất, nếu có xem cũng chỉ xem cho con cháu. Nắm được điểm này, các A Bảo cũng dễ bề “tác nghiệp”. Nếu người trẻ tuổi hoặc trung niên đến xem, chỉ việc nói: “Số anh Tiên vận không được tốt lắm, mệnh phạm Tai sát, phải ngoài 35 hoặc 40 tuổi mới khởi Đại vận, đến khi về già an nhàn tự tại. Thực chất chỉ là đang thi triển hai chiêu Thiên và Long. Người như thế nào mới phải tìm đến bói toán? Đương nhiên, đều là những người thấy vận số mình đen đui, thường gặp tai bay vạ gió, hoặc người đang bị ức chế, áy náy trong lòng

do làm những việc trái với lương tâm. Một người giàu có, quý phái, ăn no mặc ấm, gia đình hòa thuận, thân thể khỏe mạnh, không có điều gì phải thẹn với lòng, hổ với người thì đi xem bói làm gì chứ? Nắm được tâm lý này, A Bảo chỉ việc phết một câu đại loại như: “Gần đây, tâm trạng anh không được tốt, mệnh phạm Tai sát...” đủ khiến người nghe phải gật gù rồi.

Lại xem đến về sau: “Hậu vận sung sướng an nhàn”. Con người ta ai chẳng mong cuối đời được an nhàn, yên ổn. Cho dù lúc trẻ phải chịu bao nhiêu khổ cực, nhưng cuối đời lại được an nhàn, sung sướng thì cũng lấy làm mãn nguyện. Thế nên, khi nghe chính miệng ông thầy bói phán “Hậu vận tốt đẹp” lại không vui mừng được sao? Nhưng, điều ấy có thực hay không lại phải chờ thời gian kiểm chứng. Chờ đến lúc anh tóc bạc răng rụng, nhận ra tất cả chỉ là những lời vớ vẩn, cũng chẳng thể đi đâu tìm ông thầy kia mà đòi co cãi lý? Nếu may mắn tìm được, lão cũng đã gần đất xa trời, thoi thóp chờ chết, lẽ nào anh còn muốn nện cho lão một trận?

“Mệnh anh/chị phạm kiếp đào hoa, nam nữ dạn dĩ mãi không dứt khoát được.”

Đây là thủ đoạn mà các A Bảo thường dùng đối với đám nam thanh nữ tú. Trên đời này, bất kể là nam hay nữ đều có người xấu, người đẹp. Người tốt mã, xinh đẹp ai chẳng thích, chân lý ngàn đời ấy chẳng bao giờ thay đổi! Vừa thấy những thiếu phụ bước vào với vẻ mặt rầu rĩ, ủ dột, A Bảo đã hỏi ngay: “Chị muốn xem gì?”, “Con muốn xem đường nhân duyên!” Các A Bảo liền bảo chị ta thấp ba nén nhang trước mặt thần linh, sau đó nhìn que nhang, rồi phán: “Que nhang cho thấy hai người đàn ông đang đối đầu nhau để theo đuổi một người phụ nữ, chị đang rơi vào một cuộc tranh giành tình cảm!” Thiếu phụ tất nhiên sẽ kinh ngạc thốt lên: “Đúng quá!” Kỳ thực, cứ nghĩ mà xem, xinh đẹp như vậy, không gây bão lòng cho bao người mới là lạ, hơn nữa vừa vào cửa đã muốn xem đường nhân duyên, họa kẻ ngốc nghếch mới không đoán ra!

“Con nhà chị là đồng tử hầu cạnh Vương mẫu nương nương.”

Khẩu quyết này không phổ biến lắm nhưng lại có “độ mê hoặc” rất cao. Nếu cha mẹ đi xem tướng số cho con vì thấy sức khỏe của con không tốt thì phán câu này là “linh nghiệm” nhất. Người ta vẫn nói: “Dâu nhà người ngoan, con nhà mình giỏi”, cha mẹ nào chẳng nghĩ con mình đặc biệt hơn những đứa trẻ khác. Nay lại được nghe, nó vốn con nhà trời, trong lòng không khỏi mừng thầm, chắc phải hợp nhân duyên nào đó mới đầu thai làm người, số mệnh tất không giống với những đứa trẻ bình thường khác, lắm bệnh nhiều nạn cũng là chuyện thường tình. Kỳ thực, A Bảo đã dùng chiêu Thiên, đề cao con cái nhà bạn, đợi cho phòng tuyến tâm lý của bạn lơ là, ngay lập tức sẽ xuất tiếp chiêu Địa-Thiên: “Tai họa này nhất định phải tìm cách hóa giải, nếu không sẽ bị nhà trời bắt về!” Cha mẹ nào nghe thấy vậy mà chẳng hoảng hồn, cuống quýt: “Xin thầy hãy chỉ cách hóa giải.” Lúc này, A Bảo chỉ việc ngồi đó mà phán, mùa mếp sắp đặt mọi việc.

Mấy chục năm nay, vâng lời Tổ Gia “làm một người lương thiện”, hề thấy kẻ nào mượn danh bói toán gạt tiền người ta, tôi đều vạch mặt đuổi đi, cho nên trong cái thị trấn nhỏ bé này của chúng tôi không thấy bóng dáng bọn lừa đảo lảng vảng nữa. Hôm nay, tự dưng mọc đầu ra hai

tên hậu sinh từ đâu đến giờ mảnh khoe, tôi phải dạy cho chúng một bài học mới được.

Lặng im quan sát một hồi, tôi phát hiện hai tên hòa thượng giả này còn có đồng bọn là hai người phụ nữ. Trong đó, một người nằng nặc đòi xem bói, người kia một mực ngăn lại: “Xem cái thứ mê tín dị đoan này làm gì!” Cuối cùng, người phụ nữ kia nói: “Cứ thử xem thế nào, không đúng chị sẽ đi ngay!”

Kết quả thế nào thì ai cũng biết, họ xem đâu đúng đó! Hơn nữa, người phụ nữ ban đầu phản đối giờ cũng sán lại xem, gật gù khen chuẩn xác. Xem xong, họ liền hỏi: “Thưa thầy, chúng con hết bao nhiêu tiền?”

Một trong hai người đàn ông nói: “Thí chủ, chúng tôi là người xuất gia đi hóa duyên, cần tiền làm gì chứ, các chị chỉ cần quyên chút tiền giọt dầu để sau này tu sửa chùa, cũng coi như tích công tích đức rồi.”

“Thật là phúc đức quá. Vậy chúng con phải quyên bao nhiêu ạ?” Hai người phụ nữ kia hỏi.

Người đàn ông còn lại nói: “Tùy hỷ, tùy duyên, có lòng thành là được.” Nói rồi hắn cầm lên một cuốn sổ, mở ra và đưa cho hai người phụ nữ: “Hai vị thí chủ tự mình viết vào đi, quyên góp bao nhiêu thì viết bấy nhiêu, nhớ viết cả tên họ, sau này chúng tôi còn ghi vào sổ công đức.”

Tôi bất giác đưa tay lên che mặt, thầm nghĩ, thủ đoạn này ông mày đã dùng từ mấy chục năm trước rồi, giờ các người vẫn còn dùng sao. Sổ sách thực ra chỉ là một cái trống, tên và số tiền ghi trong đó đều do chúng tự biên tự diễn, giả thành nét chữ của nhiều người khác nhau. Số tiền theo sau mỗi cái tên thường là 50 đồng, 100 đồng, cũng có cả 200 đồng. Trông thì có vẻ như để anh tự nguyện, nhưng nếu đã cầm cuốn sổ trên tay, nhìn những con số trước đó lớn đến vậy, làm sao anh có thể đặt bút viết vào đó con số 5 hào hay 1 đồng được. Con người ta ai chẳng ưa sĩ diện, cũng phải giữ thể diện cho cái bản mặt của mình chứ, đứng trước người ta đều ghi 50 đồng, 100 đồng, 200 đồng, mình ít ra cũng phải viết ra con số 10 đồng, 20 đồng. Thời đó, đồng tiền chưa mất giá, cứ ra phố mà mang theo 10 hay 20 đồng, tiêu tha hồ cũng chẳng hết được, rau hẹ hai hào một cân, cải thảo một hào một cân, cà chua đắt nhất cũng chỉ năm hào một cân.

Tôi thấy một bà lão sau khi xem xong, run rẩy móc từ trong túi ra một chiếc khăn mùi xoa, quay người ra phía sau, lập cập lật mở chiếc khăn, bên trong toàn những đồng lẻ 1 hào, đếm mãi mới được chừng 1 đồng, liền đưa cả cho hai tên kia. Bà nói bà không biết viết, nhờ chúng viết hộ.

Ôi những người dân hiền lành lương thiện, rất dễ bị những trò lừa lọc gian manh bịt kín hai mắt. Tôi không nén nổi tức giận, ăn trộm cũng có nguyên tắc của thằng ăn trộm, A Bảo cũng có quy ước phường hội riêng, chưa đến nỗi vạ bắt bắt dẽ phải xiết cổ người nghèo. Bọn A Bảo thuộc hàng con hàng cháu này khiến tôi không thể nhẫn nhịn nổi nữa.

“Xem cho ta một quẻ.” Tôi chen lên phía trước.

Một tên ngắc đầu nhìn tôi hỏi: “Cụ à, cụ muốn xem cho mình hay xem cho người nhà?”

“Xem cho ta.” Tôi trả lời.

“Cụ muốn xem gì vậy?”

“Xem sức khỏe.”

“Xin cụ cho biết ngày sinh tháng đẻ.”

Tôi nói đại một số Bát tự.

Thằng nhãi kia làm điệu bộ lảm nhảm một hồi rồi phán: “Cụ à, cụ hai năm nay thiên khắc địa xung, sức khỏe không được tốt lắm.”

Tôi cố nhin cười, bao nhiêu năm rồi mà thủ đoạn vẫn vậy, chẳng hề thay đổi. Thấy tôi không nói gì, hấn lại tiếp: “Có phải cụ hay cảm thấy mỏi mệt, đuối sức không vậy?”

“Không, hai năm nay ta vẫn thấy rất khỏe khoắn.” Tôi nói.

Hắn ta sững người: “Vậy sao cụ còn bảo tôi xem sức khỏe làm gì?”

“Bây giờ khỏe mạnh không có nghĩa là sau này cũng vẫn khỏe mạnh, ta muốn biết khi nào ta chết?”

Mọi người xung quanh đều cười phá lên. Thằng nhóc kia bực mình nói: “Cụ à, xem bói phải thành tâm, không đùa cho vui được đâu!”

“Ta rất thành tâm, muốn xem xem khi nào mình chết, còn biết đường mà chuẩn bị.” Tôi nói.

Hắn nghe thấy thế liền nói ngay: “Thưa cụ, trông tướng mặt cụ, cung Tử tức mờ tối. Tôi thấy, con cái cụ không được ngoan ngoãn, chúng bất hiếu, thường khiến cụ phải buồn tủi.”

Tôi thở dài đánh thượt một cái: “Hầy dà!”

Hắn tưởng mình đã nói trúng, liền phán tiếp: “Cụ ơi, không phải buồn phiền vậy, chúng tôi có thể hóa giải giúp được.”

“Hóa cái gì mà hóa. Chính vì con cái ta rất hiếu thuận, nên ta mới muốn biết khi nào mình chết, ta chết rồi thì chúng không phải chịu cực nhọc nữa.”

Cái mũi của thằng nhãi ranh đã vẹo hẳn sang một bên, nó nháy mắt với tên đứng bên cạnh, gã

này nói: “Thưa cụ, trường hợp của cụ rất hiếm gặp, chúng ta lại đằng kia nói chuyện đi.”

Hắn ta kéo tôi đến một góc vắng người, lạnh lùng nói: “Lão đến không phải để xem bói.”

“Các anh cũng không phải thầy tướng số.” Tôi nói.

“Hai huynh đệ chúng tôi đi hóa duyên tới đây, chỉ muốn kiếm chút đỉnh giết theo người, không biết có chỗ nào đặc tội với tiên sinh?”

“Không phải hai, mà là bốn.”

Hắn ngó người: “Rốt cuộc lão muốn gì?” Nói đoạn, tay phải luôn ra phía sau lưng.

Tôi biết, bọn A Bảo đi đánh lẻ ở những địa bàn khác đều mang theo vũ khí, liền nói: “Nghiêm đả phong” vừa mới thổi qua, không phải anh muốn vào trong đó tiếp đây chứ? Chỉ riêng cái tội lừa đảo cũng đủ lãnh mấy năm rồi, cộng thêm tội cố ý gây thương tích nữa, anh muốn chết đây phỏng?”

Hắn lại đứng ngây người ra, tôi nhìn chăm chăm vào mắt hắn. Một lúc sau, hắn cười cười, chấp tay: “Tiền bối! Lần đầu đến đây làm ăn, bọn tiểu nhân có chỗ nào không được chu đáo xin hãy thứ lỗi, số tiền này chúng ta chia đôi, mong tiền bối đừng quở trách!”

Tôi cũng cười: “Đã nhận ra ta là tiền bối, anh cũng tỉnh đời đấy!”

Hắn vội vàng khom lưng, nói: “Phong tử đỉnh thủy hà thượng phiêu, huân chủ khai nguyệt đầu nhất đao. Tại hạ bát thập ngũ niên tiểu Cử nhân, cảm vấn Đại sư bá?”

Đây đều là tiếng lóng. Phong tử có nghĩa là con ngựa, huân chủ nghĩa là con chó, Cử nhân và Đại sư bá đều là đẳng cấp và vai vế của A Bảo. Ý nói, bọn chúng là đám A Bảo lén đi kiếm ăn, hôm nay lần đầu tiên hành nghề ở đây, hắn được xếp vào hàng Cử nhân trong đám A Bảo vào năm 1985, muốn biết tôi vai vế thế nào.

Tôi nói: “Cung chủ bắt hạ đản, biển chủ lão vát oa, tại hạ ngũ thập niên khôi tài Bảng nhãn.”

Những lời tôi vừa nói cũng đều là tiếng lóng: cung chủ chỉ con ngỗng, biển chủ chỉ con vịt. Ý tôi muốn bảo, tôi được đề bạt vượt cấp lên hàng Bảng nhãn năm 1950 nhưng đã rút khỏi giang hồ từ lâu.

Danh hiệu này không phải hạng xoàng, khiến tên tiểu tử quỳ sụp ngay xuống: “Đại sư bá tại thượng, xin hãy nhận của tiểu nhân một lạy.”

Sau đó, hắn lại gọi cả ba người kia đến, nói: “Hôm nay làm thế thôi, có tiền bối ở đây.”

Bọn họ thu dọn đồ nghề xong, năm người chúng tôi đi tới một quán ăn nhỏ.

Sau vài chén rượu chào hỏi, đồ ăn đã được dọn ra, chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Thực chất, bọn họ là hai cặp vợ chồng, hành nghề đã được vài năm. Họ nói, mấy năm nay “phong trào trừng trị mạnh tay” quá ngặt nghèo, việc làm ăn cũng khó khăn hơn.

“Khó thì đừng làm nữa, cố mà làm gì!” Tôi nói.

Một người phụ nữ nói: “Sao Đại sư bá lại nói vậy? Trước đây, chẳng phải cụ cũng từng làm việc này rồi đây sao?”

“Đúng, thời đó còn khổ hơn ấy chứ, chính vì ta đã đi trên đoạn đường này, cho nên mới khuyên các người đừng đi tiếp nữa.”

“Đại sư bá, con muốn nói câu có hơi bất kính, xin cụ lượng thứ cho.” Người phụ nữ ấy nói.

“Người một nhà, cứ nói đi!”

Người phụ nữ quay sang nhìn mấy người kia, rồi nói: “Mấy năm đó, chắc người đã tích góp được ít nhiều, có lẽ đã đủ sống nên mới có thể buông tay. Khi nào chúng con được như Đại sư bá rồi, chúng con cũng sẽ rửa tay gác kiếm.”

Tôi nhấp một ngụm rượu, thở dài: “Ta biết thế nào chị cũng sẽ nói như vậy. Để ta kể lại những việc mình đã trải qua cho các người nghe vậy.”

Thế là, tôi kể chuyện mình bắt đầu trở thành A Bảo vào năm 1948 như thế nào, chúng tôi đã lừa đảo, dàn cục, bị lộ cục ra làm sao; tôi kể cả về cái chết của Tổ Gia, của các vị Bá đầu, rồi đến gần đây nhất là việc của Tặc Miêu... Khi quá xúc động, tôi không ngăn nổi những giọt nước mắt.

Cuối cùng tôi nói: “Các người chỉ nhìn thấy niềm hả hê của đám A Bảo khi kiếm được tiền, sung sướng lúc tiêu tiền, nhưng không một ai muốn đổi mặt với cái kết cục bi thảm cả, đau xót lắm, đau xót lắm.”

Cả bốn người chìm trong im lặng. Tôi tin, con người ta bản tính vốn lương thiện, không ai sinh ra đã muốn trở thành người xấu, bề khổ vô biên, quay đầu là bờ, chỉ cần muốn quay đầu lại, chắc chắn có thể lên được bờ.

Đột nhiên, người đàn ông cầm đầu nói: “Đại sư bá, vừa nãy người có nhắc đến Tổ Gia, liệu có phải là chương môn Đông phái năm xưa đã thống nhất phái Giang Tương hay không?”

“Đúng vậy. Ông ấy bị kết án tử hình năm 1952.” Tôi trả lời.

Anh ta nhìn ba người còn lại, bọn họ lại đưa mắt nhìn nhau, trông có vẻ do dự.

Tôi không hiểu, hình như họ định nói gì đó nhưng lại không dám nói ra.

Tôi bật cười: “Có gì cứ nói, ta biết điều gì sẽ nói cho các người hay.”

Anh ta lại nhìn ba người kia, cúi đầu ngẫm nghĩ giây lát, rồi nói thật khê: “Tổ Gia chưa chết!”

“Hà?!” Huyết áp trong người tôi bỗng tăng vọt.

Trông thấy bộ dạng kinh ngạc của tôi, anh ta liền lôi ra một tấm ảnh trong túi áo đưa cho tôi. Trong ảnh là một ông già đang chấp tay sau lưng đi dạo trong cảnh chiều thu, nhìn kỹ hơn một chút nữa, than ôi! Tim tôi như ngừng đập, toàn thân run lên. Mặc dù chụp nghiêng, nhưng tôi nhận ra rõ ràng, đó chính là: Tổ Gia!

Tôi choáng váng, những tưởng Tổ Gia đã khuất núi bao năm rồi, ân ân oán oán của phái Giang Tướng cũng dần phai nhạt trong ký ức. Giờ tôi cũng đã già, chỉ mong được nhắm mắt xuôi tay trong yên bình. Nào ngờ, khi những ngày tháng cuối cùng của thế kỷ 20 sắp khép lại, có nhiều việc xảy đến như vậy. Đầu tiên là việc Tứ Bá đầu cho biết Hoàng Pháp Dung chưa chết, ngay sau đó Tổ Gia – một người liên quan mật thiết đến cả cuộc đời tôi – lại đột nhiên xuất hiện, phái Giang Tướng mà tôi không thể dứt ra được, lẽ nào số kiếp của nó vẫn chưa đoạn?

Mắt trái tôi lại bắt đầu giật.

Tôi hít một hơi thật sâu, cố gắng bình tĩnh hỏi: “Chuyện là thế nào?”

Người đàn ông vừa rồi nhìn quanh rồi khê nói: “Long cung hoạch thập tử, ma đầu tâm lão thương. Đậu nhi nha nhi xuất, lão không lão khoan vô.”

Tôi giật thót mình. Long cung có nghĩa là nước; hoạch thập tử nghĩa là đôi đũa, ám chỉ việc đẩy mái chèo, đáp thuyền; ma đầu nghĩa là mẫu thân, ngầm chỉ nữ chương môn; lão thương là người cha, ngầm chỉ nam chương môn; đậu nhi chỉ nữ A Bảo, nha nhi chỉ nam A Bảo; lão không lão khoan là chỉ đối thủ, thế lực đối địch. Mấy câu này có nghĩa là: nữ chương môn đáp thuyền từ hải ngoại quay về, muốn tìm nam chương môn, đồng thời muốn tổ chức tập hợp các A Bảo đang tản mát ở các nơi để tái xuất giang hồ.

Người kia nói tiếp: “Sur bá không biết đây thôi, mục đích thật sự của việc bọn con ra ngoài ‘bắt gà’, hoàn toàn không phải để ôm tiền về, mà là muốn tìm kiếm, tập hợp lại các huynh đệ đang thất tán khắp các xó xỉnh...”

Tôi ngẩn người ra.

Tổ Gia từng nói: “Là A Bảo, bất cứ lúc nào cũng phải hết sức thận trọng.” Tôi bắt đầu xâu chuỗi lại mọi việc. Đằng sau những thứ rối rắm, phức tạp luôn có manh mối, chỉ có điều tôi vẫn chưa chạm tới được nó, chỉ láng máng nhận ra rằng, tất cả những việc này rất có thể liên

quan đến cái chết của Tứ Bá đầu. Nhưng dù thế nào, nếu quả thật Tổ Gia vẫn còn sống, đối với tôi mà nói là chuyện quá đổi vui mừng. Mấy chục năm nay, không biết bao nhiêu lần tôi đã mơ thấy ông, mơ thấy nụ cười hiền từ như của một người cha ấy.

Bỗng nhiên, tôi nghĩ đến Hoàng Pháp Dung. Hình ảnh người vợ trước của Tứ Bá đầu rất mơ hồ trong ký ức. Khi vào Đường khẩu, bà ấy đã “chết” từ lâu, câu chuyện về bà đều do Nhị Bá đầu kể lại.

Đang mãi nghĩ ngợi, mắt trái tôi lại giật liên hồi khiến lòng bồn chồn khó hiểu. Tôi đưa tay lên giữ mí mắt, nhưng nó vẫn giật không ngừng.

Lúc này, từ ngoài cửa, một người phụ nữ đi vào, dáng người cao ráo, khoác chiếc áo choàng lông lấy, đeo kính râm, tôi đoán bà ta chỉ chừng 40 tuổi. Những năm 90, kiểu cách ăn mặc, trang điểm như vậy rất hiếm thấy ở thành phố chúng tôi.

Bốn A Bảo vừa trông thấy người phụ nữ này đều sợ xanh mặt, còn vội vàng quỳ sụp xuống: “Chúng con không biết sư phụ đến...”

Bà ta lườm bọn họ một cái rồi nói nhỏ một câu: “Còn không mau cuốn xéo!”

Bốn người kia lập tức thu dọn đồ đạc chuồn mất.

Bà ta quay người lại nói với tôi: “Ngũ gia đây à?”

Tôi rùng mình, tiếng gọi “Ngũ gia” sao nặng nề đến vậy.

“Chị là...?” Tôi ngờ ngợ hỏi, mí mắt lại giật rất mạnh.

Bà ta gỡ cặp kính ra, im lặng một hồi, sau đó nhìn thẳng vào mắt tôi, bình thản nói: “Tôi có thể đến nhà Ngũ gia cùng chuyện trò được không?”

“Ừm... được...” Đầu óc tôi quay cuồng.

Căn phòng im ắng khác thường, vợ tôi pha một tách trà, bà ta chậm chậm đón lấy. Cả ba chúng tôi không ai lên tiếng, bầu không khí dường như đặc quánh lại.

Cuối cùng người phụ nữ cũng lên tiếng trước. Theo lời kể đầy bi ai, tôi mới biết bà là ai, có liên quan thế nào tới phái Giang Tướng. Dòng suy nghĩ của tôi chạy thẳng về những năm tháng xa xưa. Cảnh tượng bến Thượng Hải gió giục mây vần của những năm 1930, Tổ Gia thời trai trẻ, Giang Phi Yến si tình, thiên tài Tứ Bá đầu, Hoàng Pháp Dung bạc mệnh, đứng giữa trời đất, bao nhiêu anh hùng một thời... Mỗi khi kể đến những chuyện cảm động đau lòng, ba người chúng tôi đều rớt nước mắt, ân ân oán oán giữa Tổ Gia, Tứ Bá đầu và Hoàng Pháp Dung lần đầu tiên hiện rõ mồn một trước mắt...

KIỀU NGŨ MUỘI LÀ AI?

Năm xưa, Tổ Gia sau nhiều lần vào sinh ra tử đã được kế thừa chiếc ghế chương môn Đông phái Mộc Tử Liên. Với con mắt nhạy bén, ông nhận thấy thời thế đã đổi thay, thuật Trát phi không còn hữu dụng trong thời đại này nữa. Lấy tư duy từ thời Khang – Càn đi lừa gạt dân thời Dân Quốc, chẳng những bị người ta nện cho mà không khéo còn mất cả mạng nữa. “Cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu”, Tổ Gia bắt đầu nghĩ đến việc phải đổi mới kế sách.

Chính vào lúc sống còn này, Nam phái Việt Hải Đường lại xảy ra chuyện. Chương môn Nam phái – Kiều Ngũ Muội chết, thọ 58 tuổi. Nhà họ Nam Việt cai quản Việt Hải Đường từ năm Quang Tự thứ 28 này từng sống qua ba triều đại: Quang Tự, Tuyên Thống và Dân Quốc, cuối cùng đột ngột ra đi.

Kiều Ngũ Muội không phải người tầm thường, xuất thân nhà nòi đã giúp bà tung hoành trên mảnh đất Nam Việt bao nhiêu năm nay. Cả gia tộc bà đều là những bậc kỳ tài, rất giỏi thiên văn; bản lĩnh thi công tác pháp, hô mưa gọi gió của bà rất thần kỳ. Khi còn trẻ, Kiều Ngũ Muội cũng từng nghĩ đến việc lấy chồng sinh con, an cư lạc nghiệp, song chỉ vì sự hồ đồ nhất thời mới lầm đường lạc lối, suốt đời không thể rút chân ra được. Mọi chuyện đều bắt đầu từ ông nội bà – Kiều Thừa Nhân.

Kiều Thừa Nhân từng giữ chức Giám phó Khâm thiên giám triều Đại Thanh. Khâm thiên giám chính là Đài thiên văn quốc gia thời xưa của Trung Quốc, chuyên chịu trách nhiệm quan sát thiên tượng, tính tiết khí, làm ra lịch pháp. Chức quan được lập ra để trông coi Khâm thiên giám có Giám chính và Giám phó. Giám chính tương đương với chức Đài trưởng Đài thiên văn quốc gia, Giám phó chính là Đài phó.

Một lần, trong quá trình tính toán làm lịch pháp, Kiều Giám phó đã tính nhầm, khiến vua Hàm Phong lỡ mất thời khắc ngắm nguyệt thực đẹp nhất trong lần tuần du tới bãi săn Mộc Lan. Bản thân vua Hàm Phong không thấy việc này có gì to tát, nhưng Từ Hi – khi đó là Ý Phi – lại muốn nhân đó giương uy, liền cho bắt giam Kiều Giám phó, đồng thời phế mọi chức tước, giáng tất cả các quan lại liên can đến việc này xuống làm dân thường.

Về sau mới biết, đây không phải là lỗi của Kiều Giám phó, mà do chính Từ Hi cố ý làm sai lịch lịch pháp, khiến vua Hàm Phong bị lỡ ngày đẹp, hòng bắt giam Kiều Giám phó tội khi quân.

Tại sao Từ Hi lại muốn bắt giam Kiều Giám phó?

Vua Hàm Phong cơ thể ốm yếu, lại đam mê tử sắc, không ngó ngàng gì đến triều chính, còn Từ Hi vốn sẵn mưu tính trong lòng, dã tâm sôi sục. Bà ta biết rõ, Hàm Phong chẳng còn sống được bao lâu nữa. Khi đó, trong nước nổi lên cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc, bên ngoài lại có liên quân Anh – Pháp nhảy vào xâm lược, giang sơn Đại Thanh sớm muộn cũng sẽ rơi vào tay chúng!

Đêm khuya, Từ Hi bí mật gặp Kiều Giám phó.

“Ý Quý phi minh xét, lão thần không tính sai, thần không biết tại sao vạn tuế gia lại đến nhằm giờ?” Kiều Giám phó vẫn không hay biết chuyện đó là do bà ta ngầm giở trò.

Từ Hi nhếch miệng cười, gọi cai ngục đến, tháo gông cho Kiều Giám phó.

“Đã để Giám phó phải chịu âm ức rồi.”

Kiều Giám phó không hiểu ý của bà ta.

Sau khi đuổi hết bọn người hầu ra ngoài, bà ta nhìn Kiều Giám phó rất lâu, nói: “Kiều Giám phó thông hiểu thiên tượng, lịch pháp, hẳn là biết chuyện trên trời cho thấy dấu hiệu ám chỉ quân vương đổi ngôi. Theo khanh, trong năm nay và năm tới đây liệu có chuyện thay đổi nhà vua không?”

Kiều Giám phó vừa nghe thấy thế, sợ hãi quỳ sụp xuống: “Thần không dám, thần không dám. Hoàng thượng văn võ toàn tài, giang sơn Đại Thanh bền vững ngàn đời!”

Từ Hi cười nhạt: “Ta nghe nói, trước khi Võ Mị nương xưng đế, trời giáng điềm báo tốt lành. Nay bao nhiêu quan viên trong Khâm thiên giám đều nói Chủ tinh (sao chính) trong thập tinh mờ tối, còn Kim tinh lại sáng lung linh, chắc Kiều Giám phó cũng thấy vậy chứ?! Ta mong khanh nhân đây viết một bài, đợi mai này việc lớn thành, hãy mang ra đọc cho toàn dân trong thiên hạ được rõ, nói đây là ý trời.”

Kiều Giám phó run lập cập nghĩ thầm: Ý Quý phi muốn xưng đế?

Kiều Giám phó nói: “Bẩm Quý phi, nhà họ Kiều thần, từ thời Gia Khánh, đã ba đời làm quan, đời đời hưởng bổng lộc của triều đình, phàm làm việc gì cũng cẩn thận tỉ mỉ, thần tuyệt đối không dám nói xằng nói bậy. Quả thật, thần không hề trông thấy có hiện tượng Chủ tinh mờ tối!”

Nghe thấy vậy, Từ Hi cười lạnh tanh, quay ngoắt đi.

Kiều Giám phó tự biết mình không còn nhiều thì giờ nữa, liền viết ngay một bức di thư. Quan cai ngục biết rõ ông là bậc trung thần ái quốc, rất mực thanh liêm, đã liều chết mang bức thư giao tận tay người nhà ông. Trong thư, Kiều Giám phó nói: “Mạng cha chẳng giữ được bao lâu! Con cháu đời sau cần phải biết việc làm trung nghĩa của cha ông! Từ nay về sau, con cháu nhà họ Kiều không được vào triều làm quan! Các con phải khắc ghi lời cha, dặn dò con cháu!”

Hai ngày sau, Kiều Giám phó nuốt định tự vẫn.

Mười bốn năm sau, Kiều Ngũ Muội chào đời. Lớn lên, đọc di thư của ông nội để lại, bà mới

biết ông nội mình đã chết thế nào, mới hiểu rõ nguyên do tại sao phụ thân không cho phép mấy người anh của bà lập công danh bằng con đường khoa cử.

Sau cuộc chiến Giáp Ngọ, thế lực triều đình Mãn Thanh suy yếu trầm trọng. Kiều Ngũ Muội vô cùng nhay bén, nhận thấy ngày diệt vong của nhà Đại Thanh chẳng còn bao xa, bà muốn cầm một cọng rơm lên trên lưng con lạc đà đang cận kề cái chết. Đại Thanh mất, nhà họ Kiều mới được rửa sạch án oan, ông nội bà mới có thể ngậm cười nơi chín suối.

Ngay từ những ngày đầu của phong trào Nghĩa Hòa Đoàn, Kiều Ngũ Muội đã giấu cha lén tham gia một tổ chức phụ nữ có tên Hồng Đăng Chiếu của Nghĩa Hòa Đoàn. Nghĩa Hòa Đoàn chia thành hai phe: một phe là Quan đoàn, một phe là Dã đoàn. Dã đoàn chủ trương phản Thanh, Quan đoàn giúp nhà Thanh, Kiều Ngũ Muội đã gia nhập Dã đoàn.

Về sau, thế lực lớn mạnh dần, quân Nghĩa Hòa Đoàn ở khắp nơi trên cả nước hợp nhất với nhau, Kiều Ngũ Muội quen biết một người đàn ông 45 tuổi có tên là Trương Đan Thành, khi đó đang giả làm thuật sĩ, đảm nhận chức Tổng đàn Hộ pháp phái Chu Hồng Đăng. Bài Bế hỏa phân sa chú của Nghĩa Hòa Đoàn chính là do Trương Đan Thành viết, chú rằng: “Đệ tử tại hồng trần, bế trú thương pháo môn, thương pháo nhất tề hưởng, sa tử lưỡng biên phân.”

Câu thần chú này giúp chống lại đạn pháo. Khi xung phong vào trận địa, chỉ cần niệm câu chú, đạn pháo mà kẻ thù bắn về phía mình sẽ vỡ tan thành cát, rơi rào rào xuống, không còn sức sát thương nữa.

Ngày nay, thần chú bị coi là rất ấu trĩ, nhưng vào thời đó lại trở thành yếu quyết hộ mệnh của dân chúng.

Sau vài lần tiếp xúc với Kiều Ngũ Muội, Trương Đan Thành bất ngờ phát hiện ra cô gái mới 20 tuổi này rất tinh thông thiên văn. Ông ta không hề hay biết Kiều Ngũ Muội xuất thân con nhà nòi, ba đời chuyên tâm nghiên cứu thiên văn. Trương Đan Thành có ý thu nạp bà trở thành môn sinh của phái Giang Tướng.

Về sau, Nghĩa Hòa Đoàn liên tục bị chính phủ nhà Thanh chiêu an, bà dần mất lòng tin vào tổ chức này. Chính vào giờ phút quan trọng ấy, hiểu thấu tâm tư của Kiều Ngũ Muội, Trương Đan Thành liền nói ra ý định của mình. Lúc này, Kiều Ngũ Muội mới biết sau lưng Trương Đan Thành còn có một tổ chức gọi là “phái Giang Tướng”, hơn nữa từ trước tới nay đều hoạt động theo tôn chỉ phản Thanh phục minh. Thế là hai người họ cùng bắt tay với nhau và ngày càng gắn bó mật thiết.

Vào thời kỳ Nghĩa Hòa Đoàn đang hưng thịnh, trong nhà của nhiều vị Vương gia, Bối lạc, A ca nhà Thanh đều lập đàn làm phép. Kiều Ngũ Muội và Trương Đan Thành lấy danh nghĩa Nghĩa Hòa Đoàn, thả sức thi triển các trò lừa đảo.

Khi đó, trong Tứ đại Đường khẩu Bắc Nam Đông Tây, Đường khẩu của Trương Đan Thành

mạnh nhất. Thấy các nữ A Bảo của Nam phái Việt Hải Đường ngày một yếu kém, ông ta đã dùng kế hợp ngang chia dọc, liên kết với Khang Thiếu Hoa của Bắc phái và Đoàn Kim Sơn của Tây phái, đưa Kiều Ngũ Muội ngồi vào chiếc ghế chương môn Việt Hải Đường.

Về sau, khi Trương Đan Thành và Kiều Ngũ Muội cùng phối hợp dàn cục, lừa một vị Bối lạc trong cung nhà Thanh, nào ngờ lại có kẻ bán đứng. Trương Đan Thành bị biến thành “thái giám”, còn Kiều Ngũ Muội sau khi bị mấy tên Lính nhà Thanh làm nhục, còn bị đổ “thị đế phẩn”, gây tổn thương nghiêm trọng, không thể sinh con được nữa.

Sau sự việc đó, mỗi khi nhắc đến chuyện này, Trương Đan Thành lại thấy hổ thẹn vô cùng. Đó là việc khiến ông ta day dứt cả đời, không sao nguôi ngoai được.

Sau khi nhà Thanh diệt vong, Trương Đan Thành nhiều lần đến xin được gặp Kiều Ngũ Muội nhưng bà dứt khoát không chịu gặp, không biết bà yêu hay hận kẻ đã kéo mình vào phái Giang Tướng.

Bao nhiêu năm nay, đằng sau dáng vẻ nghiêm nghị bên ngoài, Kiều Ngũ Muội chôn chặt trong lòng nỗi đau và sự tủi hận vô cùng vô tận. Chuyện lấy chồng sinh con, an hưởng niềm vui bình thường chốn nhân gian đối với bà đã trở thành bất khả. Bà dồn hết tâm sức chăm lo cho Việt Hải Đường tận đến lúc chết.

Đêm đó, Kiều Ngũ Muội đột tử vì bệnh tim khi đang ngủ. Lúc ăn tối, bà vẫn còn rất khỏe mạnh, khi lên giường đi ngủ chừng một canh giờ, bà bỗng thấy ngực đau nhói, gắng gượng ngồi dậy. A hoàn rót cho bà một cốc nước, bà uống một ngụm thì bị sặc. Lần này, cơn đau dữ dội hơn nhiều, mồ hôi túa ra, ướt cả chăn đệm, bà ra khỏi chăn, đứng ngồi không yên. A hoàn trông nom đêm đó sợ hãi, hốt hoảng chạy đi tìm Giang Phi Yến. Một a hoàn khác ôm lấy bà trong khi bà bóp chặt lấy ngực. Cuối cùng, bà đau đến nỗi không thể đứng lên được, tay cào mạnh lên tường, kêu lên vài tiếng đau đớn thảm thiết, người ưỡn thẳng lên, chết trong lòng cô a hoàn ấy.

Trước khi chết hình như ai cũng có điềm báo trước. Đêm giao thừa, Kiều Ngũ Muội đã đánh vỡ một cái bát, theo người xưa đó là điềm xấu. Sau khi khai xuân, bà lấy năm mươi cọng cỏ thi, rồi bói cho mình một quẻ theo Đại diện phê pháp, kết quả bói ra quẻ Phũ trong số 64 quẻ, là quẻ đại hung, khiến bà càng thêm phiền muộn, buồn bực trong lòng. Giang Phi Yến an ủi: “Hết cơn bĩ cực đến hồi thái lai, sự phụ chẳng mấy chốc sẽ gặp được vận may thôi!” Nào ngờ chưa được vài tháng, bà đã ra đi.

Đợi khi mọi người chạy đến nơi thì người bà đã lạnh ngắt từ bao giờ. Giang Phi Yến sai đám a hoàn đi lấy ngay áo liệm, kỳ thực trong lòng biết là đã muộn, lẽ ra phải mặc áo liệm trước lúc bà ấy tắt thở. Người xưa cho rằng, khi người ta chết, linh hồn đã thoát ra qua lỗ khướu thì có mặc gì cũng vô tác dụng nữa, chết trong tình trạng nào, xuống dưới cõi âm sẽ làm ma trong bộ dạng đó.

Kiều Ngũ Muội thường ngày ăn mặc lộng lẫy, đeo đầy vàng bạc kim ngân, lúc chết lại chẳng đeo thứ gì. Bà sẽ phải mang bộ dạng đó đến chốn âm tào địa phủ lạnh lẽo, đợi nghe những lời phán xét đáng sợ của Diêm Vương. Một người từng vẽ bùa niệm chú cho vô số người, cầu giúp linh hồn bao kẻ được siêu thoát, có năm mơ cũng không ngờ được rằng mình lại chết tức tưởi đến vậy.

Giang Phi Yến nắm tay Kiều Ngũ Muội, nước mắt lã chã rơi, lòng đau đớn vô cùng. Và hơn hết, một sự việc còn nghiêm trọng hơn đang hiển hiện ra trước mắt.

ĐẠI PHÁP DỤ CÁ

Trước đó một tháng, trên bãi biển Châu Giang Khẩu.

Về mặt đám ngư dân ai nấy đều bơ phờ vì cái nắng gay gắt. Lúc này, cho dù người đi mót hải sản trên bờ khi thủy triều rút, hay người đi biển, đều chẳng thu được gì.

Thời đó, người ta chưa biết đến sự thay đổi của dòng hải lưu sẽ khiến lũ cá chạy đi hết. Dòng đối lưu giữa đại dương có thể làm thay đổi nhiệt độ và mức độ ô nhiễm trên một vùng biển, dẫn đến số lượng các loài cá cũng sẽ thay đổi theo. Cho nên, đánh bắt cá có mùa rộ lên, cũng có mùa không thu hoạch được mấy. Năm nay gặp phải mùa thất bát lớn, suốt mấy tháng liền, lần nào ngư dân cũng phải trở về tay không.

Gió biển diu diu, đám trẻ con nô đùa trên bãi biển, chúng đâu biết nỗi âu lo của người lớn, cứ vừa chạy vừa hát:

Thiên khuynh Tây Bắc,

Địa hãm Đông Nam.

Bất tín tiên cô,

Hải khô hà can.

Đám ngư dân ngạc nhiên ngơ ngác hỏi: “A Đệ, lại đây, ai dạy con hát thế?”

Chưa dứt lời, một thằng bé liền chỉ về phía sau lưng đám ngư dân, khiến họ thi nhau quay đầu lại nhìn, thì ra Tiên cô Tuệ Từ giá đáo.

Ở Nam Việt, thân phận của Kiều Ngũ Muội là “Tiên cô Tuệ Từ” – một đạo nhân gia tu phái Thanh Nhất trên núi Mao Sơn. Từ thời mạt Thanh đến nay, bà đã nhiều lần lập đàn cầu mưa ở khắp Quảng Châu, Quảng Tây, đều rất ứng nghiệm. Tri phủ Quảng Châu còn đích thân đề lên bức hoành dòng chữ: “Đạo pháp cao thâm, tế thể muôn dân, muôn dân hữu tình, công đức vô lượng.”

Cách bờ biển không xa có một cây đa cổ thụ, cành lá xum xuê, những tán cây mọc xiên xòe ra bốn phía dài đến mấy chục mét, toàn bộ thân cây trông giống như một khu rừng thu nhỏ.

Kiều Ngũ Muội đi đến dưới gốc đa, mắc hai dải lụa màu đỏ vàng lên cây, những người đi theo lại đặt hương án dưới gốc cây. Kiều Ngũ Muội châm ba nén nhang khấn.

Sau đó, bà nói với đám ngư dân: “Cây này đã bị thần biển chiếm giữ, các người từ lâu không làm việc thiện, khiến thần biển nổi giận, thu lại hết cá tôm, để tỏ thiên uy đấy!”

Đám ngư dân thi nhau nói: “Xin Tiên cô hãy giúp cho.”

Kiều Ngũ Muội nói: “Không ai giúp được cả, chỉ các người mới có thể tự cứu được mình. Các người hãy quyên góp tiền xây một miếu thờ thần biển, rồi ngày ngày cúng bái, nhang khói liên tục mới được bốn mùa bình an.”

Nói xong, bà quay người bỏ đi.

Đám ngư dân chỉ còn biết ngăn người nhìn hương án dưới gốc đa và cả cái hòm công đức đặt bên cạnh.

Lúc này, một A Bảo đóng vai người tốt bụng đi tới, nói: “Tiên cô Tuệ Từ xưa nay chưa từng nói sai, mấy tháng nay các người đều tay trắng trở về, chẳng bằng cứ thử làm theo lời Tiên cô, ta xin được quyên góp trước cho mọi người một ít.”

Nói đoạn, cô ta ném mấy đồng bạc trắng và mấy đồng xu vào trong hòm công đức, lại giúp viết tên của mấy ngư dân lên quyển sổ công đức.

“Ai quyên tiền thì người ấy được hưởng, tên của mấy người đã được thần biển ghi nhớ rồi, ngày mai canh năm khi mặt trời ló rạng trên biển, chắc chắn sẽ đánh được cá.” Nữ A Bảo nói.

Canh năm hôm sau, mấy ngư dân nọ bán tín bán nghi đi biển.

Họ chèo thuyền, gió biển táp vào mặt, ngọn đèn trên những ghe thuyền chập chờn lúc ẩn lúc hiện. Đám ngư dân vừa chèo thuyền tới chỗ nước sâu chừng mấy chục mét, liền trông thấy một vầng sáng lấp loá dày đặc đang nổi trên mặt biển. Bọn họ tưởng mình bị hoa mắt, liền lấy tay dụi lấy dụi để, rồi chèo thuyền đến gần hơn nữa, thì phát hiện ra đó chính là cá. Bao nhiêu cá đang nổi trên mặt nước, những cái bụng trắng lật ngửa phản chiếu dưới ánh trăng bàng bạc.

Đám ngư dân sửng sốt, vội vàng quăng lưới. Thực ra họ cũng chẳng cần quăng lưới, chỉ cần cứ thế lấy vớt vớt lên là được. Mới đầu, họ còn tưởng đám cá ngửa bụng đã chết, đến khi vớt lên mới thấy chúng vẫn quẫy đành đạch. Đám ngư dân hò hời, vội vàng dập đầu vái lạy về phía biển xanh xa thăm thẳm.

Sau khi trời sáng, sự việc này được loan truyền khắp xóm chài, bãi biển trở nên ồn ào, tấp

nập. Mấy ngư dân xách từng giỏ đựng những con cá to tướng đi thẳng lên bờ, mừng rỡ cười tít cả mắt. Những người xung quanh trông thấy vậy cứ ngẩn người ra.

Sau đó, rất nhiều ngư dân khác cũng bắt đầu chạy bỏ đi quên góp tiền. Chẳng mấy chốc hòm công đức đã đầy, về sau còn phải đặt thêm mấy chiếc hòm, chiếc nào chiếc nấy đều đầy ứ ứ.

Lúc này, tên lính giữ gìn trật tự ở địa phương đã được Kiều Ngũ Muội móc nối liền ra mặt. Hắn nói: thần biển đã chiếm giữ cổ thụ này, nhân dân nên xây miếu thờ Ngài cạnh cây này. Thế là một ngôi miếu nhỏ được dựng lên.

Sự việc này làm náo động khắp vùng Nam Việt, khiến cho các hội đạo môn năm tỉnh phía Nam lũ lượt kéo đến thăm hỏi, mong sao Kiều Ngũ Muội tiết lộ đôi điều. Nhưng bà chỉ cười không hé nửa lời.

Đây là bí mật được lưu truyền từ thời Võ Tắc Thiên nhà Đường.

Năm 684, Võ Tắc Thiên khua chiêng gióng trống chuẩn bị để xưng đế. Người xưa mỗi khi định làm việc lớn, trước tiên phải tạo thanh thế, làm như ý trời đã quyết. Trần Thắng, Ngô Quảng trước khi nổi dậy đã bày trò nhét vào bụng cá mảnh lụa có viết dòng chữ: “Đại Sở hưng, Trần Thắng vương”; Trương Giác trước khi khởi nghĩa cũng hô hào khẩu hiệu: “Trời xanh đương chết, trời vàng lên thay”; Lưu Bị trước khi xưng đế, cũng phao tin: “Phía Tây Nam, hoàng khí bốc cao đến mấy trượng, Thiên tử tất xuất hiện từ phương ấy”. Những bậc kỳ tài có sở trường mưu tính sách lược như Võ Mị Nương tất biết rõ huyền cơ bên trong, vì thế đầu tiên bà ta cho đổi Đông Đô Lạc Dương thành Thần Đô, lại mời các vị thần tiên khắp nơi đến làm phép, tự dựng lên diềm báo tốt lành. Để lấy lòng Võ Tắc Thiên, đại sư phong thủy Lý Thuần Phong đã làm phép trong hồ tắm Mẫu Đơn của Võ Tắc Thiên, khi bà ta thoát y xuống tắm, chân ngọc vừa chạm xuống nước, lũ cá xung quanh thi nhau bơi đến, vây quanh ngón chân bà ta hết như cảnh tượng “bách điều triều phụng”, khiến cho đám cung nữ kinh ngạc thốt lên: “Diềm lành! Diềm lành!”

Thứ phép thuật này – bắt nguồn từ nước Ma Yết Đà ở miền trung Thiên Trúc, được truyền tới Trung Quốc vào thời kỳ Hiên Khánh nhà Đường – có thể khiến cho lũ cá trong phạm vi mấy chục hải lý cùng tụ tập lại với nhau, ngay cả thần không biết quỷ cũng chẳng hay. Phương pháp cổ xưa này được ghi chép lại như sau: “Thanh xác đàn ngũ mai, vu hạc phiên tâm thất nhật, cô nhục tam lượng, tinh diện nhất biểu, náo dương hoa, dã bát giác, hồi hương các lưỡng tiền, hỗn hợp đảo lạn thành nê, điều cổ du nhị lượng, trực Tý thời, tán lạc thủy trung, niệm động chú ngữ, tắc tam thập lý ngư hà tận quy túc hạ.”

Thanh xác đàn là một loại trứng vỏ màu xanh, duy nhất do loại gà ác ở vùng Hồ Bắc và bên Ấn Độ mới có.

Vu hạc phiên tâm thất nhật nghĩa là thả những quả trứng xanh ấy vào trong hồ phân, ngâm đúng bảy ngày bảy đêm.

Cổ nhục là thịt dê. Lấy ba lạng thịt dê, một thìa to bột mỳ, hoa náo dương, hồi hương... mỗi loại hai lạng, thêm một ít mỡ dê rồi đem trộn thật nhuyễn. Nửa đêm giờ Tý, thả thứ hỗn hợp như hồ dính này xuống nước, rồi kết hợp với độc thần chú, lũ cá ngừ thấy mùi tanh hôi sẽ thi nhau bơi đến.

Để dàn đại cục này, Kiều Ngũ Muội đã phải dốc hết tâm sức, tìm cách dò hỏi cho được thuật Trát phi. Cuối cùng, bà đã học được thuật dụ cá từ ông thầy phù thủy Hoa Trọng Kim ở mãi vùng biên giới Vân Nam.

Sự thông minh của các A Bảo thể hiện ở chỗ, phàm việc gì họ cũng học một biết mười. Sau nhiều lần thử nghiệm, Kiều Ngũ Muội đã cải biến phép thuật này bằng cách trộn thêm thủy thánh tán lũ cá ăn phải sẽ bị say, ngửa bụng nổi lên trên mặt nước, bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng vớt được.

Sau đó, Kiều Ngũ Muội quay mặt về phía biển cả cười lớn: “Vạn vật trong trời đất, mình ta chiếm thế độc tôn, trên mảnh đất mệnh mông, ta làm chủ dòng đời chìm nổi!”

Bây giờ mới thấy, cách đánh bắt cá này dẫn đến phá vỡ sự cân bằng sinh thái. Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, cơ quan Ngư chính đã kiên quyết nghiêm cấm thực hiện phương pháp tận diệt này ở khắp các vùng ven sông, duyên hải.

Theo lệ, trước khi làm vụ này, phải nói rõ với bọn Hắc bang trong vùng, để còn chia ba lợi ích cho chúng. Không ngờ, khi Kiều Ngũ Muội đang tổ chức ăn mừng dàn cục thành công thì có người đến báo tin rằng bọn người kia đòi bà phải chia thêm hai phần nữa, đồng thời cảnh cáo bà không được phép dàn cục lớn gây ra tình thế náo loạn như vậy một lần nữa.

Kiều Ngũ Muội nghe thấy thế, nổi xung lên: “Được đằng chân lân đằng đầu, dám động thổ trên đầu lão nương ư!” Bà tỏ ra rắn mặt không biết sợ như vậy bởi có quen biết với vài nhân vật máu mặt trong tổ chức Mật tra (tiền thân của cục Quân Thống) thuộc Ủy Ban quân sự Quốc dân Đảng.

Kẻ cầm đầu Hắc bang cũng là một người đàn bà, người trong giang hồ gọi là Điện Nhị tẩu. Bà ta đến đất Nam Việt một năm trước, tự xưng là dòng đích hệ của bang Thanh Hồng. Chỉ trong vòng một năm ngắn ngủi, Điện Nhị tẩu đã rải không biết bao nhiêu tiền của để xây dựng Hắc bang và tạo được chỗ đứng vững chắc giữa vô số các môn phái.

Vùng biển đánh bắt cá nằm dưới sự bảo hộ, kiểm soát của Hắc bang, ngư dân muốn đánh bắt thủy hải sản đều phải chia phần cho chúng. Có khi đi biển suốt mấy ngày trời, cá bắt chẳng được bao nhiêu, mà trở về vẫn phải nộp phí bảo kê, đám ngư dân chỉ biết ngậm bồ hòn chứ không dám hé răng cự lại chúng.

Gần đây, Kiều Ngũ Muội đã khiến cho địa vị của bọn Hắc bang bị lung lay. Hễ có việc gì, đám ngư dân chỉ tìm đến cậy nhờ Kiều Ngũ Muội, họ coi bà là bà tiên sống, còn bọn Hắc

bang chính là lũ quỷ hút máu người chỉ biết ăn không lấy không của họ. Về sau, khi bọn Hắc bang đi thu phí bảo kê, nhiều ngư dân còn phản kháng lại, lấy xiên cá liều mạng với chúng. Diên Nhị tẩu không làm gì được, liền tìm đến tính sổ với Kiều Ngũ Muội.

Thần chết đến, chớp mắt kẻ mất người còn. Hai bên đang giằng co nhau chưa được bao lâu, không ngờ Kiều Ngũ Muội đột tử vì lên cơn đau tim.

Trong cuộc đời mỗi con người, có hai việc người ta không thể tự làm chủ được, đó là: sống và chết. Kẻ dẫu giỏi mưu tính, dóc lòng dóc sức gánh vác trọng trách, cũng chẳng thể tính ra được ngày nào mình sẽ phải dừng cuộc chơi. Khi đắc ý mà thốt lên rằng: “Trên mảnh đất mệnh mông, ta làm chủ dòng đời chìm nổi!”, hẳn Kiều Ngũ Muội chẳng ngờ rằng Diêm Vương đang đứng ngay sau lưng mình.

KẺ GÂY RỐI TRONG TANG LỄ

Khi còn sống, Kiều Ngũ Muội đã nhiều lần nhân mạnh, nếu một ngày bà gặp điều bất trắc thì Đường khẩu sẽ do Đại đồ đệ Giang Phi Yến kế nhiệm.

Sau khi vội vàng lên nhận chức chương môn, Giang Phi Yến liền ra lệnh phong tỏa tin tức nghiêm ngặt, đồng thời nhanh chóng sai người đi báo tin buồn cho các Đường khẩu khác. Đây là quy định của phái Giang Tướng, khi Chương môn qua đời, các Đường khẩu khác đều phải đến viếng.

Thời xưa, giao thông đi lại rất khó khăn, người đưa thư phải đáp thuyền, phi ngựa cực khổ gian nan vô cùng, có khi lặn lội hơn một tháng trời mới đem được thư báo tang đến tay các Chương môn khác. Nếu đợi họ đến đông đủ thì tử thi đã rửa ra và bốc mùi hôi thối, cho nên các Chương môn phái Giang Tướng sau khi chết đều được đem hỏa táng ngay, chỉ giữ lại tro cốt. Trong lịch sử Trung Quốc thời cổ, chỉ có nhà Phật và phái Giang Tướng dùng cách hỏa táng này.

Giang Phi Yến không dám to gan lớn mật cho hỏa táng Chương môn ngay trong nhà. Việt Hải Đường tung hoành ở Nam Việt bao nhiêu năm nay, gây thù kết oán không ít, ngộ nhỡ tin Kiều Ngũ Muội chết lọt ra ngoài, Diên Nhị tẩu chỉ cần hô một tiếng, kẻ thù sẽ nhân cơ hội kéo đến gây sự, quấy phá, như vậy sẽ gay to.

Bà liền nghĩ ra cách, lấy danh nghĩa tổ chức pháp hội cầu phúc, sai đám chân tay dựng đài phô trương thanh thế quanh Đường khẩu Còn bà và vài Bá đầu khác quần thi thể Kiều Ngũ Muội bằng vải lụa, đêm khuya lặng lẽ theo lối cửa sau đưa ra bến đò, đáp thuyền rời khỏi Châu Giang Khẩu, tới vịnh Đại Á, tìm một khe núi vắng người qua lại, vội vàng hỏa thiêu Kiều Ngũ Muội. Hôm sau, mang tro cốt lặng lẽ quay về khi trời còn chưa sáng.

Thời gian đó, cuộc kháng chiến Tùng Hộ vừa mới kết thúc. Sau khi cùng thương gia họ Giả dàn xong vụ “đuôi xác” vận chuyển thuốc phiện, Tổ Gia vừa trở về Đường khẩu thì nhận được

thư báo tang của Giang Phi Yên, liền vội vàng cùng mấy vị Bá đầu lên đường đi Nam Việt.

Khi đến nơi thì Kiều Ngũ Muội đã chết được nửa tháng. Ngay sau đó, người của Bắc phái và Tây phái cũng đến, lúc này họ mới chuẩn bị phát tang.

Giang Phi Yên nói: “Mấy ngày nay, tôi như ngồi trên đồng lửa, mục Điền Nhị tẩu luôn cho người đến sinh sự, tôi đã đưa bạc cho chúng, nhưng chúng vẫn không nương tay. Tôi đoán, có thể mục ta đã biết tin Ngũ nương mất.”

Đúng là Điền Nhị tẩu nhận thấy có sự khác thường. Bà ta vốn chỉ muốn làm mất nhuệ khí của Kiều Ngũ Muội. Kiều Ngũ Muội chiếm cứ ở Quảng Châu đã lâu, còn bà ta mới chân ướt chân ráo đến, làm sao có thể đầu lại được, lần này bị hà hiếp quá mới cứng đầu cứng cổ húc lại. Nào ngờ, mới được một thời gian, Kiều Ngũ Muội đã im hơi bất tiếng, mọi việc đều do đệ tử Giang Phi Yên ra mặt, hơn nữa còn ngoan ngoãn đem bạc đến nộp. Trực giác mách bảo Điền Nhị tẩu rằng: Kiều Ngũ Muội xảy ra chuyện lớn rồi!

Về sau, mật thám về báo tin: Kiều Ngũ Muội đã chết! Điền Nhị tẩu nghe thấy thế mừng lắm. Thời cơ đã tới, nhân cơ hội này, tận diệt Việt Hải Đường, san bằng đất Nam Việt.

Vì thế, vào ngày phát tang Kiều Ngũ Muội, bà ta tập hợp hơn hai trăm người đến bao vây Việt Hải Đường, cố ý gây sự, định gây ra một cuộc chiến đẫm máu.

Giang Phi Yên đau xót nói với Tổ Gia: “Bất luận thế nào cũng phải chôn cất Ngũ nương một cách yên bình. Bà đã chịu cực khổ một đời, đến lúc chết, hỏa táng cũng phải giấu giấu giếm giếm, giờ đem chôn cất lại bị bọn kẻ thù đến quấy phá ức hiếp. Ngũ nương thật khổ quá!”

Nghe xong, Tổ Gia cũng thương cảm thở dài: “Bọn chúng có sự chuẩn bị trước, nếu cứ đường đường mà khiêng quan tài ra, chẳng khác nào tự chui vào tròng, đến lúc xảy ra hỗn chiến, chịu tổn thất sẽ vẫn là chúng ta. Điền Nhị tẩu này lai lịch thế nào? Kẻ nào chống lưng cho?”

“Một năm trước mục ta đột nhiên đến Nam Việt, tự xưng là người Giang Hoài, còn nói là có quan hệ với bang Thanh Hồng.” Giang Phi Yên nói.

Tổ Gia nghe xong, nghĩ có lẽ gỡ được vụ này: “Yến tỷ đừng lo, để tôi đi gặp bà ta trước đã.”

Giang Phi Yên nói: “Không được, một mình đệ đi, ngộ nhỡ xảy ra chuyện...”

Tổ Gia cười, nói: “Yến tỷ yên tâm, vẫn chưa tới lúc liều mạng đâu.”

Theo đề nghị của Giang Phi Yên, Tổ Gia đưa cả Nhị Bá đầu đi cùng, họ đi vòng vèo qua mấy con hẻm thì đến được Đường khẩu của Điền Nhị tẩu.

Mấy tên gác cổng chặn Tổ Gia lại. Khi đó ông chừng 30 tuổi, dáng người cao lớn, phong nhã hào hoa, thoát trông đã biết không phải người tầm thường, mặc dù mấy tên đứng cổng không

cho vào, nhưng cũng không dám thất lễ. Chúng hỏi rất lễ độ: “Xin hỏi, tiên sinh người ở đâu? Đến đây có việc gì?”

“Ta là bạn của Điền Nhị tẩu, có việc lớn cần bàn, các người đừng làm lỡ việc của ta!” Tổ Gia nói.

Một tên vội chạy vào bẩm báo rằng bên ngoài có một gã cùng đạo tự xưng là “Tổ Gia” muốn gặp Nhị tẩu.

Điền Nhị tẩu không biết Tổ Gia là ai, nhưng nghe nói người cùng đạo thì cũng muốn gặp xem sao.

Sau khi vào nhà, Tổ Gia vừa nhìn thấy Điền Nhị tẩu, đoán chừng bà ta chưa quá 30 tuổi, lông mày lá liễu, mắt phượng, tóc đen búi gọn sau gáy, ánh mắt lạnh lùng nghiêm nghị, khí khái phong lưu, tư thế hiên ngang chẳng kém gì đàn ông.

Tổ Gia ngầm đánh giá: bà ta chẳng phải hạng tầm thường! Ông vội vàng thi lễ: “Bái kiến Nhị tẩu!”

Điền Nhị tẩu nhìn Tổ Gia một lượt từ đầu đến chân, hỏi: “Các hạ là...?”

“Tôi là môn hạ của Cửu gia, được người trong giang hồ nâng đỡ, gọi là Tổ Gia, nay tôi đến muốn được gặp Nhị tẩu.” Tổ Gia trả lời.

Điền Nhị tẩu nghe xong rung mình. Tuy không biết Tổ Gia là ai, nhưng danh tiếng lẫy lừng của Cửu gia thì bấy giờ người Trung Quốc, Nhật Bản không ai không biết. Đó chính là Vương Á Tiều – người từng ám sát Đại tướng Lục quân của Nhật là Yoshinori Shirakawa tại đất Thượng Hải.

Tổ Gia cố ý nói mình là môn hạ của Vương Á Tiều chính là để mượn danh Cửu gia thăm dò một chút về lai lịch của người này. Nếu đúng là người của bang Thanh Hồng, Điền Nhị tẩu chắc chắn biết tiếng Cửu gia, hơn nữa còn rất mực tôn kính. Năm xưa, Cửu gia tung hoành tại bến Thượng Hải, nổi tiếng “chân đất không sợ thằng mang giày”, ngay cả thủ lĩnh bang Thanh Hồng là Hoàng Kim Vinh, Đỗ Nguyệt Sinh cũng phải nhún nhường vài ba phần, chứ nói gì đến ả Điền Nhị tẩu này!

Điền Nhị tẩu thoáng do dự: “Ông nói mình là môn hạ của Cửu gia...?”

Thấy bà ta có vẻ hoài nghi, Tổ Gia liền lấy chiếc quạt giấy trong tay áo ra: “Mời Nhị tẩu xem, đây chính là chiếc quạt giấy do đích thân Cửu gia đã hạ bút.”

Năm Dân Quốc thứ 11, khi Trương Đan Thành hấp hối đã thỉnh cầu Vương Á Tiều giúp mình diu dắt Tổ Gia, nhưng Vương Á Tiều không thể ngày nào cũng ở bên ông được, mới tặng cho ông một chiếc quạt gấp, đồng thời đích thân viết lời đề từ: Can đảm nhân nghĩa, bên dưới đề

tên của mình, ông ta còn dặn: “Sau này, nếu có ai làm khó dễ, cứ đưa chiếc quạt này ra, ít nhiều sẽ có tác dụng.”

Nhiều năm nay, mỗi lần xuất hành, Tổ Gia đều mang chiếc quạt này bên người, phòng khi cần đến.

Điền Nhị tẩu xòe chiếc quạt ra, trên đó nổi rõ bồng bồng nét chữ mạnh mẽ của Vương Á Tiều, đầu lông mày bà ta khẽ giật lên, khoe miệng lộ ra một nụ cười quỷ quyết khác thường. Tổ Gia không rét mà thấy rùng mình, từ nụ cười ấy tỏa ra một thứ sát khí lạnh lẽo.

Tổ Gia nói: “Lần này, tôi phụng mệnh Cửu gia đến Nam Việt để viếng Kiều Ngũ Muội. Vừa rồi ở Đường khẩu, thấy rất nhiều người tới kiếm cố sinh sự, hỏi ra mới biết đó là môn hạ của Nhị tẩu. Việc này e không phải cho lắm, mọi người đều là người cùng đạo, Ngũ nương khi còn sống cũng là chỗ quen biết thân tình với Cửu gia, không biết hà cớ gì Nhị tẩu lại làm như vậy?”

Điền Nhị tẩu hiểu ra ngay, cười nhạt: “Khi còn sống, Kiều Ngũ Muội đàn cục quá quắt, khiến bọn ta không làm ăn gì được.”

“Đều là người cùng đạo, oan gia nên giải không nên kết, nể mặt Cửu gia, bà hãy bỏ qua cho họ một lần.” Tổ Gia nói.

Điền Nhị tẩu nhíu mày, miễn cưỡng nói: “Tổ Gia nói rất phải. Nhưng ta đã hạ lệnh rồi, các huynh đệ đều đã hành động. Bọn họ đều hận Kiều Ngũ Muội đến tận xương tủy, ta là chủ nhân của một Đường khẩu, nếu lúc này kêu họ dừng tay, sau này biết ăn nói với các huynh đệ thế nào đây!”

Tổ Gia cười, nói: “Không cần phải bảo họ ngừng tay. Tôi có một kế vừa hóa giải được mối nguy này, vừa không làm mất thể diện của Nhị tẩu trước mặt các huynh đệ!”

Tổ Gia ghé người nói nhỏ, Điền Nhị tẩu vừa nghe vừa gật gật đầu.

Theo sự sắp xếp của Tổ Gia, Điền Nhị tẩu, Tổ Gia, Nhị Bá đầu đi ra khỏi Đường khẩu, gọi xe kéo đến một quán trà. Trước khi đi, Điền Nhị tẩu dặn bọn thủ hạ: “Trông coi Đường khẩu, ta và Tổ Gia cần bàn việc quan trọng.”

Bọn thủ hạ hỏi: “Chủ nhân đi đâu? Có cần mấy huynh đệ đi theo không?”

Điền Nhị tẩu nói: “Các người khỏi lo.”

Ba người được kéo đi lòng vòng, cuối cùng tới một tiệm trà, họ chọn một góc yên tĩnh, gọi người mang trà tới. Sau ba tuần trà, Tổ Gia bảo Nhị Bá đầu chạy về Việt Hải Đường.

Lúc này, Giang Phi Yến đang nôn nóng ngồi chờ ở Việt Hải Đường, chợt trông thấy Nhị Bá

đầu chạy về, liền hỏi: “Tình hình sao rồi? Tổ Gia đâu?”

Nhị Bá Đầu lau mồ hôi trên trán, rồi đưa cho Giang Phi Yến một miếng ngọc quyết và một bức thư, đồng thời thì thầm vài câu gì đó.

Giang Phi Yến nhìn Nhị Bá đầu, vẻ chưa tin chắc lắm.

Nhị Bá đầu nói như sắp hụt hơi: “Yên... yên tâm đi, Tổ Gia đã sắp đặt đâu vào đấy rồi.”

VÂY NGỤY CỨU TRIỆU

Giang Phi Yến đứng dậy, từ từ bước ra ngoài. Bà vốn dung mạo như hoa, lúc này lại đang mặc trên người bộ quần áo tang, ánh mắt rung rung pha nỗi buồn man mác càng tôn thêm vẻ đẹp dịu dàng.

Giang Phi Yến đứng trước hơn hai trăm tên côn đồ, hỏi: “Kẻ nào cầm đầu?”

Một tên cầm súng đi tới: “Phi Yến tỷ tỷ, có gì dạy bảo?”

“Người lại đây.” Giang Phi Yến nói.

Tên kia chọc chọc khẩu súng lên vành mũ, đưa mắt nhìn đám huynh đệ xung quanh, cảm thấy hơi chột dạ. Giang Phi Yến có trường khí rất mạnh, xinh đẹp cao quý, phong thái ung dung tự tại, Tướng Thụ nói rằng: “Yêu tiện chi bối nan vọng quý nhĩ chi nhân, kiến chi tự tâm hình uế, ôi tòa đồn sinh”.

Câu đó có nghĩa là: con người không ai giống ai, người cao quý khí chất tràn đầy, hạng ti tiện thì lộ rõ vẻ hèn nhất, lấy tư chất hèn mọn mà gặp người thanh cao, sẽ tự thấy xấu hổ vì nhận ra mình ô uế ngay. Cho nên, người xưa khuyên răn người đời, nếu khí chất kém cỏi, không nên đi đến những nơi cao sang gặp người cao quý, sẽ chỉ khiến cho mình càng trở nên hèn nhất, ti tiện hơn.

Trước mặt Giang Phi Yến, tên đó rõ ràng chỉ là hạng ti tiện.

Giang Phi Yến nhỏ nhẹ nói: “Người dẫn theo các huynh đệ cút ngay! Bằng không đầu của Điền Nhị tẩu e rằng khó có thể giữ được!”

Tên kia thoáng sửng người rồi phá lên cười ha hả, hấp háy cặp mắt bé tí, nói: ”Phi Yến tỷ tỷ, do tôi nghe nhầm, hay tỷ nói nhầm vậy, hôm nay kẻ mất mạng e rằng là tỷ đấy!”

Giang Phi Yến cười nhạt: “Người mở to mắt xem đây là cái gì?” Nói đoạn, bà đưa bức thư và miếng ngọc quyết cho hắn.

Tên đó cầm lấy xem, giật bắn người lùi lại hai bước, mặt mày tái mét. Đây chẳng phải miếng

ngọc quyết hình đôi long phụng nhảy múa được chạm từ đá Hòa Điền mà Điền Nhị Tẩu vẫn thường đeo trên tay hay sao?

“Sao nó lại ở trong tay bà ta? Lẽ nào Nhị tẩu đã bị chặt tay ư?” Tên kia rùng mình nghĩ, kiểu tư duy của phường Hắc đạo cũng khác hẳn người thường. Lại đọc bức thư kia, chữ trong bức thư rõ ràng là nét chữ của Điền Nhị tẩu: Không được phép manh động!

“Hồng rồi, Nhị tẩu bị bắt rồi!” Nghĩ đến đây, hần kinh hãi: “Người...!”

Giang Phi Yến nói: “Sắp đến giờ phát tang, người dám sinh sự, Điền Nhị tẩu không sống được đâu!”

Tên kia không biết phải làm thế nào, không nhận được mệnh lệnh, hần cũng không dám rút đi, liền vội sai mấy tên côn đồ về Đường khẩu xem Điền Nhị tẩu có ở đó hay không, còn hần sẽ cầm đầu đám huynh đệ canh giữ ở đây, không dám xông vào, cũng không dám rút về.

Giang Phi Yến truyền lệnh: “Phát tang!”

Giang Phi Yến và vài vị Bá đầu cầm cảnh phan đi phía trước, mấy tay chân khênh quan tài từ từ tiến ra qua cửa chính, gần hai trăm tên của Hắc bang đứng thành hai hàng, những cặp mắt lạnh lùng không rời khỏi đoàn người đưa tang, song cũng không dám hành động lỗ mãng.

Đoàn người đưa tang đi xuyên qua mấy con phố, tới bãi tha ma, cảnh hạ huyết chôn cất Kiều Ngũ Muội diễn ra rất hoành tráng. Tài nữ một thời, từ đây mãi yên giấc ngàn thu.

Lúc này, tên cầm đầu cũng hay tin, quả thật Điền Nhị tẩu không có ở Đường khẩu, vì thế, hần chỉ biết trừng mắt nhìn cảnh tượng người ta chôn cất Kiều Ngũ Muội.

Sau khi xong việc, Giang Phi Yến nói với tên cầm đầu: “Cầm lấy thứ này về đi, Điền Nhị tẩu đã về nhà an toàn.”

Tên kia đang ngăn người, nghe thấy thế thì làm bầm chửi rửa rồi dẫn đám thủ hạ quay về.

Quả nhiên, về đến Đường khẩu đã thấy Điền Nhị tẩu, hần vội vàng hỏi xem chuyện gì vừa xảy ra.

Điền Nhị tẩu cố nặn ra vẻ mặt rầu rĩ: “Vương Á Tiều cho người đến, mở Hồng Môn Yến, nói mời ta đến uống trà có việc cần bàn, thực ra đó chỉ là chiêu vây Ngụy cứu Triệu. Mối quan hệ giữa Kiều Ngũ Muội và Vương Á Tiều không phải xoàng đâu, việc này cần phải tính kế lâu dài, không có lệnh của ta, không ai được phép manh động!” Kỳ thực, trong lòng Điền Nhị tẩu biết rõ, bà ta cũng có cục riêng cần phải dằn.

Khi ở tiệm trà, Điền Nhị tẩu nhiều lần dò hỏi Tổ Gia về tin tức của Vương Á Tiều: “Cửu gia anh hùng quả cảm, lòng dạ khoan hòa, nghe danh đã lâu nhưng chưa từng được gặp mặt, mong

được Tổ Gia giới thiệu.”

Tổ Gia gật đầu nhận lời: “Tới đây thì hơi gấp gáp, đợi một thời gian nữa, tôi sẽ dẫn Nhị tẩu đến gặp Cửu gia!”

Điền Nhị tẩu đâu biết Tổ Gia đang nói dối, bởi ngay cả ông cũng không biết hiện giờ Vương Á Tiều đang ở đâu. Hồi đó, sau khi ném bom giết chết Yoshinori Shirakawa, Vương Á Tiều cũng trốn biệt. Mỗi lần như vậy, thông thường đợi lúc sóng yên biển lặng, Vương Á Tiều sẽ tự liên lạc, Tổ Gia chỉ việc ngồi đợi tin. Trước mắt, Tổ Gia chỉ muốn giữ chân Điền Nhị tẩu, đợi sau khi chôn cất Kiều Ngũ Muội xong, mọi việc còn lại sẽ dễ dàng thu xếp.

Không lâu sau, Phục Hưng xã của Quốc dân Đảng tổ chức ra cái gọi là “Lực Hành xã”. Đặc vụ trong nhóm Lực Hành xã bắt được tín hiệu điện đài phát đi từ Quảng Châu của đặc vụ Nhật Bản, liền lập tức thanh tra sào huyệt của bọn này. Sau khi báo chí đưa tin, dư luận trên thế giới được một phen xôn xao cả lên, thì ra Điền Nhị tẩu chính là đặc vụ của Nhật nằm vùng ở Quảng Châu, tên thật là Tây Điền Mỹ Tử, cấp dưới của Yoshio Kodama – kẻ cầm đầu phe cánh hữu ở Nhật Bản.

Yoshio Kodama là người sáng lập tổ chức đặc vụ Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai, từ khi còn nhỏ đã gia nhập hội Kiến Quốc – một tổ chức thuộc phe cánh hữu ở Nhật. Về sau, hấn ẩn náu ở Trung Quốc, trong thời gian hoạt động ở Đông Bắc, hấn chuyên tâm đào tạo một lực lượng đặc vụ hùng hậu, rải khắp Thượng Hải và Quảng Châu, lập thành hệ thống liên lạc đặc vụ tam điểm nhất tuyến (ba điểm trên một đường thẳng, hoạt động liên tục không để bị đứt đoạn). Tây Điền Mỹ Tử chính là một quân cờ trong tay hấn. Báo chí nói rằng, sau khi bị lộ thân phận, Tây Điền Mỹ Tử đã tự kết liễu bằng một viên đạn.

Lúc này Tổ Gia mới chợt hiểu ra, chẳng trách lúc vừa nhắc đến cái tên Vương Á Tiều, bà ta liền ngừng ngay việc công kích nhằm vào Việt Hải Đường, đồng thời mấy lần gắng hỏi tin tức của ông ta. Sau khi Yoshinori Shirakawa trúng bom chết, người Nhật ráo riết, điên cuồng truy tìm Vương Á Tiều. Là phần tử cốt cán trong hàng ngũ đặc vụ, Tây Điền Mỹ Tử đương nhiên không thể bỏ qua cơ hội này. Đang khi Vương Á Tiều biến mất khỏi nhân gian như một âm hồn, không ngờ đột nhiên mọc lên một gã Tổ Gia, lại còn có chiếc quạt giấy màu trắng do đích thân Vương Á Tiều hạ bút đề từ, khiến Tây Điền Mỹ Tử mừng rỡ như điên, so với việc truy tìm tung tích của Vương Á Tiều, chuyện của Kiều Ngũ Muội chỉ là chuyện vặt.

Nghĩ đến đây, Tổ Gia toát mồ hôi lạnh! Nhưng điều mà Tổ Gia không ngờ tới, đó là ông cũng đã lọt vào tầm ngắm của người Nhật...

NGƯỜI BIÊN SOẠN THUẬT TRÁT PHI

Chuyến đi Nam Việt lần này, tuy có chút kinh sợ nhưng không đến nỗi nguy hiểm. Tổ Gia phần nhiều cảm thấy buồn phiền. Đông phái xưa nay vẫn nổi tiếng với thủ đoạn Trát phi cao siêu. Kiều Ngũ Muội không hổ danh là Chương môn Việt Hải Đường, làm trót lọt chiêu dụ cá, biết

cải tiến kỹ thuật, xuất Thiên đúng lúc, hốt được một món quá hời. Còn Tổ Gia, gây dựng Đường khẩu đã mấy năm mà chưa từng dàn được cục Trát phi nào cho ra hồn. Ông luôn cảm thấy thuật Trát phi trong cuốn Trát phi mật bản đã lỗi thời, nếu không chắc ăn, ông không dám dàn cục lớn.

Chính vào lúc quan trọng này, cây gậy số mệnh đã lừa Tứ Bá đầu ra sân.

Tứ Bá đầu sinh vào năm Dân Quốc thứ 5, họ Trương, tên Tự Triêm, người Bảo Định (Trực Lệ), mẹ mất khi mới lên 5, về sau gia đình chuyển đến Giang Hoài sinh sống.

Từ nhỏ Trương Tự Triêm đã ham mê lý học, đam mê thuật luyện đan. Sau khi thầy Nghiêm Phúc – người đi đầu trong phong trào đổi mới tư duy – dịch cuốn Thiên diễn luận của Thomas Henry Huxley sang tiếng Hán, Trương Tự Triêm mới biết đến Thuyết tiến hóa của Darwin, từ đó bắt đầu say mê bộ môn sinh học và đặc biệt hứng thú với Học thuyết tiến hóa. Vì vậy, anh ta cả ngày bám dính những con la để quan sát sự khác nhau giữa con la được phối giống từ ngựa cái và lừa đực với con la được phối giống từ ngựa đực và lừa cái. Vết sẹo trên trán anh ta là do một lần bị con la đá.

Trương Tự Triêm tư chất thông minh, học đâu hiểu đấy, 15 tuổi đã nổi tiếng khắp vùng tô giới Thượng Hải. Khi đó, đúng vào lúc xảy ra cuộc kháng chiến Tòng Hộ, anh cả và anh thứ hai của Trương Tự Triêm đều đi tòng quân. Về sau, anh cả chết trên chiến trường, anh hai may mắn sống sót. Sau chiến tranh, Trương Tự Triêm gánh trên vai mối nợ nước thù nhà. Anh ta đã viết bài Tương quan vũ khí giữa ta địch và hiện trạng công cuộc cách tân Dương Vụ, thông qua việc phân tích sự thất bại của cuộc kháng chiến Tòng Hộ để chỉ ra nguyên nhân tại sao từ phong trào Dương Vụ, ngành kỹ thuật của Trung Quốc vẫn lạc hậu, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm.

Đúng là tài không đợi tuổi, Trương Tự Triêm mới mười mấy tuổi đầu đã có một tư duy sắc bén. Bài viết thấu đáo, mạch lạc, khí thế hào hùng, lại chỉ rõ sai lầm tệ hại của Trung Quốc, nói có sách mách có chứng, đồng thời còn đưa ra những suy luận cho rằng bọn người Nhật là sản vật của phường loạn luân, bên Thượng Hải là chốn xô bồ.

Người Nhật sau khi đọc được bài viết này thì vô cùng tức giận, chúng gầm lên: “Khử ngay thằng này!”

Tổ Gia hay tin, đập bàn tán dương: “Người này không đơn giản, nhất định phải gặp.”

Đường khẩu của Tổ Gia khi đó vẫn chưa chuyển đến Thượng Hải, vì vậy, ông quyết định đến Áp Bắc, lấy thân phận là “truyền nhân đạo môn Thiết Bốc Tử” để gặp thần đồng này.

Trương Tự Triêm khi đó tuổi trẻ khí thế, sùng bái Tây học, rất xem thường một ông thầy tướng số như Tổ Gia. Tổ Gia nói về phong thủy, anh ta chẳng bận tâm đến; về sau, Tổ Gia quay sang nói về lý học, thuật luyện đan thì anh ta mới chịu tiếp chuyện. Thế là từ thuật luyện đan, hai

người nói đến chuyện một vị hoàng đế chết vì ăn tiên đan, rồi lại nói đến mối quan hệ giữa việc luyện đan, thuốc nổ và phong trào Dương Vụ, nói cả đến những kiến thức vật lý, hóa học của phương Tây.

Tổ Gia hỏi anh ta có dự định gì trong tương lai, anh ta trả lời: “Tôi muốn trở thành một nhà khoa học.”

Tổ Gia không nén nổi, cười thầm: “Bọn người Nhật sắp tìm đến cậu rồi, mà đầu óc vẫn còn hoang tưởng đến vậy, đúng là tuổi trẻ!” Nhưng Tổ Gia lơ mờ nhận thấy rằng, nếu có thể áp dụng những kiến thức về vật lý và hóa học của Trương Tự Triêm vào thuật Trát phi, chắc chắn sẽ có bước tiến vượt bậc.

Tổ Gia nóng lòng muốn thu nạp ngay thằng nhóc này về dưới trướng của mình. Nhưng ông biết rõ, nếu trực tiếp thu nhận chắc chắn sẽ không xong, người ta là dòng dõi Nho học, gia đình có truyền thống quân nhân, đừng nói bản thân Trương Tự Triêm sẽ không đồng ý, mà ngay cả cha của anh ta cũng có chút xem thường ông.

Tổ Gia phải chờ thời cơ.

Trước khi đi, Tổ Gia nói với cha của Trương Tự Triêm: “Lệnh lang rất mực tài hoa, nhưng bộc lộ thái quá, e rằng sớm muộn sẽ gây ra tai họa.”

Cha của Trương Tự Triêm nói: “Được rồi, được rồi. Chúng tôi sẽ lưu ý.”

Tổ Gia biết, họ vẫn không nhận thức được thời thế, như ếch ngồi đáy giếng, ngang ngạnh cứng đầu, vì thế ông lại nhắc nhở: “Gần đây lệnh lang viết bài đăng báo, tất sẽ gây họa, không thể không đề phòng.”

Trương Tự Triêm chen ngang: “Tôi cóc sợ! Nhất thì sao làm được việc lớn chứ!”

Tổ Gia đành gượng cười, lắc đầu, chấp tay cáo biệt.

Sau khi về đến Đường khẩu, Tổ Gia ra lệnh cho Đại Bá đầu mang theo mấy huynh đệ ngày đêm canh gác xung quanh nhà Trương Tự Triêm, đồng thời truyền lệnh: “Nếu có kẻ bên ngoài xông vào, nhất định phải cứu tên tiểu tử đó!”

Đại Bá đầu hỏi: “Người khác có cứu không?”

Tổ Gia im lặng không nói gì.

Đại Bá đầu gật đầu: “Con hiểu rồi!”

Quả nhiên, ba ngày sau đó, vào một đêm mưa to gió lớn, Đại Bá đầu mặc áo mưa ôm súng đang ngồi canh cùng vài huynh đệ sau một góc cây, bỗng thấy mấy người hành động khả nghi

từ trong hẻm chạy về phía nhà Trương Tự Triêm.

Đại Bá đầu thấy sự không lành, liền nhảy qua tường, xông vào nhà hô lớn: “Mau chạy đi, có kẻ tới giết các người!”

Chưa dứt lời đã nghe thấy tiếng súng nổ, mấy tên tay chân đang giao chiến với bọn sát thủ Nhật.

Cả nhà Trương Tự Triêm nghe thấy tiếng súng nổ đều ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì, Đại Bá đầu lôi Trương Tự Triêm, quát to: “Mau chạy đi, còn đứng ngây ra đó làm gì!”

Cả nhà hoảng hốt chạy về phía cửa sau, vừa ra đến ngõ, không ngờ bọn người Nhật cũng đã phục sẵn ở đây. Một loạt tiếng súng vang lên, cha của Trương Tự Triêm ngã nhào xuống đất.

Đại Bá đầu bắn trả, hai bên giao chiến ác liệt. Những tia lửa nhỏ thi nhau lóe lên trong mưa.

Trương Tự Triêm gào lên: “Cha!”

Đại Bá đầu giật tay Trương Tự Triêm chửi: “Còn gào làm chó gì, chết thì đã chết rồi! Đi mau!”

Trương Tự Triêm nắm chặt tay cha không chịu đi, Đại Bá đầu cuống lên, ra sức kéo, khi đến chỗ rẽ, ông ta nói: “Mày muốn chết ở đây sao! Đi mau! Giữ được mạng sống sau này mới có thể báo thù chứ!” Nói đoạn, lại vung tay bắn về phía con hẻm mấy phát súng, rồi quay đầu quát: “Giẫm lên vai tao, trèo qua tường đi!”

Trương Tự Triêm vẫn khóc, Đại Bá đầu cúi quá lại chửi: “Mẹ kiếp, muốn hại chết tao đấy à?” Dứt lời, mặc kệ Trương Tự Triêm đang gào khóc, ông ta cúi xuống bế thốc anh ta lên, dốc hết sức quăng qua tường, sau đó cũng nhảy ra ngoài.

Bên kia bức tường là sân của một nhà khác, chỗ chân tường có cái ổ gà, Trương Tự Triêm bị ném trúng vào đó.

“Không chết đấy chứ?” Đại Bá đầu thấy Trương Tự Triêm đang nằm sấp trên ổ gà, vẫn còn chưa định thần lại được.

“Không sao thì tốt rồi, mau theo tao!” Nói xong, ông ta lại lôi Trương Tự Triêm chạy một mạch.

Trương Tự Triêm đã được cứu, trong số mấy tên tay chân đi cùng Đại Bá đầu có một tên bị chết.

Đại Bá đầu điên tiết chỉ thẳng mặt Trương Tự Triêm: “Chỉ vì cứu mày mà chúng tao mất một huynh đệ!”

Tổ Gia đưa mắt nhìn một cái, Đại Bá đầu không nói gì nữa, hậm hực lui xuống.

Tổ Gia lau nước mắt cho Trương Tự Triêm, nói: “Lần trước ta tới phủ, đã dặn các người phải cẩn thận, nhưng lệnh tôn coi thường lời cảnh báo chân thành của ta, nay xảy ra kết cục như vậy... Sau này cậu định thế nào?”

Trương Tự Triêm nói: “Cha tôi chết rồi, tôi phải đi tìm anh hai, tôi cũng sẽ đầu quân kháng Nhật!”

Tổ Gia thở dài nói: “Cách này cũng hay... Nhưng cậu hãy nghĩ cho kỹ, cha cậu đã qua đời, anh cả vừa mới mất trên chiến trường, nếu cậu cũng đi tòng quân, ngộ nhỡ xảy ra bất trắc, thì nhà cậu chẳng còn ai giữ gìn hương hỏa đâu...”

Trương Tự Triêm gân cổ nói: “Người chết rồi, còn giữ hương hỏa cái gì chứ!”

Tổ Gia gật gật đầu nói: “Cậu không nghĩ cho mình cũng phải nghĩ cho gia tộc, lệnh tôn thương yêu cậu như vậy, cho cậu ăn học đến nơi đến chốn, chẳng phải là muốn sau này cậu có thể làm rạng danh tổ tông, giúp ích cho đời sao? Nếu cậu chết, lệnh tôn ở dưới suối vàng liệu có nhắm mắt được không?”

Trương Tự Triêm không nói gì nữa, nhớ đến cha, lại khóc hu hu.

Tổ Gia thấy cơ hội đã đến, liền nói: “Theo ta thay trời hành đạo!”

Trương Tự Triêm ngạc nhiên: “Thay... trời hành đạo ư?”

Tổ Gia nói: “Chúng ta chẳng phải thầy tướng số gì cả, chúng ta là người của phái Giang Tướng!”

Trương Tự Triêm hỏi: “Phái Giang Tướng?”

Tổ Gia liền kể về phái Giang Tướng cho anh ta nghe.

Sau khi nghe xong, Trương Tự Triêm quay lại, gãi gãi đầu vặn hỏi: “Là phường lừa đảo à?”

Tổ Gia gật đầu: “Phường lừa đảo cũng có người tốt kẻ xấu, chúng ta chỉ lừa bọn ác bá, không lừa người lương thiện.”

Trương Tự Triêm nói: “Cũng vậy thôi!”

Không đợi Tổ Gia nói, Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu từ ngoài cửa xông vào: “Đồ tạp chủng nhà người! Để cứu người, Tổ Gia đã phải hao tổn tâm sức thế nào, bọn ta còn mất đi một huynh đệ, thế mà người còn dám chửi bọn ta là phường lừa đảo. Phường lừa đảo thì sao chứ? Phường lừa đảo vừa cứu mạng người đấy! Bọn người không phải là phường lừa đảo kia ai có

thể bảo vệ người! Bọn Quốc dân Đảng làm được không? Trăm họ làm được không?”

Trương Tự Triêm nín thính.

Tổ Gia nhìn Trương Tự Triêm, nói: “Tiểu huynh đệ, ta vốn quý trọng nhân tài như chính bản thân mình, cậu còn nhỏ mà đã hiếu học, thông hiểu Đông – Tây kim cổ, khiến ta kính phục vô cùng. Nếu huynh đệ có thể gia nhập Đường khẩu, chúng ta cùng đùm bọc lẫn nhau, cùng làm việc thiện, trừng trị kẻ ác, thế chẳng phải rất tốt sao?”

Trương Tự Triêm còn đang do dự, Tổ Gia đã tiếp lời: “Giờ quân Nhật đang truy nã cậu khắp nơi, hãy tạm lánh mặt ở đây. Mấy ngày này, cậu cứ nghĩ cho kỹ, đi hay ở ta không cản, nếu cậu cứ khẳng khái muốn đi, ta sẽ phái người hộ tống cậu rời khỏi Giang Hoài!”

Thực ra, đây chỉ là chiêu lúi một bước để tiến hai bước của Tổ Gia. Mấy ngày sau đó, Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu thay nhau đến làm “thuyết khách”. Đặc biệt là Tam Bá đầu bụng đầy kinh luân, cộng thêm miệng lưỡi lạnh lợi, lại giỏi nắm bắt tâm lý đối phương, mấy lần đến thuyết phục đều khiến Trương Tự Triêm phải rơi lệ.

Cuối cùng, Trương Tự Triêm cũng nghĩ thông, lẳng lặng tới thư phòng của Tổ Gia, quỳ trước mặt ông nói: “Ôn cứu mạng của Tổ Gia, con như được cha mẹ sinh ra lần nữa, Tự Triêm nguyện làm đệ tử của thầy.”

Tổ Gia đang khao khát hiền tài, vội vàng đỡ Trương Tự Triêm dậy, đó là vào năm thứ chín kể từ khi ông nắm giữ Đường khẩu. Chín năm nay, những người được việc thật sự, ngoài Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu ra, còn có Tam Bá đầu vừa mới được thu nhận trước đó hai năm, những người còn lại đều là lớp lão tướng tàn binh còn sót lại dưới trướng Trương Đan Thành.

Từ đó, Trương Tự Triêm đi theo Tổ Gia, cũng bắt đầu từ đây, Tổ Gia mới như hồ thêm cánh, sự nghiệp của Đường khẩu mới bắt đầu hưng thịnh.

Trương Tự Triêm quả nhiên rất lợi hại! Sau khi đọc xong Trát phi mật bản, đã chỉ ra rất nhiều chỗ còn chưa hoàn thiện trong đó. Anh ta nói: “Bất kể thứ gì cũng đều quý ở sự cách tân, đổi mới! Thuật Trát phi được lưu truyền bao nhiêu năm nay, rất nhiều chỗ đã trở nên lạc hậu rồi!”

Theo yêu cầu của Tổ Gia, sau mấy ngày vắt óc suy nghĩ, Trương Tự Triêm đã soạn ra Trát phi tân pháp, được chia làm các thiên: Đạo pháp, Thiên số, Khí tượng, Tây học (chỉ môn vật lý, hóa học) và Bùa chú, kết hợp thuật Trát phi cũ tạo thành một cuốn tuyển tập hoàn chỉnh. Tổ Gia xem xong hết lời khen ngợi, tán dương không ngớt.

Chương 2. BỘT CỐC THỨC TIÊU

TRÒ ĐUA TRONG HÔN LỄ

Trương Tự Triêm thông hiểu Trát phi đến mức điêu luyện, khiến Nhị Bá đầu cảm thấy rất tự ti. Ông ta ngoài sự to gan táo tợn, dám đào mộ, mổ bụng tử thi ra, những ngón trò khác đều chẳng bằng phân nửa của cậu ấy.

Ngay cả một kẻ luôn tự phụ như Tam Bá đầu cũng tự thấy hổ thẹn. Tam Bá đầu vào nghề trước Trương Tự Triêm hai năm, thông hiểu Tứ thư, Ngũ kinh, nghiên cứu sâu về thuật số, ngũ hành, nhưng sau khi Trương Tự Triêm đến, hẳn ta mới hiểu được rằng trên đời này, ngoài những thứ đó ra, vẫn còn có một thứ gọi là Tây học.

Từ xưa đến nay, người Trung Quốc chẳng hề đếm xỉa gì đến Tây học, họ cho rằng thứ đó “hay ho nhưng vô dụng”. Khi người phương Tây đang tiến hành các cuộc cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghiệp, người Trung Quốc vẫn còn luẩn quẩn trong cái vòng “chi hồ giả dã”.

Sự xuất hiện của Trương Tự Triêm với những kiến thức vật lý, hóa học, sinh học đã mở một cánh cửa cho Đường khẩu nhìn ra thế giới bên ngoài. Tổ Gia nhiều khi cũng cảm thấy lơ mơ không hiểu, nhưng ông rất mừng vì năm xưa biết nhìn người, đã bắt chấp tất cả thu nhận Trương Tự Triêm về dưới trướng, nếu không hẳn đã bỏ phí mất một nhân tài kiệt xuất.

Mấy tháng sau, Tổ Gia dời Đường khẩu từ ngoại thành vào thành phố Thượng Hải.

Năm 1932, Thượng Hải ngợp trong cảnh vàng son, xa hoa, trụy lạc.

Toàn thành phố có đến hơn mười nhà hát lớn nhỏ, cuộc ganh đua giữa các nhà hát ngày càng gay gắt. Một trong số những cổ đông của nhà hát có thế lực lớn nhất là một người họ Hoàng, người ta vẫn gọi ông ta là Hoàng Ngũ gia. Hoàng Ngũ gia rất xem trọng phong thủy, mỗi lần chọn địa điểm hay trang trí cho rạp hát mới xây đều mời thầy phong thủy đến xem.

Khi đó, Vi Thiên Lý là nhà mệnh lý nổi tiếng nhất vùng Giang Hoài, người thời đó vẫn ca tụng “nam Viên bắc Vi”. Viên chỉ Viên Thụ San, Vi chính là Vi Thiên Lý. Về sau, khi xảy ra sự biến Tây An, Tướng Giới Thạch sống hay chết khó đoán được, khiến Tống Mỹ Linh phải tìm đến Vi Thiên Lý xem một quẻ. Nghe nói ông ta xem rất chuẩn xác, Tống Mỹ Linh đã trả cho ông ta mấy chục đồng bạc trắng.

Tổ Gia biết rõ, người ta có bản lĩnh thật sự, còn bản thân chỉ mang hư danh, muốn được nổi danh khắp chốn, cần phải quảng tiền cho đám báo chí tung hô, viết bài. Thử đoạn tuyên truyền đó là: “Các bậc thầy, mỗi người đều có sở trường riêng, sở trường của đại sư Vi Thiên Lý là Lục Nhâm thần khóa, còn Tổ Gia giỏi Thiết Bản thần số và Phong thủy. Nói như vậy vừa ca

ngợi chính mình, song cũng không hề cố tình hạ thấp người khác, tránh bị dư luận trỉ trích.

Kỳ thực, nhiều năm nay, Tổ Gia luôn muốn tìm mấy vị cao nhân để học thêm về Kinh Dịch và thuật bói toán chân chính, nhưng vì vướng bận nhiều việc trong Đường khẩu nên mãi vẫn chưa có cơ hội.

Sau khi báo chí liên tục đưa tin, Tổ Gia trở nên nổi tiếng. Những người mến mộ đại danh chạy đến xin gặp đông nườm nượp. Đại sư cũng phải ra dáng một bậc đại sư, thường thì ông không đích thân xuống núi nếu chỉ là con gà béo, còn nếu là con gà cực béo thì dù bọn chúng chẳng tìm đến, Tổ Gia cũng sẽ tiếp cận chúng.

Hoàng Ngũ gia chính là con gà cực béo mà Tổ Gia đã nhắm đến từ lâu.

Ông ta luôn muốn nhờ Tổ Gia xem mệnh cục và phong thủy, nhưng Tổ Gia chỉ cười mà không chịu xem, còn nói: “Hoàng Ngũ gia cát nhân thiên tướng! Có xem hay không cũng vậy, vì vốn đã có số đại phú đại quý rồi!”

Tổ Gia biết rõ, loại người này có dây dưa dễ má với cả hai phái hắc bạch, một khi sẩy tay sẽ gây phiền toái không nhỏ, cho nên ông vẫn đang chờ đợi một thời cơ thích hợp.

Cuối năm 1932, cơ hội cuối cùng cũng đến. Con gái út của Hoàng Ngũ gia xuất giá, cũng gửi thiệp mời đến cho Tổ Gia.

Tổ Gia nhận lời, đồng thời đưa cả Nhị Bá đầu đi theo.

Hoàng Ngũ gia tổ chức hôn lễ theo kiểu nhập chuế cho con gái, tức là chú rể đến “ở rể” nhà cô dâu.

Hoàng Ngũ gia thấy Tổ Gia đến thì mừng lắm, mời vào trong nhà rồi gọi người hầu bưng trà lên. Tổ Gia nhấp vài ngụm, vẻ mặt trầm ngâm khác lạ, cứ lắc đầu không nói.

Hoàng Ngũ gia thấy thế liền hỏi: “Tổ Gia đang băn khoăn chuyện gì thế?”

Tổ Gia vội vàng nói: “Không, không có gì... Hôm nay là ngày đại hỷ, Ngũ gia còn phải lo liệu nhiều việc khác, ông cứ đi lo việc đi, tôi ngồi đây uống trà được rồi...”

Thấy Tổ Gia không định nói, Hoàng Ngũ gia cũng không gặng hỏi thêm nữa, liền dặn dò người hầu: “Thay ta tiếp đãi Tổ Gia chu đáo.” Nói xong, quay ra ngoài tiếp các vị khách khác.

Sau khi Hoàng Ngũ gia đi khỏi, Tổ Gia đưa mắt ra hiệu cho Nhị Bá đầu, nói: “Đồ đệ, mau đi xem trong phủ có việc gì cần giúp một tay không, thì giúp họ.”

Nhị Bá đầu nói: “Vâng, Tổ Gia.”

Người hầu kia nghe thấy thế liền nói: “Không cần, không cần đâu, Tổ Gia là khách quý, chúng tôi không dám phiền ông phải động tay vào.”

Tổ Gia xua tay, cười nói: “Ta và chỗ Ngũ gia là bạn bè đã bao năm nay, việc của ông ấy cũng là việc của ta, không cần khách khí.”

Nhị Bá đầu quay người đi ra khỏi phòng. Một tiếng sau, tân lang và tân nương lên ô tô, bạn bè thân quen cũng lên xe đi theo, đoàn xe chạy về phía giáo đường. Hôn lễ diễn ra suôn sẻ dưới sự chủ trì của một vị cha cố mũi lõ. Sau đó, mọi người đến khách sạn Hoàng Gia mà Hoàng Ngũ gia là một cổ đông lớn, tiệc cưới bắt đầu.

Hoàng Ngũ gia là kẻ giàu có thích khoe khoang, tiệc cưới dùng toàn rượu Tây, đồ ăn toàn món đắt tiền. Tổ Gia là khách quý nên được mời ngồi cùng bàn với ông ta.

Khi tân lang tân nương đến kính rượu Hoàng Ngũ gia, lúc này Tổ Gia mới có cơ hội quan sát kỹ chú rể – một mỹ nam. Trước đây là diễn viên kịch, sau khi điện ảnh du nhập vào Trung Quốc, hắn liền được một công ty điện ảnh nhắm chọn làm diễn viên, con gái Hoàng Ngũ gia khi xem phim đã mê tít hắn.

Nhân viên khách sạn bê khay đựng rượu Tây, rót đầy cho tân lang tân nương. Chàng mỹ nam nâng ly, xúc động nói: “Con xin cạn ly chúc nhạc phụ đại nhân tùng hạc bất lão, thọ tử Nam Sơn.”

Những người đứng xung quanh tất thấy đều giơ ngón cái khen ngợi, lộ rõ vẻ a dua, nịnh bợ tro trên: “Đúng là nhân tài! Thiên kim tiểu thư nhà Ngũ gia thật có con mắt tinh đời, chọn được chú rể cao giá đến thế!”

Hoàng Ngũ gia tất nhiên cười không khép được miệng lại. Ông ta đâu biết rằng, Tổ Gia còn đang vui hơn cả mình nữa.

Sau khi chúc tụng xong, tân lang tân nương lại đến các bàn khác mời rượu.

Tổ Gia ăn một cách chậm rãi, liếc mắt nhìn Nhị Bá đầu ngồi ở bàn bên cạnh, Nhị Bá đầu gật đầu đáp lại.

Sau chừng một tiếng đồng hồ, nhiều người đã say mèm. Tổ Gia nhìn ngó không thấy tân lang tân nương đâu. Một lát sau, hai người quay trở lại, vừa ngồi chưa ấm chỗ thì cô dâu chạy ra ngoài, khi quay trở lại thì tới lượt chú rể chạy đi, hai người cứ thay nhau như vậy đến mấy lần nữa. Cuối cùng, cả hai đành đến trước mặt Hoàng Ngũ gia nói nhỏ vài câu. Ông ta cười nói: “Các con mệt thì cứ về trước nghỉ ngơi sớm đi.”

Mọi người hỏi han: “Có chuyện gì vậy?”

Hoàng Ngũ gia cười nói: “Chuyện của con trẻ, cứ để cho chúng thoải mái đi.”

Lúc này, một ông bạn già đã say bí tỉ ra điều ta đây hiểu lắm, liền lên tiếng: “Đêm động phòng hoa chúc, một khắc đáng giá nghìn vàng. Ngũ gia, đáng lẽ ông phải cho rể quý đưa con gái rượu về từ lâu rồi mới phải, khà khà!”

Mọi người cùng cười phá lên, Hoàng Ngũ gia cười đến nỗi chảy cả nước mắt.

Tiệc cưới tàn, Hoàng Ngũ gia vội vàng về phủ hỏi han tình hình con gái và con rể, cô con gái rượu hai má đỏ ửng, xấu hổ đến nỗi không mở miệng ra được, cuối cùng anh chồng mới ấp a ấp úng nói: “Chúng con bị mót tiêu, cứ đi liên tục.”

Hoàng Ngũ gia nghe thấy thế bật cười: “Mót thì đi, có gì phải ngại chứ.”

Cô con gái vội nói: “Nhưng không sao nhin được ạ.”

Hoàng Ngũ gia lại cười nói: “Không có gì đáng ngại cả. Chắc bởi các con căng thẳng quá đấy thôi.”

Đến nửa đêm, vẫn thấy phòng con gái sáng đèn, tiếng tân lang tân nương đi đi lại lại khiến Hoàng Ngũ gia không sao ngủ được. Cảm thấy sự việc nghiêm trọng, ông ta khoác áo sang xem, thấy con gái và con rể mặt mũi tái nhợt, không còn đứng thẳng người lên được nữa. Lúc này, ông ta mới nhận thấy sự việc tồi tệ, vội vàng sai bọn người hầu đi tìm thầy lang. Sau khi thầy lang đến liền bắt mạch, vẽ mặt cũng trở nên hoang mang, rồi kê đơn. Hai người uống theo đơn thuốc đến ngày thứ hai vẫn chẳng thấy hiệu nghiệm.

Không còn cách nào khác, bọn họ đành mời bác sĩ Tây y.

Tây y theo các giáo hội du nhập vào Trung Quốc, khi đó người Trung Quốc hoài nghi về Tây y chẳng khác gì hiện nay người ta hoài nghi về Đông y vậy. Hàng nghìn năm nay, người ta chỉ quen dùng các loại thảo dược, người bình thường chẳng ai dám uống những viên thuốc Tây, cho nên những người đầu tiên tiếp xúc với Tây y là tầng lớp đáy của xã hội. Những người nghèo nghĩ rằng, số mình hèn mọn, chẳng cần phải bận tâm quá nhiều, cứ bị bệnh là đến bệnh viện của giáo hội khám chữa, vừa rẻ vừa nhanh. Còn những người thuộc tầng lớp trên luôn có những vị đại phu nổi tiếng phục vụ riêng, luôn có được những loại thuốc Đông y thượng hạng, đâu thèm bận tâm đến thứ “y thuật man di” của bọn nước ngoài, càng không muốn mang người nhà của mình ra làm thí nghiệm.

Hoàng Ngũ gia đã hết cách, vạn bất đắc dĩ phải tìm một bác sĩ Tây y. Sau khi khám, vị bác sĩ này nhún vai ra điều bó tay. Đã thế, ông ta còn ra hiệu bảo hai vợ chồng cởi quần ra để kiểm tra đường tiết niệu.

Cũng may Hoàng Ngũ gia chưa bị chọc tức chết, đòi con gái ông cởi quần ra để kiểm tra ấy à? Ông bác sĩ này đầu óc có vấn đề rồi chắc! Cuối cùng, Hoàng Ngũ gia giận dữ đuổi thẳng cổ

ông bác sĩ đi.

TRÔM NGÀY VỚI THẦN TIÊN

Trong lúc không còn biết xoay xử thế nào, bỗng nhiên Hoàng Ngũ gia nhớ đến một việc: Hôm đó, khi Tổ Gia đến phủ tham dự tiệc cưới, vẻ mặt như đang băn khoăn điều gì, hình như ông ta định nói gì đó.

Hoàng Ngũ gia bắt đầu nghĩ đến chuyện chẳng lành, hay tại ngày kết hôn có chỗ nào không được thuận lợi, êm xuôi? Sau khi suy đi tính lại, ông ta sai người mời Tổ Gia đến.

Tổ Gia sau khi bước vào nhà, vừa ngồi xuống đã lên tiếng trước: “Ngũ gia, đã xảy ra chuyện gì với tân lang tân nương phải không?”

Hoàng Ngũ gia kinh ngạc: “Sao Tổ Gia biết?”

Tổ Gia gượng cười: “Kỳ thực, từ lúc nhận được thiệp mời của Ngũ gia, tôi đã băn khoăn không biết có nên nói với Ngũ gia hay không...”

Hoàng Ngũ gia liền truy hỏi: “Là chuyện gì vậy?”

Tổ Gia lắc đầu: “Ngày đại hỷ của lệnh ái tính ra không phải ngày tốt, cưới ngày ấy thì lắm bệnh vào người.”

Hoàng Ngũ gia giật mình: “Quả đúng như vậy! Hôm đó, cả hai đứa nó đều mắc phải chứng bệnh lạ. Nhưng... nhưng... ngày cưới tôi đã tìm thầy tướng số xem cho hẳn hoi, chọn được ngày hoàng đạo rồi mà, những người kết hôn cùng ngày hôm đó cũng đầy ra, người ta có làm sao đâu!”

Tổ Gia đánh mặt nói: “Vấn đề chính ở chỗ ấy! Hạng thầy chỉ biết máy móc, sách bảo gì nghe nấy, làm theo chỉ tổ gây họa! Ngày hoàng đạo chỉ là ngày tính theo quy luật đã được đại chúng hóa cho mọi người dễ hình dung, còn cụ thể với mỗi người mỗi khác. Ngày sinh khác nhau thì Bát tự cũng khác nhau, sao bản mệnh và Thần sát đối xung chiếu vào cũng khác nhau. Là ngày lành đối với người này, nhưng chưa hẳn đã là tốt đối với người kia. Ví dụ, hôm nay là ngày hoàng đạo, nhưng làm gì có chuyện trong ngày hôm nay, tất cả mọi người trong thiên hạ đều gặp chuyện tốt lành? Người nào phải chết vẫn cứ chết, người nào bệnh vẫn cứ bệnh, mặt trời ló rạng ở phương Đông vẫn cứ lặn xuống ở phương Tây, nhà này hoan hỉ, nhà nọ sầu não, ưu phiền. Cho nên, thầy tướng số cao tay là phải chọn ngày thâm nhật!”

Hoàng Ngũ gia vẫn bán tín bán nghi, hỏi: “Thâm nhật là thế nào?”

Tổ Gia giải thích: “Thâm nhật là một thuật ngữ mệnh lý được phái Mang Sư dùng đến nhiều nhất, tức là chọn lấy một ngày Thần sát đối xung không trực để lén lút cưới hỏi. Thiên thần địa quỷ cũng giống như các quan lại trên trần gian, cai quản trông coi cũng chia ra thời gian

khác nhau. Ngày kết hôn nếu gặp phải Thần sát đang trực, lại đối xung với sao bản mệnh của người kết hôn thì cực xấu. Cho nên, kẻ cao tay sẽ chọn ngày thâm nhập trên cơ sở của ngày hoàng đạo, như vậy mới tránh được họa. Ngày đại hỷ của lệnh ái lại đúng vào ngày sao xấu Thiên Bồng trực, sao Thiên Bồng quản về nước trên thiên hà, nếu tôi đoán không lầm, hai vợ chồng lệnh ái chắc chắn đã phạm thủy ách rồi!”

Chọn thâm nhập chính là tuyệt kỹ của Tổ Gia, kiến thức này ông học được từ ông thầy tướng số mù tên là Hoa Trọng Kim trong dân gian. Mỗi lần Đường khẩu phải làm việc lớn, tất sẽ chọn thâm nhập. Mệnh lý Mang Sư đã tự lập thành một môn phái riêng, bài khẩu quyết của họ chỉ truyền lại cho người mù. Bài khẩu ấy như thể đã bị nguyên rửa, nếu người sáng mắt học lỏm ắt gặp phải tai họa liên tiếp, cho nên có vài người đã cố ý đốt hương rồi tự làm mù mắt của mình để học lấy chiêu này.

Những lời này đã dọa cho Hoàng Ngũ gia sợ toát mồ hôi, ông ta nói: “Đúng là chúng gặp phải thủy ách thật, còn chảy nhiều không dứt là khác... Lẽ ra, Tổ Gia phải báo sớm cho tôi biết chứ!”

Tổ Gia gượng cười nói: “Ngũ gia, không phải tôi đây cố ý không nói cho ông biết. Hôm tôi nhận được thiệp mời thì chỉ còn cách ngày đại hỷ của lệnh ái bốn ngày, lúc ấy mấy trăm thiệp mời đã phát đi rồi, người ta vẫn nói: ‘Tang bất trạch thời, hỷ bất canh nhật’, sao lại có thể thay đổi được nữa? Huống hồ ngày đại hỷ, tôi đâu thể tùy tiện nói toạc chuyện này ra, như thế chẳng phải sẽ khiến Ngũ gia thêm phiền não hay sao?”

Hoàng Ngũ gia vội vàng chấp tay thi lễ nói: “Tổ Gia nói rất phải!”

“Đợi tôi xem thế nào đã rồi hãy tính tiếp.”

Hoàng Ngũ gia vội vàng dẫn Tổ Gia đến phòng của con gái và con rể. Nhìn hai người họ chẳng ra bộ dạng của vợ chồng mới cưới nữa, bị dọa đến nỗi cạn kiệt sức lực, chỉ biết nằm co quắp trên giường, người run lên bần bật.

Tổ Gia giả bộ bắt mạch cho hai người họ, sau đó cứ thờ dài.

Hoàng Ngũ gia liền hỏi: “Chúng sao rồi?”

Tổ Gia đứng dậy, nói: “Ngũ gia, chúng ta ra ngoài hãy nói.”

Trở lại phòng khách, Tổ Gia nói: “Quả đúng là đã đụng phải Thần sát, hơn nữa lại là chính xung, tổn thương rất nghiêm trọng.”

Hoàng Ngũ gia hoảng hốt: “Có cách nào cứu được không?”

Tổ Gia nhìn Hoàng Ngũ gia, cúi đầu không nói.

Hoàng Ngũ gia vẻ cuồng quýt: “Xin Tổ Gia cứ nói thẳng!”

Tổ Gia ngẩng đầu lên, hỏi: “Ngũ gia có biết tới điển tích bảy lần bắt, bảy lần thả Mạch Hoạch của Gia Cát Khổng Minh thời Tam Quốc không?”

Hoàng Ngũ gia sững người: “Biết... Sao vậy?”

Tổ Gia giảng giải: “Khi vây bắt Mạch Hoạch lần thứ bảy, Khổng Minh phải dùng hỏa công, đốt cháy đội quân giáp mây. Sau khi chiến sự kết thúc, Khổng Minh cảm thán: ‘Cách này làm tổn hại lớn đến âm đức, làm giảm dương thọ của ta’. Khổng Minh có được thuật Thiên địa tạo hóa, am hiểu Kỳ môn, suốt cuộc đời hô mưa gọi gió, thường phải mặc cả với quỷ thần trong trời đất, cho nên tuổi thọ bị hao tổn rất nhiều, 54 tuổi đã phải xuống gặp Diêm Vương rồi. Nay, lệnh ái phạm vào thần linh trên trời, muốn giải cứu phải dùng đến thuật Kỳ môn, ắt sẽ phải chịu sự trừng phạt của quỷ thần, dương thọ của tôi vì thế cũng bị tổn hao!”

Hoàng Ngũ gia nghe xong vô cùng đau xót, tuyệt vọng, rồi nước mắt chảy ròng ròng: “Tổ Gia giàu lòng từ bi, cứu vớt chúng sinh, xin hãy cứu lấy con gái và con rể tôi.”

Tổ Gia ngẫm nghĩ một hồi rất lâu, sau thở dài một tiếng, nói: “Thôi được, tôi đã đến đây rồi, cũng chẳng bận lòng đến an nguy của mình nữa. Mau lấy hai tấm vải đỏ, hai bát nước trắng, bày hương án, đặt thủ lợn để cúng thật to, cả gà, vịt và cá sống nữa, xung quanh bày rau mùi, đậu phụ, lạc, cơm, trà mỗi thứ một bát, mau chuẩn bị cho đủ đi!”

Hoàng Ngũ gia lật đật đứng dậy, luôn miệng cảm tạ rồi lập tức sai người hầu chuẩn bị mọi thứ như lời Tổ Gia đã dặn.

Sau khi mọi thứ đã đâu vào đấy, Tổ Gia nói với Hoàng Ngũ gia: “Mọi người lui hết cả đi, không được sự cho phép của ta, không ai được vào! Không được làm ồn, không được rỉ tai thì thầm bàn tán báng bổ quỷ thần, cũng không được đi lại lung tung!”

Hoàng Ngũ gia lệnh cho mọi người lui đi hết. Trong căn phòng lớn chỉ còn lại một mình Tổ Gia và một bàn đồ cúng.

Tổ Gia ở trong phòng cao giọng tụng kinh: “Thiên tinh ngô mệnh, ngô mệnh thiên tinh, lục giáp cửu chương, thiên viên địa phương, tứ thời ngũ hành, thanh xích bạch hoàng...” Trong lúc tụng, Tổ Gia lẳng lặng lấy từ trong túi một gói thuốc bột, đổ vào hai bát nước trắng.

LẬP ĐÀN LÀM PHÉP CHE MẮT THIÊN HẠ

Sau một tiếng đồng hồ, Tổ Gia đẩy cửa phòng bước ra trong bộ dạng mệt lử: “Ngũ gia, có thể vào được rồi.”

Hoàng Ngũ gia vội vàng chạy vào: “Tổ Gia, ông không sao đấy chứ?”

Tổ Gia vừa xoa tay vừa ho một cách yếu ớt: “Không đáng ngại, không đáng ngại. Mau mang hai bát nước ấy cho chúng uống đi. Mau, mau lên!”

Hoàng Ngũ gia vội vàng sai người bưng hai bát nước trắng cho con gái và con rể.

Tổ Gia nói: “Trong vòng ba ngày, bệnh tình tất sẽ khá lên.”

Hoàng Ngũ gia hết lời cảm tạ ơn Tổ Gia: “Tổ Gia, đại ơn đại đức này tôi phải báo đáp thế nào đây? Người đâu...”

Tổ Gia xoa tay: “Hoàng Ngũ gia khách sáo rồi, xin mau cho người đưa tôi về, nguyên khí trong người tôi bị hao tổn quá nhiều, cần phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng! Những việc khác, sau này hãy nói!”

Tổ Gia thừa hiểu, nếu ông nhận tiền lúc này, Ngũ gia chắc chắn sẽ cảm thấy không bằng lòng vì chưa thấy hiệu nghiệm. Đợi khi thấy kết quả rồi, ông ta sẽ tự khắc đến tận nhà cảm tạ.

Hai ngày sau, quả thật Hoàng Ngũ gia đến thăm Tổ Gia. Tất nhiên, lúc này ông vẫn đang nằm đắp chăn trên giường, trông bộ dạng rất yếu. Nhị Bá đầu đứng túc trực ngay bên giường, ra vẻ hết lòng săn sóc.

Hoàng Ngũ gia hỏi han thân tình: “Sức khỏe Tổ Gia không còn đáng ngại chứ? Bệnh tình của con gái và con rể tôi đã khá lên trông thấy rồi.”

Tổ Gia cười hiền từ: “Khá lên thì tốt rồi, khá lên thì tốt rồi!”

Ngay sau đó, Hoàng Ngũ gia bảo người hầu nhắc cái hộp tới, nắm tay Tổ Gia nói: “Chút lễ mọn này xin Tổ Gia vui lòng nhận cho. Tổ Gia vì cứu con gái và con rể tôi mà hao tổn sức khỏe và tuổi thọ, đại ơn đại đức này tôi cả đời không dám quên!”

Tổ Gia cười nói: “Ngũ gia quá lời rồi! Đó chẳng qua là việc tôi nên làm, Ngũ gia không cần quá bận lòng.”

Sau khi Hoàng Ngũ gia đi khỏi, Nhị Bá đầu mở cái hộp ra, thấy có năm mươi đồng đại dương, năm thỏi vàng. Nhị Bá đầu mừng rỡ, Tổ Gia cũng mừng rỡ. Tối hôm đó, các Bá đầu trong Đường khẩu đều tập trung trong phủ Tổ Gia, say sưa chè chén.

Tổ Gia xoa đầu Trương Tự Triêm nói trước mặt tất cả mọi người: “Lần này dàn cục êm xuôi, tất cả đều nhờ cả vào người anh em này.”

Thì ra hôm đó, khi Nhị Bá đầu giả bộ chạy đi giúp Hoàng Ngũ gia một tay, nhân lúc người ta không chú ý, liền đổ một thứ gì đó vào trong rượu của tân lang và tân nương. Thứ này không lấy mạng người ta, chỉ kích thích mạnh đến bàng quang, khiến người ta luôn cảm thấy buồn tiểu.

Trò đùa ác này có từ tận thời Yên Triệu. Thời đó, theo tục lệ chồng ghẹo tân lang tân nương vào đêm động phòng, những người trong thôn làng có thể nghĩ ra một cách nào đó để “hành hạ” cô dâu chú rể như: chặn không cho tân lang vào phòng, nằm trên giường tán tỉnh ve vãn tân nương, bò xuống gầm giường nghe trộm... Những trò cũ rích này năm nào cũng như năm nào chẳng thay đổi, khiến người ta cảm thấy nhàm chán, về sau phát hiện ra một cách chọc ghẹo chưa từng có xưa nay.

Trò này cực kỳ tổn hại âm đức, khiến tân nương xấu hổ vô cùng. Cách làm như sau: chỉ cần chuẩn bị một loại thuốc bột, chờ tới lúc tân lang tân nương chuẩn bị vào động phòng thì lén đổ vào chén rượu hoặc chén trà của tân nương, rồi khuyên nhủ tân nương uống, chưa đầy nửa canh giờ sau, tân nương sẽ cảm thấy buồn đi tiểu. Con gái ngày xuất giá theo chồng còn đang xấu hổ thẹn thùng, nếu chưa đến mức không thể nhịn được thì nhất định sẽ không chạy vào nhà xí để khỏi ê mặt. Nhưng một khi đã uống thứ thuốc bột này, cả người sẽ lạnh toát, một khi đã lên cơn, càng nhịn càng mót, thế rồi cô ta phải chạy vào nhà xí liên tục, chẳng phải làm trò cười cho thiên hạ hay sao.

Đây thực ra là một triệu chứng nhiễm trùng đường tiết niệu cấp tính, tức dù đã đào thải hết lượng nước tiểu trong người nhưng vẫn cảm thấy mót tiểu, không thể nhịn được, vừa ngồi xuống đã tè ra quần.

Nguyên liệu để chế ra loại thuốc bột này rất đơn giản, đó chính là thịt cóc. Cóc là loài có độc tính, hơn nữa còn rất mạnh. Đông y thời xưa đã biết rất rõ, bộ phận nào của cóc có thể dùng làm thuốc, bộ phận nào không. Y học hiện đại cũng đã chứng minh, loại độc tố này có thể gây mót tiểu.

Người trong thôn chính vì nghe theo chủ ý của một lão thầy lang giang hồ, cuối tháng đầu sau ngày Đông chí liền lên núi tìm bắt cóc. Họ đào những con cóc cụ ngủ đông dưới mặt đất, sau đó đập chết rồi phơi trên những phiến đá cho khô hết, cuối cùng nghiền thành bột. Lúc chồng ghẹo đôi tân lang tân nương, lén bỏ một chút bột vào ly rượu của tân nương rồi chờ xem cô ta thử thách sức chịu đựng của mình đến mức độ nào.

Về sau, trò chọc ghẹo này chỉ kết thúc khi có một sự việc xảy ra. Một cô dâu uống phải quá nhiều bột cóc, cộng thêm tính tình hay xấu hổ thẹn thùng thái quá, khi mắc tiểu cứ cố nhịn, nhất quyết không chịu vào nhà xí. Khi đám người kia vẫn đang trêu chọc thì một tiếng “bục” vang lên, bâng quang vỡ, cô dâu đột tử ngay trong phòng tân hôn. Chú rể giận dữ, một nhát dao đâm chết người đổ thứ bột đó vào chén. Từ đó, không còn ai dám dùng trò đùa ác ôn này nữa.

Trương Tự Triêm từ nhỏ đã rất say mê với những thứ này. Ngoài những thông tin liên quan đến loài cóc trong sách y học, anh ta còn tìm ra cơ chế gây bệnh của loại chất độc trên mình con cóc, về sau lại dựa vào những phân tích về dược lý của phương Tây tìm ra cách giải độc.

Tổ Gia dần dần lần này cần dùng đến một loại độc dược có độc tính vừa phải: gây bệnh nhưng không khiến người ta mất mạng, sau này vẫn chữa khỏi mà không gây hại đến sức khỏe.

Đường khâu khi đó ngoài thuốc độc thì chỉ có mê hồn tán. Trương Tự Triêm liền đề xuất cách này với một điều kiện, đó phải là việc làm “thay trời hành đạo”.

Tổ Gia bảo anh ta rằng, tên Hoàng Ngũ gia chính là tên đầu sỏ xã hội đen chính cống, bao nhiêu năm nay luôn bức hiếp dân lành. Khi xảy ra cuộc chính biến “12 tháng 4”, ông ta sai thủ hạ đóng giả làm công nhân, đánh úp Đội tự vệ vũ trang công nhân, giết hại rất nhiều đồng chí cách mạng.

Lúc này, Trương Tự Triêm mới đồng ý làm.

Trong buổi họp ăn mừng thành công, Tổ Gia rất hài lòng, hết lời khen ngợi anh ta: “Tự Triêm, lần này con đã lập công rất lớn đây!”

Trương Tự Triêm chỉ cười gượng gạo: “Con vẫn cảm thấy trong lòng không... không được thoải mái lắm...”

Tổ Gia hiểu rõ, những người vừa mới vào nghề, vẫn còn cái tâm lương thiện, chưa bị tiền bạc kim ngân che kín, chưa xuống tay đủ độ tàn độc.

Tổ Gia nói: “Thay trời hành đạo, chẳng có gì phải cắn rút lương tâm cả. Một phần số tiền này sẽ được dùng để cứu tế người nghèo. Gần đây, thời tiết khắc nghiệt, hay trái gió trở trời, ngày mai người hãy đích thân đi đến hiệu thuốc, tìm mua ít thảo dược, rồi phát cho những người nghèo khó quanh đây.”

Được lời như cởi tấm lòng, lúc này Trương Tự Triêm mới tươi cười lên được.

Chương 3. QUAN TÀI TÓC ĐEN: CỤC KHÔNG THẦY TƯỚNG SỐ NÀO DÁM DÀN

TÂM SỰ CỦA TỔ GIA

Tôi luôn nghĩ rằng, Trương Tự Triêm được sinh ra nhằm thời, nếu vào thời bình, chắc chắn đã đỗ đạt làm quan. Bởi không gặp thời, lại thêm biến cố gia đình, anh ta mới trượt chân vào con đường trở thành A Bảo. Từ đây, số mạng, vận mệnh, tình yêu, mọi thứ thuộc về anh ta đều gói gọn trong thế giới của A Bảo.

Trương Tự Triêm là người duy nhất trong số các Bá đầu kết hôn hai lần.

Chế độ hôn nhân ở Trung Quốc rất thú vị: độ tuổi được kết hôn theo luật định vào thời Đường – Tống là trai 15 tuổi, gái 13 tuổi; thời Minh Thanh là trai 16 tuổi, gái 14 tuổi; thời Dân Quốc, nhà lập pháp đã quy định độ tuổi kết hôn là: trai 18 tuổi, gái 16 tuổi. Mặc dù quy định rõ như vậy nhưng không ai tuân theo cả, đặc biệt là con cái của những gia đình nghèo khó. Người đàn ông nào đến 18 tuổi mà vẫn chưa kết hôn coi như tuyệt duyên với phụ nữ.

Các A Bảo không thiếu tiền bạc, nhưng vì thân phận quá đặc biệt, nên thường kết hôn rất muộn.

Tổ Gia không kết hôn, bởi ông có cách nghĩ của riêng mình; Đại Bá đầu đã kết hôn, nhưng về sau vợ ông ta bị lợn cắn chết, từ đó ông không có ý định tìm vợ nữa; Nhị Bá đầu chưa từng có ý định kết hôn, ông ta sùng bái Tổ Gia, nói rằng khi nào Tổ Gia lấy vợ thì ông ta mới lấy vợ, còn giờ cứ ghé chôn kỹ viện đã; Tam Bá đầu kết hôn với một nữ A Bảo, nhưng ngày nào hấn cũng chạy tới lầu xanh, vợ hấn cũng chẳng thể giữ nổi.

Năm thứ hai sau khi vào nghề, Trương Tự Triêm bước vào tuổi 17. Một hôm, sau buổi họp Đường khâu, Tổ Gia dặn Nhị Bá đầu gọi Trương Tự Triêm đến, lúc đó anh ta chưa ngồi lên chiếc ghế của lão Tứ, vẫn chỉ là tay chân của Nhị Bá đầu.

Ngày thường, mỗi khi đi chơi gái, Nhị Bá đầu đều muốn kéo Trương Tự Triêm đi cùng, muốn biến anh ta từ một chàng thanh niên trở thành một người đàn ông thực thụ, nhưng Tổ Gia không cho phép. Ông nói: “Tự Triêm là đứa trẻ trong sáng, nó không giống với chúng ta, đừng làm hư nó, nếu không, ta thấy rất có lỗi với nó.”

Trương Tự Triêm đến phủ của Tổ Gia, không biết ông định nói với mình chuyện gì.

Tổ Gia bảo anh ta ngồi xuống, mỉm cười nói: “Tự Triêm, nay cậu đã 17 tuổi, cũng nên lấy vợ thôi.”

Trương Tự Triêm hơi căng thẳng, cúi đầu im lặng không nói gì.

Tổ Gia nói tiếp: “Cậu đọc bao nhiêu sách rồi, cũng đọc nhiều thể loại nói về tình yêu trai gái, chuyện nam nữ cậu biết chẳng kém mọi người...”

Trương Tự Triêm đỏ mặt: “Tổ Gia, con vẫn còn nhỏ...”

Tổ Gia cười, nói: “Không còn nhỏ nữa, nếu cậu không đi theo ta, ngần này tuổi thì đã sớm có người đến nói chuyện kết thông gia rồi.”

Trương Tự Triêm mặt mũi đỏ bừng lên.

Tổ Gia cười khà khà: “Cậu là chàng trai tài mạo song toàn, tuy chúng ta là người của phái Giang Tương, nhưng tuyệt đối không có chuyện tùy tiện qua lại với người khác. Tổ Gia muốn tìm cho cậu một chỗ môn đăng hộ đối, loại con gái bình thường, Tổ Gia ta không chấp thuận.”

Trương Tự Triêm cúi đầu mỉm cười.

Năm 1948, khi tôi bước chân vào Đường khẩu, Nhị Bá đầu đã kể cho tôi nghe rằng, mới đầu Tổ Gia định đào tạo Trương Tự Triêm làm người kế nhiệm của mình. Trương Tự Triêm mặt mày góc cạnh, nước da trắng trẻo, được trời phú cho khí chất của một quân nhân, thông hiểu Đông - Tây kim cổ, văn chương xuất chúng. Tổ Gia che chở, thương yêu, dạy bảo anh ta như con. Nhưng người tính không bằng trời tính. Mấy năm sau, chính vào lúc tương lai đang rộng mở thênh thang, một biến cố bất ngờ xảy đến, quật ngã Trương Tự Triêm hoàn toàn và cũng làm tan nát cả cõi lòng Tổ Gia.

Trương Tự Triêm bị điên.

Bệnh điên của Trương Tự Triêm không giống như thông thường, không phải kiểu ngớ ngẩn, mà là bệnh điên do chứng trầm cảm hành hạ, một hội chứng trầm uất nặng. Ngày đó, người ta vẫn chưa phân biệt được người mắc hội chứng trầm cảm với những người thần kinh không ổn định, nên đều gọi chung là bị “điên”.

Có lẽ, những người thông minh tuyệt đỉnh đều có nguy cơ mắc chứng trầm cảm, như: Darwin, Hải Minh Uy, Vincent Willem van Gogh, Churchill,... có người còn tự kết liễu đời mình. Thiên tài thường là những kẻ yếu đuối nhất, xét về phương diện tư duy, có thể nói không ai bì kịp, nhưng lại không thể chịu đựng được bất kỳ một sự tổn thương nhỏ nào từ bên ngoài tác động đến. Một khi bị tổn thương, họ sẽ suy sụp rất nhanh. Thiên tài, họ chỉ giỏi vượt bậc về một lĩnh vực nào đó chứ không phải tất cả mọi khía cạnh nhân sinh.

Trương Tự Triêm chính là kiểu người này. Tuy hàng ngày vẫn nói cười vui vẻ, nhưng chỉ cần

bản thân phạm lỗi lầm, Tổ Gia còn chưa nói gì, anh ta đã tự thấy hổ thẹn vô cùng. Anh ta luôn đòi hỏi bản thân rất cao, không cho phép mình mắc phải bất cứ một sai lầm dù là nhỏ nhất. Tổ Gia dù muốn phê bình anh ta cũng phải lựa cách, giảng giải từng tí, rủi rĩ từng lời, cho đến khi anh ta cảm thấy tâm phục khẩu phục mới yên tâm.

Tổ Gia tốt với Trương Tự Triêm như vậy, ngoài việc có ý muốn trau dồi năng lực, phần nhiều còn bởi cảm thấy hổ thẹn trong lòng. Tổ Gia cứu Trương Tự Triêm vì ông có mục đích riêng, vốn dĩ có thể cứu được cả cha của anh ta, nhưng ông đã không cứu, khiến hai cha con họ phải âm dương chia lìa, có như vậy mới sử dụng triệt để bản lĩnh của Trương Tự Triêm. Bởi vậy mới nói, một khi Tổ Gia trở nên tàn độc, lòng dạ còn cứng hơn cả sắt đá.

Lại nói đến chuyện làm mối kết thông gia, hai tháng sau, Tổ Gia dẫn Trương Tự Triêm đến Nam Việt.

TRƯƠNG TỰ TRIÊM ĐI DẠM HỎI

Các A Bảo ở Việt Hải Đường đều là nữ. Môn đăng hộ đối mà Tổ Gia đã nói có hai ý: Một, phải là truyền nhân của phái Giang Tương, nếu không sẽ rất dễ gây ra chuyện rắc rối; hai, người con gái đó cũng phải tài mạo song toàn, một cô gái xấu xí, đầu óc ngu đần thì không thể được. Nghĩ đi nghĩ lại, Tổ Gia vẫn cảm thấy chỉ có thể tìm được một người như vậy trong Việt Hải Đường.

Khi đó, Giang Phi Yến vẫn chưa đặt ra quy định “nữ A Bảo suốt đời không được phép lấy chồng” trong Đường khẩu của bà. Nghe tin Tổ Gia đến, Giang Phi Yến mừng vui ra mặt. Việc Tổ Gia đầu trí với Tây Điền Mỹ Tử giúp giải nguy cho Việt Hải Đường lần trước, bà vẫn chưa kịp cảm tạ.

Tổ Gia cai quản Mộc Tử Liên đã nhiều năm, cũng từng mấy lần đến Việt Hải Đường, nhưng những lần đó Giang Phi Yến đều không có mặt ở Đường khẩu. Mỗi khi Tứ đại Đường khẩu tụ họp, người ở lại trông nhà cửa thường là các Đại Bá đầu, cho nên hai người cũng chưa từng gặp mặt. Giang Phi Yến chỉ nghe nói Đông phái mới xuất hiện một bậc anh tài mà chưa có duyên gặp gỡ. Cuối cùng, sau khi sư phụ Kiều Ngũ Muội qua đời, Giang Phi Yến cũng được gặp mặt con người nổi tiếng là khó nắm bắt này.

Giang Phi Yến tươi cười: “Tổ Gia lặn lội đường xa hạ cố đến thăm, có gì chỉ giáo?”

Tổ Gia cười, đáp: “Yến tỷ khách sáo quá, lần này đệ đến xin kết làm thông gia.”

Giang Phi Yến hơi đỏ mặt: “Kết làm thông gia ư?”

Tổ Gia nói: “Trong Đường khẩu của đệ có một huynh đệ, tuổi mới mười tám đôi mươi, là trang anh tài, thông minh tuyệt đỉnh, đệ tính tìm cho nó một cô nương môn đăng hộ đối, nghĩ đi nghĩ lại, vẫn thấy thủ hạ chỗ Yến tỷ có thể tin cậy được. Cho nên, lần này đệ mới không mời

mà đến, khà khà...”

Giang Phi Yến nghe thấy vậy cười nói: “Tổ Gia thật nhân nghĩa, ngay cả chuyện hôn sự của các huynh đệ cũng bận lòng đến như vậy.”

“Đâu có, đâu có, xin nhờ cậy Yến tỷ.” Nói dứt lời, Tổ Gia quay ra gọi Trương Tự Triêm. “Tự Triêm, tới chào Đại sư bá đi.”

Trương Tự Triêm liền đi đến trước mặt cúi chào Giang Phi Yến: “Đại sư bá, xin hãy nhận của con một lạy.”

Giang Phi Yến tươi cười, nói: “Mau đứng lên, mau đứng lên đi.”

Nhìn chàng thanh niên tuấn tú, Giang Phi Yến ngẫm nghĩ giây lát, bà nghĩ đến đệ tử Hoàng Pháp Dung trong Đường khẩu của mình, con bé ấy và thằng nhóc đang đứng trước mặt mình đây thật đúng là một cặp trời sinh.

Hoàng Pháp Dung cũng là một nhân vật truyền kỳ. Bà sinh vào năm Dân Quốc thứ 4, quê gốc ở Giao Châu (Sơn Đông), lớn hơn Trương Tự Triêm một tuổi. Bốn năm trước được Giang Phi Yến thu nạp ở Phúc Kiến. Về sau, gần như tất cả những vụ đàn cục Trát phi lớn đều do bà nhúng tay vào. Bà thách thức Mai Hoa Hội, trừng trị bang Thái Cực, dẹp Trung Nguyên Ngũ Hổ, diệt Giao Đông Trịnh Bán Tiên, tài năng đạt đến tuyệt đỉnh, có thể hô mưa gọi gió. Bà rất thông minh, giỏi lập kế hoạch, thậm chí năm lần bảy lượt thử thăm dò cả Tổ Gia. Nhưng từ ngàn xưa, nhiều bài học trong lịch sử đã cho thấy, phạm là người càng thông minh, kết cục càng thê thảm, hết khôn sẽ dôn đến dại, gây ông lại đập lưng ông.

Trong Đường khẩu của Giang Phi Yến, Hoàng Pháp Dung được gọi là “Linh muội”. Khác người, tướng mạo tất khác thường, người phụ nữ này có cặp mắt to, sáng ngời, trong ánh nhìn sâu hun hút luôn lộ ra vẻ bí hiểm. Có người nói, bà có thể nhìn thấy ma quỷ, cũng có thể nhìn thấu lục phủ ngũ tạng của người khác, Việt Hải Đường vẫn kháo nhau: “Thiên cơ cứ hỏi Quỷ Muội, Diêm Vương hỏi chuyện cứ tìm Pháp Dung”, đủ thấy địa vị và năng lực của bà như thế nào. Có thể nói, Hoàng Pháp Dung là toàn chính công. Toàn là một từ lỏng, ngược với bại. Trong các A Bảo, vài người có bản lĩnh thật sự, thông hiểu âm dương ngũ hành, có nền tảng Dịch học nhất định, được gọi là toàn; những kẻ chỉ biết đi lừa gạt được gọi là bại. Đương nhiên, phần lớn A Bảo chỉ là bại.

Bản lĩnh toàn của Hoàng Pháp Dung đều do ông nội truyền dạy. Ông nội bà chính là Hoàng Đạo Thành, một bậc thầy mệnh lý có tiếng ở Giao Châu. Khi Hoàng Pháp Dung ra đời, Hoàng Đạo Thành nói đầy tự hào: “Cháu gái ta chào đời đúng vào ngày đẹp, mệnh có Tam Kỳ, Hoa Cái bất không, Tướng Tinh lâm nguyệt, Văn Xương nhập mệnh, sau này nhất định sẽ là bậc tài nữ!” Bởi vậy, ngay từ khi còn nhỏ, Hoàng Đạo Thành đã ra sức truyền thụ cho bà thuật Kỳ môn.

BÁT TỰ QUYẾT ĐỊNH SÔ PHẬN

Các thầy mệnh lý đều cho rằng, trong Bát tự của một người vốn đã chứa đựng sẵn những thông tin đặc biệt cho biết người đó nên làm việc gì, thích hợp với chức vụ gì. Ai chẳng muốn những điều tốt đẹp, chẳng thích một công việc có thể làm cho mình được mở mày mở mặt, nhưng thầy tướng số bày Bát tự của anh ra xem thì sẽ biết anh có được toại nguyện hay không. Bát tự học cho rằng: Người làm quan thì Quan tinh vượng tướng, hơn nữa là Hỷ thần Dụng thần; người buôn bán kinh doanh, tất Tài tinh cường vượng, sáng rõ; người làm những công việc liên quan đến học vấn, Ấn tinh tất sinh vượng là Dụng thần...

Các sao Hoa Cái, Tướng Tinh, Văn Xương mà Hoàng Đạo Thành nhắc đến đều là những thuật ngữ chỉ các loại Thần sát trong Tứ trụ. Hoa Cái vốn chỉ cái ô che trên đỉnh đầu của Ngọc Đế, ý nói cái thế cao ngất không ai sánh bằng, tránh gặp phải thần Không vong, nếu gặp tất sẽ bị phá, trở thành sao Thiên sát. Một vài nhân vật giang hồ có mệnh phạm phải sao Thiên sát chính là bắt nguồn từ lý này. Lỗ Tấn tiên sinh cũng từng cảm thán: “Gặp vận Hoa Cái há mong cầu, Chứa đám quay lưng đã đựng đầu.” Tướng Tinh chủ về quyền uy của tướng soái, Tướng tinh nhập mệnh cho thấy người này có khả năng thống lĩnh, lãnh đạo. Sao Văn Xương – giống như Văn Khúc chủ về khoa cử, các trạng nguyên phần lớn đều có sao này nhập mệnh.

Mặc dù thứ lý luận mê tín này đã sớm bị bậc tiên hiền phê phán, nhưng Hoàng Đạo Thành với tư tưởng cổ hủ vẫn say mê nghiên ngẫm nó. Hoàng Pháp Dung tư chất thông minh, khả năng ghi nhớ vượt trội, nên nhanh chóng thuộc lòng Ngũ hành bát quái, thiên can địa chi, sau đó lại tìm hiểu qua về Tứ trụ, Lục hào, Kỳ môn, Lục nhị thần khóa, Tử vi đẩu số, mới hơn 10 tuổi đã biết dùng các kỹ thuật, phương pháp đơn giản để đoán mệnh cho người khác, lúc này bà ta cũng có chút tiếng tăm trong thôn xã.

Nhà có bốn chị em gái, Hoàng Pháp Dung lại là chị cả. Ở nông thôn, nếu nhà có đông anh chị em, đứa lớn thường phải chịu thiệt thòi nhất, việc gì cũng đến tay. Những việc như: nấu cơm, cho lợn ăn, trông các em thì khỏi phải kể, chỉ cần lơ là một chút sẽ khiến cha mẹ bực tức chửi bới, đánh đập. Hơn nữa, cha mẹ cũng không tán thành việc bà học những thứ đó, họ nói: “Một đứa nha đầu, chỉ cần học thêm chút may vá thêu thùa là được rồi, lớn lên thì đi lấy chồng! Học những thứ vớ vẩn này, ra khỏi nhà xem mày sẽ sống thế nào!”

Năm 14 tuổi, số phận Hoàng Pháp Dung rẽ sang một bước ngoặt. Mùa hè năm đó, cha của bà nhắc bà chuyện cưới xin. Ông nói, bà được đính ước với anh họ xa từ khi còn trong bụng mẹ, tức chuyện hôn nhân đã được định đoạt từ khi bà còn chưa chào đời.

Hoàng Pháp Dung vừa nghe đã nổi cáu. Bà biết người anh họ này đúng là rất thật thà, nhưng thật thà đến nỗi ngờ nghệch. Hoàng Pháp Dung tự cho mình thông minh tuyệt đỉnh, cao quý hơn người, người đàn ông trong mắt bà nhất định cũng phải tài trí hơn người, bụng đầy kinh luân mới được, nên nhất quyết không đồng ý.

Ngày cưới sắp đến, bà cô thường xuyên đến nhà chơi, nhận thấy có vẻ như cô cháu gái của

mình không bằng lòng cuộc hôn nhân này, vì thế mỗi lần đều mang hậu lễ tới, đầu tiên còn hi hủ nhắc tới chuyện kết làm thông gia, sau lại rơm rớm nước mắt ra điều ảm ức lắm.

Thời phong kiến, địa vị người phụ nữ rất thấp kém, hôn ước cũng giống như khế ước, nếu nhà gái hủy hôn sẽ bị phạt nặng. Cha của Hoàng Pháp Dung cương quyết: “Cho dù phải trói, cũng phải mang con a đầu này đến cho nhà người ta!”

Hoàng Pháp Dung chạy tới buồng ông nội, nước mắt lã chã: “Ông ơi, ông ơi, con phải làm sao đây?”

Ông nội thương cháu cũng rơi nước mắt, nói: “Dung Nhi, số mệnh con đã vậy, lần này ông nội cũng không giúp gì được con!”

Nếu là một đứa con gái bình thường, bà chắc đã vâng lời cha, nhưng bà ấy là Hoàng Pháp Dung, mới 14 tuổi đã dám bỏ trốn trước ngày cưới hỏi, khi bỏ đi chỉ mang theo một tay nải với vài chiếc bánh nướng. Bà chạy một mạch về phía Nam, nếu đói bụng thì cắn một miếng bánh, khát thì gõ cửa nhà người ta cúi lạy xin bát nước, sau đó lại trèo lên tàu hỏa, đi qua Giang Tô, An Huy, Chiết Giang, đến tận Phúc Kiến.

Khi đến được Phúc Kiến, Hoàng Pháp Dung không chạy nữa, bà cảm thấy đã chạy xa đủ để người nhà không tìm được nữa. Bà thở phào nhẹ nhõm, mừng rỡ nghĩ rằng mình đã được tự do, con đường phía trước thênh thang, rộng mở đón chào. Nhưng nếu biết rằng, những ngày tháng về sau sẽ sa chân vào một tổ chức xã hội đen, phải trả một cái giá cực kỳ đau đớn, thì thậm chí lúc đó bà sẽ không mừng vui đến thế, thậm chí còn hối hận vì đã bỏ nhà ra đi.

Ở Phúc Kiến, việc đầu tiên Hoàng Pháp Dung phải đối mặt đó là vấn đề sinh tồn. Mặc dù đã hết sức dè sẻn, nhưng mấy cái bánh nướng ăn mãi cũng hết; bà biết xem bói, nhưng ai sẽ tin lời một con nhóc 14 tuổi? Khi ở nhà, còn có thể dựa vào tiếng của ông nội, có lúc còn được ông nội gợi ý trước. Nay một thân một mình ở bên ngoài, không thể dùng chút tài lẻ đó để xoay xở được.

Bà chỉ có thể đi ăn xin. Xin ăn thực đâu dễ dàng gì, bọn ăn mày cũng phân chia địa bàn riêng, người từ nơi khác đến sẽ bị chúng đánh đuổi. Có lần, bà vừa mới xin được hai đồng, ngay lập tức bị mấy đứa ăn mày khác chạy đến giật mất. Một đứa cô gái nhỏ bé yếu đuối, làm sao đánh lại đám con trai lang thang đầu đường xó chợ, cuối cùng bà đành phải đi nhặt đồ trong đồng rác ăn cho đỡ đói.

Sau nhiều ngày chịu đói, chịu rét, cộng thêm cái dạ dày bị những thứ đồ ăn ôi thiu hành hạ, Hoàng Pháp Dung bị ốm, sốt mê man, nằm gục bên đường chờ chết.

Trong cơn mê, bà cảm thấy có người bế mình lên, gắng mở mắt nhưng không sao mở nổi, tiếp tục chìm vào cơn mê man. Đến khi tỉnh lại, thấy mình đang nằm trong một căn phòng ấm áp, bà chớp chớp mắt nghĩ rằng mình đã chết, ngờ đây chính là thiên đường, đang lơ mơ nghĩ, một

khuôn mặt hiền từ ghé sát mặt mình.

“Con tỉnh rồi à?”

Người đó chính là Giang Phi Yến. Hôm đó, Giang Phi Yến dẫn theo mấy A Bảo đến Phúc Kiến bàn công chuyện với hội đạo môn của vùng đó, khi trở về quán trọ lúc xẩm tối, tới một con ngõ nhỏ đã trông thấy Hoàng Pháp Dung đang nằm thoi thóp. Phái Giang Tương là đám người chuyên lấy của bọn nhà giàu chia cho người nghèo, Giang Phi Yến lại giàu lòng thương người, thấy tình cảnh như vậy, bà không chút do dự, liền ra lệnh cho đám thuộc hạ bế Hoàng Pháp Dung về nhà trọ.

Hoàng Pháp Dung ngơ ngác nhìn người phụ nữ hiền từ trước mặt, không biết phải nói gì. Vốn là đứa con gái nhà quê, ít gặp được người lạ, 14 tuổi vẫn làm bạn với đám bạn áo quần rách rưới, ở trong ngôi nhà tường đất dột nát, giờ lại được nằm trong một căn nhà sạch sẽ, ấm áp, trước mặt lại là người phụ nữ cao quý, Hoàng Pháp Dung cứ ngỡ mình đang ở chốn thiên đường.

Giang Phi Yến thấy cô bé không nói gì, nhỏ nhẹ nói: “Con ngoan, không sao rồi.”

Hoàng Pháp Dung vẫn ngơ ngác nhìn Giang Phi Yến, im thít, mím chặt môi.

Mãi lâu sau, cuối cùng, bà cũng hiểu được rằng mình vẫn còn sống, liền òa lên khóc nức nở.

Giang Phi Yến cúi người lau nước mắt cho bà.

“Con ngoan, đừng khóc, đừng khóc.”

“Mẹ...” Hoàng Pháp Dung khẽ gọi.

“Con ngoan... con...” Giang Phi Yến xúc động.

“Mẹ...” Hoàng Pháp Dung giơ đôi tay bé nhỏ, ôm chặt lấy Giang Phi Yến, nước mắt ướt nhoe trên khuôn mặt.

Hai tiếng gọi “mẹ” cất lên khiến Giang Phi Yến cảm thấy xót xa trong lòng, bà biết đứa trẻ trước mặt mình đây đã phải chịu tổn thương, cực khổ đến nhường nào mới gọi một người lạ là “mẹ”, hẳn nó khát khao tình thân và khát khao được mẹ yêu thương đã lâu lắm rồi.

Giang Phi Yến nhớ về quãng thời gian trong quá khứ của mình, bản thân bà cũng bị cha mẹ bỏ rơi. Những người phụ nữ trở thành A Bảo, nếu không bị cha mẹ bán vào lầu xanh làm kĩ nữ thì cũng là đứa bé ăn mày không cha không mẹ, có người vì không thể chịu đựng được cảnh bị chồng đánh đập, ngược đãi mà liều mạng mang tội giết người... Tóm lại, bọn họ đều mang trong mình những tổn thương.

Nhiều người chỉ biết tìm đến cái chết, một vài người gắng gượng đứng dậy, tiếp tục sống, trở thành một người mạnh mẽ.

“Con ngoan, đừng khóc!” Giang Phi Yến ôm chặt Hoàng Pháp Dung vào lòng.

Hoàng Pháp Dung càng òa khóc: “Mẹ, hãy cho con theo... Con làm trâu làm ngựa, hầu hạ mẹ suốt đời! Mẹ hãy nhận con làm con nuôi...”

“Con ngoan, đừng sợ, ta sẽ không bỏ rơi con.” Nhìn đứa bé đáng thương này, Giang Phi Yến thấy cay sống mũi, những giọt nước mắt lăn xuống.

Lúc đó, Hoàng Pháp Dung tỏ ra là một con nhóc thông minh vô cùng, khi phát hiện ra mình vẫn chưa chết, nó biết nó phải bám chặt lấy người phụ nữ đang đứng trước mặt mình để thoát khỏi những ngày tháng cơ cực. Thông minh làm vậy, nhưng cũng chính sự thông minh ấy đã âm hại bản thân bà.

BÍ MẬT CHUYỆN CẦU MƯA

Quyền cho một ai đó bước chân vào Đường khẩu nằm trong tay Đại sư bá. Giang Phi Yến mặc dù miệng đã nói đồng ý, nhưng bà hiểu, đứa trẻ này có thể ở lại Đường khẩu hay không còn phải đợi Kiều Ngũ Muội chấp thuận mới được. Mấy ngày sau, Giang Phi Yến đưa Hoàng Pháp Dung trở về Nam Việt.

Thế giới này quả thật kỳ lạ, có những người dù cách biệt một phương trời, nhưng mới gặp lần đầu mà như đã thân quen; có những người dù ở gần kề nhau nhưng ngày nào cũng chỉ đi lướt qua nhau. Hoàng Pháp Dung, Giang Phi Yến và Kiều Ngũ Muội chính là những người vừa gặp lần đầu mà như đã quen biết từ lâu. Con a đầu này trông rất láu cá, cặp mắt to, ngời sáng lạnh lợi, mỗi tội hơi gầy, còn những điểm khác đều không chê vào đâu được. Vừa mới gặp Kiều Ngũ Muội, nó đã biết quý xuống cúi lạy gọi “bà”, khiến Kiều Ngũ Muội thích thú cười phá lên.

Những ngày tháng về sau, Kiều Ngũ Muội và Giang Phi Yến dần dần nhận ra họ đã nhặt được một viên ngọc quý. Con bé thực là một kỳ tài về tướng số. Cứ như duyên phận trời định, nếu Hoàng Pháp Dung không bỏ trốn trước ngày cưới thì sẽ không tới Phúc Kiến; nếu Giang Phi Yến không đi qua con ngõ nhỏ kia cũng sẽ không cứu được cô bé.

Sau khi Hoàng Pháp Dung gia nhập Đường khẩu, theo thông lệ, Giang Phi Yến phải truyền dạy cho bà những kiến thức nền tảng về âm dương ngũ hành và nhiều thứ khác. Nhưng thực tế thì bà không cần phải học vì đã am hiểu hơn hẳn bất cứ người nào trong Đường khẩu, ngay cả Kiều Ngũ Muội cũng không thể kiểm tra hết được kiến thức của bà.

Khoảng thời gian đó, Kiều Ngũ Muội đã nhận lời mời đến Liễu Châu ở Quảng Tây làm lễ cầu mưa cho bà con vùng đó. Bà ngẫm nghĩ mãi, cuối cùng quyết định dẫn Hoàng Pháp Dung theo

cùng.

Khi cầu mưa, Kiều Ngũ Muội làm rất phô trương: lập vân đài, làm phép, vẩy nước sạch ra đường, sau đó đắp đất lên mặt đường, cây quăn vải trắng, trúc treo phan vàng, cả trăm người tiền hô hậu ủng, tựa trận thế thần tiên, chiếu khắp thiên hạ.

Vân đài cao ba trượng ba, Kiều Ngũ Muội bước từng bậc lên, tay cầm cây phát trần, khê rung chuông vàng, tiếng trống, tiếng khánh, tiếng chũm chọe đập vào nhau được hai hàng đạo sĩ gióng lên rộn ràng. Trên vân đài, có đủ hương án, giá nến, lư hương và vàng mã. Đầu tiên Kiều Ngũ Muội bái lạy Vương Mẫu nương nương, rồi bái lạy Lôi Công, Điện Mẫu, rồi bà khăn rất to, bộn huyện lệnh, sư gia đứng dưới đài chăm chú thành kính, đám dân chúng cũng ngھn cổ lên nhìn, cung kính vô cùng.

Sau khi việc làm phép kết thúc, Kiều Ngũ Muội quát to một tiếng: “Có Lôi Công phụ tá, Điện Mẫu gia trì, nội trong nửa tháng, tất sẽ có mưa!”

Kỳ thực, Kiều Ngũ Muội cầu được mưa xuống là nhờ vào khả năng quan sát thiên tượng của mình, cũng giống như Gia Cát Lượng mượn gió Đông lập đàn Thất tinh vậy. Những thứ vẽ vờ ra chỉ nhằm mục đích che mắt người ta, còn thực tế, họ đều tinh thông thiên văn địa lý, giỏi quan sát trời đất, dựa vào thuật Kỳ môn khởi cục tính toán được ngày trời nổi gió hoặc đổ mưa.

Thời xưa chưa có dự báo thời tiết, người dân lao động trong cuộc đấu tranh dai dẳng với thiên nhiên khắc nghiệt đã đúc rút nên rất nhiều kinh nghiệm. Một vài thuật sĩ có tâm đã tìm hiểu các quy luật giữa các hiện tượng tự nhiên như nhật tượng, tinh tượng, nguyệt tượng, khí tượng và đúc kết thành một môn khoa học mang đậm bản sắc phương Đông.

Kiều Ngũ Muội đã nắm được kỹ pháp này, trong Việt Hải Đường phong tướng trát ký có đoạn ghi chép rất thú vị như sau:

Lôi Công hà sở? Điện Mẫu hà sở?

Giang Tướng nhất môn, A Bảo tự độ.

Nguyệt huân tam nhật phong, nhật huân tam canh vũ;

Tảo hà bất xuất môn, văn hà hành thiên lý.

Vân thái vãng Đông, nhất trận đại phong;

Vân thái vãng Nam, đại vũ xung thuyền;

Vân thái vãng Bắc, thiên địa tất hắc;

Vân thái vãng Tây, ngư phệ soa y.

Sở tảo hỷ tước khiêu, nguyệt nội can tảo tảo;

Tảo khiêu tài vận đảo, vãn khiêu tang sự báo.

...

Bốn câu đầu tiên nghĩa là: “Thần Sấm đang ở đâu? Thần Sét đang chốn nào? Môn sinh phái Giang Tương đều có thể thỉnh mời.” Người xưa cho rằng, hiện tượng sấm, sét đều do Thần Sấm và Thần Sét trên trời tạo ra.

Phần sau ứng vào những quy luật cụ thể: nếu quanh mặt trăng xuất hiện quang thì chỉ trong ba ngày trời sẽ nổi gió (Nguyệt huân tam nhật phong); nếu xuất hiện quang mặt trời thì canh ba hôm đó chắc chắn sẽ có mưa (Nhật huân tam canh vũ).

Tảo hà bất xuất môn. Nghĩa là, buổi sáng, nếu thấy vàng mặt trời vừa mới ló ra đã có ráng mây thì tuyệt đối không được đi ra khỏi nhà, vì sẽ có mưa lớn; ngược lại, nếu vào lúc mặt trời lặn có ráng chiều rực rỡ, hào quang muôn trượng thì cứ yên tâm xuất hành, trong khoảng thời gian gần đó sẽ không thể có mưa, cho nên mới có câu “Vãn hà hành thiên lý”.

Bốn câu tiếp theo là bí kíp quan sát mây, cách này không chỉ được ghi chép trong Việt Hải Đường phong tướng trát ký mà còn được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, chỉ có điều mỗi địa phương thì cách nói khác nhau một chút. Thực ra, cái tinh túy của bốn câu này nằm ở từ vân thái, nó không phải chỉ là áng mây bình thường lạng lẽ trôi trên bầu trời mà là áng mây đen, áng mây lớn.

Trung Quốc nằm ở Bắc bán cầu, địa hình Tây cao Đông thấp, khí hậu miền Nam nắng nóng, miền Bắc lạnh giá. Trong Trát ký đã viết: hiện tượng mây và mưa do hơi nước từ dưới mặt đất bốc lên gặp không khí lạnh tạo thành; mây nổi lên ở phía Tây di chuyển về phía Đông, trôi thuận chiều, hai trạng thái nóng lạnh đối lưu, làm nên trận cuồng phong (Vân thái vãng Đông, nhất trận đại phong); mây trôi từ phía Bắc về phía Nam, mây lạnh bên trên, hơi nóng bên dưới, nóng lạnh gặp nhau, mây dày thêm, cuối cùng trút xuống thành cơn mưa lớn (Vân thái vãng Nam, đại vũ xung thuyền); mây trôi từ phía Nam về phía Bắc, hơi nóng ở trên, khí lạnh ở dưới, Khảm hợp Khôn thu, đất trời tối đen (Vân thái vãng Bắc, thiên địa tất hắc); mây trôi từ phía Đông về phía Tây, theo thế mà lên, gió thổi không tán, sấm vang không động, tích tụ dày dần, cuối cùng sét đánh, mưa to như trút (Vân thái vãng Tây, ngư phệ soa y).

Đây là lời giải thích rất khoa học của lão tổ tông Việt Hải Đường đối với mấy câu khẩu quyết này. Nhưng, suy cho cùng, vạn pháp hơn nhau ở chỗ ứng biến linh hoạt, hướng hồ mây cũng muôn hình vạn trạng, có mây đen, mây dày, mây đặc, mây mỏng, mây vỡ từng tảng, mây lưa thưa... Không bỏ công sức tìm hiểu đến dăm ba năm thì khả năng quan sát mây mà đoán mưa, đoán gió chỉ là trò hề.

Hai câu cuối cùng Sở táo hỷ tước khiêu, nguyệt nội can táo táo. Sở chỉ nền đất, sở táo tức mặt đất khô ráo, là biểu hiện cho thấy bầu trời quang đãng, thời tiết nắng ráo. Sở dĩ nói đến chim hỷ tước bởi, trời càng quang đãng trong lành, hỷ tước càng hót rộn rã, hỷ tước càng hót rộn ràng, dự báo tiết trời quang đãng kéo dài càng lâu.

Về loài hỷ tước, nó thường được nhắc đến và so sánh với loài quạ, tục ngữ có câu: “Hỷ tước báo hỷ, quạ đen báo tang”. Kỳ thực, không phải lúc nào hỷ tước cũng báo hỷ, có lúc nó cũng truyền tin xấu, nên mới có câu: “Sớm báo hỷ, tối báo tang”. Buổi sáng, nếu hỷ tước riu rít đầu nhà thì chuyện vui sẽ đến, còn khi màn đêm buông xuống, nếu chúng đậu trên cành cây kêu liên hồi, tất có chuyện không hay, người xưa vì vậy mới đúc rút ra câu: Táo khiêu tài vận đảo, văn khiêu tang sự báo.

Kinh nghiệm này được rất nhiều A Bảo đúc rút ra trong suốt một khoảng thời gian dài và đã được truyền dạy mấy trăm năm nay trong Việt Hải Đường, ngày nay có những điều khoa học có thể giải thích, nhưng cũng có những điều không sao lý giải được.

Trong số các thuật dự đoán thời tiết ấy, Văn sở đặc thiên thời là tuyệt chiêu hay nhất. Thuật này căn cứ vào độ ẩm và mùi của đất để dự đoán chính xác thời gian có mưa, gió. Người phát hiện ra phương pháp này chính là đại sư phong thủy thời Đường tên Viên Thiên Cương. Ông có biệt tài phân biệt mùi vị và độ ẩm của đất, đây là tố chất cần có ở các thầy phong thủy, nhưng Viên Thiên Cương còn có thể nắm bắt được phản ứng của đất với thời tiết, chỉ cần bốc một nắm đất, đưa lên mũi ngửi là có thể đoán ra được thời tiết trong mấy ngày tới. Điều này người bình thường không thể làm được.

Hoàng Pháp Dung đã vô tình học được bản lĩnh này. Lúc bé, khi còn ở quê nhà, không được cha mẹ ẵm bồng, xóm giềng cũng mặc kệ, lúc chán không có gì chơi, bà hay ngồi ở góc tường trên chộc lũ gián, vô tình phát hiện ra rằng, khí ẩm của đất bốc lên nặng hay nhẹ có liên quan đến việc trời mưa to hay nhỏ, lâu dần bà cũng lần ra được quy luật của nó.

Hôm đó, sau khi quan sát tinh tượng và mây ở Quảng Tây, Kiều Ngũ Muội thấy rằng nội trong 15 ngày chắc chắn sẽ có mưa, sau đó mới giả vờ lập đàn cầu mưa, rồi nói với Tri huyện vùng đó: “Nội trong nửa tháng, tất sẽ có mưa!”

Sau khi làm phép xong, Hoàng Pháp Dung kê kéo vạt áo Kiều Ngũ Muội, nói: “Bà ơi, con thấy không cần đến nửa tháng đâu, trong vòng mười ngày chắc chắn có mưa.”

Kiều Ngũ Muội thoáng giật mình: Lẽ nào con bé này còn lợi hại hơn cả mình?

Quả nhiên, vào buổi trưa ngày thứ mười, những đám mây đen kịt che kín cả bầu trời, ngay sau đó mưa như trút nước. Kiều Ngũ Muội sung sướng ôm Hoàng Pháp Dung vào lòng.

“Cháu gái của ta không vừa đâu.” Người đàn bà tuổi đã ngoài ngũ tuần này cuối cùng cũng tìm được niềm vui tinh thần mà lâu lắm rồi mới có được từ con bé Hoàng Pháp Dung, sau nữa

cũng coi như bù đắp khoảng trống thiếu thôn tình mẹ của con bé.

Cảm thấy thương xót cho con bé, Giang Phi Yến từng nói với Kiều Ngũ Muội: “Con bé Pháp Dung này, cho dù không làm A Bảo thì cuộc sống sau này cũng được sung túc, no ấm. Nhờ vào bản lĩnh thật sự này của mình, nó hoàn toàn có thể đi theo con đường chính đạo, nghiên cứu Chu Dịch chân chính, kiểu gì cũng trở thành một bậc Đại sư.”

Kiều Ngũ Muội nói: “Nó sa chân vào hàng ngũ A Bảo, đúng là đi chệch hướng, nhưng âu cũng là số mệnh của nó, sau này không thể rửa tay được nữa, mãi cho đến lúc chết, đây là luật.” Kiều Ngũ Muội sợ Giang Phi Yến động lòng trắc ẩn mà thả Hoàng Pháp Dung, nên không thể không nhắc lại tôn chỉ đã định rõ của môn phái.

Tổ Gia đến đề nghị kết làm thông gia, Giang Phi Yến đầu rất thương yêu đứa con gái này cũng phải nén lòng buông tay, phần vì tin tưởng Tổ Gia, phần vì muốn báo đáp ơn giải vây trong tang lễ Kiều Ngũ Muội năm ngoái. Và lại, Hoàng Pháp Dung đã 18 tuổi, cũng đến lúc lấy chồng rồi.

Cuối cùng, Giang Phi Yến đồng ý để Hoàng Pháp Dung và Trương Tự Triêm gặp mặt nhau.

Trong chuyện tình yêu nam nữ, tư tưởng của phái Giang Tương khá tiến bộ, họ không ép gả A Bảo, chỉ khi hai người gặp nhau, cùng ưng nhau thì chương môn mới tác thành cho hôn sự.

Nam nữ thời xưa yêu đương không giống bây giờ, lần đầu gặp mặt đã dám cùng nhau ăn uống, thậm chí ôm hôn thân mật. Thời xưa người ta coi trọng hai bước là gặp gián tiếp và gặp trực tiếp.

Gặp gián tiếp tức là nhìn nhau từ xa; hai người, một đứng ngoài cửa sổ, một trong nhà quan sát nhau xem có ưng lòng không. Nếu thấy không phải hình mẫu mình mong muốn thì không cần trực tiếp chuyện trò nữa.

Cũng may, Trương Tự Triêm và Hoàng Pháp Dung sau khi gặp gián tiếp đều thấy ưng lòng. Vì thế, Tổ Gia và Giang Phi Yến sắp xếp cho họ chính thức gặp nhau. Buổi gặp gỡ chỉ có hai người, không ai được phép quấy rầy, kể cả Tổ Gia và Giang Phi Yến.

Đôi trẻ đúng là vừa gặp đã yêu, như thể quen nhau từ kiếp trước, kiếp này lại tìm được nhau vậy. Thấy hai người họ chuyện trò vui vẻ trong nhà đến hai canh giờ mà vẫn chưa dứt ra được, Giang Phi Yến và Tổ Gia nhìn nhau cười, biết rằng việc kết thông gia đã thành.

Tối đó, Giang Phi Yến mở tiệc thết đãi, trong bữa tiệc, bà nửa đùa nửa thật nói: “Tổ Gia đã quá tuổi tam thập nhi lập rồi mà vẫn chưa nghĩ đến việc tìm một đám nào cho mình à?”

Tổ Gia gượng cười lắc đầu: “Đại nghiệp chưa thành, công danh chưa toại, mới có ba mươi, sao phải vội tính đến chuyện nam nữ riêng tư.”

Giang Phi Yên nghe xong, đôi mắt ánh lên một tia thất vọng.

Một tháng sau, Hoàng Pháp Dung của Việt Hải Đường được gả về Mộc Tử Liên. Dù không phải là con gái mình sinh ra, nhưng đã ở cùng nhau bốn năm trời, ngày Hoàng Pháp Dung xuất giá, Giang Phi Yên đã trốn trong phòng lén khóc.

Đông phái và Nam phái kết làm thông gia, người của Tây phái và Bắc phái đều đến chúc mừng, việc này cũng đã thành cái lệ tốt đẹp của phái Giang Tương.

BÍ MẬT CHIM KHÔNG KÊU, CHÓ KHÔNG SỬA

Những năm 1930 của thế kỷ 20, mảnh đất Trung Hoa đại lục vẫn đang trong cuộc vật lộn quyết liệt giữa tư tưởng mê tín và tri thức mới mẻ. Khi đó, cả nước có đến hàng nghìn các hội đạo môn lớn nhỏ, trong đó cũng đến hàng trăm hội có tên có tuổi, bọn họ không ngừng chiêu mộ rồi truyền bá các kiểu tà thuyết hòng mê hoặc lòng người, nhân cơ hội kiếm ăn.

Phái Giang Tương chỉ là một nhánh trong số đó. Có lúc, trên một địa bàn, quản tụ rất nhiều hội đạo môn. Những hội đạo môn hàng xóm láng giềng nếu giẫm lên ranh giới của nhau sẽ sinh ra xích mích, có lúc mâu thuẫn kịch liệt, một mất một còn. Nếu bọn Hắc bang cũng nhảy vào “góp vui” thì sẽ càng thêm náo nhiệt.

Khi đó, vùng Giang Hoài nổi lên ba hội đạo môn có tiếng nhất là Mộc Tử Liên, Mai Hoa Hội và Thiên Thánh Đạo.

Mộc Tử Liên có nền móng vững chắc nhất, 300 năm gây dựng cơ nghiệp, gió thổi không nghiêng ngả, sấm giạt chẳng chuyển rung, trải qua bao thăng trầm dâu bể vẫn sừng sững hiên ngang đứng đầu.

Mai Hoa Hội được thành lập muộn nhất, vào thời kỳ xảy ra cuộc đại chiến Trục – Phụng lần hai, do đạo sĩ Mai Huyền Tử xuất thân từ Mai Hoa đạo quán sáng lập ra. Bang hội này chỉ có vài trăm người, nhưng kẻ nào cũng là binh hùng tướng mạnh, một người địch cả trăm người.

Thiên Thánh Đạo được thành lập vào thời kỳ diễn ra phong trào Nghĩa Hoà Đoàn và phát triển rất nhanh, chỉ trong vòng vài chục năm mà tín đồ đông đến hàng vạn, đệ tử rải khắp cả nước, đang ở thế muốn nhấn chìm phái Giang Tương. Hơn nữa, cơ cấu tổ chức của hội này rất nghiêm ngặt, thậm chí còn tinh vi hơn cả phái Giang Tương. Từ cao xuống thấp, Thiên Thánh Đạo bao gồm: Chương môn, trượng, quả, phiến, thanh y. Chương môn đứng đầu môn hội, dưới trưởng môn có mười trượng, dưới mỗi trượng lại có mười quả, dưới quả có mười hai phiến, dưới phiến đều là đám thanh y, thanh y tương đương với bọn tay chân của phái Giang Tương.

Mặc dù đều chơi những trò lừa gạt, nhưng ba nhà, mỗi nhà một chiêu thức khác nhau. Mộc Tử Liên khoác áo thầy tướng số nho nhã, lịch thiệp, các A Bảo luôn ôn tồn, lễ độ, bộ dạng thư

sinh, phong lưu; Thiên Thánh Đạo thích chơi những chiêu giật gân, động một cái là nói đến ngày tận thế, khiến người ta hoang mang lo sợ; Mai Hoa Hội thích đi theo con đường của bậc siêu nhân, trong bọn họ ai nấy đều dường như thần tiên, tưởng có thể lên trời ôm trăng, xuống biển tát cá.

Trát phi mật bản của Mộc Tử Liên, Thuần dương thành pháp của Thiên Thánh Đạo, Dịch số tam thức của Mai Hoa Hội đều là sách quý của hội đạo môn, kẻ trong nghề đã nghe rất quen tai. Nhiều năm nay, chương môn các đời của ba hội đều nắm rất rõ những bí quyết truyền đời của hội mình, vừa chống địch bên ngoài, vừa phòng giặc trong nhà.

Bình thường, giữa các hội, nước giếng không phạm nước sông, làm những việc gì, trong lòng tự biết rõ, nếu không phải mâu thuẫn đến cực điểm, thông thường sẽ tránh để xung đột xảy ra; hơn nữa, nhiều lúc, giống như một sự thoả thuận ngầm, không ai bảo ai mà cùng giúp đỡ, dìu dắt nhau, bên này bảo vệ cho bên kia, bởi bảo vệ đối phương cũng chính là bảo vệ mình; nếu vạch mặt nhau, cả hai bên sẽ cùng tiêu đời.

Năm thứ hai sau khi Trương Tự Triêm và Hoàng Pháp Dung cưới nhau, vùng Giang Hoài xảy ra một chuyện lớn: đường chủ của Mai Hoa Hội tự xưng lên là mình đã tu luyện thành tiên, có thể lên trời, xuống đất, có khả năng kêu gọi quỷ thần đến quân tụ, bảo chim không được kêu thì chim phải bật tiếng, bảo chó câm mõm thì chó không dám sủa vang, còn thường xuyên tụ họp ăn uống với các vị thần tiên trên trời và đám quỷ đói dưới địa phủ, rất nhiều người đã tận mắt chứng kiến việc này. Đây rõ ràng là một quả bom nặng ký, chỉ trong một thời gian ngắn, Mai Hoa Hội đã nổi danh khắp chốn!

Ban đầu, Tổ Gia không quá bận tâm đến việc này, ông cho rằng, chắc Mai Hoa Hội đang giỏi thuật Trát phi, chỉ hoành hành một thời gian, kiếm được chút tiền sẽ ngừng tay. Nào ngờ, trò này càng diễn càng ghê gớm, rõ ràng đối phương muốn loại bỏ kẻ khác với ý đồ thống nhất giang hồ. Cùng một mảnh đất, nguồn tài nguyên có hạn, vậy mà lại bị hội này thôn tóm hết, hội kia ắt chỉ còn biết hớp không khí mà sống thôi. Tổ Gia không thể ngồi yên được nữa.

Bên phía Thiên Thánh Đạo cũng cảm thấy lần này Mai Hoa Hội đã làm quá đà, cả vùng Giang Hoài, thấy người dân dường như chỉ tin mình lão ta là thần tiên, vậy thì bọn này sống kiểu gì đây?

Tiết Thanh minh, chương môn Thiên Thánh Đạo – Trương Kế Nghiêu – đột nhiên đến thăm Tổ Gia.

“Tổ Gia, đã nghe tin gì chưa?” Trương Kế Nghiêu hỏi.

Tổ Gia gật gật đầu: “Ừm, đã nghe.”

Trương Kế Nghiêu nói: “Lần này, lửa càng cháy càng mạnh, xem ra chẳng dễ dập tắt đâu. Đệ tử của tôi đã dò hỏi, có vài chuyện quả thực khiến người ta khó mà lý giải đấy.”

Tổ Gia cười, nói: “Chỉ là trò Trát phi mà thôi.”

Trương Kế Nghiêu nói: “Trát phi thì đã chẳng đáng ngại, đáng ngại là ở chỗ nhìn không ra ấy.”

“Trương Gia muốn nói đến việc gà không kêu, chó không sủa?” Tổ Gia hỏi.

Trương Kế Nghiêu cười nhạt: “Tổ Gia xem thường ngu huynh rồi, trò đây thì qua làm sao được mắt tôi, ý tôi là chuyện đại tiên tự hội, thần tiên ăn mỳ mà chúng biểu diễn trên phố kia.”

Tổ Gia cười, nhưng không nói gì, trong lòng quả cũng không hiểu rõ nội tình. mấy ngày nay, ông cũng đã phải phái Nhị Bá đầu và Trương Tự Triêm trà trộn vào dân thường, đi xem đường chủ Mai Huyền Tử của Mai Hoa Hội biểu diễn phép thuật đến mấy lần liền. Kết quả, sau khi trở về, Trương Tự Triêm và Hoàng Pháp Dung chỉ phá được thuật khiến cho gà không kêu, chó không sủa, còn những chiêu thuật khác đã vò đầu bứt tai mà chưa phá giải được.

Thủ đoạn làm cho gà không kêu, chó không sủa đều được nhắc tới trong hai cuốn Trát phi mật bản và Việt Hải Đường phong tướng trát ký.

Về vụ gà không kêu: Người xưa thường coi gà là vị thần của đêm tối, trong số 12 con giáp, gà là Dậu, ngũ hành thuộc Kim. Kim chủ về phổi, phổi chủ về hô hấp, hệ hô hấp của loài gà rất nhạy cảm, một nhà quân sự Âu – Mỹ đã nói: “Trong cuộc chiến tranh sinh học được trang bị vũ khí hiện đại và kỹ thuật tân tiến, gà chính là anh lính canh giúp con người tránh bị vũ khí hoá học làm hại.” Trong thời kỳ chiến tranh vùng Vịnh, quân đội Mỹ lừa cả nghìn con gà đi phía trước dẫn đường để tránh bị trúng độc từ đạn hơi độc của Saddam Hussein. Phía dưới hai bên cánh gà có hai đường gân lớn, đây chính là chỗ khí huyết trên khắp mình con gà đều phải đi qua; khi bắt gà, con gà sẽ ra sức giãy giụa đồng thời kêu rất to, lúc này chỉ cần dùng hai tay ấn một lực đủ mạnh vào đường gân lớn hai bên cánh và giữ thật chắc thì khi thả xuống, con gà sẽ chỉ biết trơ trơ đôi mắt mà không kêu lên được nữa.

Những kẻ thi triển chiêu thuật này, chỉ cần biểu diễn màn tóm lấy con gà, vừa ấn mạnh, vừa lắc lư cái đầu đọc thần chú, thì người dân liền bị che mắt, không còn để ý thấy tay hắn đang làm điều gì kỳ quặc, khác lạ nữa. Chân tướng của trò gà không kêu là như vậy.

Đối với chó, thực ra đã bị chúng cho uống một loại thuốc làm mất tiếng, nếu cho quá liều, con chó đó còn có thể bị câm hẳn.

Loại thuốc làm tổn hại đến âm đức này do đám người trông rất mực nho nhã – gọi là Lê viên (vườn lê) trong gánh hát kịch thời xưa sử dụng. Ngày ấy, đám Lê viên thường ghen ghét nhau, để tranh được vị trí và vai diễn, có lúc đã dùng thủ đoạn hạ độc. Loại thuốc này tuy không lấy mạng người ta, nhưng một khi đã uống phải, thanh đới sẽ bị kích thích mạnh, chỉ vài ngày sau liền bị khản tiếng. Giọng hát đối với diễn viên trong gánh hát là chuyện sống còn, nếu họ bị hỏng thì kẻ sinh nhai trong chón Lê viên cũng coi như chấm hết.

Nguyên liệu để làm ra thứ độc dược này rất đơn giản, chính là ráy tai người. Đương nhiên, cứ móc ráy tai ra rồi cho người ta ăn thì chẳng có tác dụng gì. Trong Trát phi mật bản đã ghi, ráy tai phải trộn lẫn với vài vị thuốc Đông y khác, sau đó pha vào nước ấm vừa phải mới được. Thứ độc này không dễ gì nắm bắt, chỉ những người tinh thông như Trương Tự Triêm mới có thể bắt chước mà chế ra được. Vậy nên, thủ đoạn mà Mai Hoa Hội dùng với con chó, ngoài người trong nghề ra, những người dân bình thường chẳng ai hiểu được cả.

Nhưng riêng vụ Mai Hoa Hội dàn cảnh các vị đại tiên tụ hội, thần tiên ăn mỳ kia thì Mộc Tử Liên và Thiên Thánh Đạo khó bề tỏ tường.

ĂN MỠ CÙNG “THẦN TIÊN”

Cảnh giới cao nhất khi tu tập thành tiên đó là có thể gọi các vị thần tiên ở các nơi cùng về tụ hội, cùng ngồi ăn trên một chiếc bàn. Làm được như vậy, thứ nhất cho thấy người đó có mối quan hệ tốt đẹp với các vị thần tiên; thứ hai chứng tỏ bản thân mình đạo hạnh cao thâm, được ngồi ngang hàng với các vị tiên. Sau khi nhà nước Trung Quốc mới được thành lập, nửa sau những năm 80 của thế kỷ 20, trong cả nước, sau thời gian Chu Dịch lại trở thành cơn sốt, một vị “cao nhân” nghiên cứu thuật Kỳ môn độn giáp nào đó ở Hà Bắc cũng tự xưng có thể gọi thần tiên tụ hội, thường xuyên ăn cơm cùng, có khi còn nói dưới gầm bàn có thứ gì đó, sau đó hai chân làm điệu bộ khua khoắng, như thể đang “đánh nhau” với lũ yêu ma quỷ quái vậy, thế mà quần chúng cũng tin là thật, người đến bái sư học nghệ nườm nượp. Về sau vị Đại sư có khả năng “gọi tiên đến” này đã gọi được cả cánh cảnh sát tề tựu, rồi được “ăn cơm tù” nửa tháng. Sau khi được thả ra, không thấy ông ta rêu rao chuyện mời tiên tụ hội nữa.

Khi đó, đường chủ Mai Huyền Tử của Mai Hoa Hội tự xưng lên là có thể dùng Thời gia Kỳ môn tụ tiên. Lão ta cho người xây một đạo tràng làm phép lớn trên phố, đài này cao ba thước, trên đài đặt một chiếc bàn Bát tiên, bốn góc đài có bốn đệ tử đứng giữ cảnh phan; trên bàn để một vòng các bài vị, gồm: Hồ Tiên (hồ ly), Bạch Tiên (nhím), Trường Tiên (rắn), Hoàng Tiên (chồn)...; ở giữa bày một lư hương, chân đèn, ba món ăn, vàng mã; phía trước mỗi tấm bài vị để một cái bát to, đều là bát không hết.

Mai Huyền Tử ngồi xếp bằng tại chính vị trên bàn Bát tiên, đầu tiên dán bùa đọc thần chú, lắc lư đầu, miệng lầm rầm khấn, lúc thì ngâm khế, lúc lại ngửa mặt lên nhìn trời xanh, cuối cùng hô rõ to: “Mời các vị đại tiên ngồi!”

Lúc này, đệ tử của lão nhắc một nồi mỳ đã được nấu chín lên, Mai Huyền Tử đích thân gấp mì, múc canh vào bát cho các vị đại tiên, sau đó cũng lấy cho mình một bát, rồi nói to: “Nay Huyền Tử tôi kính cẩn mời chư vị tiên gia ăn mỳ trường thọ, kính mong các vị phù hộ cho dân chúng khắp vùng của ta vạn sự hưng an!”

Lập đạo tràng cùng ngồi ăn với thần tiên kiểu này, mới chỉ có sư tổ Đạo gia thời Đông Hán là đại sư Trương Đạo Lăng từng làm được, nhưng cũng chỉ là truyền thuyết, nay Mai Huyền Tử lại dám bắt chước biểu diễn ngay trên phố.

Mai Huyền Tử nói xong, làm điệu bộ mời các vị tiên, sau đó từ tốn ăn bát mỳ của mình rất ngon lành, người dân đứng lặng xung quanh xem.

Chừng trong khoảng thời gian một khắc, Mai Huyền Tử ăn sạch bát chỗ mỳ trong bát của mình, sau đó đứng dậy chấp tay hành lễ trước các tấm bài vị trên bàn: “Đa tạ các vị tiên gia!”

Màn tiếp theo chính là lúc được chứng kiến kỳ tích, Mai Huyền Tử lần lượt giơ những chiếc bát ở phía trước các tấm bài vị lên, nói to: “Các vị thần tiên đã ăn mỳ, ban cho ta nước thánh, tưới nước thánh xuống mặt đất, ơn trạch bao phủ muôn nơi, che chở cho các con đời đời.” Sau đó, ông ta hất mạnh, nước bắn ào ào khắp mặt đất, mọi người kinh ngạc khi thấy chẳng còn sót lại một sợi mỳ nào. Quả đúng là các vị thần tiên đã ăn hết rồi ư?!

Trăm nghe không bằng một thấy, Trương Tự Triêm rõ ràng đã tận mắt trông thấy mỳ được gấp vào bát, sao lại có thể biến đâu mất chỉ trong chốc lát vậy được? Trong khi đó, trên đài chỉ có một mình Mai Huyền Tử, những người khác chẳng thể động chân động tay vào đấy được.

Mai Huyền Tử cúi đầu lạy, rồi mỉm cười, nói: “Mệnh là do trời, trời là thần linh, thần linh chính là ta đây, ta có thể nói chuyện với thần tiên, các người còn phải sợ cái gì nữa? Đừng đi xem tướng xem số làm gì, toàn những thứ nông cạn!”

Nhị Bá đầu tức giận nghiến răng kèn kẹt, rửa thềm: “Ông ngồi nghe nghe trên đây mà vênh váo đắc ý thế nào cũng được, lại còn bảo người ta đừng đi xem tướng số, chẳng phải muốn chặt đứt đường kiếm ăn của phái Giang Tương chúng ta sao?”

Trên đường quay trở về, Trương Tự Triêm vắt óc suy nghĩ, cố lý giải cho kỳ được, còn Nhị Bá đầu luôn miệng chửi rửa: “Không biết lão ta giở thứ yêu thuật gì, khiến ông mày điên cả tiết lên rồi, đập bô nồi niêu, bát đĩa, muối gạo và cả mấy tấm bài vị kia đi, liệu lão ta còn hóc được nữa không!”

Nghe Nhị Bá đầu kể lại, Tô Gia ngẫm nghĩ mãi không ra, Mai Huyền Tử đúng là uống nhầm thuốc rồi. Một bang hội mới chập chững tập đi, thường ngày vẫn phải khúm na khúm núm trước phái Giang Tương, hôm nay lại dám nhả ra những lời hồ báo như thế. Thật không muốn sống nữa rồi!

Tên đệ tử mà Trương Kế Nghiêu sai đi cũng không bẻ được cục này, cho nên ông ta mới đến bàn bạc với Tô Gia.

Tô Gia nói: “Tôi nghe nói, người tinh thông thuật Kỳ môn độn giáp có thể gọi thần tiên trên trời về tụ hội, lẽ nào Mai Huyền Tử quả thật hiểu thấu thuật Kỳ môn?”

Trương Kế Nghiêu cười lớn: “Tô Gia vẫn luôn minh mẫn là thế, nay lại nhất thời hồ đồ rồi, ngu huynh ta đây còn được cái tiếng thông hiểu Mai Hoa dịch số cơ đấy.”

Tổ Gia cũng cười: “Trương gia đừng quên, Mai Huyền Tử là truyền nhân của thầy Mai Phủ Tổ – trụ trì Mai Hoa đạo quán. Mặc dù đã qua đời, nhưng thầy Mai Phủ Tổ là người kế thừa phái Thượng Thanh trên Mao Sơn, thuật “Kỳ môn” của ông ta rất lợi hại, không thể coi thường phương thuật đạo pháp của ông ta được!”

Nụ cười tắt ngấm trên mép Trương Kế Nghiêu: “Tổ Gia, ngu huynh tôi đến đây không phải chuyện gẫu cho vui. Mai Huyền Tử làm như vậy có can hệ đến kế sinh nhai của hai nhà chúng ta, Tổ Gia còn đùa đùa cợt cợt thì ta xin cáo từ.”

Tổ Gia vội nói: “Mai Huyền Tử là người rất thận trọng, lần này bỗng nhiên lại gióng trống khua chiêng, Trương Gia không thấy kỳ lạ sao?”

Đầu lông mày Trương Kế Nghiêu giật lên.

Tổ Gia nói tiếp: “Kẻ theo cái nghề như chúng ta đây chưa bao giờ đánh trận mà không có sự chuẩn bị đâu vào đấy. Trước mỗi lần dàn cục, chẳng phải Trương Gia cũng phải đốt trên lót dưới, sau đó mới dám hành động đấy à?”

Trương Kế Nghiêu nói: “Ý Tổ Gia là, sau lưng Mai Huyền Tử có cao nhân chỉ vẽ cho?”

Tổ Gia nói: “Mai Huyền Tử luôn thận trọng từng chút một, ngày trước cũng từng mạo nhận thần tiên, nhưng lần nào cũng đều biết điểm dừng, không hề làm lớn chuyện, đệ tử của lão nếu dám gióng trống khua chiêng, mượn vía lão rêu rao gạt người, ắt bị lão ta trị tội ngay.”

“Mai Huyền Tử cũng có người chỗ bọn quan nha, liệu có phải...” Trương Kế Nghiêu nghi hoặc.

Tổ Gia lắc đầu: “Không đâu, mấy tên phó quan không chống được cục lớn đến vậy.”

Trương Kế Nghiêu gật đầu: “Ý Tổ Gia là...”

Tổ Gia nhìn Trương Kế Nghiêu, chỉ một chữ “đợi” lách ra được khỏi kẽ răng ông.

LÀM TƯỞNG “KÊ HẦU BÁT ĐÁO ĐÀU”

Sở dĩ Tổ Gia không dám phân tích quá sâu vì phải đề phòng Trương Kế Nghiêu. Thời cuộc chưa rõ thế nào, Tổ Gia còn chưa biết Mai Huyền Tử bán thứ thuốc gì trong cái hồ lô của lão, càng không biết Trương Kế Nghiêu và Mai Huyền Tử có mặc chung nhau cái quần hay không, Giang Hoài chia ba thiên hạ, nếu chỉ một chút bất cẩn, việc hai nhà cùng bắt tay dàn cục để loại bỏ một nhà, cũng không phải không có khả năng xảy ra.

Việc gì Tổ Gia cũng luôn nghĩ đến tình huống xấu nhất, sau đó từ từ chuốt lại, tìm ra các đối sách hay nhất.

Cùng lúc này, Tổ Gia ra một mệnh lệnh thép cho Nhị Bá đầu và Trương Tự Triêm: Phải mau chóng phá được cục thần tiên tụ hội của đối phương.

Nhị Bá đầu và Trương Tự Triêm cùng lo sốt vó lên, nhưng Nhị Bá đầu tâm tính luôn nghĩ rất thoáng, nên chẳng đến nỗi bỏ cơm, còn Trương Tự Triêm thì không nuốt trôi cơm, không nhắm nổi mắt. Hoàng Pháp Dung trong lòng cũng vô cùng lo lắng, kỳ thực, từ sau hôm Trương Tự Triêm quay trở về kể lại tình hình đối phương dàn cục, bà đã luôn nghĩ cách để tìm hiểu xem chuyện gì xảy ra.

Đi theo Tổ Gia được hai năm, đây là lần đầu tiên Trương Tự Triêm đụng phải bài toán học búa. Mặc dù khi đó vẫn ở dưới trướng của Nhị Bá đầu, nhưng là một chân tay xuất sắc, luôn muốn tranh một chức Bá đầu, Tổ Gia cũng ngầm ám chỉ về việc đó. Đặc biệt sau khi lấy Hoàng Pháp Dung, bà càng nhọc tâm nhọc sức giúp chồng dàn cục, hòng tạo được tầm tiếng.

Khi đó, chiếc ghế thứ tư của Đường khẩu đang do một thủ hạ cũ của Trương Đan Thành – tên là Tề Xuân Phú – nắm giữ. Năm xưa, khi mấy tên Bá đầu của Trương Đan Thành tạo phản, ông ta đứng bên Trương Đan Thành trong chức vị một Cử nhân có thâm niên, sau khi dẹp yên bọn tạo phản, ông ta được đề bạt lên làm Tứ Bá đầu.

Sau khi chính thức ngồi lên ngôi vị cao nhất, để củng cố địa vị của mình, đầu tiên Tổ Gia loại bỏ Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu còn sót lại trước khi Trương Đan Thành chết, đổi thành Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu của mình, về sau thu nạp Tiết Gia Nhân, rồi dời dất hấn ta lên chiếc ghế thứ ba. Từ đó, trong số năm Bá đầu của Trương Đan Thành, chỉ còn lại lão tứ Tề Xuân Phú và lão ngũ Lương Văn Khâu.

Các vị Bá đầu thuộc hàng nguyên lão không hấn không phục Tổ Gia. Nhưng xưa có câu: “Thiên tử triều nào quần thần triều ấy”, mấy vị cây cao bóng cả ấy đều rất có tiếng nói trong Đường khẩu, chẳng may một ngày nào đó bọn họ không vui mà nói vài câu, Tổ Gia sẽ không nuốt trôi được. Ông dùng thủ đoạn đoạt quyền rất nhỏ nhả, gần như chỉ cần “chén rượu giải binh quyền”. Tổ Gia nói, các vị nguyên lão Mộc Tử Liên đã phải lao tâm quá nửa đời người, cũng nên nghỉ ngơi hưởng phúc, những việc của Đường khẩu giao lại cho lớp người sau làm là được rồi.

Có vài vị rất biết điều, cầm lấy bạc lui về tuyền hai dưỡng già, có vị lại không biết điều, như Tề Xuân Phú và Lương Văn Khâu, bọn họ đều thấy mình vẫn có thể làm được việc, vẫn có thể cùng Tổ Gia đánh lấy thiên hạ.

Điều mà Tổ Gia muốn là làm sao để các lực lượng đều nhau, Đường khẩu khi đó có tất cả năm Bá đầu, ba người mới, hai người cũ, tạo nên thế cầm chân nhau rất cân bằng, về cơ bản là được rồi.

Cơ chế để được thăng chức trong phái Giang Tương từ xưa đến nay luôn dựa vào đánh giá năng lực, không phải cứ “sống lâu thì lên lão làng”, càng không có chuyện người này chết thì

người kế sau lên thay. Bất kể người đó là ai, chỉ cần hội đủ điều kiện, năng lực tốt, kiếm được càng nhiều lợi ích về cho Đường khấu thì thăng chức càng nhanh. Trước khi cơ chế chưa thay đổi, việc thăng chức có thể nhanh nhưng phải diễn ra tuần tự, có người trong vòng chưa đầy một năm, liên tiếp thăng từ vị trí của một tay chân tẹp nhẹp lên Cử nhân, Tiến sĩ, Hàn lâm, đến tận Thám hoa. Sau khi Tổ Gia cải tổ lại, việc thăng cấp còn nhanh chóng hơn, chỉ cần đủ năng lực, một tên chân tay có thể lên thăng chức Bá đầu.

Lần này, hai vợ chồng Trương Tự Triêm và Hoàng Pháp Dùng đã phải rất đau đầu tìm tòi, nghiên cứu từng chi tiết nhỏ, mãi đến tận lúc gà gáy báo trời đã sáng mà vẫn chưa có kết quả.

Chính vào lúc quan trọng, Giả Tứ gia đến.

Giả Tứ gia buôn lậu thuốc phiện và vũ khí đạn dược, hẳn hội đủ tố chất của một kẻ xấu xa, nhưng lại là một kẻ xấu xa có nghĩa khí. Phàm những người làm được việc, bất kể loại người nào, không thể để mất hai chữ nghĩa khí, nếu không sớm muộn cũng sẽ bị người ta trừ khử.

Theo luật ngầm trong giang hồ, có qua có lại mới toại lòng nhau. Tổ Gia đã giúp Giả Tứ gia lén lút vận chuyển thuốc phiện bằng cách “đuổi xác”, sau khi làm xong việc, Giả Tứ gia cứ theo thỏa thuận ban đầu, đưa một nửa số bạc cho Tổ Gia, nhưng Tổ Gia chỉ nhận hai phần, vì Nhị Bá đầu dám tự ý chặt lấy mỗi phần đầu của xác chết, khiến suýt chút nữa bị lộ cục.

Tổ Gia luôn biết chơi đẹp, Giả Tứ gia lại càng chơi đẹp hơn, ông ta nói với Tổ Gia: “Tổ Gia nhân nghĩa, ta môn lai nhật phượng trường”. Ý ông ta nói, ân tình này của Tổ Gia ông ta xin nhận, mai này nhất định bù lại.

Lần này, Giả Tứ gia lại giới thiệu cho Tổ Gia một vụ béo bở. Song cũng là vụ hóc búa, nếu không ông ta đã không mời Tổ Gia ra mặt.

Ông chủ một công ty muối ở An Huy tên Hà Phàm, hai năm trước có cô con gái bị chết. Khi đó, cô con gái đang học một trường nữ sinh Dân quốc, một hôm trời mưa lớn, cô bị sét đánh trúng, toàn thân bốc khói đen, các bạn học ở xung quanh hoảng loạn, trong lúc ấy một cậu bạn trai đã ôm cô bé đưa vào bệnh viện của một giáo hội ở gần đó nhưng đã muộn, phần lưng đã bị sét đánh cháy.

Hai vợ chồng ông chủ Hà bỗng nhiên phải chịu đựng tai họa khủng khiếp này, khóc đến nỗi gần loạn cả đôi mắt. Vì con gái còn chưa kết hôn, sau khi xảy ra chuyện, ông chủ Hà muốn làm lễ hợp âm hôn cho cô.

Nguyên tắc làm lễ hợp âm hôn (cưới ma) hay hợp dương hôn (cưới hỏi bình thường) giống nhau, đều phải xem Bát tự, đặc biệt phải xem có hợp tuổi hay không. Người xưa đã truyền lại một bài khấu quyết nói về chuyện hợp hôn mà các thầy tướng số thường dùng như sau:

Tòng lai bạch mã phạ thanh ngư,

Dương thử tương phùng nhất đán hưu.

Xà kiến mãnh hổ như đao đoạn,

Trư ngộ viên hầu bất đao đầu.

Long phùng mảo nhi vân đoan khứ,

Kim kê kiến khuyến lệ giao lưu.

Cho đến tận bây giờ, các bậc cha mẹ khi đi xem nhân duyên cho con cái, thầy tướng số vẫn thường nói tuổi nào không hợp với tuổi nào, kỳ thực đều xuất phát từ bài khẩu quyết này mà ra cả.

Nguyên lý của bài khẩu quyết này là thế nào?

Nó nằm ở mối quan hệ hình xung khắc hại của 12 địa chi. Phối hợp 12 con giáp với 12 địa chi, lại phối hợp 12 địa chi và ngũ hành với nhau. Trong đó, Tý–Hợi thuộc hành Thủy, Dần–Mão thuộc Mộc, Tỵ–Ngọ thuộc Hỏa, Thân–Dậu thuộc Kim, Thìn–Tuất–Sửu–Mùi thuộc Thổ, 12 địa chi có sự tương sinh, tương khắc, tương hợp, tương xung, tương hại với nhau. Người xưa cho rằng, người có địa chi tương hợp thì báo hiệu họ sẽ hoà hợp trăm năm, còn tương xung đều rất xấu, cho thấy hai người sẽ ly tán, không thể sống với nhau đến lúc đầu bạc răng long.

Sáu cặp tương hợp trong 12 địa chi là:

Thìn–Dậu hợp (rồng hợp với gà)

Tý–Sửu hợp (chuột hợp với trâu)

Hợi–Dần hợp (lợn hợp với hổ)

Mão–Tuất hợp (mèo hợp với chó)

Thân–Tỵ hợp (khỉ hợp với rắn)

Ngọ–Mùi hợp (ngựa hợp với dê)

Sáu cặp tương xung:

Thìn–Tuất xung (rồng xung với chó)

Tý–Ngọ xung (chuột xung với ngựa)

Sửu–Mùi xung (trâu xung với dê)

Thân–Dần xung (khỉ xung với hổ)

Mão–Dậu xung (mèo xung với gà)

Tỵ–Hợi xung (rắn xung với lợn)

Căn cứ vào quy luật lục hợp và lục xung, bài khẩu quyết hợp hôn đã được ra đời. Vì Tỵ–Sửu hợp, nhưng Tỵ–Ngọ xung, ngựa đuổi chuột chạy, chuột không thể sống đến bách niên giai lão với trâu, trâu chắc chắn sẽ thẹn quá hoá giận, muốn giết chết ngựa, cho nên mới có câu: Tùng lai bạch mã phạ thanh ngư. Những câu khẩu quyết khác cũng giải thích tương tự.

Những bài khẩu quyết kiểu này trong quá trình biến đổi của lịch sử, được người dân truyền miệng cho nhau, khó tránh sai sót, ví như câu: Kim kê kiến khuyến lệ giao lưu, ý nói người tuổi Dậu và người tuổi Tuất không hợp nhau, họ thường xuyên cãi vã, cả ngày khóc lóc, cuối cùng sẽ chia tay nhau, bà con mới đùa rằng “kê cẩu bắt đào đầu”. Nhưng do sự khác biệt trong cách phát âm và phương ngữ từng vùng miền, cứ truyền đi truyền lại, cuối cùng thành “kê hầu bắt đào đầu”, hiểu sai thành: người tuổi gà và người tuổi khỉ không thể lấy nhau, đúng là một sai lầm tai hại. Trong ngũ hành, Thân và Dậu đều thuộc Kim, không xung không khắc, không hình không hại, thì sao có thể “bắt đào đầu”!

Hướng hồ, cách hợp hôn này chỉ căn cứ vào tuổi cầm tinh, không tính gì đến can chi, rất nhiều bậc tiên hiền Dịch học đều hoài nghi về khẩu quyết này. Nhưng, người dân thì thà tin vào cái “sai”, chứ nhất định không tin là nó không tồn tại.

QUAN TÀI MỘC ĐẦY TÓC ĐEN

Khi đó, ông chủ Hà không thể tìm được một người hợp tuổi mới chết, cực chẳng đã, đành phải an táng cho con gái trước. Sau khi chôn cất xong, hai năm sau, cuối cùng cũng nghe nói ở thị trấn bên cạnh có một cậu con trai mới chết, gia cảnh và tuổi cũng tương đương, vội vàng phái người đến cầu hôn. Qua bọn môi giới âm hôn, thấy hai bên hợp Bát tự, coi như mối này đã xong.

Theo nguyên tắc hợp âm hôn, đầu tiên, ông chủ Hà phải cho đào hài cốt của con gái mình lên, chọn ngày lành giờ đẹp, khênh đến nhà trai, rồi đặt vào chung một chiếc quan tài với người con trai, sau khi làm lễ viên phòng thì chôn họ cùng nhau.

Ông chủ Hà mời một lão mù chọn được ngày rời mộ theo hoàng lịch thời xưa, sau đó thuê mấy người đào chiếc quan tài lên. Khi chôn cất hai năm trước, để tránh quan tài khỏi bị mục và tránh sâu bọ, côn trùng, người ta đã bôi một loại thuốc chống phân hủy dạng nước lên, tuy vậy giờ đây mặt gỗ chiếc quan tài cũng bị cũ đi nhiều.

Nhìn chiếc quan tài to tướng cũ kỹ, ông chủ Hà chân chừ một lúc, không biết có nên cho mở ra hay không, ông nửa muốn nhìn thấy con, nửa lại không đang tâm nhìn thì thể có khi đã phân hủy hết ấy. Ông cứ im lặng mãi như vậy, cầm đầu thuốc, hút liên tục.

“Ông chủ, có mở quan tài không?” Một anh cu li hỏi.

Mãi lâu sau, ông chủ Hà nghiêng răng nói: “Mở đi!”

Mấy người cầm búa, nêo sắt, gõ vào những chiếc đinh tán để cạy quan tài làm phát ra tiếng kêu lách cách. Một lúc sau, số đinh đã được gỡ hết. Mọi người cu li hò nhau kéo quan tài lên.

Khi nắp quan tài được kéo ra, một luồng âm khí xộc thẳng vào mặt, mùi tử khí cũng bay ra theo, đồng thời chính lúc ấy, mọi người cu li kia chẳng ai bảo ai cùng hét toáng lên: “Ồi?” Tay họ run bần, làm rơi cả nắp quan tài xuống đất.

Ông chủ Hà kinh hãi: “Sao thế?”

Đám cu li mặt mày tái mét, một người chỉ vào bên trong chiếc quan tài, lập cập nói: “Ông chủ... Ông nhìn xem...”

Ông chủ Hà chân chừ một lúc, rồi từ từ lại gần, cúi đầu nhìn, không thể kìm nén nổi một cơn thở dốc: Tóc đen, đen sì nhét đầy trong quan tài!

Người ta vẫn nói, sau khi chết, tóc vẫn có thể mọc tiếp được, nhưng cũng chỉ dài hơn trước lúc được chôn cất một chút. Đằng này, cả mớ tóc dày bịch nhét chặt trong quan tài thì chưa từng thấy bao giờ!

Một cảnh tượng khiến người ta phải choáng váng bày ra trước mắt ông chủ Hà, nhưng dù gì cũng là con gái mình, ông cúi người xuống, từ từ vén mớ tóc tầng tầng lớp lớp kia ra mới nhìn thấy cái đầu lâu của con gái mình, khuôn mặt đã không còn lớp thịt nữa, bụng đã tụt xuống, một phần quanh rốn bị rữa ra, nhưng thì thể vẫn chưa phân hủy hết, từng sợi tóc trên đầu vẫn mọc, dường như mọi thứ năng lượng trong người đều dồn vào nuôi tóc.

Trong dân gian vẫn truyền tai nhau, người sau khi chết, nếu oan khí quá nặng sẽ bốc lên đỉnh đầu để tóc tiếp tục mọc. Ông chủ Hà không biết con mình rốt cuộc có điều gì oan ức mà tóc lại mọc đen cả quan tài như thế!?

Người bên nhà trai đi theo đến rồi mộ trông thấy như vậy, liền chạy về báo với cha mẹ nhà bên đó, họ vừa nghe xong đã muốn nuốt lời, nói cô gái là quỷ dữ, không hợp với con trai mình.

Ông chủ Hà bị dồn vào tình thế tiến thoái lưỡng nan, người ta không đồng ý cho cưới, nhưng mình thì đã đào thì thể con gái lên rồi, làm sao có thể cứ thế vùi lại. Huống chi hai năm nay, tóc con gái ông mọc kín cả quan tài, xem ra oan khí quá nặng, cứ nhắm mắt chôn xuống cho

xong, ông thực không nở lòng nào.

Nghĩ đi nghĩ lại, ông chủ Hà định mời một vị đại sư đạo pháp cao thâm về xem.

Giả Tứ gia với ông chủ Hà là chỗ qua lại cũ, hai người trở thành bạn bè bởi móc nối làm ăn, cùng nhau kiếm lợi.

Giả Tứ gia và Tổ Gia lại là chỗ cùng sống cùng chết, đã không biết bao lần hợp tác cùng làm những việc có thể khiến cả hai phải rơi đầu. Sau khi con gái ông chủ Hà chết, Giả Tứ gia liền ghi nhớ, định giới thiệu cho Tổ Gia con gà béo này, nhưng khi đó chiến sự liên miên, việc buôn thuốc phiện gặp khó khăn, tự lo cho mình còn chưa xong nên cũng chẳng sức đâu để tâm đến chuyện của ông chủ Hà.

Chẳng ngờ hai năm sau, ông chủ Hà lại muốn làm lễ hợp âm hôn, hơn nữa trước khi làm lễ còn xảy ra bao chuyện như vậy, Giả Tứ gia lập tức đem tin tức này nói với Tổ Gia. Và chuyện này cũng nhanh chóng bị đưa lên báo, mà lại là số báo đặc biệt hãn hoi, khiến cả bên Thượng Hải đều biết vùng Giang Hoài xuất hiện quan tài mọc đầy đóc ten. Sau khi hay tin, Tổ Gia thấy đây không phải việc hay ho gì, trong Trát phi mật bản cũng đã có ghi chép, chuyện quan tài mọc đóc ten này nếu là thật sẽ rất phiền toái.

Chuyện kể lại rằng, Năm Gia Khánh thứ 6, bà vợ lẽ của một ông nhà giàu chết. Nhiều năm sau, con cháu bốc mộ cho, phát hiện thấy trong quan tài mọc rất nhiều. Cả nhà sợ hãi đi báo quan ngay lập tức, nhưng người của quan phủ đến cũng không điều tra được chuyện gì.

Về sau, bao nhiêu chuyện kỳ lạ cứ liên tiếp xảy ra trong nhà này. Đầu tiên là chuyện nửa đêm họ trông thấy một người phụ nữ mặc đồ trắng xách đèn lồng đi lại trong sân; tiếp đến, một hôm trời mưa, họ trông thấy một thằng bé ngồi trên cây ôm con cá chép cứ cười ha ha; sau đó, người trong nhà này đều lần lượt chết một cách kỳ lạ.

Người ta đều nói, bà vợ lẽ này trong khi mang thai đã bị bà vợ cả của ông chủ này đầu độc chết. Sau khi chết, oan khí không thể tiêu tan, hai mẹ con đều biến thành ác quỷ, trở về đòi mạng những người trong nhà.

CỤC KHÔNG THẦY TƯỞNG SỐ NÀO DÁM LÀM

Cho nên, tổ tiên phái Giang Tướng đã căn dặn lại một câu trong Trát phi mật bản: Ô phát gia quan bất khả trát, oan khí lệ khí loạn như ma, đậu nga huyết tiến tam xích bạch, A Bảo mặc dư quỷ tranh trát. Câu này nhắc nhở các A Bảo, khi gặp phải trường hợp quan tài mọc đầy tóc đen thì không được nhúng tay vào nữa, oan khí của người chết không tiêu tan được, ai động vào tất gặp xui xẻo.

Vì thế, đối với cục kiêu này, từ trước đến nay các A Bảo rất kỵ, thường không dám làm.

Sau khi Giả Tứ gia đi, Tổ Gia đã cho hợp Đường khẩu để bàn về việc này, ông muốn nghe ý kiến của các Bá đầu, kết quả là ngoài Nhị Bá đầu, các vị Bá đầu khác đều nói không nên dàn cục này.

Tổ Gia nhìn khắp mọi người, không nói không rằng, xua tay: “Giải tán!” Các Bá đầu đưa mắt nhìn nhau, không biết Tổ Gia định thế nào.

Đêm đó, Tổ Gia ngồi uống trà trong thư phòng thì nghe thấy tiếng gõ cửa vang lên. Tổ Gia cười.

Một lúc sau, quân gia dẫn Trương Tự Triêm và Hoàng Pháp Dung vào. Tổ Gia biết bọn họ sẽ đến, bọn họ không phải là Bá đầu, không được tham gia vào chuyện cơ mật cấp cao của Đường khẩu, nhưng chắc chắn sau khi Nhị Bá đầu quay về sẽ tiết lộ chuyện này, Hoàng Pháp Dung nghe xong nhất định sẽ tìm đến!

“Tổ Gia, nên dàn vụ này.” Hoàng Pháp Dung nói.

Tổ Gia lim dim mắt, nói: “Nói ta nghe xem.”

Trương Tự Triêm lên tiếng: “Tổ Gia, Ô phát già quan bất khả trát, chỉ là cách nhìn nhận của tiên tổ, trên đời này làm gì có quỷ, Tổ Gia đừng nghe theo!”

Tổ Gia biết, những lời này đều do Hoàng Pháp Dung đã dạy, Trương Tự Triêm trước giờ luôn thận trọng từng ly, việc gì mà Đường khẩu không động đến, ông ta không bao giờ có ý kiến, từ sau khi cưới Hoàng Pháp Dung thì tình hình lại khác hẳn, làm việc gì cũng luôn có Hoàng Pháp Dung đứng sau trợ giúp.

Tổ Gia cười: “Vậ à?”

Trương Tự Triêm sững người, nhìn Hoàng Pháp Dung.

Hoàng Pháp Dung nói: “Tổ Gia, từ xưa đến nay, việc hợp hôn, dời mộ phái Giang Tương đều nắm thành thực, dù là người ngoài hay bạn bè cùng đạo đều biết cả, nếu chỉ vì hiện tượng quan tài tóc đen mà chúng ta không làm, há chẳng phải để chúng cười cho hay sao?”

Tổ Gia mở mắt, nhấp một ngụm trà nói: “Ta có nói không làm không?”

Hoàng Pháp Dung nhìn Trương Tự Triêm, hai người cùng cười.

Tổ Gia nói tiếp: “Tự Triêm đọc sách nhiều, hãy phân tích ta nghe đã xảy ra chuyện gì với chiếc quan tài ấy!”

Trương Tự Triêm nói ngay: “Lúc vừa đến Thượng Hải, con đã đọc qua một vài cuốn sách sinh học của phương tây trong thư viện của giáo hội, sau khi người ta chết, tóc vẫn có thể mọc

dài thêm trong một thời gian nữa nhờ có chất dinh dưỡng trong lớp da đầu, nhưng không thể có chuyện mọc đầy trong quan tài như vậy. Khả năng duy nhất là...”

Tổ Gia rơi vào trạng thái trầm ngâm suy ngẫm. Đây mới là điều mà ông lo lắng nhất. Dàn cục sợ nhất là “cục trong cục”, trong trường hợp phần mộ từng bị động đến, chứng tỏ đã có người chui vào trước làm chủ, vậy thì đối phương là kẻ như thế nào? Ý đồ của hắn là gì? Mình có nên thừa nước đục thả câu không?

Nghĩ đi nghĩ lại, Tổ Gia vẫn không tìm ra được manh mối. Giả Tứ gia đột nhiên đem đến một việc hay ho như vậy, liệu ông ta có phải “song tể” hay không? Trong quá trình dàn cục, không sợ gì bằng sợ gặp phải kẻ hai mang, năm xưa Trương Đan Thành dàn cục một vị Bối lặc trong cung nhà Thanh, chính vì có “song tể” nên mới rơi vào tình cảnh thảm hại như vậy.

Nhưng Tổ Gia nhanh chóng gạt bỏ ý nghĩ này. Giả Tứ gia chẳng có lý do gì lại đi làm kẻ hai mang, mối quan hệ giữa hai người đã kéo dài bao nhiêu năm nay, hơn nữa mỗi lần dàn cục, lợi ích của hai bên đều thoả đáng, hướng hồ đối phương chỉ là một ông chủ bán muối, không phải hạng quan chức gì trong chính phủ, dù cho bị lộ cũng không có gì đáng ngại, Giả Tứ gia cần gì phải nhọc công.

Tổ Gia bắt đầu xem xét có nên nhận vụ này hay không, thân là Đường chủ, an toàn vẫn là yếu tố đầu tiên cần phải cân nhắc đến.

Lúc này, Tổ Gia nghĩ đến câu mà Nhị Bá đầu nói khi họp đường hội: “Làm chứ, tại sao lại không làm? Chẳng qua chỉ là mọc ra mớ tóc dài xuề xòa thôi mà! Để con cắt tóc con bé đốt đi là xong!”

Tổ Gia thấy ông ta nói cũng có lý, nếu mình được tận mắt trông thấy chiếc quan tài, có lẽ mọi việc đã rõ ràng rồi. Nói đến đây, ông lại thấy nổi lên hai điều đáng lo ngại: nếu bộ tóc trong chiếc quan tài đó do người khác nhúng tay vào thì bước tiếp theo sẽ không phải đấu với quỷ, mà là đấu với người; nhưng nếu đó là mớ tóc mọc tự nhiên, vậy thì càng đáng sợ. Khoa học kỹ thuật thời đó chưa phát triển như bây giờ, cho dù là người hay chơi Trát phi, cũng vẫn kính sợ quỷ thần, ngộ nhỡ gây chuyện khiến trời nổi giận, người oán hận, thêm cả đám quỷ đói tới, thì bản thân ông khó mà thu dọn được bãi “chiến trường”.

Phàm người trong giang hồ, thân bất do kỷ. Sự việc này đã xảy ra trên đất Giang Hoài, phái Giang Tương được coi là đệ nhất phái ở đây, cũng không thể không làm, lúc này mà như con rùa rút đầu rút cổ, e sẽ đánh mất danh tiếng đã dày công xây dựng bao lâu nay. Hướng hồ, gần đây bên chỗ Mai Huyền Tử lại ra sức gây thanh thế, việc làm ăn của Mộc Tử Liên ngày một đi xuống, không kiếm được tiền, sinh kế của Đường khẩu tất sẽ gay go.

Cuối cùng, Tổ Gia quyết định, trước tiên cử Nhị Bá đầu và Trương Tự Triêm đi thăm dò đường đi nước bước.

Được sự giới thiệu của Giả Tứ gia, Nhị Bá đầu dán râu, dẫn theo Trương Tự Triêm cùng mấy tay chân đến nhà ông chủ Hà.

Giả Tứ gia giới thiệu: “Mấy người này đều là đồ đệ của Thiết Bản đạo nhân mà báo chí vẫn nhắc đến, vì Thiết Bản đạo nhân bận hội kiến nhân vật lớn trong chính phủ, không thể tới được, nên mới cử mấy đồ đệ đến trước xem xét tình hình.”

Ông chủ Hà vội vàng cảm ơn, sau đó đem đầu đuôi ngọn ngành sự việc kể lại hết cho họ nghe.

Nhị Bá đầu điềm đạm, đạo mạo, phong thái hết như một bậc Đại sư. Ông ta giơ tay vuốt chòm râu, cao giọng phán: “Vô lượng thiên tôn! Chuyện như thế này, trước đây chúng tôi từng gặp qua, đây là do oan khí khi lệnh ái còn sống bốc lên, không biết cô bé phải chịu nỗi oán hờn gì vậy?”

Ông chủ Hà hoang mang, sau khi nghĩ lại thật kỹ, nói: “Không có, tiểu nữ luôn được hai vợ chồng tôi thương yêu, tính tình hoạt bát vui vẻ, ham học, không có chuyện gì oán hờn cả.”

Nhị Bá đầu nói: “Có lẽ cô bé không nói cho ông nghe. Thôi vậy, đợi tôi xem xem.”

Chiếc quan tài được đặt ở căn phòng phía đông, cửa phòng được khoá lại để tránh chó mèo gây tổn hại đến hài cốt con gái. Thi thể đôi chỗ đã được gió hong khô, giống như thịt hun khói nằm đấy trông rất đáng sợ, còn cả mớ tóc dày bình bịch nữa, ai nhìn cũng thấy hãi hùng

Thường ngày, Nhị Bá đầu dùng thuật Trát phi nhiều vô số, chẳng sợ gì người chết, vậy mà lần này ông ta cũng có chút sợ sệt. Bộ hài cốt chìm trong “giấc ngủ say” bị vùi bên dưới mớ tóc dày đen sì, tỏa ra một thứ mùi quái lạ, không khỏi khiến người ta rùng mình ớn lạnh.

Nhị Bá đầu vừa làm điệu bộ niệm chú, vừa cúi đầu xem xét. Trương Tự Triêm cũng đi theo phía sau, quan sát thật kỹ mọi thứ bên trong chiếc quan tài.

Xem được một lúc, Nhị Bá đầu chấp tay ra vẻ đăm chiêu, miệng lầm bầm: “Oan khí nặng lắm!” Sau đó lại nói: “Phải làm phép thôi, nếu không, cả nhà sẽ gặp họa đấy!”

Ông chủ Hà kinh hãi: “Gặp họa?”

Nhị Bá đầu nói: “Đương nhiên rồi! Sau khi chết, ai có oan khí, hồn không thể bay lên thiên đường, cũng chẳng thể xuống địa phủ được, lạc giữa nhân gian không thể đầu thai làm người, chỉ có thể biến thành cô hồn dã quỷ, vất vưởng muôn nơi. Chiếc quan tài trở thành chốn nghỉ ngơi duy nhất, mà quỷ lại rất sợ ánh sáng, ông mở quan tài ra như vậy đã làm tổn hao mất nhiều âm khí của nó, vì thế cả nhà ông sẽ phải trả giá cho chuyện này.”

Ông chủ Hà sửng sốt, nói: “Nó là con gái tôi mà, lẽ nào nó lại muốn làm hại cha mẹ nó?”

Nhị Bá đầu nhếch miệng cười: “Sống ở dương gian nó chịu oán hờn đến vậy, sau khi chết làm

quỷ càng thấy lạnh lẽo, thê lương. Kiếp này ông là cha nó, kiếp sau nó là mẹ ông đây! Một khi đã bước vào quỷ đạo, người ta càng trở nên tàn độc, lục thân chẳng nhận. Lẽ nào, ông chủ Hà chưa nghe nói, có người đòi mộ tổ tùy tiện, làm hỏng bố cục phong thủy, gây ra thảm cảnh cả nhà cùng chết sạch hay sao?”

Ông chủ Hà sợ vã mồ hôi.

“Vâng, tôi có nghe.” Nói đến đây, ông chủ Hà nhìn chiếc quan tài, run run nói tiếp. “Thưa thầy, chúng ta tạm thời quay về phòng khách rồi hẵng chuyện tiếp được không?”

Nhị Bá đầu đưa mắt ra hiệu cho Trương Tự Triêm, rồi đi theo ông chủ Hà ra ngoài.

Trương Tự Triêm giúp mấy tên gia đình nâng nắp quan tài, từ từ đẩy lại. Nhân cơ hội đó, nhờ tám ván quan tài che chắn, Trương Tự Triêm nhanh tay nhón lấy vài sợi tóc, vo viên lại, giấu vào trong tay áo.

NGHỊCH LỬA CHẾT CHÁY

Từng nghiên cứu bộ môn sinh học về cơ thể người, Trương Tự Triêm biết sau khi chết, xương hộp sọ sẽ bị xóp do mất can xi, lâu dần sẽ khiến tóc rụng, lấy trộm vài sợi đem về xem xét kỹ càng sẽ biết ngay chuyện gì xảy ra.

Sau khi về đến Đường khâu, Trương Tự Triêm tỉ mỉ nghiên cứu sợi tóc thì phát hiện ở chỗ cách chân tóc chừng một thước có vết nổi, nó được dính lại nhờ một loại thuốc nước, nếu không nhìn thật kỹ, không thể phát hiện ra được.

Đến đây thì rõ rồi, có kẻ đang nhúng tay vào!

Tổ Gia chợt thấy sự việc không hề đơn giản. Ông đến phủ Giả Tứ gia, đem chuyện này nói cho ông ta hay.

Giả Tứ gia vừa nghe cũng giật mình: “Có kẻ giở trò ư?”

Tổ Gia hỏi: “Tứ gia nghĩ kỹ lại xem, có thấy chỗ nào bất thường không?”

Giả Tứ gia cúi đầu ngẫm nghĩ, sau đó nói: “Không có! Ông chủ Hà là dân buôn, mặc dù gian xảo nhưng việc gì cũng thận trọng lắm, chưa bao giờ đối địch lại với dân trong nghề. Có lần xảy ra xích mích với bọn Hắc đạo, ông ta còn mang cả đồng bạc đến nhờ tôi gỡ cho. Cho nên, vụ này, tôi đảm bảo không phải ông ta tự làm, huống chi làm gì có người bố nào lại đem thi thể con gái mình ra mà dàn cục kia chứ!”

Tổ Gia trầm ngâm nghĩ, mãi lâu mới lên tiếng: “Vậy thì chuyện lớn rồi. Kẻ dàn cục này đã biết trước ông chủ Hà sẽ làm lễ hợp âm hôn, chỉ trong vài ngày ngắn ngủi, có thể tìm được mộ của con gái ông ta, chui vào quan tài ngồi nổi tóc, rồi sau đó trả lại hiện trường như thể chưa

từng động đến. Cao thủ đây!”

Giả Tứ gia liền hỏi: “Việc này, làm được không?”

Tổ Gia nói: “Người bình thường không làm được, phải là một kẻ rất có kinh nghiệm. Thứ nhất, nhân lực phải hợp lý, hẳn là hẳn thường xuyên chơi Trát phi, thuộc lòng cấu tạo của một chiếc quan tài và vị trí từng cái đinh; thứ hai, phải có dụng cụ hợp lý, không được làm hỏng bề mặt quan tài, không được để lại dấu vết; thứ ba, sau khi đặt quan tài trở về chỗ cũ, phải làm sao cho lớp đất trên mặt và tấm bia trở về nguyên dạng, đòi hỏi cực kỳ tỉ mỉ, khéo léo, trước tiên phải chuẩn bị sẵn vàng cỏ và đất khô, chưa kể cho dù đã làm được hết những việc này, nếu không có năm, sáu ngày trời nắng to gió lớn thì khó tránh sẽ để lại dấu vết.”

Sau khi nghe xong, Giả Tứ gia nói: “Việc này một người không thể làm được, chắc chắn là phải có một lũ đây.”

Tổ Gia nói: “Đúng thế! Nếu thời gian gấp gáp, ít nhất cũng phải có mấy chục tên ra tay, tất cả bọn chúng đều đi giày cỏ, không để lại bất kỳ một dấu vết gì tại hiện trường.”

Giả Tứ gia nói: “Bọn chúng gồm mặt đây. Vùng Giang Hoài, kẻ làm mưa làm gió được như thế chỉ có Tổ Gia, Trương Kế Nghiêu của Thiên Thánh Đạo và Mai Huyền Tử của Mai Hoa Hội, lẽ nào là...”

Tổ Gia lẩm bẩm: “Trương Kế Nghiêu... Mai Huyền Tử...”

Giả Tứ gia nói: “Gần đây, lão Mai chơi khá trội, xem ra lão đang toan tính thay đổi lịch sử Giang Hoài. Có điều, vẫn có lỗ hổng, đối phương đã ra tay, sao lại nhả cho chúng ta món hời đến thế?”

Tổ Gia trầm ngâm giây lát rồi nói: “Đây mới là mấu chốt của vấn đề! Trước đây, cũng từng có chuyện các Đường khẩu tin tức không thông, gây ra tình trạng một nhà nhắm được mục tiêu và đang dàn cục thì nhà khác không biết tình hình lại chạy đến giải tai ương. Nhưng, một khi hai bên đã nói rõ với nhau, một bên sẽ lập tức dừng tay, cùng lắm đến lúc cuối chia chút bạc là xong. Nhưng lần này lại không thấy ai đến bảo mình dừng tay...”

Hai người đang bàn bạc, đột nhiên Tam Bá đầu bước vào, ghé sát tai Tổ Gia thì thầm. Tổ Gia nghe xong, mày cau chặt lại.

Trông thấy sắc mặt bất thường của ông, Giả Tứ gia liền hỏi: “Sao thế?”

Tổ Gia không đáp, lại hỏi Tam Bá đầu: “Chắc không?”

Tam Bá đầu nói nhỏ: “Tuyệt đối chính xác!”

Tổ Gia vẫn lặng thinh, mặt đanh lại.

Giả Tứ gia càng sốt ruột, vội hỏi: “Tổ Gia, xảy ra chuyện gì vậy?”

Tổ Gia nhìn Giả Tứ gia một cái, nói: “Trương Kế Nghiêu chết rồi.”

Giả Tứ gia nghe xong, suýt chút nữa bật cả người dậy: “Chết rồi? Sao chết?”

Tổ Gia nói: “Bây giờ vẫn chưa rõ. Bọn họ nói với bên ngoài là ‘Vũ hoá thành tiên’, còn tai mắt của ta lại bắt tin, hẳn chết cháy trong lò bát quái do chính mình làm ra.”

Cái lò bát quái này cũng từng làm náo động cả vùng Giang Hoài. Khi trước, Trương Kế Nghiêu luôn miệng rêu rao về ngày tận thế, lão tự coi mình là Đấng Cứu Thế, ra sức phát triển tín đồ, lại còn cho những tín đồ trung thành của mình vào trong lò bát quái để cùng tu luyện.

Cái lò to tướng ấy rộng tám thước, cao hơn năm trượng, được thiết kế theo hình bát quái: Càn, Khôn, Khảm, Ly, Chấn, Đoài, Tốn, Cấn, xây tựa núi bằng những viên gạch to màu lam, ở giữa đặt một cái bầu lò (lòng bếp), đáy bếp được làm bằng những thanh sắt to. Cả cái lò chỉ có một cửa vào, không có cửa ra, sau khi người đi vào, cửa lò được khóa lại, sau đó củi được chất vào bầu lò to tướng ở phần dưới lò, đổ dầu lên, lửa sẽ cháy bùng bùng.

Thường vào mùa đông, Trương Kế Nghiêu dẫn theo đám đệ tử vào trong lò tu luyện. Mùa xuân thì bà con bận cày bừa cấy hái, mùa hè bận làm lưng chằm ngời tay, mùa thu đến lại lo thu hoạch, chỉ có mùa đông là được thanh thoi hơn cả, những người ưa sự náo nhiệt cũng không ít, rất tiện cho chúng tạo thanh thế. Khi tuyết bay rợp trời, phủ trắng xóa khắp miền sơn cước, Trương Kế Nghiêu bái tế thiên thần địa quỷ xong, liền dẫn đám đệ tử chui vào cái lò bát quái ấy, lửa rừng rực cháy, khói mù mịt, nghi ngút bốc lên trời, quyen lẫn cùng tuyết trắng, cuộn cuộn trong sắc trời u ám.

Lửa cháy liên tục đúng bảy bảy bốn chín ngày, sau bốn chín ngày, mở cửa lò xuất quan, Trương Kế Nghiêu và đám đệ tử toàn thân bóng nhẫy bước ra, miệng kêu là đã tu luyện đến cảnh giới Kim Cương bất hoại. Sau đó, hơn hai mươi đệ tử “Kim Cương” ấy được ông ta phái đến các thành phố lớn như Thiên Tân, Bắc Bình, Bảo Định làm một nhà truyền giáo phụng sự con dân ở đó.

Giả Tứ gia nói: “Trương Kế Nghiêu thường chỉ vào lò bát quái vào mùa đông, giờ đang mùa hè, sao lão phải gấp đến vậy chứ? Liệu có phải Trương Kế Nghiêu đang dàn cục, xong vài ba hôm lại hiện về trong hình hài bằng da bằng thịt, chắc chỉ là diễn náo kịch giống như thần tiên hạ phàm của lão Mai vậy thôi?”

Tổ Gia không nói gì, dăm chiêu suy nghĩ. Nếu Trương Kế Nghiêu quả thật đã chết, sự việc sẽ thành ra nghiêm trọng đây, vừa mấy ngày trước lão còn đến Đường khẩu, vậy mà giờ thành người thiên cổ rồi?! Còn nếu chỉ vờ chết thì mục đích thực sự của lão là gì? Có khi nào lão và Mai Huyền Tử bắt tay nhau cùng dàn cục hay không?

Mãi sau, Tổ Gia nói: “Cứ quan sát một thời gian nữa rồi tính tiếp, xem xem phản ứng của Thiên Thánh Đạo thế nào đã. Nếu chỉ là giả chết, Thiên Thánh Đạo sẽ không xảy ra đại loạn, mọi việc vẫn nằm trong tay của Trương Kế Nghiêu; còn chết thật thì Thiên Thánh Đạo hỗn loạn ngay.”

Mấy ngày trôi qua, tai mắt được gài trong Thiên Thánh Đạo của Tổ Gia đưa tin chính xác, Trương Kế Nghiêu chết thật, thi thể cháy khét. Nghe nói, Trương Kế Nghiêu cũng muốn bắt chước Mai Huyền Tử thành tiên, dựng lên một truyền thuyết thần bí về mình, trội hơn hẳn lão ta, nên cũng dựng hiện trường giả cho vụ “Vũ hoá thành tiên”, kết quả là chui vào trong lò bát quái rồi không thấy chui ra nữa. Cuối cùng, trong ống khói bay ra toàn những lông ngan, lông vịt, đệ tử bầu quanh lò thì nhau quỳ lạy, chúc tụng giáo chủ đã mọc cánh thành tiên.

Đại đồ đệ Tả Vĩnh Thiên của Trương Kế Nghiêu lấy có Trương Kế Nghiêu hóa tiên, vội vàng đưa lão đi chôn.

Tổ Gia trầm nghĩ, lần này chắc chắn Thiên Thánh Đạo sẽ đại loạn. Đường chủ chết, người ngoài không rõ chân tướng, đám đệ tử “Kim Cương” lòng dạ sáng như gương kia lẽ nào lại không làm phản?

Chương 4. MẸO LẠ ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG VẬT: THUẬT QUỶ TƯƠNG

BẦY NHÍM KỶ LẠ

Tổ Gia hiếm khi mắc sai lầm, nhưng lần này ông đã phán đoán nhầm, Thiên Thánh Đạo vẫn im ắng lạ thường.

Đại đồ đệ Tả Vịnh Thiên của Trương Kế Nghiêu đã ngồi lên bảo tọa ngay sau đó vài hôm, trở thành chương môn thứ bảy của Thiên Thánh Đạo, vẫn tung tin hù dọa về ngày tận thế như trước, có điều khẩu hiệu lần này hơi khác. Trước đây chúng rêu rao: “Càn khôn hữu đại nan, mặt thế kỷ đương đầu, Thiên Thánh độ chúng sinh, các đấng bắt tử thân”. Giờ chúng lại hô: “Càn khôn hữu đại nan, mặt thế kỷ đương đầu, phúc tông Đông phương lai, mãn tâm cứu chúng sinh”.

Tổ Gia đắm chiêu. Một nhân vật tầm cỡ như thế, nói chết là chết ngay được, lại chết một cách khó hiểu, kẻ nào mà lại bản lĩnh đầy mình như vậy, có thể bung bít cái chết của một đại sư êm ru như thế?

Mai Huyền Tử biến thành tiên, Trương Kế Nghiêu chết đột ngột, quan tài đầy tóc đen, Giả Tứ gia không mời mà đến, dường như tất cả những điều này đều có thể xâu chuỗi lại. Nghĩ đến đây, Tổ Gia không khỏi rùng mình.

Vụ dàn cục với thi thể con gái ông chủ Hà vẫn phải tiếp tục làm. Tổ Gia biết, giờ mình không còn đường thoái lui, chỉ có tiếp tục bước lên phía trước, chân tướng mới được phơi bày. Nhưng cần phải suy xét thật cẩn trọng.

Cứ theo các bước thì đầu tiên phải làm lễ chiêu hồn để an ủi vong linh, rồi nói oan khí trong người cô gái đã tiêu tan, thuyết phục nhà trai cứ làm lễ hợp hôn như đã bàn định. Nếu nhà trai không đồng ý cũng không đáng ngại, chỉ cần Nhị Bá đầu Trát phi, đêm đến bày trò hồn ma bóng quỷ, bảo đấy là cô gái tìm về, nếu không đồng ý, cả nhà sẽ chết sạch, kiểu gì chẳng êm xuôi.

Điều quan trọng là Tổ Gia luôn cảm thấy đằng sau tất cả những việc này luôn có hai con mắt hằn lên những tia máu đầy hận thù đang nhìn chòng chọc vào mình, không biết lúc nào sẽ chồm tới, cắn ông một miếng.

Cả đêm Tổ Gia trần trọc suy nghĩ. Trời sáng, ông bảo Nhị Bá đầu dẫn đến nhà ông chủ Hà. Tổ Gia muốn đích thân làm phép chiêu hồn.

Tổ Gia bảo ông chủ Hà xé rất nhiều những miếng vải trắng, treo trên xà nhà, phòng khách, phòng phía nam, phòng phía đông, phòng phía tây, treo khắp quanh sân; giữa sân đặt một án kỷ, bày đủ cả lư hương, bệ đèn, tam tiên (ba món ăn), vàng mã.

Tổ Gia lấy một nắm hạt kê, một cái hũ miệng nhỏ, thả nắm hạt kê đó vào đó, lấy giấy đỏ bịt kín miệng hũ lại, dùng kiếm khua khua về phía chỗ vàng mã, đốt bùa niệm chú, trên vải Tam Thanh (ba vị thần tiên trong Đạo giáo), dưới tế sâm la (vạn thứ hiển hiện xung quanh), sau đó chọc thủng một lỗ trên tờ giấy đỏ, rồi gọi to để hồn ma chui vào trong hũ.

Tiếp theo, Tổ Gia lại sai Nhị Bá đầu bốc nắm hạt kê trong hũ ra, bỏ vào miệng người chết giờ đã không còn da thịt nữa. Nhị Bá đầu cứ thế đổ thẳng hạt kê vào qua hốc miệng.

Tổ Gia lại dán một lá bùa cầu siêu lên đầu thi thể, yểm cho linh hồn cô gái được yên.

Rồi cứ theo kế hoạch, thuyết phục nhà trai, đem hai người hợp táng.

Tất cả mọi việc đều rất suôn sẻ, suôn sẻ đến nỗi khiến Tổ Gia cảm thấy đáng sợ. Từ trong sâu thẳm, ông luôn thấy bất an, nhưng lại không rõ là do đâu.

Chính Hoàng Pháp Dung đã chọn ngày hợp táng. Kẻ đi lừa đảo cũng phải chọn ngày hoàng đạo, Hoàng Pháp Dung dùng thuật Kỳ môn độn giáp khởi cục, tìm được một ngày đẹp.

Ngày hôm đó, Tổ Gia đích thân đến hiện trường, chỉ bảo đám người nâng cái quan tài màu đỏ to tướng đặt xuống huyệt.

Đột nhiên, trong bụi cây phát ra những tiếng loạt soạt, nghe như tiếng mưa rơi lên lá sen. Những âm thanh đó từ xa vọng lại, rồi nhanh chóng tiến lại gần, khiến mọi người sửng lại, đông tai nghe ngóng. Bất thành lình, một đàn con gù trắng trắng lao ra khỏi bụi cây, cũng không rõ chúng “xuất kích” tự lúc nào, chỉ nghe thấy chúng “hò la” cùng nhảy chồm tới cả bầy. Định thần lại, mọi người mới nhận ra là lũ nhím. Khắp người chúng mọc tua tua những chiếc gai trắng, bụng phập phùng, cứ thế phi thẳng về phía quan tài, như thể trong đó có thứ gì đang hút lấy chúng. Mấy trăm con nhâu nhâu quanh quan tài, kêu chi chi như tiếng âm hồn.

Đám cu li hồn vía lên mây. Mấy người bạo gan lấy gậy và cuộc chim đuổi, nhưng lũ nhím như bị trúng tà, chẳng biết sợ người, giương cặp mắt đỏ lù, nhảy lên nhảy xuống, những cái mõm bé như sẵn sàng chồm tới tấn công. Mấy người sợ quá, vứt hết cả cuộc xẻng, bỏ chạy.

Ngay sau đó, lũ nhím bắt đầu tấn công chiếc quan tài. Lúc nhúc mấy trăm con, răng con nào con nấy cạ cạ gặm tằm gỗ quan, khiến lớp sơn màu đỏ chẳng mấy chốc đã bị cạo sạch. Với tình hình này, dù vừa rồi quan tài có được lấp kín trước khi chúng lao đến thì chúng vẫn có thể đào lỗ chui vào cắn tan tành.

BẠCH TIÊN NHẬP ĐỒNG

Tổ Gia vã mồ hôi, mảy cau lại, lời căn dặn của lão tổ tông hiện ra trước mắt ông: Ô phát già quan bất khả trát, oán khí lệ khí loạn như ma...

Ông chủ Hà run cầm cập hỏi: “Tổ Gia, xảy ra chuyện gì vậy?”

Tổ Gia cố tỏ ra bình tĩnh nói: “... Khả năng là do âm khí quá nặng, khiến Bạch tiên đến, đợi ta làm phép...”

Lúc này, Hoàng Pháp Dung đóng giả làm đạo cô đang đứng sau lưng lẳng lặng đi tới gần Tổ Gia nói nhỏ: “Tổ Gia, đây là Tiểu Quỷ tương! Nơi này không nên nán lại lâu, chúng ta nên đi trước!”

Tổ Gia trừng mắt: ”Đi thế nào được?”

Hiểu thấu tâm tư Tổ Gia, Hoàng Pháp Dung cũng chỉ biết cúi đầu lo lắng nghĩ cách ứng phó.

Chính vào thời khắc ngàn cân treo sợi tóc, một trận gió lướt nhẹ qua, khiến cành cây run rẩy, liền ngay sau đó là tiếng sấm âm trời. Tam phục thiên là những ngày nóng bức nhất mùa hè, trời nổi gió hay có sấm là chuyện vốn rất bình thường, nhưng dường như có thứ gì đó khiến Hoàng Pháp Dung sốc nặng, mắt bà trắng dã, đầu lao xuống đất.

Tổ Gia sững người, tất cả mọi người có mặt đều kinh hãi.

Trương Tự Triêm đứng sau vôi vàng dìu Hoàng Pháp Dung dậy.

Hoàng Pháp Dung mắt nhắm nghiền, toàn thân co giật, miệng rên hừ hừ. Rồi đôi mắt đang nhắm chặt đột nhiên trợn trừng, lóe lên ánh nhìn hung ác, miệng quát to: “Bạch tiên giá đáo, lũ các ngươi còn không mau quỳ xuống?”

Trương Tự Triêm không hiểu đã xảy ra chuyện gì, vôi vàng kêu tên: “Pháp Dung! Pháp Dung!”

Hoàng Pháp Dung đẩy mạnh Trương Tự Triêm ra, miệng vẫn quát tháo: “Ta là Bạch tiên! Ta là Bạch tiên!”

Giọng nói run bần bật như từ cõi âm vọng về khiến những người đứng xung quanh phải dựng tóc gáy. Lúc này, một đám mây đen chầm chậm ùn tới, sắc trời u ám dần, gió thổi càng mạnh thêm, như muốn giật đổ cả cây đại thụ. Hoàng Pháp Dung đứng trơ trong gió, miệng run run liên tục phát ra những âm thanh khó hiểu.

Tổ Gia hiểu rõ ý đồ, liền đế vào: “Bạch tiên nhập đồng đây!”

Ngày xưa, người dân rất tin vào chuyện thần tiên, ma quỷ và cả người chết có thể nhập vào một người nào đó. Thấy Hoàng Pháp Dung làm náo loạn lên như vậy, lại thêm Tổ Gia vun

vào, mọi người đều tin hết thảy.

Tổ Gia vén tà áo, quỳ xuống nói: “Bạch tiên tại thượng, hôm nay đệ tử làm lễ hợp táng cho đôi tân lang tân nương ở đây, không biết có Bạch tiên đại giá quang lâm, thất lễ, thất lễ!”

Hoàng Pháp Dung nói: “Ta là Nhất Bạch Linh dưới chân núi Hoàng Sơn, 500 năm trước suýt chút nữa bị kẻ ác nấu chín, may nhờ cô gái này cứu giúp mới có được đạo thân này. Nay ta đã tu thành chánh quả, đến là để báo ơn cứu mạng năm xưa, nào ngờ cô gái lại đã lìa trần. Ta đây nếu không đến kịp thì lũ các người đã chôn cô gái mất rồi, may mà còn được nhìn thấy cô gái lần cuối...” Nói xong, bà ta liếc nhìn những người đứng xung quanh. “Bọn các người còn không quỳ xuống, dám coi khinh Bạch tiên ta?”

Những người đứng xung quanh lúc này mới hoàn hồn, lật đật quỳ hết cả xuống.

Ông chủ Hà thành tâm nhất, cúi rạp nói: “Không biết Bạch tiên giá đáo, thất lễ, thất lễ!”

Tổ Gia cười thầm: Con ranh Pháp Dung này giải nguy trong tích tắc, tạm thời cứ nghe xem nó nói thế nào đã.

Hoàng Pháp Dung nói với mọi người: “Các người nghe đây, mau đem ngải cứu tới, ta phải làm phép xua đuổi tà ma cho cô gái, để vợ chồng họ không bị bọn quỷ đói quấy nhiễu trên đường đi xuống hoàng tuyền.”

Tổ Gia đưa mắt nhìn ông chủ Hà, tỏ ý bảo ông ta mau đi lấy.

Ông chủ Hà vội sai người hầu chạy xe đến cửa hàng thuốc ở gần đấy, mua mấy bao ngải cứu đem về.

Hoàng Pháp Dung rải ngải cứu quanh quan tài, sau đó thấp hương đốt. Ngải cứu cháy, tỏa ra thứ mùi nồng nặc, nhân đó Hoàng Pháp Dung nói thật to: “Thiên bát nhã, vạn bát nhã, sáu cõi luân hồi khổ ải nhất; sống hà tất bi ai, chết có gì khiếp sợ. Nay đưa tiền hài nhi, kiếp sau lại được ở bên cô gái; hợp rồi tan, tan rồi lại hợp, năm trăm năm tu luyện mới được như bây giờ; ta nay báo ân ...”

Lũ nhím bám quanh quan tài ngửi thấy mùi ngải cứu liền bỏ chạy tán loạn, có con chạy thực mạng vào bụi rậm, có con chạy về phía hồ nước xa tít.

Hoàng Pháp Dung thấy lũ nhím đã chạy mất, hai hàng nước mắt tuôn xuống: “Ân nhân của ta đã lên đường xuống suối vàng, ta cũng phải quay về rồi. Ta đi đây! Ta đi đây!” Nói đoạn, bà ta dướn người lên, rồi cứ thế đổ ụp xuống đất.

Khi được mọi người dìu dậy, bà hốt hoảng nhìn mọi người: “Sao vậy? Vừa xảy ra chuyện gì thế?”

“Vừa rồi, Bạch tiên nhập vào người đây.” Tổ Gia nói.

Hoàng Pháp Dung lau mồ hôi rịn ở trán, làm điệu bộ yếu ớt vô cùng. Một cơn gió ủa đến, bà suýt ngã khụy, may có Trương Tự Triêm đứng sau lưng đỡ lấy.

Tổ Gia ra lệnh: “Viên phần!”

Tiếng kèn được gióng lên, mọi người nâng quan tài đặt vào hố rồi lấp đất lên mộ.

THUẬT “QUỶ TƯƠNG”

Buổi tối, mọi người trở về Đường khẩu, Tổ Gia triệu tập cuộc họp khẩn cấp để phân tích, đánh giá sự việc ngày hôm nay.

Ông nói: “Vụ dàn cục lần này gặp kinh động nhưng không đến nỗi nguy hiểm, tất cả nhờ Pháp Dung biết tùy cơ ứng biến, các huynh đệ trong Đường khẩu nên học hỏi, noi gương.”

Hoàng Pháp Dung rất khôn ngoan, liền đứng dậy nói: “Đều nhờ ơn Tổ Gia dạy bảo.”

Trương Tự Triêm ở bên cạnh cũng cười rạng rỡ.

Tổ Gia cũng từng nghe nói đến thuật Quỷ tương nhưng chưa bao giờ được biết tường tận về nó. Hôm nay, Hoàng Pháp Dung đột nhiên nhắc đến khiến Tổ Gia cũng phải sờ gai óc.

Thuật Quỷ tương là một loại ma thuật của một vài nước Đông Nam Á, được chia thành hai dạng: Tiểu Quỷ tương và Đại Quỷ tương. Tiểu Quỷ tương vật, Đại Quỷ tương nhân. Tức Tiểu Quỷ tương khống chế động vật, còn Đại Quỷ tương khống chế con người.

Theo ghi chép trong Miêu tương Cổ thuật, Quỷ tương là một kiểu Cổ thuật do Cổ thần (thần độc dược) A Luy – một cô gái tộc người Miêu – chế ra vào cuối thời Minh.

Những năm Sùng Trinh cuối thời nhà Minh, Lý Sấm Vương lãnh đạo nhân dân đứng lên khởi nghĩa, người tộc Miêu hưởng ứng mạnh mẽ, quan lại người Miêu ở Hồ Nam tất thấy điều quy tụ dưới trướng của Lý Sấm Vương. Để giúp ông ta đối phó với đội quân của triều đình, A Luy đã dùng loài địa long – một loại giun đất – trên đỉnh Thiên Sơn Tuyết làm vật chủ, rồi cấy loài mòng trâu sống rất dai lên mình loài địa long đó. Sau vài tháng, đem chúng luyện thành Quỷ tương u minh cổ. Loài cổ trùng này có thể ẩn náu trong cơ thể người và động vật, hút linh hồn, khống chế tâm trí.

Năm Sùng Trinh thứ 7, Lý Tự Thành đánh trận quyết chiến ở ải Ninh Vũ. A Luy đã thả loài sâu cực độc này xuống dòng nước mà quân đội triều đình sẽ uống. Sau khi bọn họ uống vào, đầu óc trở nên mơ màng, không còn một chút sức lực để chiến đấu, Lý Sấm Vương chỉ cần giáng một đòn đã công hạ được đất Thái Nguyên, tiếp tục đi chinh phạt phía Đông.

Ngày 19 tháng 3, Lý Tự Thành tiến vào Chính Dương Môn (Bắc Kinh), Sùng Trinh thắt cổ tự vẫn, Đại Minh diệt vong. Lý Tự Thành luận công ban thưởng, A Luy ỷ mình công lớn, rất vênh váo đắc ý. Không ngờ, Lý Tự Thành lại ra lệnh giết A Luy, đây gọi là chiêu qua cầu rút ván, khi ta cần anh, anh cứ lập thành tích cho ta, còn khi đã dẹp yên thiên hạ, ai dám giữ một kẻ chuyên hạ độc nguy hiểm như vậy bên mình?

Hoàng Pháp Dung nói: “Hút linh hồn, không chế tâm trí, đều là trò bịp.” Thuật Quỷ tương thực chất áp dụng nguyên lý kết hợp âm dương mà thầy vạn vật đều có, loài cỏ trùng cũng vậy. Đầu tiên, thả cỏ trùng đực (tính dương) vào thức ăn hoặc nước uống, chúng cực nhỏ, mắt thường không thể nhìn thấy được. Sau khi vào cơ thể người hoặc động vật, chúng sẽ ẩn náu trong đó, sinh sôi phát triển rất nhanh, rồi theo máu lên não. Dương chủ về động, âm chủ tĩnh, một khi cơ thể vật chủ đã bị cỏ trùng đực ký sinh thì sẽ cảm thấy buồn bực không yên. Lúc này, chỉ cần cho cỏ trùng cái (mang tính âm) vào cơ thể một vật chủ khác (vật đích), cỏ trùng đực sẽ ngửi thấy mùi của đối phương, càng cảm thấy bồn chồn hơn, liền lao thẳng tới vật đích kia, như vậy là đạt được mục đích âm dương giao hòa. Một khi đã bị thi triển thuật Quỷ tương, người hay động vật đều không thể làm chủ được cơ thể mình nữa và răm rắp nghe theo sự điều khiển của người khác. Sau này, nhiều người phụ nữ Miêu Tương đã dùng cách này để hành hạ những người đàn ông phụ tình, họ cho chồng mình uống loài cỏ trùng này vì cho rằng đã không giữ được trái tim thì nhất quyết giữ chặt thể xác, đây chính là truyền thuyết về yêu nữ Miêu Tương xuất hiện trong lịch sử Trung Quốc.

“Khi nhìn thấy cả đàn nhím xông ra, lại thấy chúng chẳng có vẻ gì sợ người, con biết ngay chúng đã trúng thuật Quỷ tương. Năm nọ, khi cùng bà (Kiều Ngũ Nương) đi thăm một vị Cô sư ở Hồ Nam, con từng được tận mắt chứng kiến thuật Quỷ tương này. Có người dùng nhím, có người dùng châu chấu, có người lại dùng chuột... Sau khi đã bị khống chế, những loài vật này sẽ trở nên hung hăng khác thường, một thầy cỏ trùng cao tay có thể sai khiến chúng làm bất cứ việc gì.”

Những lời Hoàng Pháp Dung nói đều là sự thật. Nhật Bản sau khi phát động cuộc chiến tranh xâm lược Trung Hoa, bọn đồng cốt cũng bám theo đám quân đội vào thu thập bí kíp thuật Quỷ tương ở khắp Đông Nam Á. Vào thời kỳ xây dựng tuyến đường huyết mạch Điện – Miến (tức tuyến đường nối liền Vân Nam với Miến Điện) trong cuộc kháng chiến chống Nhật năm 1938, bộ binh Nhật không thể tiến sâu vào hậu phương Vân Nam để thực hiện hoạt động phá hoại, chúng liền dùng máy bay ném bom, ngoài bom thông thường còn ném rất nhiều bom sinh hóa (một loại vũ khí sinh học), loại bom này chứa rất nhiều vi khuẩn, nhất là loài cỏ trùng đã nói ở trên. Sau khi bom phát nổ, cỏ trùng sẽ tán ra khắp các khu rừng trong vùng, lũ tê tê ăn phải sẽ bị bọn thầy cúng người Nhật điều khiển, cứ thế lao ra phá hoại tuyến đường đang được thi công, tạo thành những hố sâu trên đường. Quốc dân Đảng đã phải điều động đám thầy cúng trong vùng đốt một khối lượng lớn ngải cứu mới có thể đuổi được đám này đi, đảm bảo hoàn thành tuyến đường Điện – Miến thuận lợi.

Về ngải cứu, từ xưa, người ta đã biết đến tác dụng khử tà rất hay của nó, mùi ngải cứu cũng là

thứ mùi khiến lũ cổ trùng sợ nhất. Khi khói ngải cứu đi vào cơ thể vật chủ, được tính sẽ phát tán khắp nơi và ngấm sâu vào khiến loài cổ trùng ký sinh bị hóa kiếp ngay. Đương nhiên, khói ngải cứu cũng chỉ có tác dụng đối với loài cổ trùng không nguy hiểm, nếu gặp phải Cổ sư cao tay, dùng thuật Đại Quỷ tương thì cần nhờ đến vài câu thần chú nào đó của nhà Phật mới giữ sạch tâm trí của người đã bị dính bùa.

Sau khi nghe Hoàng Pháp Dung nói về nguồn gốc của thuật Quỷ tương, mọi người mới hiểu rõ điều thần kỳ trong Cổ thuật, bây giờ mới bắt đầu nhón nháo bình phẩm.

Tổ Gia trầm ngâm nghĩ, không biết kẻ nào dám chui trong quan tài giờ trò, tạo ra cảnh tượng giả mạo quan tài đầy tóc đen, rồi lại thi triển Tiểu Quỷ tương hòng phá hỏng việc hợp hôn?

Ông đang mải nghĩ ngợi thì một tên tay chân vào báo rằng có một người bạn làm trong tòa soạn báo Thượng Hải đến thăm. Tổ Gia cầm đồng hồ quả quýt ra xem, lúc đó đã giờ Tý nửa đêm, chắc chắn có chuyện rồi, liền nói: “Mau mời vào thư phòng đợi ta!”

Người khách đó chính là vị Phó tổng biên tập tòa soạn, họ Ngô, tên Quân Nhiên, là nội ứng trong tòa soạn mà Tổ Gia phải bỏ ra cả đồng tiền để mua chuộc, những bài viết ca ngợi Tổ Gia trên báo đều do Ngô Quân Nhiên làm.

Ngô Quân Nhiên chẳng tỏ ra khách sáo, đưa ngay cho ông một tờ giấy nói: “Tổ Gia, ông đọc đi!”

Tổ Gia thót tim khi cầm lên đọc. Đó là một mẫu tin, có tiêu đề Chân tướng trò hợp âm hôn, truyền nhân Thiết Bốc Tử hết đường. Nội dung đại thể nói rằng, bọn Tổ Gia chuyên lừa đảo ở Giang Hoài bao năm nay, gần đây giả thân giả quỷ làm lễ hợp hôn cho người cõi âm, kết quả khiến trời nổi cơn thịnh nộ, người oán hận thấu xương, nên vào ngày chôn cất, Bạch tiên kéo đến quấy phá, cắn nát quan tài, xương cốt vung vãi khắp mặt đất.

“Tin này có từ lúc nào?” Tổ Gia hỏi Ngô Quân Nhiên.

“Tin này vốn sẽ được phát vào ngày mai, nhưng trước lúc đem đi in đã bị hủy. Việc này đều do Tổng biên tập đích thân dàn xếp, ngay cả tôi cũng không biết gì. Tòa soạn quy định rõ, những tin được phát hành vào ngày hôm sau thì phải chuẩn bị sẵn sàng từ hôm trước, sau đó đem đi in suốt đêm, để buổi sáng giao đi khắp phố. Mỗi biên tập viên sẽ phụ trách một mảng, thu thập và cung cấp bản thảo, tin bài của mảng mình phụ trách, những bản thảo bị thu hồi ngay khi sắp được phát hành đều bị tiêu hủy hết, may mà chỗ thu hồi có người của tôi, anh ta đã đưa bản này cho tôi. Tôi thấy chắc hẳn đã xảy ra chuyện, nên vội vàng đến báo cho Tổ Gia một tiếng.” Ngô Quân Nhiên nói.

Tổ Gia nghe xong, thở dài: “Xem ra chúng đã ử mưu từ lâu rồi.”

Ngô Quân Nhiên hỏi: “Ử mưu từ lâu?”

Tổ Gia nói: “Hôm nay ta làm lễ hợp âm hôn, quả đúng là có cả đàn nhím kéo đến phá, nhưng đã bị ta hóa giải rồi. Cho nên, bài viết này mới bị hủy đi. Kẻ nào đã đưa bài này đến tòa soạn? Có thể điều tra ra hẩn không?”

Ngô Quân Nhiên nói: “Tôi hỏi rồi, nghe nói do đích thân Tổng biên tập đưa!”

“Đích thân hẩn?” Tổ Gia cảm thấy sự việc càng ngày càng nghiêm trọng.

Sau khi đưa cho Ngô Quân Nhiên mấy chục đồng bạc trắng, Tổ Gia thì thăm vài câu với anh ta, Ngô Quân Nhiên lẳng lặng quay về tòa soạn.

DỊCH SỐ TAM THỨC

Sau khi tĩnh tâm lại, Tổ Gia quay lại Đường hội, nói: “Từ giờ mọi người phải đề cao cảnh giác, có kẻ ngấm giở trò sau lưng chúng ta.”

Nhị Bá đầu sừng sộ: “Mẹ kiếp! Có giỏi thì đường đường chính chính làm một trận!”

Tổ Gia không nói gì, đưa mắt nhìn các Bá đầu còn lại đang ngồi nguyên tại chỗ, đề phòng kẻ khác không bằng cảnh giác giặc trong nhà, vụ quan tài đầy tóc đen rõ ràng là có người đã tiết lộ chuyện cơ mật của Đường khẩu, nên đối phương mới có thể bố trí phối trong hợp ngoài như thế. Nhìn các Bá đầu vẫn cái vẻ đạo mạo hiên ngang ngồi đây, trông ai cũng giống người, mà lại chẳng phải người.

Phái Giang Tướng có rất nhiều điều cấm kỵ, tất cả đều được ghi rõ trong Trát phi mật bản, đây đều là chuyện vô cùng cơ mật của Đường khẩu. Đại kỵ hữu tam, tiểu kỵ hữu ngũ. Đại kỵ chính là ba việc sẽ phải mất đầu mà không một ai dám làm, tiểu kỵ là trừ khi Đường khẩu nghèo đến nỗi không có gì ăn, nếu không tuyệt đối không được phép làm, còn khi làm cũng phải hết sức thận trọng, sau khi xong phải tích cực làm việc thiện, để mong hóa giải được nạn tai.

Ba việc đại kỵ đó là: Ô phát già quan bất khả trát, thiên niên cổ thụ bất khả động, miếu vũ đạo đài bất khả hủy.

Ô phát già quan bất khả trát. Chính là tình huống tóc mọc trong quan tài mà Tổ Gia vừa gặp phải.

Thiên niên cổ thụ bất khả động. Những cây cổ thụ nghìn năm tuổi rất linh thiêng, đa phần đều có quỷ thần canh giữ, tuyệt đối không được phép động vào. Quan lại khi cho sửa đường, nếu gặp phải cây cổ thụ thì thà đi vòng qua chứ tuyệt không dám chặt. Năm xưa, Tào Mạnh Đức (tức Tào Tháo) uy phong lẫm liệt không ai bì nổi đã không tin chuyện tà ma, liền vùng kiếm chặt đổ cây lê trăm tuổi, kết quả bị trúng phong, xuất huyết não mà chết.

Miếu vũ đạo đài bất khả hủy. Chùa miếu, đạo quán đều là chốn thanh tu, người xuất gia thờ

Tam Bảo, cúng Tam Thanh, là những bậc đại thiện, là cha mẹ chúng sinh trong thiên hạ. Nếu ngay cả những nơi này cũng dám giày xéo thì thật đúng là tội đáng chết. Cho nên phái Giang Tướng chưa từng dám phá hủy một kiến trúc tôn giáo nào, càng không dám phá tượng Phật, dỡ ban thờ thần linh.

Năm điều tiêu kỵ đó là:

Nhất kỵ ô vân giã nguyệt hợp âm hôn. Khi mây đen che kín mặt trăng, nếu có mèo, chó đến quấy phá, sẽ gây ra hiện tượng xác chết vùng dậy, cho nên các A Bảo phải đặc biệt chú ý tình huống này.

Nhị kỵ lôi vũ giao gia điểm long mạch. Khi xem phong thủy cho người ta, các A Bảo sẽ cầm la bàn đi quanh núi, đây gọi là tầm long điểm huyết, nếu lúc này đột nhiên trời âm u thì phải nhanh chóng thu dọn, tạm thời không tìm nữa, vì người xưa cho rằng trời mưa có liên quan đến Long Vương. Khi trời mưa, tức Long Vương đã tới, anh còn dám điểm huyết ông ta, chẳng phải muốn chết hay sao?

Tam kỵ Thái Tuế đầu thượng lai động thổ. Người xưa nói, Lưu niên là năm có sao Thái Tuế chiếu, Lưu niên do thiên can và địa chi kết hợp với nhau mà thành. Thiên can và địa chi lại kết hợp với ngũ hành, bát quái và phương vị, cho nên trong mỗi năm khác nhau sao Thái Tuế sẽ ở phương vị khác nhau, khi các A Bảo điều chỉnh phong thủy cần phải hết sức ghi nhớ không được phép động thổ ở phương vị có sao Thái Tuế, nếu không sẽ xung khắc Thái Tuế, dẫn đến tai họa ngập đầu.

Tứ kỵ nhất cục tàn sát chúng sinh linh: Các A Bảo dàn cục, có lúc phải sát sinh, giết vài con gà con chó thì không phải bàn đến làm gì, nhưng có lúc vì dàn cục lớn sẽ phải sát sinh hàng loạt, như khi dàn cục huyết tể. Đây là việc rất kỵ, vì sẽ khiến kẻ sát sinh đoản mệnh, việc Kiêu Ngũ Muội dàn đại cục dụ cá đã phạm vào điều cấm kỵ này.

Ngũ kỵ đăng hoa tự diệt thứ nhật hành. Thời xưa chưa có đèn điện, người ta phải dùng đèn dầu hoặc nến để có ánh sáng. Khi các A Bảo lập mưu, lên kế hoạch dàn cục, vào buổi tối trước ngày hành động, nếu ngọn đèn trên bàn đột nhiên bị tắt phụt, hoặc đèn lồng treo trước cửa bị tắt vô cớ, đều bị coi là những điềm không tốt lành. Người xưa thường nói, “đèn tự vụt tắt báo hiệu có tang”, lúc này, bất kể vụ dàn cục quan trọng thế nào, có thể kiếm được bao nhiêu tiền, đều phải dừng tay.

Cuốn Trát phi mật bản là bảo vật trấn trạch của Đường khẩu, các A Bảo đẳng cấp khác nhau sẽ được truyền thụ nội dung khác nhau, bọn tay chân chỉ được biết phần rìa bên ngoài, các Bá đầu có thể được tiếp cận đến những thứ ở tầng cấm kỵ và một vài phương pháp Trát phi cao siêu, những người đọc thông cuốn sách này chỉ có Tô Gia và Trương Tự Triêm; Hoàng Pháp Dung là một trường hợp ngoại lệ, vì khi còn ở Việt Hải Đường, bà đã là “Linh muội” của Đường khẩu, chuyên phụ trách những việc liên quan đến quỷ thần, bởi vậy sau khi đến làm dâu Mộc Tử Liên, những việc này cũng chẳng thể giấu được bà. Tô Gia vì vậy mới để cho bà

và Trương Tự Triêm cùng phụ trách công việc chỉnh lý Trát phi mật bản.

Nhìn các vị Bá đầu, Tổ Gia lại liên tưởng đến cái chết của Trương Kế Nghiêu. Bất giác ông rung mình, ông không thể không nghĩ đến sự an nguy của chính mình.

Tổ Gia lườm Nhị Bá đầu một cái, rồi quay người nói với Tề Xuân Phúc: “Lão tứ, ý kiến thế nào?”

Tề Xuân Phúc nói: “Tổ Gia, theo tin tức mà chúng ta nắm được, chuyện Mai Huyền Tử biến thành tiên là giả, Trương Kế Nghiêu chết là thật, vùng Giang Hoài thiên hạ chia ba, Trương Kế Nghiêu chết rồi, Mai Huyền Tử là kẻ đáng ngờ nhất.”

Hoàng Pháp Dung ngẩng đầu lên định nói. Nhưng bà chỉ là hạng chân tay, không được Tổ Gia cho phép, không được tùy tiện phát biểu. Đương nhiên, chi tiết nhỏ này không lọt qua được mắt Tổ Gia, nhưng ông không cho bà nói.

Tam Bá đầu lên tiếng: “Nếu Mai Huyền Tử muốn nhất thống thiên hạ thì tại sao khi Đường chủ Thiên Thánh Đạo Trương Kế Nghiêu chết, ông ta lại không thừa cơ sấn đến mà vẫn để cho đại đồ đệ của Trương Kế Nghiêu là Tả Vịnh Thiên thế chỗ rất hợp lẽ, không hề gây ra đại loạn trong Thiên Thánh Đạo. Hình như hai tên này ngầm ngầm giao kèo với nhau.”

Tổ Gia cười: “Ta chưa thấy ông hồ đồ bao giờ.”

Đại Bá đầu xen vào: “Nghĩa là, cái chết của Trương Kế Nghiêu quá mập mờ, chỉ Tả Vịnh Thiên mới là người rõ nhất.”

Hoàng Pháp Dung lại định nói, nhưng Tổ Gia vẫn chưa cho bà cơ hội.

Tổ Gia đưa mắt nhìn Ngũ Bá đầu: “Ý lão ngũ thế nào?”

Lão ngũ Lương Văn Khâu lắc đầu: “Tổ Gia, thứ lỗi cho lão không rõ đầu đuôi, mắt lão kèm nhèm, không nhìn ra được.”

Đúng lúc còn chưa rõ thực hư thế nào, Mai Hoa Hội lại tung thêm động thái mới, Mai Huyền Tử tuyên bố mình đã luyện thành công Dịch số tam thức.

Dịch số tam thức là kỹ pháp đặc biệt, có thể cách không thủ vật, xuyên tường độn thổ, tịch cốc. Đây là ba phép thuật cao siêu nhất trong huyền học mà một kẻ tu theo Đạo gia đều muốn lĩnh hội được. Vô số những người mộ đạo muốn tu luyện thành tiên trong lịch sử đều theo đuổi ba loại phép thuật này, nhưng thật sự đắc đạo chỉ lác đác đôi ba người.

Theo tài liệu lịch sử ghi chép, Dịch số tam thức đã phát triển đạt đến mức hoàn chỉnh nhất vào thời Tam Quốc.

Cuối thời Đông Hán, vùng Lư Giang có một đạo nhân (người tu tập Đạo gia) tên là Tả Từ. Tào Tháo nghe nói người này vô cùng lợi hại nhưng không tin. Một hôm, ông ta cho mở tiệc chiêu đãi văn võ bá quan, cũng phái người mời Tả Từ đến.

Tại bữa tiệc, Tào Tháo cố ý muốn thử phép thuật của Tả Từ, liền nói: “Hôm nay ta mở tiệc lớn, các món sơn hào hải vị trong thiên hạ đều đủ cả, chỉ thiếu mỗi loài cá sạo trên sông Ngô Tùng (sông Tô Châu ngày nay). Tiên sinh có cách nào mang nó về không?”

Tả Từ cười lớn: “Thừa tướng, việc này có khó gì? Để tôi làm phép cách không thủ vật, chỉ cần duỗi tay ra là có thể lấy được cá trên sông cách xa nghìn dặm.”

Tào Tháo sững người.

Tả Từ lấy một cái thau đồng, giơ lên cao, miệng đọc thần chú, rồi lật ngửa ra, một con cá sạo dài chừng một tấc nhảy ra, còn tươi roi rói.

Tào Tháo vỗ tay cười lớn, rồi lại nói: “Cá sạo thì tươi roi rói, mà lại thiếu gừng đất Thục!”

Tào Tháo nghĩ: Vừa rồi chắc Tả Từ đã dùng chiêu trò để qua mắt ông ta, chắc chắn đã giấu cá trong tay áo từ trước, ta muốn miếng gừng tươi của nước Thục cho phải vị, xem người sẽ biến phép thế nào!

Tả Từ giơ tay vượt chòm râu dài, nói: “Thừa tướng đợi một chút, tôi đến đất Thục, thoáng chốc quay về ngay.”

Dứt lời, bụi đất ùn lên, vù một cái Tả Từ chui xuống đất, đi xuyên qua núi, băng qua huyết đạo, thay hình đổi dạng, thoát cái đã từ đất Thục trở về, tay cầm một nắm gừng dâng lên Tào Tháo: “Thừa tướng, xin mời!”

Tào Tháo ngây người ra. Đám khách khứa đều kinh ngạc.

Tào Tháo lập tức sai người bắt trời Tả Từ, tống vào đại lao, đến lúc ấy vẫn cho rằng Tả Từ đã dùng tà thuật để lừa giỡn mình. Sau đó, mỗi ngày chỉ cho Tả Từ hai bát nước, Tào Tháo nói với thủ hạ: “Ta nghe nói người này có thể chẳng cần ăn gì cũng vẫn sống được đôi ba năm.” Ông ta muốn xem trên đời này đúng là có trò tịch cốc hay không.

Kết quả, hai năm sau, Tào Tháo cho người thả Tả Từ ra, sắc mặt ông vẫn hồng hào, dáng dấp chẳng khác trước đây, không hề có biểu hiện đau ốm gì.

Lúc này, Tào Tháo mới tâm phục khẩu phục nói với Tả Từ: “Tiên sinh à, A man muốn học được những bản lĩnh này.” Tào Tháo tự xưng là “A man”, thể hiện rõ bản chất xảo quyệt khiến người ta lú lẫm vì sợ.

Tả Từ cười lớn: “Thừa tướng là người phú quý, lại bị trời buộc trong vòng danh lợi, há có

thể học đạo?”

Tào Tháo nhận ra rằng, không thể dùng được con người này mà phải giết ngay, liền ra lệnh giết hại Tả Từ.

Tả Từ sớm đã biết Tào Tháo lòng dạ hiểm ác, liền dọn thổ trốn, về sau ẩn cư ở Giang Nam, rồi thu nhận Cát Huyền làm đồ đệ, Cát Huyền chính là Thái Cực Tiên Ông tiếng tăm lừng lẫy trong Đạo giáo. Tả Từ thọ đến 134 tuổi, rồi hóa tiên.

Đây chính là những ghi chép hoàn chỉnh nhất liên quan đến Dịch số tam thức trong lịch sử. Nay, Mai Huyền Tử lại vin vào Dịch số tam thức hòng giở trò bịp bợm, ngang nhiên lôi kéo quần chúng tin theo, không biết trong cái hồ lô của lão bán thứ thuốc gì.

Điều quan trọng hơn cả là Mai Hoa Hội năm lần bảy lượt gây rối khiến Mộc Tử Liên càng ngày càng khó kiếm được miếng ăn. Quần chúng nhân dân đều tin Mai Huyền Tử, không còn ai đi tìm Tổ Gia xem tướng số nữa. Nếu cứ như thế, e rằng phái Giang Tương chẳng còn mảnh đất cắm dùi ở đất Giang Hoài này nữa.

Tổ Gia biết rõ, Mai Huyền Tử là người thận trọng, nhưng gần đây lại đổi khác hoàn toàn. Vậy nên, cần phải bình tĩnh, xâu chuỗi lại tất cả để suy nghĩ cho thật thông suốt, thấu đáo.

Sau khi Đường hội giải tán, Tổ Gia cho tất cả mọi người lui xuống. Còn mình đi vào thư phòng, quản gia pha cho ông một ấm trà Long Tỉnh, ông ngồi một mình vừa uống vừa ngẫm.

Lúc canh hai, quản gia báo có Hoàng Pháp Dung xin gặp. Tổ Gia đoán thế nào bà cũng sẽ tới, chỉ bất ngờ là Trương Tự Triêm không đi cùng.

Sau khi hành lễ trước Tổ Gia, Hoàng Pháp Dung liền ngồi xuống, nói: “Tổ Gia, con có vài thiện kiến, khi họp đường hội không dám mở miệng.”

Tổ Gia nói: “Không phải không dám, mà là ta không cho người nói.”

Hoàng Pháp Dung cười: “Tổ Gia, con thấy việc quan trọng nhất trước mắt là làm rõ tình hình bên chỗ Mai Huyền Tử, không biết người chúng ta cài cắm bên đó thế nào?”

Tổ Gia nói: “Không thấy tin gì! Chúng ta cài tai mắt trong hàng ngũ của người ta, người ta cũng cài tai mắt trong hàng ngũ của mình, bao nhiêu năm nay vẫn giơ mắt tranh giành nhưng ngấm ngầm đấu đá, đây đã chẳng còn là bí mật nữa. Quan trọng là, kẻ nào phát hiện ra giặc trong nhà mình trước, khử hoặc ép được hắn làm phản thì kẻ đó sẽ đi trước. Mấy năm nay, vì việc này mà chúng ta đã mất ba người rồi, ta thấy sắp đến lượt người thứ tư.”

Hoàng Pháp Dung nói: “Ý Tổ Gia là người mà ta cài vào bên đó đã bị ép làm phản ư? Hắn chơi hai mang?”

Tổ Gia nhìn bà ta hỏi: “Người nghĩ sao?”

Hoàng Pháp Dung nhìn Tổ Gia, nói: “Có hai khả năng, một là người của ta đã bị ép làm phản, hai là có giặc trong nhà. Nếu không, không thể có chuyện trùng khớp như vậy được. Quan tài tóc đen là điều đại kỵ của phái Giang Tướng, rõ ràng đối phương biết tông chúng ta kỵ dàn cục này, thế mà vẫn đâm thẳng vào chỗ hiểm đó, ép chúng ta phải xuất chiêu; sau đó dùng Tiểu Quỷ tương vào ngày chúng ta làm lễ hợp âm hôn, quấy phá hiện trường; lại còn chuẩn bị sẵn tin cho đăng báo, hòng bôi nhọ thanh danh của chúng ta! Làm như vậy, không chỉ khiến người dân vùng Giang Hoài nghi ngờ bản lĩnh thật sự của Tổ Gia, từ đó đủ để hạ thấp uy tín của Mộc Tử Liên, mà còn khiến các Bá đầu trong nội bộ phái Giang Tướng nghĩ rằng, tại Tổ Gia phạm vào điều cấm kỵ của tổ tông, làm cho quỷ thần nổi giận, đẩy Đường khẩu vào cảnh khốn khó như bây giờ. Xem ra, chiêu này đúng là một mũi tên trúng hai đích. Nhưng chúng lại không lường được rằng, chúng ta đã phát hiện ra trò mèo đó, lại còn phá giải được thuật Quỷ tương. Cho nên, tới bước này thì chúng thua rồi.”

Chỉ trong khoảnh khắc, Tổ Gia chợt nhận ra, con nhóc đang đứng trước mặt mình đây trưởng thành rồi, đã biết nhìn nhận vấn đề đâu ra đấy. Tổ Gia bất giác thầm nghĩ: Minh làm mối đám này, xem như có thể tạ lỗi với vong linh của cha mẹ Trương Tự Triêm ở trên trời rồi. Có Hoàng Pháp Dung chăm sóc, đời này Trương Tự Triêm nhất định sẽ được hạnh phúc. Nghĩ đến đây, Tổ Gia mỉm cười, lòng nhẹ nhõm hẳn.

“Người thấy bước tiếp theo chúng ta phải làm gì?” Tổ Gia hỏi.

Hoàng Pháp Dung đáp: Thiên Thánh Đạo và Mai Hoa Hội đều đang mở rộng cửa chiêu dụ tín đồ, chúng ta có thể nhân cơ hội này sắp xếp mấy người mới trà trộn vào nội bộ của chúng. Đồng thời, những cuộc họp quan trọng của Đường khẩu cần phải tinh giản thành viên tham dự, vì hiện giờ chúng ta chưa rõ rốt cuộc trong nhà có kẻ làm phản hay không.”

Tổ Gia lại cười. Ông bắt đầu nhìn con nhóc đến từ Việt Hải Đường này bằng con mắt khác. Hơn một năm nay, Hoàng Pháp Dung và Trương Tự Triêm đã gợi cho ông rất nhiều ý hay. Ý định cất nhắc hai vợ chồng họ cũng là việc ông đang xem xét.

Hoàng Pháp Dung thấy Tổ Gia cười, biết mình đã nói trúng tâm ý ông nên cũng cười rất tươi.

Tổ Gia liền chuyển chủ đề: “Tự Triêm đang bận việc gì?”

Hoàng Pháp Dung cười nói: “Đang xông ngải cứu.”

“Nó ốm à?”

Hoàng Pháp Dung nói: “Dạ không phải. Chỉ là bệnh lo xa thôi. Chẳng là mấy ngày trước, anh ấy và Nhị Gia đến xem tử thi của cô gái mọc đầy tóc trong quan tài, lúc đó anh ấy đã lấy trộm về hai sợi tóc, bây giờ biết được đối phương dùng Tiểu Quỷ tương, anh ấy sợ bọn họ thả cổ

trùng vào quan tài, còn mình đã sờ vào đầu cô ta có thể sẽ bị lây.”

Tổ Gia nói: “Chẳng phải người đã nói rồi sao, thuật Quỷ tương dùng nguyên lý âm dương thu hút nhau, trên người lũ nhím đều là cỏ trùng động giống đực, còn trong quan tài chắc chắn là toàn cỏ trùng tĩnh giống cái. Chỉ cần không cho âm dương giao hòa thì cỏ trùng không thể phát huy tác dụng còn gì.”

Hoàng Pháp Dung nhếch môi cười: “Anh ấy nhất chết, con đã nói rồi không nghe, đang ở nhà châm cứu huyết Túc tam lý đó.” Nói xong, Hoàng Pháp Dung thở dài. “Giá mà anh ấy gan dạ được như Tổ Gia thì tốt.”

Tổ Gia cười sáng khoái, nói: “Không dạy được chồng, bởi vợ biếng nhác, cần phải xem lại người.”

Hoàng Pháp Dung đang định tiếp lời, không ngờ Tổ Gia lại chuyển chủ đề: “Người tinh thông Kỳ môn từ nhỏ, ta hỏi người, trên đời này liệu có đạo thuật huyền môn thật không? Ví như thuật: cách không thủ vật, xuyên tường độn thổ, tịch cốc...”

Cặp mắt to của Hoàng Pháp Dung chợt lóe lên, đang định trả lời, đột nhiên quản gia chạy vào bẩm: “Bên ngoài có người xin gặp, ông ta nói là người của Cửu gia!”

Tổ Gia giật mình, vội nói: “Mau mời vào!” Rồi ông đưa mắt ra hiệu cho Hoàng Pháp Dung. Hoàng Pháp Dung liền quay người đi vào thư phòng.

TÀ VINH THIỀN TỐI THĂM

Khi quản gia dẫn người kia vào, Tổ Gia thoát nhìn nghĩ ngay, nào phải người của Cửu gia gì, rõ ràng là ông Giáo đầu của Tinh Võ Môn. Người này họ Tăng, tên Kính Võ, từng nhiều lần tỏ ra ngưỡng mộ danh tiếng và đến bàn luận về tiêu pháp (cách dùng phi tiêu) với Tổ Gia.

Tăng Kính Võ chấp tay nói với Tổ Gia: “Tổ Gia, đêm hôm tối thăm, quấy quả ông rồi.”

Tổ Gia cười nói: “Tăng Giáo đầu trước giờ ‘vô sự bất đẳng Tam Bảo điện, lần này tới đây có gì chỉ giáo?’”

Tăng Kính Võ nghiêm mặt nói với Tổ Gia: “Tổ Gia, sự thể hơi căng, tôi không vòng vo nữa. Tôi chính là người chỗ Cửu gia, thân phận võ sư trong Hội quán Tinh Võ chỉ là võ bộc, tôi ẩn náu trong hội nhằm mục đích phát triển thêm nhiều hội viên cho Hội quán Tinh Võ để gia nhập vào đội quân kháng Nhật, đương nhiên chúng tôi cũng đã chọn ra một vài thân sĩ ái quốc có tâm huyết vào làm môn hạ của Cửu gia. Nay Quốc dân Đảng và người Nhật đều đang lùng sục tìm Cửu gia, tình cảnh Cửu gia rất nguy khốn, phải rời khỏi Giang Hoài một thời gian, sau này Tổ Gia có việc gì cứ đến thẳng Hội quán Tinh Võ tìm tôi.”

Nói xong, Tăng Kính Võ lấy từ trong người ra một lá thư: “Cửu gia căn dặn tôi phải tận tay

đưa cho ông.”

Tổ Gia sững người, thì ra vị Tăng Giáo đầu thường xuyên cùng ông bàn luận về võ nghệ này lại chính là học trò của Cửu gia. Xem ra, Cửu gia một mặt giúp đỡ mình, mặt khác cũng muốn quan sát biểu hiện của mình, nghĩ đến đây, Tổ Gia thấy dựng tóc gáy.

Tổ Gia mở thư ra xem, vừa đọc đã toát mồ hôi! Đây là chuyện vô cùng hệ trọng, nếu thành công sẽ làm kinh động đến cả thế giới!

Vương Á Tiều tự tay viết:

Quan Sinh đệ,

Ngu huynh xuất thân nghèo hèn, thường dân áo vải, nhưng chưa lúc nào dám nguôi nỗi lo cho đất nước. Từ khi ngọn cờ cách mạng Tân Hợi được kéo lên tới nay, dòng Giang Tây chìm trong sương khói than khóc như mưa, giang sơn đất Bắc chẳng còn, đường đường là nước Trung Hoa mà không thể kẹp chết bầy giặc Nhật lang sói. Giương mắt nhìn đất Hoa Hạ chìm trong đau thương mà rơi lệ, ta thề đem thân này giúp nước, đem sức của kẻ nho sinh yếu nhược mà gánh vác công lý đang gặp buổi thăng trầm. Ta từng Bắc trạm thích Tổng, Lư Sơn thích Tường, tham gia kháng chiến Tùng Hộ, ném bom bắn nát thi thể Yoshinori, xả thân quên mình, thâm thoát đã 20 năm, chẳng oán thán chẳng run sợ. Kẻ ngu tối sao hiểu được chí nam nhi cứng rắn kiên cường, miếu đường trên cao chẳng soi tỏ cảnh nước nhà đã mất. Người ta đều bảo, thế nhân sợ ma quỷ, ma quỷ sợ Á Tiều, ngu huynh cả đời chỉ muốn thức tỉnh lòng nhiệt huyết của trai gái Hoa Hạ, cuối cùng mang cái tiếng ngang hàng quỷ dữ. Đau đớn thay! Bị ai thay!

Năm Dân quốc thứ 6, lần đầu quen biết đệ, đệ lạc vào Giang Tương âu cũng là ý trời đã định. Hiền đệ luôn biết làm theo luân thường, thay trời hành đạo, là đáng nam nhi! Số ta và đệ đều phải “vào rừng làm cướp”, tuy cách biệt phương trời mà rất hợp ý tâm đầu.

Nay, giặc Nhật tràn tới, đất nước lâm nguy, cục diện trước mắt nội chiến liên miên không dứt, những việc trái đạo trời tất sẽ bị cả nước căm hận, huynh không biết tự lượng sức mình, lại muốn mưu việc lớn tại Nam Kinh, chặt đầu ba tên Hán gian thề rửa nhục cho đất nước, lấy thân mình mang chính nghĩa chiếu khắp Hoa Hạ. Việc này không thành công cũng thành nhân, nếu ngu huynh gặp điều bất trắc, đệ hãy nén đau thương, tiếp bước chí lớn của ta, dưới tuổi vàng ta xin cảm tạ!

Kính Võ là đàn em của ta, can đảm, nhân nghĩa, tin tức ở tuyến bắc đều do đệ ấy lo, hãy giữ liên lạc thường xuyên.

Cầm bút lên, đau lòng rơi lệ, tình huynh đệ, nhắm mắt chẳng quên. Đệ hãy bảo trọng!

Ngu huynh Á Tiều

Giờ Hợi ngày Canh Tý

Tổ Gia đọc xong, lòng nặng trĩu. Ông vô cùng kính trọng Vương Á Tiều, giờ đây ông ấy bị dồn ép đến nỗi không có chốn ẩn thân, còn mình lại không thể giúp được gì, nghĩ đến đây, Tổ Gia tự trách bản thân mình. Đáng sợ hơn nữa, Vương Á Tiều lại muốn ám sát Tường Giới Thạch lần nữa, ngộ nhờ sẩy tay, hậu quả khó mà tưởng tượng nổi, rất có thể sau này không còn được gặp vị Cửu gia này nữa.

Bao nhiêu năm nay, Vương Á Tiều đã chăm lo cho Tổ Gia rất nhiều, mỗi khi Tổ Gia gặp chuyện, ông ấy liền giang tay trợ giúp, ân tình lớn này, không biết dùng lời nào kể hết.

Tổ Gia liền sai quản gia mài mực, chấp bút hồi đáp. Tổ Gia kể rõ hoàn cảnh khốn cùng của mình, đồng thời dường như là giọng điệu khẩn khoản thỉnh cầu, mong Vương Á Tiều hành sự cẩn trọng. Cuối cùng, trước khi dừng bút, Tổ Gia nhấn mạnh: “Thế gian vô số bậc anh hùng, Quan Sinh chỉ quen biết Vương Á Tiều, Cửu gia xin hãy bảo trọng, Trung Hoa may mắn thay!”

Sau khi viết xong, nước mắt cũng chảy tràn trên khuôn mặt, ông liền đưa lá thư cho Tăng Kính Võ. Tăng Kính Võ thi lễ cáo lui.

Tổ Gia lặng thinh ngồi trên ghế, tâm trí rối bời. Họ đúng là những người anh em cùng chung số mệnh, Cửu gia bị người Nhật bức ép tới mức không còn đường nào đi được, còn bản thân ông cũng đang bị các hội đạo môn ở Giang Hoài dồn vào chân tường...

Hoàng Pháp Dung bưng một chén trà đi tới, Tổ Gia thấy có người vào thì vội vàng lau những giọt nước mắt còn đọng nơi khóe mắt. Hoàng Pháp Dung đưa cho ông một chiếc khăn tay, Tổ Gia chẳng nghĩ ngợi, cầm lấy lau nước mắt rồi mới chợt nhận ra một mùi hương khác lạ nơi chiếc khăn tay, Tổ Gia sững người nhận ra Hoàng Pháp Dung, liền xua tay nói: “Người lui đi!”

Hoàng Pháp Dung thưa: “Vâng”, rồi quay người đi ra, ra đến cửa liền ngoảnh lại nói: “Tổ Gia như vậy, Pháp Dung nhìn thấy thì không sao, nhưng đừng để cho các huynh đệ trông thấy.” Nói rồi bước ra ngoài.

Tổ Gia nhìn theo bóng bà ta, sắc mặt nặng trĩu.

Hoàng Pháp Dung vừa đi khỏi được một lúc, tiếng gõ cửa lại vang lên. Quản gia vào bẩm báo rằng, chương môn mới nhậm chức của Thiên Thánh Đạo là Tả Vịnh Thiên đến thăm. Tổ Gia ruột gan bồn chồn, sao hấn lại đến?

Tả Vịnh Thiên ít hơn Tổ Gia vài tuổi, người nhỏ thó, mặt hoẵng mắt chuột, râu dài hình chữ bát, nhìn từ xa, chẳng khác gì một con chuột chù. Nhưng thằng cha đó lại tinh khôn lạ thường, giỏi ăn nói, cầm đầu cả nghìn đệ tử ở Giang Hoài. Tả Vịnh Thiên là đại đệ tử của Trương Kế Nghiêu, đứng đầu mười trượng, nên được gọi là thủ trượng, đi cùng còn có hai tên thanh y.

Tổ Gia sai người rót trà, sau thoáng rùng mình, ông hỏi: “Tả chương môn đêm khuya tới thăm, có gì chỉ bảo?”

Tả Vịnh Thiên cười nói: “Thầy tôi hóa thành tiên, Vịnh Thiên bắt tài, được các huynh đệ tôn lên kế thừa y bát của thầy. Khi thầy tôi còn sống vẫn thường qua lại thân thiết với Tổ Gia, nay tôi theo lệnh thầy, giữ gìn mối giao hảo giữa hai nhà. Hôm nay tới đây, cốt là giúp gỡ bỏ mối nguy lo canh cánh trong lòng Tổ Gia!”

Tổ Gia chột dạ, nhưng vẫn tỏ vẻ bình thản, cười khà khà: “Đâu dám, đâu dám, Trương Gia đắc đạo thành tiên là việc rất đổi vui mừng, mong Trương Gia không bỏ mặc chúng sinh, về trời vẫn một lòng từ bi hạnh nguyện, phù hộ cho hương hỏa hai nhà chúng ta được phát vượng! Tả chương môn là cao đồ của Trương Gia, có thể cai quản Thiên Thánh một phương, càng là phúc của dân chúng Giang Hoài.”

Tổ Gia đang chơi thái cực quyền, cố lánh nặng nhường nhẹ, tránh đi thẳng vào vấn đề.

Tả Vịnh Thiên cười ha hả: “Người ta đều nói Tổ Gia rất mực điềm đạm, ung dung, đứng trước nguy nan chẳng hề run sợ, nay được chứng kiến, quả danh bất hư truyền! Tổ Gia có biết vụ quan tài tóc đen là do ai làm không?”

Thấy Tả Vịnh Thiên đã nói toạc ra vậy, Tổ Gia cũng chẳng vòng vo nữa, nụ cười trên mặt liền biến mất, ông nói: “Các đạo môn ở vùng Giang Hoài nhiều vô kể, bị nhân không biết đã đắc tội với vị Bồ tát nào, để họ phải làm ra chuyện xác xược thế!?”

Tả Vịnh Thiên liếc nhìn Tổ Gia một cái, nói: “Chính là Mai Huyền Tử đây!”

Tổ Gia cúi đầu nói: “Xin Tả chương môn minh thị!” Câu này ý rằng, ông nói vậy thì tôi biết vậy, nhưng làm sao ông biết, đầu đuôi sự việc như thế nào?

Tả Vịnh Thiên đưa mắt nhìn đám người đứng xung quanh, Tổ Gia xua tay một cái, người quản gia và hai tên thanh y đứng bên cạnh Tả Vịnh Thiên đều lui hết xuống. Tả Vịnh Thiên nói rất nhỏ, Tổ Gia chăm chú lắng nghe.

ĐÈN LÒNG TRÊN TƯỜNG

Canh ba, Tả Vịnh Thiên ra về. Tổ Gia nằm trên giường ngẫm nghĩ, những lời Tả Vịnh Thiên nói khiến ông trần trọc suốt đêm không sao chợp mắt được.

Ngày hôm sau, tờ Hộ Báo (báo Thượng Hải) cho đăng dòng tin: Lễ cúng cô hồn ngày Rằm tháng 7 sắp đến, đại sư Mai Huyền Tử muốn thắp đèn quỷ bên bờ sông Hoàng Phố vào đêm trăng tròn siêu độ cho các vong hồn ở vùng Giang Hoài. Đồng thời còn nói: Tự cổ chí kim, ngoài đại sư Trương Đạo Lăng thời Đông Tấn ra, chỉ Mai Huyền Tử có được bản lĩnh này.

“Tự cổ chí kim”, thật quá vọng ngôn! Từ khi Bàn Cổ khai thiên lập địa đến năm Dân quốc thứ

23, có biết bao nhiêu chuyện ân ân oán oán, phải trái trắng đen, những cuộc chiến tranh, những cuộc chém giết, ám sát, tự sát, chết vì tình... Những hồn ma bóng quế này mà tập trung cả về sông Hoàng Phố, lại chẳng chen lấn xô đẩy người ta rơi hết xuống sông hay sao?

Mai Huyền Tử à Mai Huyền Tử, cứ cho là sau lưng ông có người chống lưng, ông cũng không nên ngông cuồng đến vậy chứ! Tổ Gia giận điên người, nghiêng răng nghiêng lợi nghĩ.

“Điên! Đúng là điên rồi!” Tam Bá đầu chửi đồng.

Mặt Tổ Gia nặng trình trịch, sau đó nói với Tam Bá đầu vài câu, ông ta vâng lệnh đi ra.

Mấy hôm sau, vào tối rằm tháng 7, sau khi cải trang, Tổ Gia dẫn theo bốn người là Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu, Trương Tự Triêm và Hoàng Pháp Dung đến chỗ Mai Huyền Tử sẽ làm phép bên bờ sông Hoàng Phố. Hàng trăm người chen nhau tụ tập trên bờ, người của Bộ tư lệnh Cảnh vệ và người của Phòng Tuần bố cũng tới, còn có một vài thành viên quan trọng trong chính phủ nữa, trông trận thế khá hoành tráng.

Giờ Tuất, mặt trời lặn hẳn, mặt trăng ló ra đằng Đông, nước sông phản chiếu ánh trăng lấp lánh, đúng là một đêm trăng tuyệt đẹp!

Vài tiếng trống gióng lên, đại đồ đệ của Mai Huyền Tử đồng dục hô: “Đặng đặng thiên môn vạn cổ khai, kỷ nhân quy khứ kỷ nhân lai, Quý Dậu Thái Tuế u minh xá, Mai Hoa tiêu nghiệp độ khổ hải. Khai đàn!”

Đám đông đột nhiên im lặng. Trên bầu trời, một áng mây lững lờ quét ngang qua ánh trăng sáng tỏ, mọi tiếng động đều im bật, chỉ còn lại tiếng nước chảy của con sông Hoàng Phố một mình xao động dưới ánh trăng.

Mai Huyền Tử từ từ bước ra khỏi chiếc rèm, tay cầm cây phát trần, mình khoác đạo bào, tóc tai bù xù, miệng rì rầm, chân bước lên đài làm phép, thấp nhang rồi vái trời lạy đất.

Trên đài làm phép xây một bức tường dài chừng ba trượng, rộng tới một thước, cao đến hai trượng, mặt tường màu trắng xám, trên tường trống trơn. Mai Huyền Tử hành lễ chừng chầy hết một que nhang, sau đó lão ta lấy từ trên hương án xuống một cây nến đỏ, bưng nó trên tay, đi về phía bức tường trắng xám kia, quỳ xuống, giơ ngọn nến lên, hươ khắp mặt tường một vòng, rồi hô lên một tiếng, mặt tường hiện ra mười mấy chiếc đèn lồng đỏ rực, sáng lấp lánh, như đang cháy.

Đám đông kinh ngạc trầm trồ.

Tiếp đó, Mai Huyền Tử quỳ xuống tụng bài siêu độ vong hồn:

Thái Thượng sắc lệnh, siêu nhữ cô hồn;

Quỷ mị nhất thiết, tứ sinh triêm ân.

Hữu đầu giả siêu, vô đầu giả sinh;

Thương chu đao sát, khiêu thủy huyền thăng.

Minh tử ám tử, oan khúc khuất vong;

Oan gia trái chủ, thảo mệnh nhi lang.

Quy ngô đài tiền, bát quái phóng quang;

Trạm khảm nhi xuất, siêu sinh tha phương.

Vĩ nam vĩ nữ, tự thân thừa đương;

Phú quý bản tiện, do nhữ tự chiêu.

Sắc lệnh đẳng chúng, cấp cấp siêu sinh!

Sắc lệnh đẳng chúng, cấp cấp siêu sinh!

Tụng xong, lão ta liền đứng dậy, cầm phát trần, phát phát mấy cái về phía những ngọn đèn lồng trên tường, ánh sáng trên đó tắt dần. Sau đó, lão lại phát cây phát trần về phía con sông Hoàng Phố, hô to: “Dậy!”

Trong nháy mắt, vô số ngọn đèn lồng vọt lên trên mặt sông, từng chiếc từng chiếc một hết như những vong linh, ánh lửa nhấp nháy, bay lên không trung. Đám đông nhón nháo cả lên, không kìm nén nổi, chẳng ai bảo ai thi nhau quỳ xuống, kẻ thấy mình bị oan ức, người mang nỗi rầu rĩ, hay người đang phải chịu đựng một nỗi khổ tâm nào đó, lúc này thi nhau bật khóc nức nở, dập đầu lia lịa, quỳ sụp khẩn vái, người thân chết oan cuối cùng cũng được siêu độ.

Tổ Gia đứng lẫn trong đám đông nhìn, một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng, Trương Tự Triêm mày cau chặt lại.

“Hong rồi!” Tổ Gia thầm kêu lên. Cục này xuất ra, dưới mắt chúng dân vùng Giang Hoài xem như chẳng có vị đại sư thứ hai như vậy nữa. Cơ nghiệp 300 năm của Mộc Tử Liên sắp tiêu rồi! Trát phi – vốn là thế mạnh của Mộc Tử Liên – nay cũng không cứu vãn nổi tình thế, cả Đường khẩu bị người ta dồn đến nỗi không còn mảnh đất cắm dùi. Tổ Gia luôn tự cho mình thông minh, giờ đâu không lại một kẻ sinh sau đẻ muộn. Thấy rõ cục diện như vậy, nán lại Giang Hoài phỏng còn ích gì nữa! Nghĩ đến đây, Tổ Gia lên cơn đau tim, “bục” một tiếng, máu phun khỏi miệng.

“Tổ Gia!” Hoàng Pháp Dung đứng ngay sau liền đỡ lấy ông.

“Tổ Gia!” Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu và Trương Tự Triêm cũng chen về phía ông.

Tổ Gia lần lượt nhìn các huynh đệ, những người này đã cùng ông mưu sinh, ngày nào cũng một điều gọi “Tổ Gia”, hai điều thừa “Tổ Gia”, luôn đi theo không oán thán hối hận. Ông thân làm Đường chủ lại dẫn mọi người vào bước thảm cảnh thế này, thực lấy làm hổ thẹn vô cùng. Nay chỉ còn thấy đất trời chao đảo, mọi thứ tối sầm lại.

Trong giai đoạn khốn khó ấy, lần đầu tiên Tổ Gia đánh mất niềm tin. Trương Tự Triêm càng cau mày lại, chỉ có Hoàng Pháp Dung vẫn bình thản như không.

Đêm đến, mọi người về đến Đường khẩu, Tổ Gia kiệt sức nằm trên ghế, các Bá đầu im lặng không nói. Mãi lâu sau, Hoàng Pháp Dung khẽ lên tiếng: “Tổ Gia, thầy uống một ít thuốc bổ nhé.”

“Ta không sao.” Tổ Gia nói đầy vẻ mệt nhọc “Các người mau về nghỉ ngơi đi.”

Mọi người định nói đôi lời an ủi nhưng Tổ Gia xua tay, họ đưa mắt nhìn nhau rồi lẳng lặng lui xuống.

Tổ Gia buông thõng người, nằm thẳng ra, ông đã quá mệt mỏi. Trong giấc ngủ chập chờn, ông mơ thấy cha mẹ, thấy em trai, em gái, mơ thấy bức tường quen thuộc của nhà mình, mơ thấy chậu hoa dành dành nơi chân tường.

Đột nhiên, tiếng gõ cửa vang lên, tuy rất nhỏ nhưng cũng làm Tổ Gia giật mình tỉnh dậy. Đó là quản gia, ông ta thật không muốn đánh thức Tổ Gia, nhưng sự việc cấp bách, buộc phải gõ cửa. Tam Bá đầu có việc quan trọng cần bẩm báo.

Tổ Gia hỏi: “Sự việc sao rồi?”

Tam Bá đầu nhìn Tổ Gia, nói nhỏ: “Đã gài được hai người mới vào Mai Hoa Hội... Ngũ Tử chết rồi.”

Tổ Gia sửng người, tim đau nhói như bị một nhát dao đâm vào, Ngũ Tử là tay chân của Đường khẩu được cài cắm vào Mai Hoa Hội năm ngoái. mấy ngày trước, Tổ Gia đã bảo Tam Bá đầu mật lệnh cho Ngũ Tử phải sớm làm rõ tình hình việc Mai Hoa Hội làm phép bên bờ sông. Không biết là do Ngũ Tử nôn nóng để bại lộ hay đối phương đã phát hiện ra anh ta từ lâu? Tóm lại, Ngũ Tử đã bị trừ khử trước khi đối phương dàn cục nên không đưa được bất cứ tin tức gì về.

Hai người mới được gài vào Mai Hoa Hội đều là người mới của Đường khẩu, Tam Bá đầu đã dùng thuật dịch dung cho họ, nên trong thời gian ngắn đối phương sẽ không thể phát hiện ra.

Thuật dịch dung là một bí thuật cổ xưa, có nhiều phương pháp và trường phái khác nhau, nhưng về cơ bản, có ba thủ pháp chính.

Thủ pháp thứ nhất là mặt nạ da người. Cách này do Trương Giác thời Đông Hán tạo ra, lột lấy da mặt người khác, lấy nước thuốc rửa sạch, rồi đeo lên mặt, có thể tạo ra “thân thể bất tử”. Nhưng phương pháp này thời gian sử dụng rất ngắn, vì da người thể nào rồi cũng sẽ thối rữa.

Cách thứ hai là châm cứu. Trên mặt có nhiều huyết đạo, dùng kim châm cứu theo kinh lạc: dưới một tác, khí huyết vận chuyển, dưới ba tác kinh mạch đảo ngược. Thủ thuật chính xác, châm một mũi, có thể làm cho miệng mất méo xệch đi. Sau khi ngũ quan bị biến đổi, sẽ khó mà nhận ra được khuôn mặt ban đầu. Xong việc rồi lại tìm huyết giải, an dưỡng một tuần sẽ hồi phục.

Cách thứ ba là chiêu tàn độc nhất mà ai ai cũng biết, đó chính là phá tướng. Tự lấy dao rạch mặt, tạo ra một vết sẹo to, người bình thường sẽ không thể nhận ra được. Năm 1932, trong một lần bị đặc vụ bao vây, không còn cách nào khác, Vương Á Tiều đành phải dùng cách này mới tạm thời thoát được kiếp nạn.

Phương pháp mà Tam Bá đầu đã dùng đối với hai ”gián điệp” lần này chính là châm cứu học được từ cuốn Trát phi mật bản. Sau khi Tam Bá đầu vào nghề, Tổ Gia thấy hắn thông minh, giáo quyết, giỏi vạch định kế hoạch, liền truyền lại cách này cho hắn, rồi để hắn phụ trách việc sắp xếp và liên hệ với người chỉ điểm.

NỘI GIÁN

Mai Hoa Hội xuất chiêu lần này, tiếng tăm nổi như cồn, ngay cả quan chức trong chính phủ cũng bắt đầu tin tưởng lão. Tình hình càng ngày gay go, phái Giang Tướng đang phải đối mặt với nguy cơ sống còn chưa từng có ở vùng Giang Hoài.

Tổ Gia và Tam Bá đầu bàn cách dùng ám hiệu để giữ liên lạc với người chỉ điểm xong, ông bảo hắn quay về nghỉ ngơi.

Tổ Gia pha một ấm trà, vừa nhâm nhi vừa suy ngẫm. Mấy tháng nay, có quá nhiều chuyện xảy ra, đặc biệt những lời Tả Vĩnh Thiên đã nói đêm hôm đó, nghĩ lại vẫn thấy sợ. Những chuyện bí hiểm nối tiếp nhau xảy đến, bao ngày tháng không lúc nào được thanh thoi đầu óc, Tổ Gia cảm thấy rất mệt mỏi.

Sáng hôm sau, quản gia vào báo có Hoàng Pháp Dung cầu kiến. Tổ Gia gật đầu đồng ý, Hoàng Pháp Dung bước vào.

“Tổ Gia đã khỏe chưa?”

“Ta khỏe, ta khỏe.” Tổ Gia ngẩng đầu lên, thấy Hoàng Pháp Dung nước mắt vẫn còn vương trên mặt, không biết nguyên do vì sao, liền hỏi: “Có chuyện gì vậy?”

Hoàng Pháp Dung khẽ đáp: “Chúng con cãi nhau.”

Tổ Gia cười: “Khà khà, vợ chồng cãi vã rồi lại làm lành ngay thôi. Nhưng sao lại cãi nhau?”

Hoàng Pháp Dung nói khê: “Hôm qua, khi từ bờ sông trở về, anh ấy mặt cứ lầm lầm lỳ lỳ, nói không phá được cục lần này của đối phương sẽ không ăn cơm, con nấu cho bát mỳ, còn hát đồ xuống đất...”

Tổ Gia thở dài: “Tự Triêm là thằng nhóc hiếu thắng. Người xem, ta biết cái tính này của nó, nên ta cũng không dám làm căng với nó. Sau lưng Mai Huyền Tử có cao nhân chỉ bảo, vụ này lớn đến nỗi làm kinh động đến cả quan phủ, nếu phá được ngay thì còn nói chuyện gì nữa? Người về làm lành với Tự Triêm, bảo rằng Tổ Gia không trách nó.”

Hoàng Pháp Dung lau nước mắt, nói tiếp: “Đó không phải là vấn đề. Vấn đề ở chỗ, con nói con biết cách phá giải, cũng đã nói cho anh ấy nghe, còn bảo anh ấy đi cùng con tới thưa với Tổ Gia, nào ngờ nghe xong không những không vui mừng, ngược lại còn đâm ngực giậm chân, tự trách mình bất tài, đường đường là đấng nam nhi thân dài vai rộng lại không bằng đàn bà con gái, càng không có mặt mũi nào đến gặp Tổ Gia!”

“Đội đã...” Nghe đến đây, Tổ Gia vội vàng ngắt lời Hoàng Pháp Dung. “Người nói người biết cách phá giải sao?”

“Vâng!” Hoàng Pháp Dung ngược nhìn Tổ Gia, gạt nước mắt nhovn miệng cười ngay được.

Tổ Gia nhìn bà ta chằm chằm, tỏ ý bảo bà ta mau mau nói xem.

Hoàng Pháp Dung mím môi, rồi bật ra hai tiếng: “Xú cầu.”

Tổ Gia sững người: “Xú cầu là gì?”

Hoàng Pháp Dung nói tiếp: “Trên bức tường đó chắc chắn có bôi xú cầu!”

“Người nói rõ ta nghe.” Tổ Gia không hiểu liền hỏi lại.

Hoàng Pháp Dung ngớ người, chột nghĩ ra là Tổ Gia không hiểu tiếng địa phương của bà ta. “Xú cầu” là tiếng Sơn Đông, bà ta vội vàng giải thích: “Đó chính là băng phiến. Khi còn nhỏ, lúc chán chẳng biết làm gì, con thường lấy băng phiến chọc lỗ sâu, con vẽ một cái vòng tròn, thả con sâu vào trong, con sâu cuống lên cứ bò vòng quanh...”

Tổ Gia nóng ruột vô cùng mà con nhóc này vẫn cứ nói vòng vo đầu đầu, song ông vẫn nhẫn nại nghe.

Cuối cùng, Hoàng Pháp Dung cũng đi vào vấn đề chính: “Một lần, thầy mẹ đi làm đồng, con phải ở nhà trông em gái mới hai tuổi. Vì em gái cứ khóc ngằn ngặt, con liền lấy băng phiến vẽ hình một ngọn đèn trên bức tường đất nhà con, sau khi vẽ xong, con lấy diêm châm, vốn chỉ

định chọc cho em gái cười, ai ngờ ngọn đèn đó sáng thật! Khi xây bức tường đó, Mai Huyền Tử chắc chắn đã sử dụng cả bột long não. Trước tiên vẽ phác thảo hình chiếc đèn lồng trên tường, tiếp đến cao lóp vôi trắng đi, trét bột long não vào, cuối cùng cho người đánh bóng bề mặt tường như cũ. Còn về chuyện đèn lồng lúc cháy lúc tắt chính là do tỷ lệ trộn nguyên liệu. Ban đầu, Tự Triêm nghĩ thứ mà đôi phương dùng là lưu huỳnh, nhưng lại gạt bỏ ý nghĩ đó ngay, vì một khi lưu huỳnh cháy thì không thể kéo dài thời gian cháy được lâu như vậy. Còn về những chiếc đèn Khổng Minh (đèn trời) nhô lên trên mặt sông thì chắc chắn là dưới sông có người, khi đó người ta mãi chú ý nhìn lên pháp đài, trời lại tối đen, mặt sông rộng lớn, ai mà để tâm đến động tĩnh dưới sông...” Hoàng Pháp Dung nói.

Tổ Gia thở phào nhẹ nhõm, ngả người lên ghế, ông thấy như vừa trút bỏ đi được một gánh nặng, ngay sau đó ông nói: “Chuyện này phải giữ bí mật tuyệt đối. Người quay về báo với Tự Triêm, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, thành thực, chép phương pháp này vào cuốn Trát phi mật bản.”

Hoàng Pháp Dung đi vòng ra sau lưng Tổ Gia, bê ấm trà lên, rót cho Tổ Gia một chén đầy, nói: “Mấy ngày nay Tổ Gia đã phải vất vả cực nhọc, người không được khỏe. Ngày trước khi bà (Kiều Ngũ Muội) còn sống, đã truyền dạy cho con thuật xoa bóp Đông y. Con biết rõ mười hai kinh lạc nằm ở đâu, rất rành các thủ pháp điểm, ấn, miết, xoa, gõ (cò mỗ), thường ngày mỗi khi bà mệt mỏi, con đều xoa bóp cho bà. Để con làm giúp thầy nhé?”

Tổ Gia sững người, quay đầu lại nói: “Không cần. Người lui xuống đi.”

Hoàng Pháp Dung mỉm cười, nói: “Vâng. Tổ Gia nghỉ ngơi sớm vậy, việc có nhiều hơn cũng phải giải quyết từng chuyện một, nếu Tổ Gia ngã bệnh, Pháp Dung sẽ rất đau lòng.”

Nói xong, chậm chậm đứng dậy, từ từ lui xuống.

Tổ Gia nhìn theo bóng bà ta, ông lại rơi vào trạng thái trầm ngâm. Đúng lúc Hoàng Pháp Dung sắp đi ra đến sân, Tổ Gia đột nhiên gọi: “Pháp Dung, quay lại đây!”

Hoàng Pháp Dung sững người, mím môi cười thâm, rồi bước nhanh lại.

Tổ Gia chỉ chiếc ghế đối diện: “Người ngồi xuống nói chuyện.”

Hoàng Pháp Dung nhẹ nhàng ngồi xuống, chớp cặp mắt to nhìn Tổ Gia.

Tổ Gia im lặng một lúc rồi nói: “Ta muốn người giúp ta trừ giặc trong nhà.”

Nghe thấy vậy, Hoàng Pháp Dung chột rùng mình: “Tổ Gia, tại sao lại chỉ tin mình Pháp Dung?”

Tổ Gia nói: “Người là giặc à?”

Hoàng Pháp Dung liền chối: “Đương nhiên không phải con!”

Tổ Gia nói: “VẬY NGƯỜI THẤY TRONG ĐƯỜNG KHẨU AI CÓ THỂ TIN TƯỜNG ĐƯỢC?”

Hoàng Pháp Dung nói: “Tự Triêm, còn, ừm... còn có...”

Tổ Gia nghĩ rất sáng suốt, ông cho rằng Hoàng Pháp Dung đến từ Nam Việt, chẳng có gốc rễ gì ở vùng Giang Hoài, chỉ trong thời gian ngắn sẽ không thể bị đối phương biến thành kẻ đưa tin cho chúng được. Ngoài bà ta ra, không thể tin tưởng bất kỳ ai. Phường Hắc đạo gian ngay khó phân, càng là người thân cận, càng dễ đâm sau lưng mình, Trương Đan Thành chính là tấm gương. Trong tay Tổ Gia có vô số huynh đệ, trong lúc nguy nan lại chỉ có thể tin tưởng vào một đứa con gái, qua một điều nhỏ nhặt này thôi cũng đủ thâm thía được nỗi bi ai của một ông trùm.

Tổ Gia nói: “Ngộ nhớ Tự Triêm là kẻ gian thì sao?”

Mặt Hoàng Pháp Dung đỏ phừng lên: “Việc này... không có chuyện đó...”

Tổ Gia cười, nói: “Ta cũng biết không có chuyện đó. Có điều, vụ này ngươi hãy phối hợp với ta làm thật tốt. Kẻ gian thường ra sức tìm cách che đậy cho mình, việc gì cũng thận trọng từng tí. Ngày mai ta sẽ bất ngờ mời thực lộc, lấy lý do ngươi có công phá Tiểu Quỷ tương, bảo tất cả các Bá đầu đến ăn mừng. Trong bữa tiệc ngươi cứ việc mời rượu, mời càng nhiều càng tốt, kẻ nào từ chối uống, hoặc uống mà không say, tất kẻ đó đáng ngờ!”

Hoàng Pháp Dung ngậy người ra: “Sao Tổ Gia biết kẻ gian nằm trong số các Bá đầu chứ không phải đám tay chân của ta? Những việc như ô phát già quan bất khả trát, tuy nói là chỉ các Bá đầu mới có tư cách được biết, nhưng ai có thể đảm bảo các Bá đầu không nói cho tâm phúc dưới trướng của mình nghe.”

Tổ Gia nói: “Trước đây không lâu, Tả Vĩnh Thiên của Thiên Thánh Đạo đến, hẩn tiết lộ hết việc quan tài tóc đen, đồng thời ngầm ám chỉ kẻ gian chính là trong đám Bá đầu.”

Hoàng Pháp Dung nói: “Làm sao Tổ Gia biết tên Tả Vĩnh Thiên này sẽ không mượn đao giết người?”

Tổ Gia càng ngày càng thấy con nhóc này không phải vừa, điều ông nghĩ, nó cũng nghĩ tới. Tổ Gia cười, nói: “Ngươi cứ làm theo những gì ta dặn là được.”

Hoàng Pháp Dung lại hỏi: “Từ đâu Tả Vĩnh Thiên biết được những việc này chứ? Hơn nữa tại sao lại tốt bụng báo cho Tổ Gia biết?”

Tổ Gia chỉ cười không đáp.

Hoàng Pháp Dung phụng phịu: “Tổ Gia vẫn không tin con. Nhưng tửu lượng của con kém, ngộ

nhờ người khác chưa say, mà con lại say trước thì làm thế nào?”

Tổ Gia cười ha hả, quay người lại, kéo ngăn kéo, lấy ra một gói thuốc bột: “Ngày mai, trước bữa ăn 15 phút, người hãy uống thứ thuốc này, uống nghìn chén cũng không say!”

Hoàng Pháp Dung nhận gói thuốc, mở ra thì thấy thứ bột màu vàng, liền nhú mày hỏi: “Cái này không hại sức khỏe chứ ạ, Pháp Dung còn phải sinh con nối dõi cho Mộc Tử Liên.”

Tổ Gia lắc đầu: “Đương nhiên không sao, Tổ Gia ta mỗi lần phải uống rượu nhiều đều dùng loại thuốc này, nếu không làm sao có thể đối phó lại những nhân vật lớn của Quốc dân Đảng và bọn Hắc đạo chứ? Thứ thuốc này do sư phụ Trương Đan Thành lấy được từ chỗ vị Bối lạc gia trong cung nhà Thanh, là mật pháp cung đình, có tác dụng bảo vệ gan, giải rượu!”

Hoàng Pháp Dung chớp mắt nói: “Lẽ nào chính là ‘thiên bôi bất túy tán’ mà giang hồ vẫn đồn đại ư?”

Tổ Gia gật đầu.

Hoàng Pháp Dung cũng cười, đột nhiên nói với Tổ Gia: “Tổ Gia cao minh, nhưng vụ này vẫn còn có chỗ chưa ổn lắm, con có một kế, thỏa đáng hơn!”

Tổ Gia ngó người ra. Hoàng Pháp Dung lại gần giải thích rất nhỏ, Tổ Gia cứ gật gật đầu.

BIẾT NGƯỜI BIẾT MẶT BIẾT CẢ TÂM

Sáng sớm hôm sau, Tổ Gia đột nhiên mời thực lộc, các Bá đầu đều đến.

Tổ Gia nói: “Vụ quan tài tóc đen, may có Pháp Dung, Tụ Triêm thông minh uyên bác, tùy cơ ứng biến mới có thể giữ được danh tiếng cho Mộc Tử Liên ta. Buổi thực lộc hôm nay chính là để mừng công hai người bọn họ.”

Hoàng Pháp Dung, Trương Tụ Triêm vội vàng đứng dậy thi lễ: “Đều nhờ Tổ Gia chỉ dạy và chur gia nâng đỡ.”

Nhị Bá đầu cười hỉ hả: “Tụ Triêm, làm cho tốt, Tổ Gia sẽ không bạc đãi các người đâu.”

Đại Bá đầu cũng nói: “Lúc đầu phải liều mạng cứu Tụ Triêm ra, còn hại mất một huynh đệ, ta rất cảm hận. Nay thấy hai vợ chồng này rất có bản lĩnh, ta cũng nguôi giận nhiều rồi!”

Trương Tụ Triêm vội nói: “On cứu mạng của Đại gia, Tụ Triêm suốt đời không quên.”

Tam Bá đầu cười nói: “Tụ Triêm thông minh tuyệt đỉnh, sau này cũng sẽ là Bảng nhãn!”

Tứ Bá đầu Tề Xuân Phúc và Ngũ Bá đầu Lương Văn Khâu nhìn nhau cười: “Hậu sinh khả úy,

Mộc Tử Liên có được hai nhân tài thế này, bọn lão hủ đây không phải lo nữa rồi.”

Hoàng Pháp Dung chớp ngay cơ hội, giơ chén lên, nói: “Trước tiên xin kính Đại gia, Đại gia đã xả thân cứu phu quân muội, nếu không Pháp Dung đâu thể tìm được hiền phu như anh ấy!”

Đại Bá đầu cười sáng khoái: “Nhớ lại đêm hôm đó, ta tức chết đi được. Cạn!” Dứt lời, ông uống cạn một hơi.

Hoàng Pháp Dung lại nâng chén, nói với Nhị Bá đầu: “Nhị gia, Tự Triêm là môn hạ của huynh, được huynh chăm lo, Tự Triêm tiến bộ nhiều mặt, muội xin thay phu quân kính Nhị gia một chén.”

Nhị Bá đầu là người thô lỗ, ông ta ngoác miệng nói: “Lúc đầu, ta muốn dẫn Tự Triêm đến kỹ viện chơi, nhưng Tổ Gia không cho, là giữ cho muội đấy, em dâu còn xinh đẹp hơn cả bọn gái lầu xanh...”

Tổ Gia giận quát: “Nhị gia!”

Nhị Bá đầu cười hềnh hếch, ngửa cổ uống cạn chén rượu.

Hoàng Pháp Dung lại nói với Tam Bá đầu: “Tam Bá đầu giàu tri thức, hiểu lễ nghĩa, tỏ tường kinh luân, thông hiểu cả ba nhà Nho, Phật, Đạo, muội và phu quân vô cùng ngưỡng mộ, mong Tam Gia chỉ bảo nhiều thêm. Từ lâu đã nghe Tam Gia tửu lượng rất khá, muội phải mời Tam Gia vài chén mới được.”

Tam Bá đầu cười nói: “Tự Triêm tài trí hơn người, mỗi tội tửu lượng hơi kém, không ngờ em dâu lại đáng nể vậy.” Nói xong uống liền ba chén.

Hoàng Pháp Dung lại giơ chén lên, nói với Tứ Bá đầu và Ngũ Bá đầu: “Tứ gia, Ngũ gia là tiền bối Giang Tướng, nguyên lão hai triều, Pháp Dung kém cỏi, khi còn ở Việt Hải Đường đã nghe đến đại danh hai vị từ lâu, sau khi được gả về Mộc Tử Liên càng thấy hai vị tiền bối kỹ pháp cao thâm, đúng là gừng càng già càng cay, khiến Pháp Dung rất khâm phục! Xin kính hai vị tiền bối chén đây!”

Lúc này Tổ Gia cũng lên tiếng: “Ta cũng uống một chén! Lão tứ, lão ngũ đều là mãnh tướng của Trương sư gia, rất mực khiêm tốn, nhún nhường. Sau khi ta lên trông coi Mộc Tử Liên, hai vị hết lòng phò trợ, không câu nệ tư cách lẫn kinh nghiệm từng trải, khiến người ta khâm phục!”

Tề Xuân Phúc và Lương Văn Khâu lật đật đứng dậy: “Tổ Gia, không dám, không dám! Được Tổ Gia yêu mến, không chê gỗ mục, lão thê chết công hiến sức lực!”

Tề Xuân Phúc và Lương Văn Khâu đều lớn tuổi hơn Tổ Gia, Tề Xuân Phúc 35 tuổi, Lương Văn Khâu đã ngoài tứ tuần. Nhưng việc này không có gì đáng nói, phái Giang Tướng không

luận tuổi tác xếp chỗ ngồi, chỉ căn cứ vào bản lĩnh của mỗi người.

Tuyệt kỹ của Tề Xuân Phúc là bện hình nộm. Tay nghề của ông ta khá hơn cả ông chủ cửa hàng hàng mã. Ông ta có thể bện hình bé trai bé gái, hình đầu trâu mặt ngựa, rồi dán giấy xanh đỏ lên, tô mày vẽ mắt, đặt trước quan tài, trông sinh động y như thật.

Lương Văn Khâu là thợ mộc rất có tay nghề, được người ta gọi là “Mặc Đầu Vương”. Mặc đầu (ổng mực) là công cụ dùng để kẻ vẽ đường thẳng theo dây dọi trong nghề mộc ngày xưa. Tổ tiên của Lương Văn Khâu ba đời đều là thợ mộc, rất am hiểu “Lỗ Ban Môn”. Năm Quang Tự 30, phụ thân Lương Văn Khâu bị người ta hãm hại đẩy vào vòng xoáy đầu đá trong cung đình chỉ vì chuyện ông ta dựng Bách Bảo Các cho Từ Hy, khiến cả nhà bị tịch biên tài sản và chết sạch. Sau khi nghe tin, Trương Đan Thành đã bỏ ra rất nhiều tiền móc nối với một vị Bồi lạc gia mới giữ được mạng sống của Lương Văn Khâu, từ đó ông ta đi theo Trương Đan Thành.

Trương Đan Thành khi còn trẻ đã bản lĩnh hơn người, trong Tứ đại Đường khẩu chỉ có mình ông ta vầy vùng, thường xuyên dùng thuật Trát phi dàn cục lớn về phong thủy, thuật phong thủy Lỗ Ban Môn của Lương Văn Khâu được dùng vào những việc lớn ấy.

Hoàng Pháp Dung mời rượu hết một vòng, mặt đỏ bừng lên. Mặc dù thiên bôi bất túy tán phát huy tác dụng, nhưng do uống liên tục nên người cũng lâng lâng, hơi mất kiểm soát.

Theo lễ, các Bá đầu đều thi nhau kính rượu Tổ Gia, sau đó họ quay ra mời nhau. Cứ như vậy hết mấy vòng, ngoài Trương Tự Triêm ra, tất cả mọi người trên bàn tiệc đều uống mười mấy chén. Chén rượu thời đó rất to, mỗi chén ít nhất cũng phải bằng hai chén rượu thông thường, uống mười mấy chén như vậy tương đương đã uống cả cân rượu vào người.

Nhân lúc mọi người đang vui vẻ say sưa, Tổ Gia lại nói: “Hôm nay còn có một tin vui!”

Ánh mắt các vị Bá đầu đổ dồn về phía Tổ Gia.

Tổ Gia nói: “Đã phá được cục đèn quý bên bờ sông do Mai Huyền Tử dựng lên!”

Tất cả mọi người cùng giật mình, vừa tối qua Tổ Gia vì chuyện này mà tức hộc máu, hôm nay lại nói đã phá được rồi ư?

Hoàng Pháp Dung giả vờ hỏi: “Thầy phá thế nào vậy?”

Trương Tự Triêm liếc mắt về phía Hoàng Pháp Dung, thầm nghĩ: “Cô lại còn phải diễn kịch nữa.”

Tổ Gia cười lớn, nói: “Mai Huyền Tử à Mai Huyền Tử, người biết siêu độ cho quỷ đói bên sông mà không biết có quỷ bên cạnh mình.” Nói xong ông lại cười sang sảng. “Hành động tiếp theo của lão Mai đã nằm trong đầu ta rồi. Ta phải đánh cho Mai Huyền Tử hiện nguyên hình!”

Nhị Bá đầu vội vàng hỏi: “Xin Tổ Gia minh thị!”

Tổ Gia thu lại nụ cười tức khắc: “Các người cứ làm theo lời ta dặn là được, Mộc Tử Liên phải giáng một đòn thu dọn bến Thượng Hải, đứng vững trên đất Giang Hoài!”

Các Bá đầu trơ mắt nhìn nhau.

Tổ Gia nâng chén: “Uống! Mộc Tử Liên tất thắng!”

Mọi người cùng nâng chén đồng thanh: “Tổ Gia tài trí! Chúng con thề chết dộc lòng dộc sức!”

Tổ Gia uống cạn chén rượu, chuyển ngay đề tài, hỏi Trương Tự Triêm: “Tự Triêm, tam đại kỳ trong giang hồ là gì?”

Trương Tự Triêm ngớ người, không biết Tổ Gia có ý gì. Hôm qua Hoàng Pháp Dung về nói rằng hôm nay Tổ Gia sẽ dàn cục bức ép kẻ làm phản phải lộ mặt, khiến hắn phải á khẩu tại trận, nên rõ ràng Trương Tự Triêm biết chính Hoàng Pháp Dung đã phá được cục đốt đèn quỷ nhưng lại không làm rõ ngay, không ngờ lúc này Tổ Gia lại đột nhiên hỏi vấn đề này.

Trương Tự Triêm khẽ trả lời: “Dan díu với chị dâu, câu kết giặc bên ngoài, bán đứng huynh đệ.”

Tổ Gia lại hỏi: “Theo luật của phái Giang Tướng, nếu phạm ba tội này sẽ phải thế nào?”

Trương Tự Triêm cúi đầu nói: “Róc thịt lóc xương, giết không tha.”

Tổ Gia cười lạnh tanh: “Ừm, bóc thịt lóc xương, mấy ngày nữa ta sẽ băm vằm kẻ gian đó. Trong các huynh đệ ngồi đây, hãy chuẩn bị tinh thần, kéo đến lúc đó không đỡ kịp đao.”

Các Bá đầu nghe thấy thế đều sợ xanh mặt, không biết Tổ Gia định nắn xương ai đây? Vốn dĩ mọi người đều say bí tỉ, nhưng bây giờ ai nấy đều tỉnh như sáo.

Tổ Gia nhìn mọi người, nói: “Giải tán!”

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, rồi lẳng lặng rời đi.

Con mắt Tổ Gia rất tinh tường, bao nhiêu năm nay ông luôn tự tin về mắt nhìn người của mình. Thực lộc chỉ là cái cớ, mục đích là chuốc rượu cho các Bá đầu, đợi đến khi họ uống tới tàm, đột nhiên dùng thủ pháp Anh diệu, giương đông kích tây, thăm dò ý tứ của người ta qua lời nói và sắc mặt, vậy là tìm ra được chút manh mối.

Kỹ thuật nắm bắt tâm lý trong Anh diệu thiên đều là chiến thuật tâm lý học đỉnh cao, đương nhiên bao gồm cả kiến thức nhân tướng học chân chính, bên ngoài có thể tóm được con mồi,

trong nhà có thể tóm được cổ kẻ tạo phản. Phương pháp này do sư tổ Việt Hải Đường – hiệp nữ Đường Vịnh Hà – sáng tạo ra. Về sau, bốn Đường khẩu dần dần hòa thuận với nhau hơn nên rất nhiều kỹ xảo đã được chia sẻ cho các Đường khẩu dùng chung, trở thành tài liệu giảng dạy thông dụng cho các A Bảo. Nhưng, tuyệt kỹ thì vẫn nằm trong tay chương môn Việt Hải Đường. Vì có mối quan hệ mật thiết với Kiều Ngũ Muội, Trương Đan Thành đã được chia sẻ riêng phương pháp này. Trước khi chết, Trương Đan Thành đem hết những tuyệt kỹ này truyền lại cho người kế vị, Tổ Gia nhờ vậy cũng nắm bắt được hết tuyệt học Anh diệu.

Chương Hà tri tong cuốn Anh diệu ghi chép lại thuật quan sát nhân tâm như sau:

Hà tri kỳ nhân thiện?

Thần thanh nhãn bất loạn.

Hà tri kỳ nhân gian?

Tà thị hốt nhi chuyển.

Hà tri kỳ nhân ngu?

Tử ngư tình bất chuyển.

Hà tri kỳ nhân trung?

Mặc mặc bất tranh công.

Đối tọa thủ vô an,

khẩu thị phi tâm điền.

Đối thị bất dung cửu,

tra tra giai nguy ngôn.

Sơn căn đối lưỡng mục,

trung gian tàng lý diện.

Nhất hát chán Ly Khảm,

tái hát triển mi nhan,

tam hát pháp lệnh đản,

lưỡng di hồng thành phiến.

Tổ tướng tức tổ liễm,

tổ cục nghi tổ hiêm,

hiêm trung lai cầu thắng,

kim ngân đôi thượng sơn.

Chương này xoay quanh cách quan sát về mặt con người, tập trung rất nhiều tinh hoa tướng thuật. Tướng thuật thời xưa đặc biệt coi trọng việc quan sát khuôn mặt, đặc biệt là ánh mắt.

Câu đầu tiên Hà tri kỳ nhân thiện, thần thanh nhãn bất loạn cho biết làm thế nào để phán đoán một người có lương thiện hay không. Dựa vào thần thái và ánh mắt, thần thái luôn khiến người ta có thiện cảm, gương mặt không lộ vẻ hỗn tạp khó đoán, ánh mắt bình thản, tròng đen và tròng trắng rõ ràng, ánh nhìn không lơ đãng, phóng túng, dè tiện, chính là người lương thiện. Điều này đồng nhất quan điểm với thuật xem tướng mặt.

Câu thứ hai Hà tri kỳ nhân gian? Tà thị hốt nhi chuyên nói rằng, một người có gian xảo hay không, cũng chỉ cần nhìn vào đôi mắt. Mắt la mày lém, con ngươi đảo điên, ánh nhìn liên lảo là biểu hiện của kẻ gian trá.

Câu thứ 3 Hà thị kỳ nhân ngu? Tử ngư tinh bất chuyển, nhìn vào ánh mắt để biết một kẻ có ngu dốt, đần độn hay không. Nếu cặp mắt lơ đãng như mắt cá chết, cái nhìn vô hồn, đờ đẫn, con ngươi nửa ngày chẳng buồn nhúc nhích thì chắc chắn đầu óc có vấn đề. Không chỉ vậy, mắt như mắt cá chết là kiểu mắt đại hung của tướng mặt, trong Tướng thuật tập khảo đã nói: “Mắt cá đoán mệnh, mắt dê chết yêu.”

Câu thứ tư Hà tri kỳ nhân trung? Mặc mặc bất tranh công, để biết một người rất mực trung thành hay không, chỉ cần nhìn vào biểu hiện thường ngày của anh ta. Có công không tranh giành, không màng danh ưa tiếng, cứ âm thầm làm, chân chất thật thà, ắt người trung nghĩa.

Câu thứ năm, câu thứ sáu Đối tọa thủ vô an, khẩu thị phi tâm diện. Đối thị bất dung cửu, Tra tra giai nguy ngôn, chỉ cho ta cách làm thế nào để đoán biết đối phương có đang nói dối hay không qua việc trò chuyện giao tiếp thường ngày. Nếu hai người ngồi đối diện với nhau nói chuyện, tay đối phương cứ xoắn vặn, nắm thả mắt tự nhiên, không biết để đâu, không dám nhìn thẳng vào người đối diện, hoặc khi ánh mắt hai người chạm nhau liền đưa mắt nhìn đi chỗ khác, rõ hẳn là kẻ nghĩ một đằng nói một nẻo, dối trá là bản sắc.

Hai câu bảy, tám Sơn căn đối lưỡng mục, trung gian tàng lý diện. Nhất hát chân Ly Khảm, tái hát triển mi nhan, tam hát pháp lệnh đàn, lưỡng di hồng thành phiến, là tuyệt kỹ đọc vị kẻ khác, hiểu từng chân tơ kẽ tóc, gian ngay nhìn là biết. Chúng đã vượt quá phạm vi quan sát

tướng mặt đơn thuần, liên quan đến những quy tắc tất yếu từ bên ngoài đến bên trong trong cơ thể người như: âm dương, ngũ hành, Đông y... Chỉ cần là con người tất đều phải tuân theo quy tắc này.

Vị trí bắt đầu của mũi là Sơn căn, hai bên Sơn căn là mắt, mắt trái là dương, mắt phải là âm; trong ngũ hành mắt thuộc Hỏa, thông can với gan; gan thuộc Mộc, thông can với thận; thận thuộc Thủy, trong bát quái là Khảm; thất tình và lục dục có liên quan mật thiết với lục phủ ngũ tạng trong cơ thể. Bởi vậy, người ta mới đúc kết được ra rằng: “Sợ hãi hại thận, tức giận hại gan, buồn đau hại tỳ, thích chí hại tim.”

Cho nên, nếu một người làm điều gì trái với lương tâm, lục phủ ngũ tạng sẽ bồn chồn; nếu là kẻ gian, chắc chắn sẽ sợ hãi, ngày ngày thấp thỏm lo sợ, thận Thủy phạm phòng bất an, lúc này nếu người ta đột nhiên quát lớn: “Người là giặc trong nhà!” tất thận Thủy trong người hẳn bị khuấy động trào lên, Thủy trào lên dập tắt Hỏa, Hỏa chủ về tim, khiến tim đập thành thịch, cho nên mới nói Nhất hất chấn Ly Khảm là vậy; lúc này nếu lại quát to một tiếng, kẻ đó dù giỏi giấu giếm cỡ nào cũng sẽ tuân theo quy luật truyền dẫn sinh khắc của ngũ hành mà để lộ ra tâm tư trong lòng, dù mắt không lộ vẻ sợ hãi thì đầu lông mày cũng nhú co một cái; lại quát thêm tiếng nữa sẽ khiến đường pháp lệnh (đường vận chạy quanh hai bên cánh mũi) trên mặt hẳn nhúc nhích, khí huyết bốc lên khiến hai má ửng đỏ. Tới nước này, những việc che giấu trong lòng sẽ bị lộ hết.

Mấy câu cuối cùng là lời tổng kết, Tổ tướng tức tổ liêm, tổ cục nghi tổ hiểm, Hiểm trung lai cầu thắng, kim ngân đôi thượng sơn. Nghĩa là, khi các A Bảo “tác nghiệp”, nói cho cùng chỉ là dựa vào việc đoán ý qua lời nói và sắc mặt. Bất kể đối với con mồi hay với bản thân mình, tổ cục nghi tổ hiểm, càng là cục nguy hiểm, độ khó cao thì lợi ích thu về càng lớn, cho nên mới nói phú quý hiểm trung cầu, một khi cục diện đã định thì vàng bạc tiền của bám theo sau, chất đồng như núi.

Tổ Gia vốn định mượn cơ uống rượu, nhân lúc các Bá đầu ngà ngà say rồi bất thành linh tung ra chiêu này để thăm dò. Nhưng Hoàng Pháp Dung nói: “Cách làm này chưa ổn lắm, trực tiếp bắt kẻ gian không bằng ép cho kẻ gian tự xuất cung. Tổ Gia cứ thả một cái thông lọng, rồi nói đã phá được cục siêu độ vong hồn của Mai Huyền Tử đàn, ngầm ám chỉ rằng người bên cạnh Mai Huyền Tử đã bán tin cho mình, đồng thời ám chỉ trong nội bộ Mộc Tử Liên có kẻ phản bội và Tổ Gia cũng thừa biết kẻ đó là ai. Như vậy, nếu kẻ gian nằm trong số các Bá đầu thì sẽ hoảng hốt, lo lắng không yên, chắc chắn nội trong vài ngày sẽ bán tin ra ngoài để tìm kế thoát thân, càng hấp tấp càng dễ để lộ sơ hở. Tổ Gia chỉ việc sai người tăng cường theo dõi, rồi bắt sống.

Tổ Gia nghe xong, một tấm lưới to đang được đan dần trong đầu ông.

MAI CHẶT ĐẦU KẺ GIAN

Để đề phòng nội gián, mấy năm nay Tổ Gia cũng đã phải hao tâm tổn trí không ít. Đầu tiên,

ông phải giữ khư khư cuốn sách quý Trát phi mật bản bên mình; ngoài ra, không cho phép các Bá đầu được phép nuôi chó và chim bồ câu, vì chúng đều biết đưa tin; khi các Bá đầu vào kỹ viện, Tổ Gia đều cho bọn họ đi có đôi, để đề phòng Bá đầu nào đó bay một mình hoặc để lộ tin. Bên cạnh các Bá đầu đều có tai mắt của Tổ Gia, cho nên, kẻ có thể làm tên chỉ điểm ngay dưới mắt Tổ Gia hẳn không phải kẻ tầm thường.

Kẻ nội gián bình thường tỏ ra tuyệt đối trung thành, mặt mũi tỉnh queo, nhưng vào thời khắc quan trọng sẽ buộc phải bán tin đi, bởi việc móc nối với đối phương là điều không thể tránh khỏi, chỉ có điều mỗi người có phương thức riêng mà thôi.

Sau khi xảy ra vụ quan tài tóc đen, Tổ Gia càng phải thận trọng vạn lần. Nhưng tai mắt mà ông gài bên cạnh các Bá đầu đều chẳng có tin tức gì giá trị, xem ra kẻ phản bội này ẩn hình rất kỹ.

Tổ Gia mượn cớ uống rượu, rung cây dọa khỉ, kẻ phản bội thấy Tổ Gia đã tính toán trước mọi việc như vậy rồi, chắc chắn sẽ run sợ trong lòng.

Sau khi tan tiệc rượu, các Bá đầu đều trở về nhà mình, họ đều biết bước tiếp theo mình phải làm gì. Càng vào những lúc như thế này, càng phải giữ y nguyên lối sinh hoạt thường ngày của mình, ngày thường anh làm gì thì bây giờ anh hãy cứ làm việc đó, nếu không sẽ bị xem là biểu hiện bất thường, càng dễ khiến cho Tổ Gia sinh nghi.

Đại Bá đầu thích rượu chè, thường mua vài cân thịt quay, vài vò rượu, nằm ở nhà nốc rượu một mình; Nhị Bá đầu thích đến kỹ viện, thường ra vào chốn yên hoa; Tam Bá đầu sẽ đánh bạn cùng đi với Nhị Bá đầu; Tứ Bá đầu và Ngũ Bá đầu thích nghiên cứu dị thuật siêu hình, làm xe trâu gỗ, bện người giấy biết bay, đúng là người già có thú vui riêng của người già.

Ngoài ra, Tam Bá đầu vẫn còn một sở thích nữa, hẳn rất thích câu cá. Cách Đường khẩu hai dặm về phía Nam có một ao cá, do người ta đắp đập dẫn nước về từ sông Hoàng Phố. Tam Bá đầu trước giờ vẫn tự cho mình sánh ngang với Khương Tử Nha, Trương Lương, tự đặt cho mình biệt danh “Yên Ba Tẩu”. Khi Đường khẩu không bận, hẳn thường mang cần câu tới đây, khi đi thường đem theo một tên tay chân giúp mình móc mỗi câu cá, thu dọn đồ khi câu xong. Tên tay chân đó thực ra chính là tai mắt mà Tổ Gia cài bên hắn.

Các vị Bá đầu bụng đều rõ mười mươi những người đi theo mình đều do đích thân Tổ Gia cắt cử, nhưng vẫn làm như không hề hay biết. Cho nên, mỗi khi làm việc gì, họ đều cố ý mang theo người này đi cùng để tránh bị nghi ngờ.

Buổi tối, cải trang xong xuôi, Tổ Gia dẫn theo hai tên tay chân thân cận đến Hội quán Tinh Võ Anh Hùng.

Hội quán Tinh Võ Anh Hùng rất có danh tiếng trong giới giang hồ, do đại hiệp Hoắc Nguyên Giáp sáng lập. Vương Á Tiêu từng dặn dò Tổ Gia qua thư: Có việc gì cứ đến tìm Tăng Kính Võ.

Tăng Kính Võ – huynh đệ của Vương Á Tiều – không những võ nghệ cao cường, mà còn là một cao thủ ẩn danh, mấy năm nay thường che giấu bằng thân phận Giáo đầu, bí mật phát triển tổ chức kháng Nhật, luôn giấu kín những kỹ thuật cao siêu và thủ đoạn cao minh tung hoành trên giang hồ, người thường khó có thể theo kịp.

Dựa vào những lời đã nói trong buổi tiệc rượu, cộng với ánh mắt sắc lẹm quét lên tất cả những người có mặt hôm đó, Tổ Gia cũng đã nắm chắc vài phần trước biểu hiện của các vị Bá đầu, lần này bí mật đến gặp chính là để nhờ Tăng Kính Võ giúp mình một tay đập chết kẻ nội gián. Bởi mãi không thấy tai mắt của mình ở chỗ các Bá đầu báo tin tức gì, ông lo lắng mấy tên này đã bị Bá đầu nào đó ép làm phản, chỉ dựa vào một mình mình sẽ không thể điều tra ra kẻ nội gián.

Lại ba ngày nữa trôi đi, bên Thượng Hải mờ mịt trong làn mưa phùn.

Tam Bá đầu khoác áo tơi, đội nón lá đi tới ao cá, hân thích câu cá khi trời mưa. Hắn chẳng thiếu gì cá ăn, nhưng khoái cái cảm giác cá cắn câu, mỗi lần câu được đều gỡ cá ra, rồi lại vớt thả xuống ao.

Mỗi câu cá là loài địa long, hay còn được gọi là giun đất. Giun đất thường được đào sẵn từ đêm hôm trước, trộn với bột nhộng, rồi đem thả vào giỏ. Tên tay chân đi theo sau khi giúp Tam Bá đầu móc mỗi câu thì ngồi trên tảng đá xanh bên cạnh vừa hút thuốc, vừa xem câu cá. Mỗi khi mỗi câu bị cá ăn hết, hoặc nhặt đi vì ngâm lâu dưới nước, anh ta lại có nhiệm vụ đổi mỗi câu khác.

Hôm đó, tâm trạng Tam Bá đầu rất vui vẻ, lúc lúc lại câu được cá to, hắn sung sướng cười không khép miệng lại được.

Lại một ngày nữa trôi qua, hai tên tay chân vừa được cài cắm vào Mai Hoa Hội đưa tin về. Bọn họ nói rằng, Mai Huyền Tử đã vội vàng họp Đường khẩu, mấy tên Đại đồ đệ dưới trướng lão tên nào tên nấy mặt mũi xám như tro nguội. Tổ Gia hay tin liền mỉm cười. Kẻ nội gián trong Mộc Tử Liên đã truyền đi những lời mà Tổ Gia nói trong bữa thực lộc hôm đó cho chúng biết.

Thực ra, Hoàng Pháp Dung mới là người “phá án” trong vụ đốt đèn quỷ bên sông, Tổ Gia không hề hay biết về kế hoạch của Mai Huyền Tử, nhưng hôm đó ông cố ý nhả ra mấy câu, làm như tất cả mọi việc ông đều đã có đôi sách đầu vào đấy, mục đích là ép kẻ nội gián kia đưa tin tức ra ngoài và để lộ ra sơ hở của mình.

Đây chính là hiến kế của Hoàng Pháp Dung. Bà giúp Tổ Gia dàn cục cũng có tính toán của riêng mình, mau chóng bắt được tên phản bội thì Trương Tự Triêm chồng bà mới có cơ hội trở tài.

Qua mấy ngày khuya chiêm gổ trống dựng cục theo dõi, trong lòng Tổ Gia đã biết rõ, nhưng

ông không hề ngăn cản kẻ phản bội truyền tin tức đi, cũng không vội vàng bắt hấn, còn nhân đây tương kế tựu kế, dùng thuật ly gián. Tổ Gia không hổ danh là Tổ Gia, cao tay và sáng suốt.

Kế ly gián này quả thật rất hay. Mai Huyền Tử cứ tưởng rằng, trừ khử được Ngũ Tử – người mà Tổ Gia cài vào trước đó – thì Mai Hoa Hội sẽ thái bình, không ngờ Tổ Gia lại cố ý ám chỉ bên cạnh lão có giặc. Mai Huyền Tử bắt đầu nghi ngờ đám đệ tử của mình, việc này đã làm đảo lộn trật tự bình thường trong Mai Hoa Hội và những kế hoạch đã sắp đặt sẵn của lão, cũng nhờ vậy hai tay chân Tổ Gia mới gài vào Mai Hoa Hội mới được an toàn. Chiêu này của Tổ Gia gọi là một đòn chết ba.

Là người luôn suy nghĩ thấu đáo mọi nhẽ, khi Hoàng Pháp Dung hiến kế này, ông liền nghĩ ra nhiều mưu chước. Ngay cả Hoàng Pháp Dung mới đầu còn hiểu, về sau cũng thấy mơ hồ, không biết tại sao đã mấy ngày rồi mà Tổ Gia vẫn chân chừ chưa động thủ, cuối cùng sốt ruột liền đến hỏi Tổ Gia.

“Tổ Gia, đã biết kẻ gian, sao thầy còn chưa ra tay?”

“Sao ngươi biết?”

Hoàng Pháp Dung cười nói: “Tổ Gia càng lặng thinh càng chứng tỏ đã nắm rõ mọi chuyện, huống hồ nét mặt thầy không còn nặng nề như mấy ngày trước, Pháp Dung nhìn là biết ngay.”

Tổ Gia cười khà nói: “Mai chặt đầu kẻ gian!”

Hoàng Pháp Dung sững sờ: “Hả?”

“Hả cái gì? Ngươi lo lắng người đó là Tự Triêm à?”

Hoàng Pháp Dung cúi đầu cười: “Không thể nào. Mai Tổ Gia chém thật không?”

Tổ Gia hỏi: “Không được à?”

Hoàng Pháp Dung trầm ngâm một lúc, nói: “Nếu Tổ Gia thật sự muốn chém hấn thì đã không làm ầm lên như vậy, Pháp Dung thấy, Tổ Gia chỉ vờ chém...”

Hoàng Pháp Dung rút cuộc vẫn chính là Hoàng Pháp Dung, thông minh khác thường. Mấy ngày nay, thấy Tổ Gia không có động tĩnh gì, bà ta luôn ngầm nghĩ xem rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì. Hôm nay lại thấy Tổ Gia nói đến việc chém kẻ gian dễ như bỡn vậy, biết ngay Tổ Gia chưa có ý muốn giết kẻ đó.

Tổ Gia lại ngầm đánh giá một lần nữa, con nhóc này thông minh đến nỗi khiến người khác phát sợ. Tổ Gia đang nghĩ, không biết có nên nói cho Hoàng Pháp Dung biết nhiều chuyện hơn nữa không, đặc biệt là những việc mà tên Tả Vịnh Thiên đã nói cho mình nghe đêm hôm đó,

cũng chính là những việc đang đè nặng trong lòng, khiến ông cảm thấy ngột ngạt.

GIUN ĐẤT ĐƯA TIN

Hôm sau vừa qua giờ Ngọ, Tổ Gia lại triệu tập họp Đường khẩu.

Lần này là cuộc họp mở, ngoài các vị Bá đầu, còn có cả mấy tên chân tay thân cận.

Tổ Gia nghiêm sắc mặt nói: “Họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm. Tổ Gia ta đối đãi với đệ tử không bạc, tại sao người còn muốn làm kẻ gian?”

Mọi người đưa mắt nhìn nhau, tim đập thình thịch.

“Tam Bá đầu!” Tổ Gia quát: “Người vẫn còn chưa chịu khai thật?!”

Tam Bá đầu ngớ người: “Tổ Gia, ý thầy là sao?”

Tổ Gia ngửa mặt lên trời, gằn giọng: “Uổng công ta dốc tâm huyết bồi dưỡng người, không ngờ người lại ăn cây táo rào cây sung!”

Tam Bá đầu kêu lên: “Oan cho con, Tổ Gia, oan cho con!”

Tổ Gia cười lạnh tanh, lấy ra một đoạn cây lau nhỏ trong tay áo: “Thủ đoạn cao siêu đấy, khắc kiểu chữ Tống lên giấy dầu, cuộn lại nhét vào thân cây lau, sau cùng cho vào trong bụng giun, rồi cứ thế thả chúng xuống ao, để một tấm lưới dày chắn chỗ nước chảy ra từ trong ao, con giun đó sẽ bị chặn lại; tên đi lấy tin sau khi bắt được con giun, chỉ việc mổ bụng ra lấy tin tức, giấy dầu bị ngâm trong nước không ướt, viết kiểu chữ Tống khó mà tra ra được nét chữ của ai. Người mượn danh nghĩa câu cá, thực chất là làm nội gián. Đúng là áo tiên chẳng lộ vết khâu, hoàn hảo không chê vào đâu được!”

Tam Bá đầu kinh hãi: “Tổ Gia, oan cho con! Con không hề biết những việc này!”

Tổ Gia quát tháo: “Lôi nó ra ngoài, chém!”

Tam Bá đầu khóc rống lên: “Tổ Gia minh xét! Con bị oan, con bị oan!”

Các Bá đầu toát mồ hôi: “Tổ Gia, việc này thầy đã điều tra rõ ràng chưa?”

Ngũ Bá đầu Lương Văn Khâu đứng dậy nói: “Tổ Gia, từ khi đi theo Tổ Gia cho đến nay, Tam gia luôn một lòng trung thành, chưa từng làm điều gì sai trái, việc này cần phải điều tra thật rõ mới tính chuyện hành hình!”

Tổ Gia nhìn Tam Bá đầu, nói: “Nhốt lại, đợi sau khi ta bắt tên Mai Huyền Tử lộ nguyên hình, rồi giết người tể trời!”

Mấy tên chân tay trói quặt cánh tay Tam Bá đầu ra sau lưng, đẩy hẳn đi.

Đêm đó, Tam Bá đầu nằm co quắp trong nhà lao, chỉ biết thở dài, trong lòng không sao hiểu nổi làm thế nào mình lại ra nông nổi này. Đang mãi nghĩ ngợi, một tên tay chân mang cơm đến.

“Tam gia, ăn cơm đi!”

Tam Bá đầu chửi: “Tao nuốt thế chó nào nổi!”

Tên tay chân đẩy thức ăn vào, nói nhỏ: “Tổ Gia dặn, nhất định ông phải ăn!”

Tam Bá đầu ngơ ngợ nhìn hẳn, nhận lấy thức ăn, đó là một bát mỳ và mấy miếng cá biển. Tên tay chân đi rồi, Tam Bá đầu ngồi bệt ra đất ăn, vừa cắn vào miếng cá mắm thì thấy có thứ gì mắc răng, hóa ra trong bụng cá có một mẩu giấy dầu. Tam Bá đầu vội vàng mở ra, bên trong Tổ Gia tự tay viết: “Khổ nhục kế, khổ môn sinh, khổ tận cam lai vẫn tình huynh đệ.” Tam Bá đầu xem xong, liền nuốt mẩu giấy vào bụng, rồi cười hỉ hả.

Tất cả những việc này đều do Tổ Gia và Tăng Kính Võ hợp sức sắp đặt.

Hôm đó, Tổ Gia đến tìm Tăng Kính Võ, kể rõ đầu đuôi ngọn ngành lý do thực lộc.

Tổ Gia nói: “Khi thực lộc, tôi đã dùng chiêu Anh diệu, quan sát thấy các Bá đầu...”

Tăng Kính Võ nói: “Bọn mật thám chỉ điềm đưa tin đều rất thận trọng, nhất cử nhất động đều có thể là ám hiệu của chúng, nhưng tất cả những cách liên lạc bằng ám hiệu suy cho cùng cũng đều do con người đặt ra. Sở dĩ, bọn tai mắt mà Tổ Gia cài cắm bên cạnh các Bá đầu không thể phát hiện ra được, bởi vì chúng đã quá quen thuộc với những hành động, việc làm của các Bá đầu nên chỉ cho là chuyện thường. Tổ Gia không phải vội, đã rung cây dọa khỉ như vậy, tên đó chắc chắn sẽ mau chóng bán tin đi hòng tìm kế thoát thân. Tôi sẽ cho vài người ngầm theo dõi, họ đều là mấy vị huynh đệ được đào tạo bài bản, rất am hiểu thủ đoạn của bọn nội gián, sau khi Hoắc Gia (Hoắc Nguyên Giáp) bị hạ độc chết, việc đi nghiên cứu địa hình để ám sát người Nhật của chúng tôi đều do mấy huynh đệ này làm, nếu tên nội gián gửi tin ra ngoài, chắc chắn sẽ bị phát hiện!”

Thế là mấy tinh binh của Hội quán Tinh Võ bắt đầu được bố trí ở những nơi mà Tam Bá đầu, Tứ Bá đầu, Ngũ Bá đầu thường hay lui tới. Quả nhiên, người đóng giả thành dân đánh cá chèo thuyền trong ao theo dõi Tam Bá đầu đã phát hiện ra điều bí mật trong mỗi câu cá.

Hôm đó, Tam Bá đầu câu cá cả buổi chiều, khi trời sẩm tối mới đứng dậy ra về. Tên tay chân phụ trách lo chuẩn bị mồi cho cá kia sau khi đảo mắt nhìn đông ngó tây một hồi, liền hất mạnh chỗ giun còn thừa trong cái giỏ tre xuống ao cá, lũ giun trôi đi theo dòng nước chảy, xuống đến chỗ có tấm lưới thì bị chặn lại, người của Hội quán Tinh Võ vớt được lũ giun lên, nhìn kỹ, phát hiện ra bí mật giấu trong bụng giun.

Theo lời dặn của Tổ Gia và Tăng Kính Võ, họ không ngăn chặn dòng tin tức được chuyển qua bụng giun, mà thả nó về vị trí cũ, đợi đối phương đến lấy. Sau khi trời tối, đối phương cho tay chân giả làm người đánh cá đem tin tức về. Chiều ngày hôm sau, đối phương lại dùng phương thức tương tự, mang tin trả lời của Mai Huyền Tử buộc vào tấm lưới đó; đêm đến, tên tay chân của Tam Bá đầu lặn xuống nước, lấy canh lau đi.

Mới đầu, đinh ninh rằng Tam Bá đầu làm phản, trong lòng Tổ Gia nghĩ, lần này vậy là hỏng rồi, hai tên tai mắt mới vào Mai Hoa Hội đều do Tam Bá đầu sắp xếp, nếu ông ta thật sự là nội gián, hai huynh đệ kia cũng chẳng sống được bao lâu nữa.

Cũng may, Tổ Gia tức trí đa mưu, không vội vàng ra tay mà tiếp tục theo dõi. Tên tay chân của Tam Bá đầu lấy được đoạn canh lau rồi không về thẳng phủ Tam Bá đầu mà lại đến nơi ở của Tứ Bá đầu. Hắn đảo mắt nhìn khắp lượt xung quanh ngôi nhà, xong đem đoạn canh lau kia nhét vào cống ngầm ở chân tường nhà Tứ Bá đầu. Xong đâu đó, hắn mới lẳng lặng lui về.

Lúc này Tổ Gia mới hiểu rõ chân tướng của sự việc, kẻ làm phản chính là lão tứ Tề Xuân Phúc. Lão ta đúng là loại người vô cùng gian trá, nham hiểm, hắn mượn tay Tam Bá đầu bắn tin ra ngoài, một khi bị lộ, Tam Bá đầu sẽ làm ma thay hắn.

Nhưng đáng hận nhất chính là tên tay chân bên cạnh Tam Bá đầu. Hắn vốn là tai mắt mà Tổ Gia cài cắm, nhưng không những không phụng mệnh, ngược lại còn thông đồng với Tứ Bá đầu tạo phản, khiến Tổ Gia vô cùng bi phẫn. Đối với kẻ đó mà nói, ông đối xử chẳng khác gì với con đẻ của mình, có nằm mơ ông cũng không tưởng tượng được hắn lại phản mình.

Tên hắn là Tôn Nghiệp Hưng, Tổ Gia để hắn làm tai mắt của mình, kể ra còn vì một chuyện...

Tôn Nghiệp Hưng là ai, mọi người đều không hay biết, nhưng cha hắn lại là một nhân vật đình đám. Ông ta tên Tôn Khảo, là lão tứ – thủ hạ của Trương Đan Thành, lòng dạ nham hiểm, thủ đoạn tàn độc. Năm xưa, chính hắn ta cầm đầu đám Bá đầu tạo phản, đồng thời giết chết tiểu đệ và tiểu muội của Tổ Gia rồi dàn cục thi thể tiên đồng trôi ngược dòng.

Tôn Khảo và mấy tên Bá đầu khác cùng liên thủ hưởng hương, Trương Đan Thành và Chu Chấn Long may mắn được Tổ Gia cứu mới thoát khỏi cái chết. Về sau Tổ Gia lại giúp Trương Đan Thành dẫn quân cứu viện của Vương Á Tiều đến, mới dẹp yên được đám phản loạn ấy.

Sau khi thanh trừng bọn tạo phản, Trương Đan Thành muốn diệt sạch tàn dư trong hàng ngũ của mình, con trai mới một tuổi của Tôn Khảo là Tôn Nghiệp Hưng cũng bị liên lụy. Chính vào lúc đó, Tổ Gia đã ra mặt nói đỡ: “Trương sư gia, xin đừng làm hại vợ con hắn, tuy Tôn Khảo tội ác tày trời không thể tha thứ, nhưng con hắn còn nhỏ dại, xin Trương Gia mở cho một con đường sống!”

Sở dĩ, Tổ Gia nói đỡ là vì nhìn thấy đứa trẻ đó, ông lại nhớ đến em trai và em gái của mình, ông không muốn thấy thêm đứa trẻ nào bị giết. Hơn nữa, cha của đứa bé này đã bị mình đốt

đèn trời thiêu chết, bây giờ lại giết hại nó, Tổ Gia quả thực không nhẫn tâm.

Vì thế, đứa trẻ này đã lớn lên từng ngày dưới sự che chở của Tổ Gia. Ông truyền dạy cho nó Tứ thư, Ngũ kinh, dạy nó đạo lý làm người, dần dần nó đã trở thành người thân cận của ông. Về sau, khi thu nạp Tam Bá đầu, ông liền sắp xếp để nó làm tai mắt cho mình bên cạnh Tam Bá Đầu.

Tôn Nghiệp Hưng không hề biết Tổ Gia là người đã giết cha mình, tất cả mọi người trong Đường khẩu đều giấu kín như bưng chuyện này. Tổ Gia đã ra lệnh, kẻ nào dám hé răng tiết lộ sẽ giết ngay không cần luận tội.

Sự việc bước ngoặt xảy ra vào năm 1932. Năm đó, Tổ Gia đích thân là “tướng”, ông sắp đặt cho Nhị Bá đầu làm vụ đuổi xác, giúp Giả Tứ gia vận chuyển thuốc phiện nên phải đi khỏi Đường khẩu một tháng.

Chính trong thời gian này, lão tứ Tề Xuân Phúc đã tìm đến Tôn Nghiệp Hưng kể hết sự tình.

Tại sao Tề Xuân Phúc lại nói ra sự việc này? Lão ta và Tôn Nghiệp Hưng có mối quan hệ như thế nào?

Tổ Gia đã điều tra ra Tề Xuân Phúc và Tôn Nghiệp Hưng nhưng vẫn án binh bất động, vì ông không biết liệu Tề Xuân Phúc còn có đồng bọn hay không, đặc biệt là Lương Văn Khâu – Bá đầu còn lại từ thời Trương Đan Thành. Vì thế, ông mới tương kế tựu kế, cho nhốt Tam Bá đầu lại, một mặt để Tề Xuân Phúc lơ là mất cảnh giác, mặt khác để kéo dài thời gian, thăm dò Lương Văn Khâu.

Khi đó, Tề Xuân Phúc đã rất hoang mang. Lão ta không biết Tổ Gia làm thế nào mà lấy được tin tức, mình bị phát hiện khi Tôn Nghiệp Hưng đưa tin đi, hay khi lấy tin về? Hoặc cả hai khả năng đều không phải, mà do kẻ nội gián bên chỗ Mai Huyền Tử đưa tin về. Tổ Gia khi ban thực lộc đã tung hỏa mù khiến Tề Xuân Phúc ù ù cạc cạc không rõ thực hư nữa.

Đầu óc Tề Xuân Phúc bắt đầu căng lên, nếu lấy được tin tức lúc gửi đi thì việc Tổ Gia muốn giết Tam Bá đầu rất hợp logic. Như vậy, Tôn Nghiệp Hưng cũng khó trốn tránh được trách nhiệm. Nhưng tạm thời, Tôn Nghiệp Hưng có thể tự bảo toàn được tính mạng, chỉ việc nói mình ngoài móc mối câu cho Tam Bá đầu ra thì không biết gì khác, việc đổ chỗ giun còn thừa xuống ao cá sau khi câu xong cũng là lẽ thường tình. Không có chứng cứ, Tổ Gia không thể giết người bừa bãi được, huống hồ Tôn Nghiệp Hưng còn là tai mắt mà Tổ Gia cài cắm bên chỗ Tam Bá Đầu, nhờ vậy cũng dễ bề ăn nói hơn.

Cách làm gián điệp là một gửi một lấy về, gửi tin đi và lấy tin về đều phải đảm bảo an toàn, nếu không thể đảm bảo an toàn được cả hai việc, thì vẫn phải đảm bảo an toàn 50%, nếu không sẽ tự đi tìm đường chết. Trong Tế tác thân am đã viết: Quân nhị bảo nhất sự tác ngữ, tá thi hoàn hồn thêm tác lục. Nghĩa là, làm gián điệp rất nguy hiểm, nhưng không làm không

được, cần phải chia đôi mức độ nguy hiểm. Tá thi hoàn hồn tức là lôi kéo kẻ khác vào để làm rối loạn, đánh lừa tai mắt, nếu tìm được kẻ làm ma thay mình, thì việc này có thể nắm chắc sáu phần. Nếu không phải Tổ Gia mà là một vị Đại sư bá nào đó trong Đường khẩu hành sự mạnh động, rất có khả năng hôm đó đã chặn đứng tin tức mà Tôn Nghiệp Hưng gửi đi, sau đó xử tội hấn và Tam Bá đầu thì sẽ trúng ngay quỷ kế của Tề Xuân Phúc.

Nhưng điều khiến Tề Xuân Phúc băn khoăn là, tại sao Tổ Gia chỉ hạ lệnh chém Tam Bá đầu mà không hề nhắc đến việc hỏi tội Tôn Nghiệp Hưng? Thật muốn rối cả lên! Lão ta đoán, Tổ Gia đã biết rõ mọi việc, nhưng vẫn không dám chắc đường liên lạc với Mai Huyền Tử đã bị chặt đứt hay chưa, tình hình bên đó thế nào cũng không rõ, khiến lão ta đứng ngồi không yên, thức trắng đêm không sao ngủ được.

Đúng lúc này, Tổ Gia lại “dựng chuyện” đưa tin giả. Sáng sớm hôm sau, ông liền cho hai người của Hội quán Tinh Võ đóng giả thành hai con gà béo đi xem tướng số, một người đến cổng nhà Tề Xuân Phúc, một người đến cổng nhà Lương Văn Khâu, nhân lúc người ta không để ý, liền lấy một mẫu giấy từ trong ống tay ra, ấn vào tay Tề Xuân Phúc và Lương Văn Khâu.

Sau khi nhận được mẫu giấy, Tề Xuân Phúc im bất không hé răng, Lương Văn Khâu cuống cuống đến chỗ Tổ Gia, nói rằng vừa rồi có một kẻ đến xem tướng số, hấn đã đưa tờ giấy này cho mình, mong Tổ Gia minh xét...

Trên tờ giấy viết: Canh ba đêm nay, có một chiếc thuyền đậu trên bờ sông phía bên trái ao cá, nói ra ám hiệu ba lần sẽ có người tiếp ứng, mau trốn!

Tảng đá to tướng đang đè nặng trong lòng Tổ Gia đã được thả xuống đất, ông vỗ vỗ vào người Lương Văn Khâu còn đang run lên bần bật nói: “Lương Gia trung nghĩa, xin hãy nhận của ta một lay!” Nói xong, ông khom lưng hành lễ.

Hành động đó khiến Lương Văn Khâu hốt hoảng sợ hãi, vội vàng đỡ Tổ Gia: “Sao Tổ Gia lại làm thế? Tiểu nhân không dám nhận!”

Lương Văn Khâu lớn hơn Tổ Gia 15 tuổi, bao năm nay luôn đi theo hầu hạ, chịu khó chịu khổ, nhẫn nhục chịu đựng. Lúc Tổ Gia đang phải đối mặt với loạn trong giặc ngoài, ông ta vẫn một lòng trung thành, Tổ Gia làm vậy chính là xuất phát từ sự tôn kính tự đáy lòng mình.

Tổ Gia thở phào, nói: “Lương Gia về nghỉ ngơi sớm đi, việc hôm nay chớ kể kẻ khác biết.”

Lương Văn Khâu nhìn Tổ Gia đầy ngờ vực, miệng nói tuân mệnh rồi quay người đi ra.

Vào lúc canh ba, trời mù sương, phủ dày đặc mặt sông.

Tề Xuân Phúc thu dọn tiền bạc châu báu, đưa cả Tôn Nghiệp Hưng đi theo. Mò được ra tới bờ sông, sau khi đảo mắt nhìn quanh, lão ta liền hô: “Hoạch thập tử! Hoạch thập tử! Hoạch

thập tử!”

Trên con thuyền nhỏ, một cánh buồm được giương lên, Tề Xuân Phúc và Tôn Nghiệp Hưng chui ra khỏi hố cỏ, nhảy lên con thuyền nhỏ. Vén tấm rèm lên, vừa nhìn vào, chúng kinh hãi hồn vía lên mây.

“Tổ Gia!”

Ngay lập tức, hai người bọn họ bị trói quặt cánh tay ra sau lưng và bị lôi về Đường khẩu.

Đường khẩu thấp đèn sáng trưng, Tề Xuân Phúc và Tôn Nghiệp Hưng quỳ dưới đất, Tổ Gia mặt lạnh băng nhìn bọn chúng.

“Tại sao phản ta?”

Tề Xuân Phúc trào nước mắt, ngửa mặt lên trời mà khóc: “Hết rồi, hết rồi, ông trời không có mắt, bắt cả nhà ta phải làm ma dưới tay người!”

Tề Xuân Phúc kêu lên như vậy, khiến Tổ Gia không hiểu.

Nhận thấy trong lời nói của Tề Xuân Phúc như có ẩn ý gì đó, Tổ Gia liền cho tất cả mọi người lui đi hết.

Trong phòng chỉ còn lại ba người, Tề Xuân Phúc ngậm nước mắt kể về chuyện ân oán tình thù của 15 năm về trước.

Năm xưa, Tôn Khảo – cha của Tôn Nghiệp Hưng – là kẻ háo sắc, buông thả, phóng đảng, thường hay tìm hoa hỏi liễu. Vợ ông ta nhiều lần khuyên ngăn nhưng chẳng còn hy vọng, nên lòng trở nên nguội lạnh. Là một nữ A Bảo mang thân phận của một kẻ lừa đảo, bà khổ mà khó giải bày, có quan không dám bẩm báo, có lý lẽ không có chỗ gửi thưa, đành ngậm đắng nuốt cay trong lòng. Tề Xuân Phúc khi đó chừng mười bảy mười tám, là một tay Cử nhân tép riu – thủ hạ của Tôn Khảo – đã phát hiện ra nỗi khổ tâm của bà ta. Tề Xuân Phúc thông minh, điển trai, thấy vị sư nương nhan sắc mặn mà của mình ngày nào cũng phải lau nước mắt, liền nảy sinh tình cảm. Vốn rất khéo tay, nhân những lúc Tôn Khảo đi chơi gái, Tề Xuân Phúc làm đèn lồng, chim uyên ương, rồi chạy đến chỗ sư nương pha trò cho bà vui.

Phụ nữ có lạnh lòng đến mấy cũng đều muốn được yêu thương. Cứ qua qua lại lại như vậy, dần dần hai người đã nảy sinh tình ý. Cuối cùng, một hôm không thể kìm nén nổi tình cảm, hai người đã hành lễ Chu Công.

Sau việc đó, sợ bị Tôn Khảo nghi ngờ, người đàn bà kia vội vàng hai ba lần liền đòi hỏi chồng.

Về sau, bụng bà ta to lên, Tôn Khảo vô cùng mừng rỡ. Nhưng trong lòng người đàn bà kia biết

rõ, đứa bé là con của Tề Xuân Phúc.

Đứa trẻ chào đời, bà ta sợ sau khi nó lớn lên sẽ bị Tôn Khảo phát hiện, liền ngấm bàn tính cùng bỏ trốn với Tề Xuân Phúc. Đúng vào lúc này, Tôn Khảo làm phản, Đường khẩu đại loạn, Trương Đan Thành nổi giận lôi đình, thà giết lầm cả nghìn người chứ tuyệt đối không bỏ sót một người nào, nên hạ lệnh giết cả vợ con Tôn Khảo. Nếu không nhờ Tổ Gia khổ nhục cầu xin, Tôn Nghiệp Hưng đã bị chết khi vẫn còn quần tã.

Tổ Gia bảo vệ được Tôn Nghiệp Hưng, cốt nhục còn ở đây nên Tề Xuân Phúc không chạy nữa, song cũng không dám nhận con. Ông ta hận Trương Đan Thành, càng hận Tổ Gia, hận cái Đường khẩu này, nếu không phải Tổ Gia cứu được Trương Đan Thành, Tôn Khảo sẽ không phải chết, vợ của Tôn Khảo cũng không chết, trong mắt ông ta người đàn bà đó mới là vợ mình. Nay người mình thương yêu bị giết, con của mình lại bị Tổ Gia giữ, lửa hận bùng bùng trong lòng, ông ta trút tất cả lên đầu Tổ Gia. Cho nên sau này, khi Tổ Gia “dùng chén rượu tước bỏ binh quyền”, ông ta biết mình không thể lui về tuyền hai, phải ở lại nắm rõ mọi động thái của Đường khẩu nên đã cực lực đòi được tiếp tục phò trợ Tổ Gia. Ông ta khổ sở giấu giếm chuyện cũ này, chờ đợi thời cơ giết chết Tổ Gia, phá đổ hoàn toàn Mộc Tử Liên, chính là để cha con có ngày được đoàn tụ.

Năm 1932, khi Tổ Gia phải đến Nam Việt, Tề Xuân Phúc đến tìm Tôn Nghiệp Hưng, kể rõ sự tình. Mới đầu, Tôn Nghiệp Hưng không tin, Tề Xuân Phúc liền mang bức huyết thư mà ông ta đã quý trọng giấu kín 15 năm qua cho anh ta đọc, đó chính là lời trăng trối của mẹ anh ta. Sau đó, Tề Xuân Phúc lại chỉ ra được vết bớt hình tam giác – mà mẹ của anh ta đã dùng bàn là đánh dấu để làm chứng sau này cha con nhận nhau – ở trên lưng Tôn Nghiệp Hưng. Tôn Nghiệp Hưng nghe xong, hai cha con ôm nhau khóc rung rức. Từ đó trở đi, họ bắt đầu bí mật ủ mưu làm phản.

Khi Mai Huyền Tử tạo dựng thế lực, thanh thế đang lên, Tề Xuân Phúc nhận thấy thời cơ đã đến, chắc chắn tìm được cao nhân chống lưng, ông ta liền ngấm ngấm câu kết với Mai Huyền Tử, nói cho đôi phương biết điều cấm kỵ của tổ tông phái Giang Tương. Vì vậy mới dàn cục quan tài tóc đen, hồng bôi nhọ danh tiếng của Tổ Gia.

Tổ Gia nghe xong, lòng sâu thẳm vô chừng. Ân oán hai đời, cha con tình thâm, ai đúng ai sai, trong lòng Tổ Gia rất rối loạn hoang mang. Ông không muốn giết người, một người là lão thần trung thành đời trước, một lại là đứa bé mình nuôi lớn lên từng ngày, nhưng lại không thể không giết.

Ngày hành hình hai cha con họ, Tổ Gia rơi nước mắt. Khi đầu của Tôn Nghiệp Hưng kê dưới lưỡi đao, ánh mắt căm hận ngược lên nhìn ông, càng khiến Tổ Gia đau lòng đứt ruột.

Sau đó, Tổ Gia đã lệnh làm tang ma chu đáo cho hai cha con họ. Các Bá đầu không hiểu tại sao Tổ Gia lại đối xử tốt với hai kẻ phản bội này như vậy. Tổ Gia nói: “Bọn họ cũng chỉ là bị Mai Huyền Tử làm cho hồ đồ mới bước làm đường. Mối thù giữa ta và Mai Huyền Tử, quyết

không đội trời chung!” Tổ Gia đã khôn khéo chĩa mũi dùi mâu thuẫn về phía Mai Huyền Tử, đổ thêm lòng căm hận vào lòng mọi người, có như vậy cả Đường khâu mới có thể trở thành một sợi dây thừng chắc chắn, quật lại Mai Huyền Tử.

Chương 5. NỘI BỘ RỐI REN CỦA TỬ ĐẠY MÔN PHÁI TỬ ĐẠY SỐ

MẬT ONG THẦN DIỆU

Rằm tháng Tám, mặt trăng tròn vành vạnh chiếu rọi xuống con sông Hoàng Phố mãi miết chảy mãi không ngừng.

Một loạt những hành động gần đây của Mai Huyền Tử đã gây ra cảnh tượng hỗn loạn khắp mảnh đất Giang Hoài rộng lớn, khiến việc làm ăn trong Đường khẩu của Tổ Gia ngày càng ảm đạm. Tối hôm đó, Tả Vịnh Thiên của Thiên Thánh Đạo lại đến.

“Thế nào rồi? Đã tra ra kẻ gian chưa?” Tả Vịnh Thiên hỏi.

Tổ Gia khẽ gật đầu.

Tả Vịnh Thiên cười hả hê: “Lần này Tổ Gia tin tiểu đệ rồi chứ!”

Tổ Gia bình thản không biểu thái độ gì.

Tả Vịnh Thiên lại nói: “Chuyện kết nghĩa huynh đệ lần trước, Tổ Gia nghĩ sao rồi? Tiểu đệ vẫn đợi kết bái cùng Tổ Gia, Tổ Gia mãi không nói gì, tiểu đệ không biết ý huynh thế nào?”

Đây chính là vấn đề mà Tổ Gia đang phải cân nhắc. Lần trước, Tả Vịnh Thiên đêm hôm tới thăm, yêu cầu hợp nhất Thiên Thánh Đạo và Mộc Tử Liên làm một, cùng đối phó với Mai Hoa Hội, đồng thời còn nói việc này đã được sự ủng hộ của một nhân vật lớn đứng sau lưng, Tổ Gia hỏi hắn là nhân vật lớn cỡ nào, Tả Vịnh Thiên nói: “Huynh nghĩ lớn bằng nào thì lớn bằng ấy! Không tới ba năm, các hội đạo môn trong cả nước sẽ phải có một cuộc tuyển chọn quy mô lớn đấy!” Nói xong, hắn nhìn Tổ Gia cười ra vẻ bí hiểm.

“Nay, đệ đã giúp Tổ Gia tra ra kẻ nội gián, Tổ Gia sáng suốt một đời, không thể không biết sau lưng Mai Huyền Tử có cao nhân đỡ lưng chứ. Trong lúc sóng to gió lớn thế này, ngay cả chính phủ cũng phải co mình lại, nếu Tổ Gia còn chần chừ mãi, e rằng Mộc Tử Liên sẽ lật thuyền đấy!” Tả Vịnh Thiên nhìn Tổ Gia nói.

Tổ Gia thở dài nói: “Tả chương môn mãi không chịu nói nhân vật lớn đứng sau là người nào, tại hạ không dám mạo muội hành sự.”

Tả Vịnh Thiên cuống quýt: “Chính là...” Lời nói đã bật ra đến mép mà hắn vẫn nuốt lại kịp, sau đó lại cười cười, nói: “Thôi, Tổ Gia cứ nằm yên chờ xem diễn biến của thời cuộc đi vậy,

chẳng lâu nữa đâu, nếu thấy không còn kẻ nào khả thi, hãy đến tìm tôi.” Nói dứt lời, hắn phẩy ống tay áo đi khỏi.

Tổ Gia nhìn theo bóng Tả Vĩnh Thiên, lòng càng thêm trĩu nặng. Sau khi Mai Huyền Tử khua chiêng gióng trống rùm beng để tạo thanh dựng thế, Tổ Gia lơ mờ nhận ra một dòng nước ngầm giống như một con mãng xà khổng lồ, thanh thế tựa tiếng núi thở biển gầm đang trườn quanh các thế lực khắp Giang Hoài.

Tổ Gia âm thầm nghĩ bước đối sách tiếp theo. Cuộc tuyển chọn quy mô lớn của các hội đạo môn trên toàn quốc mà Tả Vĩnh Thiên nói rốt cuộc là thế nào? Sau cách mạng Tân Hợi, trên danh nghĩa, Trung Quốc đã được thống nhất dưới sự lãnh đạo của Quốc dân Đảng, nhưng trên thực tế bọn quân phiệt vẫn cát cứ. Cuộc tuyển chọn lớn hòng thao túng tất cả các hội đạo môn trên cả nước không phải chỉ một hai thế lực có thể làm được. Vậy rốt cuộc là do tầng lớp chớp bu trong Quốc dân Đảng đứng ra tổ chức, hay do các cánh quân phiệt muốn liên thủ với nhau làm việc đại sự đây? Từ sau cách mạng Tân Hợi đến nay, bao biến động bất ngờ, đất nước Trung Quốc đang phải chịu khổ nạn, oằn mình trong cơn nguy biến dữ dội, lẽ nào lại sắp xảy ra đại loạn? Tổ Gia khổ sở nghĩ.

“Thưa Tổ Gia, có Nhị Gia, Trương Tự Triêm, Hoàng Pháp Dung xin gặp!” Tiếng quản gia thông báo. Tổ Gia gật đầu cho vào.

Nhị Bá đầu, Trương Tự Triêm, Hoàng Pháp Dung hớn hở đi vào. Tổ Gia không hiểu ba người này có chuyện gì mà lại vui như vậy.

Sau khi ngồi xuống, Nhị Bá đầu ngẩng đầu lên, cười toe nói: “Thưa Tổ Gia, đã phá được cục rồi!”

Tổ Gia sững người: “Phá được cục nào?”

“Cục đại tiên tỵ hội, chén mỳ của Mai Huyền Tử!”

Ánh mắt Tổ Gia chợt sáng lên. Nhị Bá đầu vẫy tay, Hoàng Pháp Dung và Trương Tự Triêm bước tới phía trước, lúc này Tổ Gia mới phát hiện trong tay họ đều đang cầm thứ gì đó, Trương Tự Triêm bung một bát mỳ, Hoàng Pháp Dung cầm một lọ thủy tinh.

Nhị Bá đầu nhìn Tổ Gia, rồi lại nhìn Hoàng Pháp Dung, Trương Tự Triêm, sau đó nói: “Hãy diễn cho Tổ Gia xem!”

Trương Tự Triêm đặt bát mỳ lên trên bàn uống trà, Hoàng Pháp Dung cầm lọ thủy tinh, đổ vào đó một thứ gì đó vàng quánh dính dính, Tổ Gia nhìn chăm chăm vào những sợi mỳ. Chuông đồng hồ kêu tích tắc tích tắc, căn phòng im phăng phắc, một lát sau, điều kỳ diệu đã hiện ra, những sợi mỳ trong bát bắt đầu tan ra, chừng thời gian chấy hết một nén nhang thì chỗ mỳ đó tan hết.

Tổ Gia kinh ngạc: “Trong lọ đựng thứ gì vậy?”

Hoàng Pháp Dung mỉm cười, chớp chớp đôi mắt to: “Mật ong!”

“Mật ong ư?”

“Thưa vâng!” Trương Tự Triêm nói rất phấn khích. “Con tra tìm trong sách sinh học của bọn Tây, nói rằng mật ong chứa men phân giải tinh bột, có thể thủy phân tinh bột. Khi làm phép trên phố, Mai Huyền Tử chắc chắn đã cho mật ong vào nồi từ trước. Mới đầu, những sợi mì chưa bị biến đổi hình dạng là mây, nên vẫn có thể gấp được vào bát, thời gian lâu ta ăn xong một bát mì cũng vừa hay hết một khắc, mì trong bát cũng kịp tan hết!”

Tổ Gia gật đầu mỉm cười, mặc dù không biết “men phân giải tinh bột” là thứ gì, nhưng vẫn nói với Trương Tự Triêm: “Người hãy kể tường tận ta nghe.”

Trương Tự Triêm nói: “Từ lúc xem Mai Huyền Tử biểu diễn trở về, con dùng đủ mọi thứ nguyên liệu để thí nghiệm, nước hồ tiêu, canh trần bì, nước biển, giấm... nhưng đều không hiệu quả. Sau đó, con tới thư viện Đại học Saint John thì tìm thấy thông tin này trong một cuốn sách hình ảnh có tên là Sinh hóa yếu lược. Cuốn sách có ghi, vào năm 1883, một nhà sinh – hóa học người Pháp đã tìm ra loại “men” này, có rất nhiều loại men, nhưng men phân giải tinh bột trong mật ong được đánh giá là ổn định nhất, dưới 40 độ có thể nhanh chóng phân giải tinh bột thành nước mà không làm xảy ra thêm bất kỳ phản ứng phụ nào...”

Tổ Gia chăm chú lắng nghe, không kìm nén nổi luôn miệng khen ngợi sự tiên tiến của khoa học kỹ thuật phương Tây. Phái Giang Tương đang phải hứng chịu sự khiêu chiến chưa từng có trong thời đại mới, có thể tiếp tục “toả sáng” hay không, chỉ trời mới biết.

Chợt, Tổ Gia hỏi: “Phá được khi nào?”

Trương Tự Triêm nói: “Kỳ thực ngay từ...”

Hoàng Pháp Dung liền chen ngang: “Thực ra, Tự Triêm đã tới thư viện tìm đọc từ lâu, đến sáng nay mới phát hiện ra bí mật trong đó.”

Tổ Gia đưa mắt nhìn Hoàng Pháp Dung, gật đầu nói: “Ừm, tốt!”

Nhị Bá đầu thấy thời cơ đã chín muồi, liền nói: “Tổ Gia, từ lúc Tự Triêm đi theo Tổ Gia tới nay, luôn một lòng trung thành, lập nhiều kỳ công, nay vị trí của Tứ Bá đầu còn khuyết, hay là đề bạt Tự Triêm lên làm Bảng nhãn, đây cũng là ý nguyện của các huynh đệ trong Đường khẩu.”

Nói xong, ba người cùng đưa mắt nhìn Tổ Gia.

Tổ Gia lim dim mắt, gật gật đầu, rồi lại mở mắt nhìn ba người, trong lòng thầm nghĩ, hắn ba

người bọn họ đã bàn bạc xong xuôi rồi mới tới đây. Tổ Gia hiểu rõ, chắc chắn tất cả mọi việc đều là chủ ý của Hoàng Pháp Dung, đầu tiên để chồng mình biểu diễn cách phá giải, rồi để Nhị Bá Đầu nhắc đến chuyện thăng cấp, như vậy vừa tránh bị ngờ là báo cáo vượt cấp, vừa tăng thêm trọng lượng lời nói.

Ngày hôm sau, Tổ Gia triệu tập Đường hội, hết lời biểu dương việc Trương Tự Triêm phá được cục, sau đó đề nghị thăng chức cho anh ta. Các Bá đầu trong Đường khẩu đều biết rõ, từ lâu Tổ Gia đã có ý cất nhắc vị quân sư kỹ thuật này, nên ai nấy thi nhau ca ngợi Tổ Gia sáng suốt.

Tam Bá đầu vừa được thả ra khỏi địa lao cũng to mồm: “Người anh em Tự Triêm được thăng cấp Bảng nhãn, cũng là ý nguyện của tất cả các huynh đệ. Các huynh đệ có thể trở hết tài năng bởi nhờ có Tổ Gia anh minh rèn giũa. Phái Giang Tương có Tổ Gia lèo lái, các huynh đệ cùng đồng tâm hiệp lực, tất sẽ đánh bại Mai Hoa Hội!”

Lời nói trơn tru mà không hề tăng bốc thái quá, tán dương mà không khiến người nghe chán ngấy, nghe xong Tổ Gia thấy rất vừa lòng.

Chừng giờ Ngọ, Trương Tự Triêm dập đầu ba cái, vái chín vái, thấp nhang thề nguyện, trở thành Tứ Bá đầu trong tiếng chúc tụng của mọi người. Sau đó, Đường khẩu giết gà mổ lợn mở tiệc, từ Bá đầu đến bọn chân tay ai nấy đều thỏa sức uống, bầu không khí vui vẻ, tung bừng hiếm thấy.

Tổ Gia một mình bước ra khỏi khung cảnh ồn ã ấy, đi đến sau nhà, đứng trước chậu hoa dành dành, dòng suy nghĩ như đợt thủy triều trào lên. Hoa tàn hoa nở mấy lần, người đến người đi lâu vắng không, ông lại nhớ đến Tề Xuân Phú và Tôn Nghiệp Hưng. Là người đứng đầu của Đường khẩu, nỗi bi ai lớn nhất vẫn chính là sự phản bội của các huynh đệ, giết nội gián, chặt đứt tay chân, lớp người mới thay lớp người cũ, bi ai thay!

Đang trầm ngâm suy nghĩ, Hoàng Pháp Dung cũng đi đến: “Tổ Gia, hôm nay là ngày vui, sao thầy vẫn buồn rầu như vậy?” Giọng nói có vẻ đã ngà ngà say.

Tổ Gia liếc mắt nhìn bà ta, nói: “Giờ khắc này chắc ngươi đã đợi lâu rồi?”

“Chuyện gì cũng không thể qua được mắt Tổ Gia...” Hoàng Pháp Dung liếc mắt nhìn ông, mỉm cười.

Tổ Gia cười lạnh nhạt nói: “Chắc chắn Tự Triêm đã tìm được cách phá giải từ lâu, chỉ có điều giữ kín không chịu nói ra, đợi ta trừ bỏ Tề Xuân Phú, các người mới nói rõ, làm như vậy thì vị trí Tứ Bá đầu nghiễm nhiên thuộc về Tự Triêm.”

Hai tay Hoàng Pháp Dung ấn huyệt thái dương, chệnh choạng mấy bước, miệng lầm bầm nói: “Tuỳ cơ ứng biến, trông thời thế mà hành động, đây là nguyên tắc mà Tổ Gia vẫn hằng dạy

bảo bọn chúng con, Pháp Dung chẳng qua... chẳng qua là biết vận dụng đến nơi đến chốn mà thôi, huống hồ khi đó còn chưa biết kẻ nào là nội gián, việc phá cục càng không tiện nói ra. Pháp Dung... Pháp Dung từ khi được gả về Mộc Tử Liên tới nay, luôn cẩn trọng tận tụy, mỗi lần gặp cục lớn, sớm lo tối nghĩ, hết lòng hết sức. Tổ Gia cũng biết, Pháp Dung là một A Bảo, nhưng... cũng chỉ là một đứa con gái yếu đuối, phu quân Tự Triêm, tính khí chẳng giống ai, vui giận thất thường, khi Pháp Dung phải chịu áp lực, Tổ Gia nào có biết đâu? Pháp Dung số khổ, xa quê biệt xứ, nhớ Yến nương ở phương Nam, nhớ mẹ cha nơi phương Bắc, mỗi mắt trông không một bóng người thân, một mình lẻ loi không nơi nương tựa...” Nói xong, nước mắt tuôn rơi lã chã.

KHÁCH KHÔNG MỜI MÀ ĐẾN

(Vừa ám chỉ Giang Phi Yến đột ngột đến thăm, vừa ám chỉ bức thư không hề được mong chờ của Mai Huyền Tử)

Những lời này khiến Tổ Gia chết lặng, chẳng ai sinh ra đã cam tâm tình nguyện làm A Bảo. Con đường này sâu khổ muôn phần, cho dù là nam nhi hay nữ nhi, sau ánh hào quang luôn là cảm giác tổn thương, cõi lòng hoang mang vô tận. Tổ Gia nhớ đến cha mẹ, em trai và em gái mình, mệnh trời tàn khốc, nhà tan cửa nát, còn mình phải gắng sức tự bảo vệ tính mạng giữa chốn giang hồ hiểm ác. Hôm nay còn thỏa sức uống say, ngày mai chưa biết chừng đã mất mạng, chuyện sống chết như ngọn nến chập chờn trước gió, kẻ vô dụng này đến khi nào mới có thể an hưởng quãng đời còn lại!?

Lúc này, một tên tay chân chạy vào, Hoàng Pháp Dung vội vàng quay đầu lau khô nước mắt.

“Tổ Gia, Đại sư bá Nam phái tới thăm!”

Tổ Gia vội quay người lại, Giang Phi Yến đến ư? “Mau mau mời vào!”

Hoàng Pháp Dung vừa nghe thấy Giang Phi Yến đến, mừng rỡ chạy ủa ra.

Lúc này, Giang Phi Yến đã đi vào tới trong sân.

“Mẹ nuôi!” Hoàng Pháp Dung sà vào lòng Giang Phi Yến, nước mắt chan hòa.

Giang Phi Yến không biết đã xảy ra chuyện gì, còn tưởng Hoàng Pháp Dung lâu ngày không được về thăm nhà, mong nhớ người thân, liền ôm con gái nuôi vào lòng, nói: “Con gái nín nào, lần này mẹ nuôi đến không phải là để thăm con...” Tuy ngoài miệng nói vậy, nhưng mắt bà cũng đỏ hoe.

Các Bá đầu trong Đường khẫu thi nhau đến chào hỏi, Trương Tự Triêm bị rượu đánh gục cũng vội vàng đến hành lễ: “Không biết mẹ nuôi tới, con đã không đón tiếp từ xa.”

Tổ Gia cũng không hiểu tại sao Giang Phi Yến lại đường đột đến thăm. Sau khi hàn huyên một

hồi, Tổ Gia mời Giang Phi Yến vào phòng khách, cùng uống trà trò chuyện.

Giang Phi Yến nói: “Phi Yến không mời mà đến, mong Tổ Gia không trách.”

Tổ Gia thi lễ cười đáp lại: “Yến tử tới thăm, là khách quý đến nhà, thật vinh hạnh.”

Giang Phi Yến nói: “Gần đây, Giang Hoài nổi cơn sóng gió, năm tỉnh phía Nam đều hay tin. Gián điệp mà tôi cài trong Thái Cực Bang ở Phúc Kiến cũng báo tin rằng, Mai Huyền Tử của Mai Hoa Hội gần đây còn xuất hiện ở Phúc Kiến, qua lại thân thiết với sư thái Nhượng Lan của Thái Cực Bang, Thái Cực Bang cũng có vẻ muốn xa lánh chúng tôi.”

Thái Cực Bang mà Giang Phi Yến nhắc đến là hội đạo môn lớn nhất ở Phúc Kiến, do một đạo cô có tên Lý Mỹ Hạc – đạo hiệu Nhượng Lan – đứng đầu, người ta vẫn thường gọi bà là Nhượng Lan sư thái. Nhiều năm nay, vì địa lý gần kề, nên Thái Cực Bang và Việt Hải Đường vẫn qua lại thân thiết với nhau. Năm 1929, Giang Phi Yến đến chúc thọ, đồng thời bàn chuyện với sư thái Nhượng Lan, chính khi rời khỏi đây, bà gặp Hoàng Pháp Dung đang nằm thoi thóp bên đường.

Giang Phi Yến nhấp một ngụm trà, nói tiếp: “Bên tổ chức Mật tra của Quốc dân Đảng cũng để mắt tới việc này. Việc Mai Huyền Tử đốt đèn quỷ bên bờ sông làm náo động Giang Hoài, khiến bọn cầm đầu các hội đạo môn ở Thiên Tân, Bắc Bình, Giao Đông nườm nượp tới chúc mừng, ngay cả bọn trùm sò Trung Nguyên Ngũ Hồ và Trịnh Bán Tiên ở Giao Đông, vốn luôn cuộn mình trong chuồng cũng phải hạ mình đến bái kiến Mai Huyền Tử, chuyện hiếm thấy xưa nay.”

Lúc này, Tổ Gia mới nhận thấy rằng, hình như Chương môn của Nam phái còn nắm rõ tình hình ở Giang Hoài hơn cả mình. Các nữ A Bảo Nam phái Việt Hải Đường xưa nay thực đáng nể.

Một trong năm vị sư tổ Hồng Môn năm xưa là Phương Chiêu Dư đã sáng lập ra phái Giang Tướng, bên dưới thiết lập bốn môn phái lớn: Càn, Khôn, Khảm, Ly. Ly Môn chính là Việt Hải Đường sau này. Chương môn đầu tiên của Ly Môn tên Đường Vịnh Hà – một bậc tài nữ có tiếng vào thời vua Khang Hy. Cha bà Đường Quốc Dung – một ông chủ buôn bán tơ lụa giàu có ở Giang Nam. Một lần, bởi trên tám tơ lụa tiến cống vào cung đình có thêu câu Hoàng ân hạo đẳng tôn thiên cổ. Hoa Hạ di địch tứ hải bình mà bị khép vào án văn tự ngục, Khang Hy cho rằng hai chữ di địch ngầm ám chỉ dân tộc Mãn, liền hạ lệnh xử tội chết Đường Quốc Dung, bắt chu di cửu tộc.

Vào ngày hành hình, trời nổi trận cuồng phong, cát bay đá bay mịt mù, một người trong đám lục lâm năm xưa từng được Đường Quốc Dung ra tay cứu giúp đã dẫn người đi cướp pháp trường, cứu được Đường Vịnh Hà, người này chính là Phương Chiêu Dư. Đường Vịnh Hà sau khi gia nhập Thiên Địa Hội vẫn nung nấu ý định trả thù. Về sau, dưới sự bố trí thống nhất của Thiên Địa Hội, Đường Vịnh Hà đã trợ giúp hiệp nữ Lã Tứ Nương lấy đầu vua Ung Chính –

con của Khang Hy bằng loại binh khí có tên là huyết trích tử.

Lã Tứ Nương có thể lên vào cung cấm giết chết Ung Chính một phần nhờ công lao của Đường Vịnh Hà, chính bà ta đã bố trí kẻ chỉ điểm trong hoàng cung. Qua việc này, Đường Vịnh Hà hiểu rõ một điều, muốn làm được việc lớn, cần phải có người trong triều đình. Dùng mỹ nhân kế để thâm nhập vào nội bộ tầng lớp quan lại cấp cao trong chính phủ đã trở thành tô huân trong Đường khâu của bà.

Ba trăm năm nay, Việt Hải Đường đời nào cũng có mỹ nhân, thế hệ nào cũng gài tai mắt trong nội bộ chính phủ. Nhờ vậy, Việt Hải Đường trở thành một trong bốn môn phái của Tứ đại Đường khâu có nền tảng vững chắc nhất trong chính phủ. Đến thời Dân quốc, Tây phái Long Tu Nha lại nhảy ra một tên Lưu Tông Văn, luôn dốc sức để chui được vào hàng ngũ quân đội chính phủ, mới phá vỡ được tình thế này. Nhưng cảnh tượng tốt đẹp chẳng được bao lâu, Lưu Tông Văn nhanh chóng bị đồ đệ của ông ta là Tần Bách Xuyên hạ bệ.

Giang Phi Yến sở dĩ nắm rõ tình hình Giang Hoài trong lòng bàn tay, là bởi được kế thừa mối qua lại với những người trong tổ chức Mật tra của Quốc dân Đảng.

Kỳ thực, thời đó, bọn quân phiệt cát cứ, các cường quốc hùng mạnh nhảy vào xâu xé Trung Quốc, chính phủ Quốc dân Đảng về căn bản chẳng rảnh rỗi mà ngó ngàng đến việc của các hội đạo môn. Có điều, các hội đạo môn đi lại rất gần gũi với phùng Hắc đạo, những băng đảng Xã hội đen này lại gắn bó mật thiết với mạng lưới gián điệp của Quốc dân Đảng; hơn nữa, các hội đạo môn bắt rễ ở Trung Quốc đã lâu, bọn Quốc dân Đảng, trên từ ông tổng, dưới đến bọn đặc vụ quèn đều cực kỳ mê tín, bởi vậy vào thời này, hội đạo môn ở các ngả mới đều đạt được “thành tựu rực rỡ” như vậy.

Sau khi nghe Giang Phi Yến phân tích tình hình, Tổ Gia nói: “Xem ra Tả Vịnh Thiên nói có lý, lịch sử các hội đạo môn ở Trung Quốc cần phải viết khác rồi!”

Giang Phi Yến sững người: “Viết khác đi?”

Tổ Gia gật đầu: “Mới đây Tả Vịnh Thiên tới thăm, hắn nói một loạt những sự kiện diễn ra gần đây ở Giang Hoài đều có nhân vật lớn đứng sau lưng ủng hộ. Bây giờ xem ra, không chỉ ở Giang Hoài, mà cả nước Trung Quốc sắp có biến lớn rồi.”

Hai người đang nói chuyện thì quản gia đi vào, đưa cho ông một bức thư.

Tổ Gia mở ra đọc, ông giật mình, đó chính là mật thư của Mai Huyền Tử, trong thư đại thể nói: “Oan gia nên giải không nên kết, mong Tổ Gia không để bụng những chuyện hiềm khích trước đây, để xây dựng lại mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nhà. Mai Huyền Tử muốn mở tiệc xin lỗi ở khách sạn Tây Nhã khu Lô Loan, mong Tổ Gia đến dự.”

Mai Huyền Tử dàn cục quan tài tóc đen khiến ông mất ăn mất ngủ, còn cặn tàu ráo máng tiếp

tục dàn cục lớn đốt đèn quỳnh bên sông hồng diệt trừ Tổ Gia, khiến ông phải nghiêng rằng nghiêng lợi vì căm hận, giờ lại đột nhiên muốn giữ mối giao hảo, Tổ Gia thừa biết lão có ý đồ khác.

Nhiều năm nay, giữa Mộc Tử Liên và Mai Hoa Hội nước giếng không phạm tới nước sông. Mai Hoa Hội lần bánh khá muộn, phải đến thời kỳ đại chiến Trục Phụng lần thứ hai mới được thành lập, không có nền tảng cả mấy trăm năm như phái Giang Tương, nên luôn tỏ ra kính cẩn nghiêng mình trước Mộc Tử Liên, vậy mà gần đây lại có động thái khác thường, liên tục phá rối. Trong mắt Tổ Gia, Mai Huyền Tử chỉ là một kẻ sinh sau đẻ muộn, khi nhờ Tổ Gia xem tướng trên Diêm Tích Sơn, lão ta vừa mới xuất gia chưa được mấy năm.

CON BẠC BIẾN CHẤT

Mai Huyền Tử vốn là đạo sĩ của một đạo quán nhỏ dưới chân núi Hoàng Sơn tỉnh An Huy, sư phụ của y là lão tiên sinh am hiểu Đạo giáo Mai Phủ Tổ. Khi còn trẻ, Mai Phủ Tổ dạy học ở Thiên Tân, vì từ lâu đã ngưỡng mộ tài hoa của thầy Lý Thúc Đồng – một bậc thầy quốc học, thường xuyên qua lại thăm hỏi, được Lý Thúc Đồng làm phép cho nhiều lần. Sau khi Lý Thúc Đồng xuất gia, Mai Phủ Tổ cũng xuất gia theo, họ tu hành ở Mai Hoa Quán dưới chân núi Hoàng Sơn.

Mai Huyền Tử vốn không phải họ Mai, tên thật của y là Hứa Lạc Thạch, người Lan Châu. Cha y vốn là thương nhân buôn ngựa bán la, đám lái buôn ở Trung Nguyên làm ăn buôn bán với Tây Vực, Lâu Lan đều phải mua, thuê lừa ngựa của cha y để chở đồ đạc.

Mai Huyền Tử từ nhỏ tính tình ương ngạnh, khó bảo, 15 tuổi đã học được trò đánh bạc của bọn lưu manh trên phố, từng dắt trộm của cha một con la đem đi bán lấy tiền đánh bạc, khiến ông bố tức đến nổi muốn đập chết y, may có bà mẹ vật nài van xin nên chỉ bị ăn một trận gậy nhừ tử.

Năm 1920, huyện Hải Nguyên ở Ninh Hạ xảy ra một trận động đất lớn rất hiếm gặp trong lịch sử, một phần tư đất nước Trung Quốc rung chuyển. Nhà ở quê của Hứa Lạc Thạch cũng bị đổ sập xuống, cha mẹ anh em chết sạch. Còn hấn, vì cứ tối đến lại đi bài bạc với đám bạn cờ bạc ở một cái lán dựng bằng tre trúc, trên phủ tấm bạt, khi xảy ra động đất, không có vật nặng nào rơi xuống nên hấn mới may mắn thoát nạn.

Sau trận động đất, Hứa Lạc Thạch không những không biết hối cải, ngược lại còn dắt hết lũ ngựa, la trong chuồng đi bán, ngay cả những di vật trong căn nhà bị đổ nát kia cũng bị bán ráo, dốc hết vào bài bạc, càng chơi càng đánh lớn. Về sau hấn bị thua sạch, lại nợ tiền người ta, nên bị dọa chặt mất một cánh tay, lúc này hấn mới hoảng hốt chạy khỏi Lan Châu, làm một gã ăn mày, cuối cùng đến được An Huy.

Nơi đất khách quê người, Hứa Lạc Thạch lê la đói khát mấy ngày trên phố, cuối cùng cũng đến được Mai Hoa Quán của tiên sinh Mai Phủ Tổ trong bộ dạng thất thểu, lử đừ vì đói. Vừa vào tới cửa, hấn liền quỳ sụp xin ăn. Mai Phủ Tổ là người có tấm lòng Bò Tát, liền kêu người

mang đến cho hắn một bát mỳ chay.

Đã mấy ngày không có gì vào bụng, nhìn thấy đồ ăn, hắn liền vồ lấy, bung lên ăn ngấu nghiến.

Mai Phủ Tổ nói: “Không phải vội, không phải vội, ăn hết ta lại lấy cho.”

Nghe thấy Mai Phủ Tổ nói vậy, Hứa Lạc Thạch miệng đang nhét đầy mỳ liền ngưng lại một chút, sống mũi cay cay. Không biết có phải chốn đạo môn thanh tịnh khiến lương tâm hắn “sống dậy”, hay bởi đói khát nhiều ngày, nếm trải mùi vị khốn khổ khiến tinh thần suy sụp mà nước mắt hắn cứ chảy ra không sao ngăn lại được, cuối cùng hắn quỳ sụp xuống cầu xin: “Sư phụ, sư phụ, xin hãy nhận con làm đệ tử! Con mệt mỏi lắm rồi, không muốn bước ra khỏi đây một bước nào nữa!”

Mai Phủ Tổ nghe thấy vậy, chậm rãi nói: “Đã nếm trải khổ ải, chẳng bao lâu sẽ giác ngộ, nếu thí chủ đã thật sự nhìn thấu hồng trần, cha mẹ lại không cản ngăn thì có thể ở lại đạo quán nhỏ này, ngày ngày tụng kinh tham thiền, cầu phúc cho muôn dân cho đến lúc cuối đời.”

Lúc này, Hứa Lạc Thạch mới nghĩ đến việc cha mẹ mình chẳng còn, hai con người thương yêu mình nhất trên cõi đời này đã mãi mãi đi xa. Hắn nhận thấy mấy năm nay, tâm hồn mình như đã bị loài quỷ dữ bắt mất, trong đầu chỉ có cờ bạc, cha mẹ chết mà hắn còn chẳng mấy may đau buồn. Nghĩ đến đây, Hứa Lạc Thạch mới bật khóc.

Mai Phủ Tổ biết người thanh niên này có nỗi khổ không thể nói hết được, nhưng may mà vẫn chưa mất hết tâm lành, ông liền thu nhận làm đệ tử, ban cho đạo hiệu là Huyền Tử, đổi thành họ Mai. Từ đó, Hứa Lạc Thạch trở thành Mai Huyền Tử, mọi chuyện của ngày trước khép lại, nửa đời còn lại làm bạn với ngọn đèn dầu và pháp khí.

Đức Phật đã dạy: “Điều phục cương cường chúng sinh”. Hai chữ “cương cường” chỉ kẻ ngu tối gàn bướng, thói xấu khó cải, đến một lúc nào đó cũng có thể tỉnh ngộ, nhưng cái tâm ngộ tỉnh ấy chỉ chớp mắt lại lui tắt.

Khi mới bắt đầu tu, quả thực Mai Huyền Tử có cảm giác y đã thực sự giác ngộ, ngày ngày khẩn cầu sám hối, có lúc nước mắt rơi cả xuống hương án. Nhưng chỉ được vài tháng, con quỷ trong hắn lại bắt đầu trỗi dậy. Một hôm, nhân lúc mấy sư huynh không để ý, hắn liền lấy trộm tiền giọt dầu trên hương án đi đánh bạc.

Kết quả thế nào chẳng cần đoán cũng biết, mười lần đánh thì chín lần thua, chưa đầy hai tiếng đồng hồ đã hết sạch tiền.

Sau khi thua bạc, lòng ngổn ngang, hắn dật dờ quay về đạo quán. Về đến cổng, hắn lại lưỡng lự, còn mặt mũi nào mà gặp sư phụ đây? Nghĩ thế, hắn liền quay người định bỏ đi, nhưng lại chẳng có nơi nào để đi, nghĩ tới nghĩ lui, hắn bất chấp mọi chuyện, bước thẳng vào đạo quán.

Mai Phủ Tổ vẫn ngồi thiền ở hậu đường, chẳng hề hay biết chuyện này.

Khi thụ trai, một đệ tử pháp hiệu Huyền Không từ ngoài tiền đường chạy vào báo: “Thưa sư phụ, tiền trên hương án bị thiếu...”

Mai Phủ Tổ sững người, hỏi: “Liệu lúc chiều có người ngoài tới đạo quán?”

Huyền Không đáp: “Chỉ có vài vị khách đến thắp hương cầu khẩn. Nhưng... nhưng...”

Mai Phủ Tổ nhướng cặp mắt hiền từ hỏi: “Con nhưng cái gì?”

“Nhưng... nhưng, sư đệ Huyền Tử chiều nay đã đi ra ngoài...”

Mai Phủ Tổ đưa mắt nhìn Mai Huyền Tử, hỏi: “Huyền Tử, con ra ngoài làm gì?”

Mai Huyền Tử lắp bắp: “Con ra ngoài... mua dầu mè, con thấy dầu mè để đốt đã gần hết, mới đi...”

“Đệ nói dối!” Huyền Không nói. “Dầu mè đâu? Chính đệ đã lấy trộm tiền...”

“Hỗn láo!” Mai Phủ Tổ quát. “Mai Huyền Tử là sư đệ con, sao nó có thể lấy trộm tiền chứ!”

Tim Mai Huyền Tử đập cứ thình thịch.

Mai Phủ Tổ lại nói: “Huyền Tử, sau này xuống núi làm gì, trước tiên phải báo cho sư huynh, con nhớ chưa?” Câu cuối cùng, lão tiên sinh lên giọng.

Mồ hôi vã ra đầy mặt, Mai Huyền Tử đáp: “Đệ tử nhớ rồi.”

Đêm đó, Mai Phủ Tổ gọi Mai Huyền Tử đến thiền phòng, chỉ bảo riêng hẩn: “Người xuất gia, làm hòa thượng hay đạo sĩ, đã bái lạy Tam Thanh, cung kính trước Tam Bảo, dứt bỏ mọi chuyện chốn bụi trần, là việc đại thiện. Việc trong thế gian có đẹp có hay, cũng chỉ là hoa trong gương, là trăng dưới nước, con có hiểu được đạo lý này không?”

Mai Huyền Tử khe khẽ gật đầu.

Mai Phủ Tổ nhìn hẩn ta, nói tiếp: “Ta kể cho con nghe một câu chuyện. Có một người tinh thông âm luật, chính là người soạn lên khúc nhạc đầu tiên ở nước ta, bài thơ Tống biệt do ông viết lời sau khi được phổ nhạc, trở thành bài hát vang ca khắp nơi; ông ta còn rất giỏi thư pháp, đến nỗi người như Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược mà có được một tác phẩm thư pháp của ông ta đã được xem là niềm vinh dự.; ông vẽ tranh rất khéo, các bậc thầy nổi tiếng như Phong Tử Khải đều là học trò của ông; ông ta rất rành về kim thạch, đao pháp tự nhiên, toàn vẹn; ông đã đẩy mạnh loại hình kịch nói, năm Quang Tự 33 lên sân khấu diễn vở kịch Trà Hoa Nữ. Những việc này, người nghèo khổ bình thường cả đời cũng không thể đạt đến cảnh giới, nhưng

ông ấy lại đạt được hết, dường như ông là một con người hoàn hảo. Con có biết người này là ai không?”

Mai Huyền Tử khẽ trả lời: “Lý Thúc Đồng.”

Mai Phủ Tổ nói: “Đúng. Người đời biết nhiều đến một Lý Thúc Đồng với ánh hào quang bao quanh, nhưng không hề biết đến pháp sư Hoàng Nhất nơi Phật môn thiền viện, ông đã vứt bỏ mọi thứ ông ham thích và niềm vinh quang, một lòng hướng Phật, tại sao vậy?”

Mai Huyền Tử cúi đầu không nói gì.

Mai Phủ Tổ nói: “Người đời đều nói, những người xuất gia đều vì cùng đường, không thể bon chen được với thế tục nên mới xuất gia; cũng có người nói, người xuất gia ngốc nghếch, không biết đến niềm vui chốn nhân gian. Hành động của Lý Thúc đã giải thích cho đạo lý của người xuất gia. Có phải ông ta cùng đường không? Đâu phải vậy, ông ấy tri thức uyên bác, nội tâm đạt dào. Ông không thể bon chen với đời ư? Càng không phải vậy, ông nổi danh khắp cửu châu, được người ta yêu mến vô cùng. Ông ấy ngốc nghếch ư? Những người có trí tuệ hơn ông trong chốn nhân gian e rằng còn chưa sinh ra đời. Ông không hiểu được niềm vui chốn nhân gian? Càng không phải, rất nhiều phương diện không ai có thể theo kịp trình độ của ông, ông ấy không những hiểu mà còn hiểu sâu sắc niềm lạc thú trong đời. Ông xuất gia bởi ông thấu rõ, tất cả những thứ ấy đều là mộng ảo, là bong bóng. Bỏ – được, bỏ – được, có bỏ mới có được, Hoàng Nhất pháp sư có bao nhiêu điều ham thích như vậy mà đều có thể từ bỏ được, bản thân con hãy ngầm nghĩ xem.”

Mai Huyền Tử nghe xong, chợt tỉnh ngộ, hấn ta trầm hạ quyết tâm: “Nếu còn đánh bạc, con sẽ đi chết!”

Nhưng, cảnh tượng tốt đẹp lại chẳng được bao lâu. Hai tháng sau, hấn đã không thể nhịn được cơn thèm khát, lại lấy cắp tiền đi đến ổ bạc. Sau khi thua sạch, hấn quay về trước cổng đạo quán, dập đầu mạnh xuống đất lạy ba lạy, sau đó quay người đi về ngọn núi phía sau đạo quán, đâm đầu vào tảng đá lớn, máu chảy ròng ròng rồi ngất lịm.

Khi tỉnh lại, hấn thấy mình đang nằm trong thiền phòng của sư phụ.

Kỳ thực, lúc chiều khi hấn chạy đi, một đạo đồng đứng trông cổng đạo quán đã vào bẩm báo với sư phụ, Mai Phủ Tổ liền bảo Đại đệ tử Huyền Không đi theo trông chừng hấn.

Huyền Không đi theo hấn đến tận sỏi bạc, trong lòng thầm nghĩ thằng tiểu tử này đúng là tật xấu khó bỏ, nhưng sư phụ đã dặn rồi, cứ trông chừng nó là được, nên tìm một quán trà cách đó không xa ngồi đợi. Chẳng bao lâu đã thấy tên tiểu tử này đi ra, Huyền Không liền đi theo hấn, thấy hấn vái lạy ba vái trước sơn môn, thầm nghĩ thằng đốn mạt này xem như vẫn còn chút ít tâm lành, rồi sau thấy hấn cầm đầu chạy về ngọn núi, Huyền Không không hiểu chuyện gì, nghĩ rằng hấn muốn bỏ đi, kết quả là lại thấy hấn dừng lại trước một tảng đá lớn. Huyền Không

cười thâm: Còn phải úp mặt vào tường mà ăn năn à. Thấy trời đã tối, đang định gọi hấn về, nào ngờ hấn lại đâm đầu vào tảng đá lớn!

“Chết còn không sợ, chừa đánh bạc lại khó đến vậy sao?” Mai Phủ Tổ nhìn hấn hỏi.

“Su phụ...” Mai Huyền Tử cay sọng mũi, nước mắt ứa ra.

MAI HOA HỘI ĐẾN THĂM

Chớp mắt đã đến ngày đi dự yến tiệc. Đây chính là bữa tiệc tại khách sạn Tây Nhã mà Mai Huyền Tử khoản đãi Tổ Gia.

Giang Phi Yến lo sợ nói: “Hong Môn yến, Tổ Gia hãy thận trọng.”

Tổ Gia cũng đang cân nhắc, khách sạn Tây Nhã nằm ở khu Lô Loan, thuộc tô giới Pháp, tại sao Mai Huyền Tử lại chọn nơi này? Gần đây, lão ta năm lần bảy lượt giở trò sau lưng mình, lần này đột nhiên lại bày tiệc xin lỗi, nên đi hay không đây?

Trong thư Mai Huyền Tử cũng đã nói rõ, để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Tổ Gia, hấn sẽ để đứa con trai năm tuổi của mình ở lại trong Đường khẩu của Tổ Gia, bản thân hấn chỉ mang theo hai tên tùy tùng; sau khi tàn tiệc, đợi Tổ Gia về đến Đường khẩu an toàn, lại nhờ Tổ Gia phái người đưa con hấn về.

Mai Huyền Tử có một vợ và hai thiếp, bà vợ năm xưa cùng hấn sáng lập Mai Hoa Hội bây giờ vẫn là phần tử cốt cán, còn hai người thiếp đều là đệ tử đầu tiên của hấn. Đứa con năm tuổi do bà vợ chính thất sinh ra. Hồ dữ còn không ăn thịt con, dùng tính mạng của con mình để làm tin, xem ra lần này Mai Huyền Tử có thành ý thật.

Tổ Gia quyết định đến dự tiệc.

Tổ Gia biết, Mai Huyền Tử đã được lão tiên sinh Mai Phủ Tổ giáo hóa từ lâu, từ một con bạc biến thành một con người phong lưu, nhã nhặn. Hấn đã tỏ ra lịch sự thì mình cũng dùng thái độ như vậy mà đáp lại, cho nên đi dự tiệc lần này, Tổ Gia không mang theo Đại Bá đầu mặt mũi đàng đàng sát khí, càng không mang theo một kẻ ăn nói bồ bã như Nhị Bá đầu, mà chỉ cho Tam Bá đầu phong thái nho nhã và Ngũ Bá đầu thật thà, ngay thẳng đi cùng.

Giờ Ty hôm sau, mũ mào chỉnh tề, Tổ Gia cùng Tiết Gia Nhân và Lương Văn Khâu thẳng tiến về khách sạn Tây Nhã.

Khi Tổ Gia vừa đến nơi, Mai Huyền Tử tỏ ra rất kính cẩn, ông ta ngồi đợi ở phòng trà trên lầu hai từ lâu.

Tổ Gia ngồi xuống, Mai Huyền Tử gọi người mang đồ ăn đến.

Mai Huyền Tử rót cho Tổ Gia một chén đầy, nói: “Tổ Gia đến được, tôi rất mừng lòng.”

Tổ Gia mỉm cười, nói: “Thần tiên đã mời, tiểu quỷ không dám không đến.”

Mai Huyền Tử cười ha hả, nói: “Khung cảnh ở khu tô giới Pháp tao nhã đẹp đẽ, bầu không khí chính trị cũng thư thả nhẹ nhàng, bọn Trung Cộng tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ nhất ở đây cũng chính bởi điều đó. Tôi vì vậy mới bày tiệc nơi này.”

Tổ Gia tắt nụ cười, nói luôn: “Phái Giang Tương xưa nay chưa từng kết oán với người trong giới, từ khi Mai Hoa Hội được thành lập cho tới nay, chúng tôi chưa từng có hành động vượt quá lễ nghĩa, không biết rốt cuộc là có chỗ nào không phải, để Mai sư phụ đàn cục sau lưng, vô cớ gây khó dễ?”

Mai Huyền Tử cười nói: “Tổ Gia việc gì cũng làm đầu ra đẩy, chỉ là không có lòng ái quốc.”

Tổ Gia sững người, nói ngay: “Ái quốc? Hai chữ ‘ái quốc’ được nói ra từ miệng của hàng chí sĩ yêu nước trong đảng phái cách mạng thể hiện tâm huyết và đại nghĩa dân tộc, còn phát ra từ miệng của Mai sư phụ, lẽ nào không phải chuyện nực cười?”

Mai Huyền Tử lắc lắc đầu: “Từ xưa tới nay, phái Giang Tương luôn tự xưng là cướp của nhà giàu cứu tế người nghèo, nói đi nói lại, dù thế nào cũng vẫn được tiếng làm khổ người mình. Lừa người tốt hay lừa kẻ xấu thì cũng đều là người Trung Quốc. Tổ tông các ông vào buổi đầu sáng lập phái Giang Tương với mục đích phản Thanh phục Minh, giang sơn của người Hán bị người Mãn chiếm mất, người Hán không phục, mới đề ra khẩu hiệu ‘phản Thanh phục Minh’. Máy trăm năm nay, người Mãn người Hán thường xuyên qua lại chung sống hòa thuận với nhau, Trung Hoa được thống nhất, từ lâu đã chẳng còn khoảng cách dân tộc nữa, nếu nói đến dân tộc, cả nước Trung Quốc bây giờ chỉ có một dân tộc Trung Hoa. Nay phái Giang Tương vẫn khoác lên mình tấm áo thay trời hành đạo mà khoác lác lừa đảo, không biết là đang thay ông trời nào, hành thứ đạo gì? Đại nghĩa nằm ở đâu? Mục đích nhằm chỗ nào?”

Tổ Gia không ngờ Mai Huyền Tử lại có thể nói ra những lời này, nhất thời không biết phải đối đáp thế nào. Một lúc sau, Tổ Gia vắn lại: “Đã biết là lừa người mình, vậy tại sao Mai sư phụ còn lập ra Mai Hoa Hội? Phái Giang Tương của tôi ít nhất cũng hiểu thấu đạo lý ‘cướp của nhà giàu chia cho người nghèo’, còn tiền mà các người lừa được đều rút căng túi làm của riêng đấy thôi!”

Mai Huyền Tử cười lớn: “Sao Tổ Gia biết tôi chỉ biết rút túi làm của riêng? Mai Hoa Hội lập ra từ 12 năm nay, mỗi khoản đều ghi lại rõ ràng, ngoài khoản chi tiêu bình thường dùng để duy trì Đường khẩu ra, mọi nguồn thu đều cho vào sổ sách, đợi thời cơ chín muồi, khoản tiền này sẽ có chỗ dùng đến.”

Tổ Gia cũng cười: “Mai sư phụ nói chơi, tôi đây cũng nghe chơi vậy.”

Mai Huyền Tử nhìn Tổ Gia, nói: "Tôi hỏi ông, nay như hội đạo môn của tôi và của ông, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là gì?"

Tổ Gia nói: "Tôi xin dõng tai lắng nghe."

Mai Huyền Tử vượt vượt chòm râu, thở dài, nói một tràng: "Xa chẳng nói làm gì, cứ nói ngay bên Thượng Hải này vậy. Trên khắp phố lớn ngõ nhỏ, đầy rẫy những thứ của bọn Tây. Tổ Gia nhìn thấy không, hai bên đường có bao nhiêu giáo đường của chúng? Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo đâu đâu cũng có. Quốc giáo của mình ở đâu? Từ cuộc 'chiến tranh Nha phiến' tới nay, dưới sự thâm nhập của tôn giáo phương Tây, Quốc giáo tàn lụi dần. Đến nay, tín đồ của chúng đã rải khắp cả nước, con số lên đến mấy chục vạn người. Bọn cha xứ, cha đạo thi nhau mua ruộng mua đất, tệ hơn, chúng còn mê hoặc dân chúng quyên tặng tiền của, tài sản cho chúng. Đã nhiều năm nay, bao nhiêu chùa chiền, đạo quán đều bị đem tặng làm giáo đường của Tây, số lượng bao nhiêu có đếm được không? Ngay cả miếu thờ Quan Đế cũng phải đem biếu cho chúng. Trong ba tôn giáo Nho, Phật, Đạo, chỉ có hai nhà Nho giáo và Đạo giáo là do các bậc thánh nhân Hoa Hạ của ta sáng lập ra, còn đạo Phật được truyền vào nước ta từ thời nhà Hán, trải qua mấy nghìn năm phát triển mạnh mẽ, cũng có thể coi là một tôn giáo của mình. Nay, các tôn giáo của bọn Tây tràn vào, Quốc giáo đang đứng trước nguy cơ bị bóp chết chưa từng có trước đây! Đất bị cắt, còn có thể lấy lại được; người chết rồi, vẫn còn cháu con nối dõi; tín ngưỡng mà bị người ta xúc đồ đi, chúng ta còn là người Trung Quốc không? Quốc nạn sắp ập xuống đầu, hội đạo môn các nơi trên khắp cả nước vẫn còn say sưa với trò vui của riêng mình, ai cũng chỉ biết quét đồng tuyết trước cổng nhà mình, hỏi có ngu muội không chứ? Từ đầu năm nay, Mai Hoa Hội của tôi tạo thanh tạo thế lớn như vậy là để lôi kéo nhân dân Giang Hoài tấp nập gia nhập, chúng tôi muốn tuyên truyền, giảng giải để người dân hiểu rõ hiểu sâu về tôn giáo của dân tộc Hoa Hạ chúng ta, đồng thời thấy được giáo lý của ta không thua kém gì bọn Tây. Bọn cha đạo có thể nói chuyện được với thượng đế, tại sao tôi lại không thể chuyện trò được với thần tiên? Nhân dân tin tôi, tâm hồn được giải thoát, họ biết tu thân mà phát thiện căn, kế thừa bậc thánh mở ra tương lai, tôi sai chỗ nào?"

Tổ Gia không nói lại được lời nào. Lão ta nói có lý có lẽ, nhưng Tổ Gia không biết đây là lời gan ruột của lão, hay chỉ khua môi múa mép ra vẻ với mình?

Mãi lâu sau, Tổ Gia nói: "Ông dùng mảnh khốe bịp bợm lừa gạt người dân, đây cũng không phải đạo lý mà các bậc thánh nhân truyền dạy."

"Lừa gạt chỉ là cách thức làm việc, không phải mục đích. Nay quốc nạn đã ập tới đầu, lòng người nông nổi, không đem những chuyện thần tiên hạ phạm ra thì ai tin tôi?" Lão lại ngửa mặt lên trời chấp tay nói. "Tôi biết mình nghiệp chướng nặng, nhưng trời xanh có thể chứng giám cho nỗi khổ trong lòng tôi!"

Tổ Gia nói: "Mai sư phụ muốn phát triển Đạo giáo thì cứ tự mình làm là được, tại sao lại phải dùng dao đâm sau lưng Mộc Tử Liên của ta?"

“Đây chính là lý do hôm nay tôi mời Tổ Gia đến...”

Lời còn chưa dứt, bỗng một tiếng súng ầm ừ vang lên, cánh cửa bật ra, Tổ Gia quay đầu lại nhìn, thấy Tăng Kính Võ dẫn theo bọn Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu xông vào.

“Tổ Gia đi mau!” Tăng Kính Võ hét lớn.

Chưa dứt lời, mấy tên mặc áo đen cầm súng từ phía hành lang lao tới, thoát một cái đã hiện ngay trước cửa, gior súng chĩa thẳng Tổ Gia mà bắn.

Lương Văn Khâu ngồi ngay bên cạnh đẩy mạnh Tổ Gia ra, bị viên đạn găm trúng vào vai trái.

Tăng Kính Võ, Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu bắn trả tới tấp, hai bên giao chiến ác liệt, đạn bay loạn xạ, chén bát trên bàn và cửa sổ đều bị bắn tan tành.

Mai Huyền Tử hoảng sợ nằm bò ra phía sau chiếc ghế sofa, kêu lên: “Xảy ra chuyện gì thế?”

Nhị Bá đầu chạy lên đập cho hắn ta một phát: “Cho lão chết này!” Sau đó đập tung cửa sổ ra: “Tổ Gia, đi mau!”

Tổ Gia nhìn Mai Huyền Tử, nói với Nhị Bá đầu: “Đừng làm hại ông ta!”

Ngay sau đó, Tổ Gia kéo Lương Văn Khâu nhảy xuống qua cửa sổ, một chiếc ô tô phóng ngay tới.

“Tổ Gia, mau lên xe!”

Tổ Gia dìu Lương Văn Khâu chui vào xe, chiếc xe lao nhanh như gió, mất hút ở cuối đường.

Lái xe là một thanh niên mà Tổ Gia không quen. Qua gương chiếu hậu, anh ta thấy vẻ mặt Tổ Gia vẫn còn chưa hết bàng hoàng, liền nói: “Tôi là đệ tử của Tăng Giáo đầu, ông ấy đã bảo tôi đợi ở đây.”

“Tăng Giáo đầu...” Tổ Gia quay đầu nhìn về cửa kính phía sau xe.

“Ông yên tâm, sư phụ tôi võ nghệ cao cường, rất thông thạo khu này.”

Tổ Gia hít một hơi thật sâu, cố gắng bình tĩnh, ngấm lại tất cả mọi việc đang xảy ra trong tâm trạng còn khá căng thẳng.

Chiếc xe phóng một mạch về đến Đường khẩu, Tổ Gia vội vàng gọi thầy thuốc đến xử lý vết đạn cho Lương Văn Khâu.

Tiếng súng ở khách sạn Tây Nhã cũng lắng dần, vài phút sau thì yên ắng hẳn, chỉ còn vài thi thể nằm lại trong phòng. Đến trưa, bọn Tăng Kính Võ cũng rút hết về Đường khẩu.

Thấy tất cả mọi người đều còn sống trở về, Tổ Gia cũng vui bớt lo lắng, ông liền hỏi Tăng Kính Võ xem đã xảy ra chuyện gì.

Tăng Kính Võ uống vài ngụm trà, kể lại toàn bộ đầu đuôi sự việc.

Thì ra lúc sáng, khi Tổ Gia vừa đi khỏi chưa lâu, Tăng Kính Võ đến phủ tìm thì không thấy ông có nhà.

Giang Phi Yến nói: “Tổ Gia đã nhận lời mời của Mai Huyền Tử, đến khách sạn Tây Nhã.”

Tăng Kính Võ kêu lên: “Hồng rồi!” Rồi lập tức dẫn bọn Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu tới khách sạn Tây Nhã.

Sở dĩ, Tăng Kính Võ khẩn trương đến vậy bởi người mà ông ta cài ở Ngô Tùng (Giang Tô) vừa cắt được một đoạn điện báo mật của người Nhật, đó là một danh sách những người cần phải ám sát:

Lam Y Đới

Phủ Đầu Vương

Tỉnh Võ Tăng

Giang Tướng Tổ

...

Lam Y Đới, chỉ Đới Lập của Lam Y Xã; Phủ Đầu Vương, chỉ Vương Á Tiêu của bang Búa Rìu; Tỉnh Võ Tăng, chỉ Tăng Kính Võ của Tỉnh Võ Môn; Giang Tướng Tổ, chỉ Tổ Gia của phái Giang Tướng.

Tăng Kính Võ đã bí mật thành lập một tổ chức kháng Nhật trong Tỉnh Võ Môn có tên là Đồng Minh Chính Giáp... Tổ chức này chuyên nghe lén tin tình báo của Nhật, ám sát người Nhật và bọn Hán gian phản quốc. Từ sau khi “Hiệp định đình chiến Tùng Hộ” được ký kết, Nhật Bản đứng vững ở Thượng Hải, biến Thượng Hải thành bàn đạp quan trọng để xâm lược Trung Hoa. Tăng Kính Võ đã cài cắm gián điệp ở Ngô Tùng, Áp Bắc – là những nơi mà người Nhật thường hay lui tới – để tìm mục tiêu và cơ hội hành động.

Sáng hôm đó, khi nhìn thấy bức mật hàm mà gián điệp ở Ngô Tùng lấy được, Tăng Kính Võ đã vô cùng kinh hãi. Điều khiến ông ta sợ không phải vì tên mình có trong danh sách đó, mấy năm nay đi theo Vương Á Tiêu chống lại người Nhật, chúng không lòng giết ông mới là

chuyện lạ. Nhưng người Nhật muốn giết Tổ Gia lại là điều khó mà tưởng tượng được.

Tăng Kính Võ không biết Tổ Gia đã đắc tội với người Nhật thế nào, vì thế mới vội vàng đến tìm ông để hỏi cho ra chuyện, kết quả lại được biết Tổ Gia đến từ giới Pháp. Với sự nhạy bén của một sát thủ, Tăng Kính Võ liền thấy sự chẳng lành, vội vàng kéo người đến, vì thế mới đến trước đối phương một bước, cứu được Tổ Gia.

Sau khi nghe xong, Tổ Gia trầm ngâm suy nghĩ: “Hai năm trước, ở Nam Việt, tôi có nói chuyện với một người tên là Tây Điền Mỹ Tử, nhưng khi đó không hề biết bà ta là đặc vụ, bà ta nhiều lần dò hỏi tin tức của Cửu gia, đều bị tôi nói chiêu lệ cho qua chuyện.”

Giang Phi Yến nghe thấy vậy, nói: “Lần đó Tổ Gia bắt đắc dĩ mới phải đến gặp Tây Điền Mỹ Tử, để cứu nguy cho Việt Hải Đường của tôi.”

Tăng Kính Võ lúc này mới chú ý đến sự có mặt của Giang Phi Yến, lúc sáng khi đến Đường khẩu, tình hình quá gấp gáp, nên không kịp nói chuyện với bà.

“Vị này là?” Tăng Kính Võ nhìn Giang Phi Yến hỏi.

Tổ Gia liền giới thiệu: “Vị này chính là Chương môn Nam phái Việt Hải Đường cùng thuộc phái Giang Tướng mà tôi thường nhắc đến, Giang Phi Yến.” Rồi ông lại chỉ về phía Tăng Kính Võ: “Vị này là môn sinh tâm đắc của Cửu gia, Giáo đầu Hội quán Tinh Võ – Tăng Kính Võ.”

Tăng Kính Võ chấp tay: “Thất kính!”

Giang Phi Yến đáp lễ: “Từ lâu đã ngưỡng mộ đại danh Tăng Giáo đầu, nay may mắn được gặp.”

Lúc này, Nhị Bá đầu đang ngồi một bên, đột nhiên lên tiếng: “Tổ Gia, con trai Mai Huyền Tử vẫn còn ở đây, có phải giết chết nó không?”

Tổ Gia ngẫm nghĩ một hồi, nói: “Hình như Mai Huyền Tử không biết gì về việc ám sát lần này...”

Nhị Bá đầu nói: “Không biết ấy à? Hắn ta vừa mới hẹn Tổ Gia tới, bọn sát thủ liền đến ngay, làm gì có chuyện khéo như vậy?”

Tổ Gia nói: “Không thể nào, ai có thể đem con mình ra mà đánh cược được chứ?”

Nhị Bá đầu lắc đầu, nói to tướng: “Con trai hắn thiếu gì đâu, chết một đứa sợ gì chứ, huống hồ Mai Huyền Tử năm thê bảy thiếp, vẫn có thể đẻ được nữa!”

Tổ Gia lườm ông ta một cái, mắng: “Người tìm một người mà lấy làm vợ xem. Đợi khi có

con, người sẽ biết thế nào là không thể.” Nói xong, Tổ Gia cho tất cả các Bá đầu lui xuống.

Sau đó, ông kể lại những lời mà Mai Huyền Tử đã nói lúc sáng cho Tăng Kính Võ và Giang Phi Yến nghe.

Sau khi nghe xong, Tăng Kính Võ nói: “Mai Huyền Tử còn có thể nói ra được những lời này hay sao?”

Tổ Gia gật đầu.

Giang Phi Yến nói: “Mấy tháng nay Mai Huyền Tử làm rùm beng như vậy, chẳng lẽ được sự ủng hộ của nhân vật lớn nào trong Quốc dân Đảng? Quốc dân Đảng muốn đánh vào các giáo phái của bọn Tây hay sao?”

Tổ Gia nhìn Giang Phi Yến nói: “Việc này cần phải nhờ Yến tỷ thăm dò thêm.”

Giang Phi Yến nói: “Dễ thôi. Gần đây tôi móc nối được một mối trong tổ chức Mật tra của Quốc dân Đảng, tên Phùng Tư Nguyên đã trở thành quân cờ của chúng tôi.”

Mắt Tăng Kính Võ sáng lên: “Yến tỷ có mối qua lại với tổ chức Mật tra ư?”

Giang Phi Yến cười: “Tất cả đều là nhờ có Kiều Ngũ Muội đã bỏ nhiều công sức kê đệm khi người còn sống.”

Tăng Kính Võ nói: “Gần đây, bọn người Nhật và bọn Quốc dân Đảng đều tìm Cửu gia, Cửu gia đang bị dồn vào tình cảnh khốn cùng, nếu Yến tỷ biết được chút động tĩnh gì bên phía Quốc dân Đảng, mong tỷ cho chúng tôi hay, để dễ bề giúp Cửu gia đề phòng trước.”

Giang Phi Yến nói: “Cửu gia là rường cột của đất nước, người trong giang hồ không ai không kính phục, bảo vệ ông ấy, trong khả năng của mình tôi sẽ không chối từ.”

Đúng lúc đang nói chuyện, quản gia từ bên ngoài hôc tốc chạy vào, vừa chạy vừa hô: “Tổ Gia! Tổ Gia! Không xong rồi! Người của Phòng tuần bổ đến rồi!”

Chưa nói dứt lời, mấy tên tuần bổ xộc vào, nhìn khắp một lượt, một tên trong số chúng hỏi: “Người nào là Tổ Gia?”

TỔ GIA BIẾN MẤT

Tổ Gia đứng lên: “Chính là tại hạ.”

“Giữa ban ngày ban mặt, dám giết người trên phố, giải đi!”

Bọn Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu vừa nghe thấy thế, lập tức từ ngoài cửa xông vào, đứng quanh

Tổ Gia, quát: “Kẻ nào dám!”

Mấy tên lính tuần thấy thế, đều rút súng ra, chĩa vào đầu mọi người: “Sao? Muốn làm phản hả?”

Tổ Gia ôn tồn nói: “Chắc các vị quan nha hiểu lầm rồi. Vừa rồi tôi ngồi ăn ở khách sạn Tây Nhã, quả đúng là có đụng phải vụ nổ súng.”

“Đừng phí lời! Giải đi!”

Nhị Bá đầu bước lên trước một bước, chửi lớn: “Mẹ mày...”

Hơn mười tên lính tuần ở ngoài sân xông vào, tên nào cũng cầm súng, thoát một cái đã bao vây tất cả mọi người.

Tổ Gia quát: “Nhị Bá đầu, lui xuống!” Rồi quay đầu nhìn Tăng Kính Võ và Giang Phi Yến, sau đó nói với tên tuần bỏ cầm đầu: “Tôi đi theo các ông.”

Mãi tận đêm khuya, Mộc Tử Liên vẫn thắp đèn sáng trưng. Gió thu xào xạc, từng cơn, từng cơn lạnh giá ùa vào phòng.

Mọi người lo lắng ngồi bàn cách đối phó, đã quá giờ cơm tối, không một ai nghĩ đến chuyện ăn uống. Tăng Kính Võ đã liên lạc với tai mắt ở tô giới Pháp, nhưng vẫn chưa thấy tin tức gì.

Giang Phi Yến nói: “Tăng Giáo đầu nên lánh mặt đi, người Nhật ra tay với Tổ Gia, chẳng mấy chốc sẽ đến tìm ông.”

Tăng Kính Võ nói: “Còn chưa biết Tổ Gia sống chết thế nào, làm sao tôi có thể đi được. Mấy năm nay, tôi quần vớ với bọn người Nhật quen rồi, ở Nam Than Khẩu tôi vẫn còn mấy chỗ ẩn náu, người Nhật nhất thời không thể tìm ra tôi được. Chỉ có điều... chỉ có điều tôi quả thực không thể cứ ngồi ở Mộc Tử Liên đợi được, một khi bị người Nhật thấy, chắc chắn sẽ liên lụy đến mọi người.”

Giang Phi Yến liền nói: “Tăng Giáo đầu đã nghĩ xa xôi rồi, tôi không có ý ấy.”

Lúc canh ba, mật thám của Tăng Kính Võ đến báo: “Tổ Gia không có Phòng tuần bỏ tô giới Pháp, người này cũng hỏi thăm khắp nơi, chiều nay không có ai bị nhốt vào nhà lao.”

Tăng Kính Võ vừa nghe, thấy ngay sự việc không hay: “Sao thế được? Xảy ra án mạng trong tô giới Pháp, chắc chắn phải là người Pháp điều tra. Bọn tuần bỏ hôm nay tới bắt Tổ Gia đều đeo phù hiệu của Pháp trên tay áo, sao lại không có ở Phòng tuần bỏ chứ?”

Giang Phi Yến nói: “Liệu người Pháp có giao Tổ Gia cho người Nhật không?”

Tăng Kính Võ nói: “Không thể nào! Tô giới của một cường quốc đều có quyền phán quyết của một lãnh sự quán độc lập. Hai năm nay, mối quan hệ giữa Nhật – Pháp trở nên căng thẳng vì những tranh chấp ở biển Đông. Lần này người Nhật hành thích Tô Gia ở tô giới Pháp chính là đánh lén sau lưng người Pháp, hòng quảng cái đồng đồ nát ấy cho nước Pháp.”

Mọi người đang bàn chuyện thì quản gia đi vào, nói: “Mai Huyền Tử đến.”

Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu nghe thấy thế, cơn giận bốc lên, liền chửi: “Mẹ kiếp, chúng ta đang định tìm hấn, thế mà hấn lại tự mò đến cửa!”

Giang Phi Yến nói: “Đừng nóng, xem thế nào đã rồi tính tiếp.”

Mai Huyền Tử dẫn theo hai tên đồ đệ đi vào, vừa vào đến cửa, không thấy Tô Gia liền hỏi: “Tô Gia đâu rồi?”

Nhị Bá Đầu đứng phắt dậy: “Tôi định hỏi ông đây!”

Giang Phi Yến nói: “Chiều nay, Tô Gia bị người của Phòng tuần bảo dẫn đi rồi.”

“Hả?!” Mai Huyền Tử cũng giật mình.

Nhị Bá đầu nói: “Khốn kiếp, ông còn giả bộ nữa? Chính ông đã thông đồng với người Nhật ám hại Tô Gia! Tô Gia mà gặp phải chuyện bất trắc, bọn tôi giết thẳng con ông trước!”

Mai Huyền Tử sợ vã mồ hôi, nói: “Nhị gia bớt giận, việc này tôi không hề biết gì, lúc đó tôi đang nói chuyện với Tô Gia, tôi cũng không biết đám người xông đến kia là ai. Nếu có âm mưu, tôi sao có thể để thẳng con trai tôi ở phủ Tô Gia chứ?”

Giang Phi Yến nói: “Vậy tại sao người của sở cảnh sát không bắt Mai sư phụ? Ông cũng có mặt ở hiện trường cơ mà.”

Mai Huyền Tử nói: “Khi bắn nhau, tôi và đệ tử vội vàng trốn, sau khi chạy về đến Đường khẩu cũng rất sợ, mới tìm chỗ ẩn nấp trước, về sau không thấy động tĩnh gì, mới nghĩ lại, ở bên Thượng Hải này, chết một người cũng rất bình thường, huống hồ bọn người bị bắn chết đều không phải người Pháp... Cho nên mới đến đây tìm Tô Gia... Đúng rồi, sao các người biết mấy sát thủ đó là người Nhật, chắc chắn chứ?”

Tăng Kính Võ nhìn Giang Phi Yến, nói: “Làm sao bọn tôi biết được ông thực sự không hay biết chuyện này, nếu ông dính dáng đến thì chết chắc đấy!”

Mai Huyền Tử thở dài: “Tôi thật sự không biết chuyện này mà!”

Nhị Bá đầu nói: “Trước khi Tô Gia quay về, con ông cứ ở lại đây đã!”

Mai Huyền Tử sững người: “Việc này...”

Giang Phi Yến nói: “Trước khi sự việc chưa được làm rõ, chúng tôi cũng đành phải làm vậy. Nếu Mai sư phụ không còn việc gì khác, xin hãy về cho.”

Mai Huyền Tử vẫn muốn nói thêm gì đó, nhưng bị Nhị Bá đầu chặn lại, mở cửa, nói: “Mai sư phụ, xin mời!”

Mai Huyền Tử chỉ biết lắc đầu, dẫn theo thủ hạ đi.

Quá nửa đêm, Tăng Kính Võ quay về trước, Giang Phi Yến cũng bảo các Bá đầu về nghỉ ngơi.

Đêm hôm đó, Hoàng Pháp Dung ở lại bên Giang Phi Yến, hai người ngồi tựa lưng đầu giường cùng nghĩ về sự việc vừa rồi.

Hoàng Pháp Dung nói: “Mẹ nuôi, chắc không xảy ra chuyện gì với Tổ Gia chứ?”

Giang Phi Yến thở dài, nói: “Mong là không. Làm cái nghề như chúng ta là như vậy, chẳng biết ngày nào sẽ bị lật thuyền.”

Hoàng Pháp Dung nói: “Chắc không có chuyện gì đâu, con từng xem tướng mặt Tổ Gia, sơn căn thẳng tắp đến chuẩn đầu, vận ở tuổi trung niên rất khá, ít nhất cũng phải thọ ngoài ngũ tuần...”

Giang Phi Yến uể oải mỉm cười: “Con nhóc này, giờ là lúc nào rồi, còn nghĩ đến mấy thứ này.”

Hoàng Pháp Dung chớp chớp mắt nói: “Mẹ nuôi, nếu lần này Tổ Gia còn sống trở về, con sẽ...”

Giang Phi Yến nhìn con gái nuôi hỏi: “Sẽ sao nào?”

Hoàng Pháp Dung nhoen miệng cười: “Con sẽ tâm sự hết mọi chuyện với ông ấy.”

“Tâm sự?”

Hoàng Pháp Dung không cười nữa, vẻ mặt ưu sầu nói: “Mẹ nuôi, có vài chuyện, con không biết có nên nói ra hay không, cũng không biết có nên nói với người không.”

Giang Phi Yến nhìn đứa con gái nuôi của mình, ôm vào lòng: “Con nhóc này, có chuyện gì mà không thể nói với mẹ nuôi?”

Hoàng Pháp Dung liền ngả vào lòng mẹ, nước mắt rơi cả xuống chăn: “Mẹ nuôi, con biết mẹ và Tổ Gia đều muốn tốt cho con, gả con cho Trương Tự Triêm, nhưng... nhưng...”

“Nhưng gì nào?” Giang Phi Yến nhận thấy dường như Hoàng Pháp Dung đã phải chịu nhiều áp lực trong lòng.

“Nhưng... Con cảm thấy chúng con không hợp nhau...”

“Hừm?” Giang Phi Yến ngăn người ra: “Xảy ra chuyện gì rồi?”

“Tính khí anh ta rất khó chịu, việc gì cũng nghĩ bẽ tắc tiêu cực, không còn cái bộ dạng cởi mở như lúc đầu mới gặp con nữa, con cảm thấy chúng con lấy nhau quá vội vàng. Hơn một năm nay, những trận cãi vã lớn nhỏ giữa chúng con đến mười mấy lần rồi, dường như anh ta không biết thương yêu vợ mình thế nào cả... Con lớn hơn anh ta một tuổi, việc gì cũng phải nhường nhịn, hơn nữa... hơn nữa con cảm thấy anh ta việc gì cũng rất cứng nhắc, không quyết đoán, không có dã tâm, vậy còn nói chuyện gì nữa?”

“Ừm...” Giang Phi Yến không biết phải nói gì “Hôn sự này... Hôn sự này do ta và Tổ Gia làm chủ... Như thế này vậy, mai ta sẽ nói chuyện với Tự Triêm.”

“Chẳng ích gì đâu. Anh ta vẫn là anh ta thôi.”

Giang Phi Yến ôm Hoàng Pháp Dung chặt hơn.

Một lúc lâu sau, Hoàng Pháp Dung thì thầm: “Nếu lúc đầu con được gả cho Tổ Gia thì hay biết mấy.”

Giang Phi Yến rùng mình: “Con nói cái gì?!”

Hoàng Pháp Dung bị hành động của Giang Phi Yến làm cho giật mình, ngỡ ngàng: “Mẹ nuôi, mẹ sao vậy? Con chỉ nói với một mình mẹ thôi, không hề rằng với bất kỳ một ai khác... Tổ Gia mới là người đàn ông mà con mong đợi trong lòng, ông ấy quyết đoán, trí tuệ, có thể nhìn thấu tâm tư phụ nữ...”

“Đừng nói nữa!” Giang Phi Yến nổi giận.

“Mẹ sao thế, mẹ nuôi?” Hoàng Pháp Dung sợ hãi hỏi.

Giang Phi Yến bình tĩnh lại một chút: “Con nhóc này, chuyện tình cảm không phải chuyện nhỏ đâu, quốc có quốc pháp, gia có gia quy. Quy định của phái Giang Tướng chúng ta, huynh đệ tư thông với vợ người khác, giết không tha. Con không thể làm hại mình như vậy được, càng không thể làm hại Tổ Gia mang tiếng bất nghĩa.”

Hoàng Pháp Dung nói nhỏ: “Con chỉ nghĩ trong lòng vậy thôi, cũng biết là không thể.”

Giang Phi Yến do dự một lúc, hỏi: “Tổ Gia có biết chuyện này không? Phản ứng của ông ấy thế nào?”

Hoàng Pháp Dung nói: “Tổ Gia tâm tư kín đáo, vui giận không biểu hiện ra mặt. Ông ấy luôn khuyên con và Tụ Triêm sống tốt, không biết ông ấy không biết thật, hay là giả vờ.”

Giang Phi Yến gật đầu, nói: “Nhóc con, mẹ nuôi mong con luôn được hạnh phúc, bình an, con không được làm việc gì sai trái, nếu không đến lúc đấy mẹ nuôi cũng không cứu được con đâu.”

Hoàng Pháp Dung buồn bã nói: “Con biết rồi.”

Hai mẹ con họ ôm lấy nhau, không ai nói gì, chỉ yên lặng ngồi ngắm ánh trăng ngoài song cửa.

Mãi lâu sau, Hoàng Pháp Dung nói: “Mẹ nuôi, nếu lần này... Con nói là ngộ nhờ Tổ Gia ông ấy...”

Giang Phi Yến nói: “Con định nói, ngộ nhờ Tổ Gia bị hại thì phải làm thế nào chứ gì?”

Hoàng Pháp Dung gật gật đầu.

Giang Phi Yến không trả lời thẳng, chỉ hỏi ngược lại Pháp Dung: “Theo con, nên làm thế nào?”

Hoàng Pháp Dung nói: “Thường ngày, Tổ Gia không hề nhắc đến chuyện người kế nhiệm thầy. Nếu thầy không còn, trong số các Bá đầu, có Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu đi theo ông ấy được lâu nhất, nhưng Đại Bá đầu hữu dũng vô mưu, Nhị Bá đầu tính tình hấp tấp, nóng nảy, Tụ Triêm vừa được lên làm Tứ Bá đầu, chưa có chỗ đứng chắc chắn, Ngũ Bá đầu tuổi già sức yếu, chỉ có Tam Bá đầu phong độ ngời ngời, có tri thức lại hiểu lễ nghĩa, không biết các bá đầu khác có phục không... Nhưng vẫn còn một cách làm khác hay hơn...”

Giang Phi Yến hỏi: “Cách gì?”

Hoàng Pháp Dung cười ranh mãnh, nói: “Thế lực của Mộc Tử Liên lớn vậy, lại vẫn thuộc phái Giang Tướng, nếu Tổ Gia mất, mẹ nuôi là bậc trưởng bối, thường ngày các huynh đệ của Mộc Tử Liên đều có ấn tượng rất tốt với mẹ nuôi, ngay cả Tổ Gia cũng tôn trọng gọi là Yến tỷ, mẹ nuôi có thể...”

Giang Phi Yến trừng mắt nhìn Hoàng Pháp Dung hỏi: “Có thể sao?”

“Mẹ nuôi có thể dùng cách lôi kéo, đánh gục từng Bá đầu một. Đại Bá đầu ham mê rượu chè cờ bạc, mẹ nuôi chỉ cần cho ông ta tiền để đánh bạc, uống rượu là được; Nhị Bá đầu háo sắc, mẹ nuôi chỉ cần chăm cho mấy cô nương trong kỹ viện, cho ông ta vui vẻ là đủ; chỗ Tụ Triêm để con lo, hướng chỉ người còn là nhạc mẫu của anh ta, anh ta không thể nào lại tỏ thái độ phản đối; Ngũ Bá đầu già yếu lại bị thương, phải tự lo cho mình nên không có thời gian rảnh rỗi, càng không phải người có thể làm mưa làm gió; chỉ còn Tam Bá đầu, người này có lẽ sẽ bật lại, nhưng nếu các vị Bá đầu khác đều theo mẹ nuôi, mẹ nuôi lại cho anh ta nhiều lợi ích

hơn, anh ta thông minh, cũng sẽ biết giới hạn... Sau khi việc thành rồi, Mộc Tử Liên và Việt Hải Đường sẽ hợp lại thành một, mẹ nuôi có thể đặt một phân đà ở đây, con gái có thể lo liệu giúp người. Như vậy, không những có thể giữ gìn hương hỏa cho Mộc Tử Liên của phái Giang Tước, mà còn có thể làm cho thế lực Việt Hải Đường hùng mạnh, về sau Tứ đại Đường khẩu hợp đại đường hội, tiếng nói của mẹ nuôi càng có trọng lượng hơn.”

Giang Phi Yến nhìn chăm chăm vào đứa con gái nuôi của mình, thấy nó quá đổi khôn ranh, đến nỗi khiến người ta phát sợ. Mãi lâu sau, bà mới nói: “Nhất phái cái gì, chỉ ăn nói bậy bạ?”

Hoàng Pháp Dung ngăn người: “Sao vậy, mẹ nuôi, con gái đâu có nói gì sai?”

Giang Phi Yến nói: “Giờ Tổ Gia còn chưa biết sống chết thế nào, con lại dám nói bậy nói bạ, gia pháp chờ sẵn con rồi đấy!”

Nhưng từng ngày từng ngày trôi đi, các mối quan hệ có thể tìm đều đã sử dụng, Tăng Kính Võ và Giang Phi Yến huy động tất cả mọi mối quen biết phía quan lại, đặc vụ, xã hội đen, vẫn không tìm ra được chút tin gì của Tổ Gia.

Chương 6. NGƯỜI NHẬT NGHIÊN CỨU DỊCH HỌC

ĐIỀN NHỊ TÀU SỐNG LẠI

Tháng 11, Ngụy Mãn Châu tuyết bay đầy trời.

Tại sở Cung giáo 007 khu quản chế quân sự Phụng Thiên của Nhật, Tổ Gia đang ngồi xếp bằng trong phòng giam.

Đột nhiên, cánh cửa sắt mở ra, một nữ sĩ quan Nhật bước vào, đứng trước mặt Tổ Gia, hỏi ông bằng tiếng Trung rất lưu loát: “Tổ Gia, nghĩ kỹ chưa? Hợp tác, hay không hợp tác đây?”

Tổ Gia nhìn bà ta, mỉm cười: “Hợp tác!”

“Ừm.” Nữ sĩ quan nở một nụ cười. “Người Trung Quốc có câu, kẻ thức thời là trang tuấn kiệt, Tổ Gia có thể nhìn thấu thời cuộc, thật rất tiến bộ.”

Thì ra, hôm đó, Tổ Gia bị người của Phòng tuần bổ dẫn về xác minh thân phận, sau đó liền bị giải về khu Nhật chiếm đóng ở Ngô Tùng.

Tổ Gia hơi run sợ trong lòng, lần này chắc hỏng rồi, bọn người Pháp và người Nhật đã câu kết với nhau, số mình tiêu rồi!

Trên đường đi, trong lòng Tổ Gia ngổn ngang bao điều, ông hồi tưởng lại những ngày tháng trong hơn mười năm qua của phái Giang Tương, phải Đông bôn Tây tẩu, liêu chết trong chốn giang hồ, là vì mưu cầu cái gì đây? Sau khi mình chết, Đường khẩu sẽ ra sao? Các huynh đệ sẽ ra sao? Ông chợt nghĩ đến những người thân đã sớm xuống suối vàng, để lại ông một thân một mình cô độc, lại tự hỏi mình đến cuộc đời này làm gì?! Lại nhớ đến những lời mà Hoàng Pháp Dung đã nói sau bữa tiệc rượu hôm đó, “Pháp Dung số khổ, xa xứ biệt quê, nhớ Yên nương ở phương Nam, nhớ mẹ cha phương Bắc, mỗi mắt trông không một bóng người thân, một mình lẻ loi...”, ít ra Hoàng Pháp Dung còn có mẹ mà nhớ, như ông mới thật là lẻ loi một mình! Nghĩ đến đây, trong lòng Tổ Gia trào lên một nỗi thê lương.

Điều nằm ngoài dự liệu đó là, sau khi đến trại lính của Nhật, người Nhật không vội vàng hành quyết Tổ Gia, mà nhét ông vào một chiếc xe tải. Sau một tuần liền phải chịu cảnh lắc lư, nghiêng ngả suốt ngày suốt đêm, đến khi được ra khỏi cửa xe lần nữa, thì ông thấy mình đã ở tận vùng đông bắc rộng lớn, mênh mông.

Sau đó, Tổ Gia bị dẫn đến khu quản chế quân sự Phụng Thiên.

“Tổ Gia, vẫn khỏe chứ?” Vừa tới nơi, một nữ sĩ quan liền hỏi ông.

Thoạt nhìn, Tổ Gia thấy khuôn mặt người phụ nữ này rất quen, hình như đã gặp ở đâu đó, nghĩ mãi ông mới “Ồ! Thì ra là bà ta!”

“Chẳng phải bà đã...” Tổ Gia buột miệng hỏi.

“Chết rồi, đúng không?” Người đàn bà liền bật cười. “Đây chính là điều mà người Trung Quốc các ông thua người Nhật chúng tôi đây, bọn phản bội ở nước các ông quá nhiều, việc gì cũng chỉ cần bỏ tiền ra là có thể làm được.”

Tổ Gia cười khà khà, nói: “Điền Nhị tẩu quả đúng là thần thông quảng đại.”

Người đàn bà này chính là Tây Điền Mỹ Tử, người đã “rút súng tự vẫn” ở Quảng Châu hai năm trước.

“Hãy gọi tôi là Tây Điền.” Tây Điền Mỹ Tử cười nhạt. “Bệnh của Người Trung Quốc các ông vô phương cứu chữa rồi. Trước đó một ngày, tổ chức Mật tra định thanh tra chúng tôi, chúng tôi đã nhận được mật báo của một tên chỉ điểm trong nội bộ Quốc dân Đảng. Nữ đặc vụ Nhật tự bắn vào mình mà chết kia thực ra chính là người Trung Quốc các ông đây, đó là một nữ Đảng viên Cộng sản ở Phúc Kiến, sau khi bị Quốc dân Đảng bắt được, liền cho bà ta làm ma thay thế, hơn nữa vốn chẳng phải bà ta tự sát gì cả, chẳng qua là hiện trường giả do tổ chức Mật tra dàn dựng. Chính vào lúc cả nước các ông mừng vui phấn khởi đã trừ bỏ được hang ổ đặc vụ Nhật ấy, chúng tôi đã dựng lên một cái hỏa lò khác ở Chu Hải. Một cán bộ công chức vì tiền có thể bán nước, cái đất nước này thế là tiêu đời rồi. Hai năm nay, sở dĩ chúng tôi không ra tay với Tổ Gia, chính bởi muốn lần dây dưa mà sờ trái, mục đích là tìm Vương Á Tiều. Nhưng Vương Á Tiều quả rất lợi hại, hành tung bí hiểm, nắm bắt thông tin cực nhanh nhạy, bao nhiêu lần đều khiến bọn ta vồ trượt. Lại còn tên Tăng Kính Võ của Hội quán Tinh Võ nữa, hắn cũng nằm trong tầm ngắm của bọn ta. Hắn cứ nghĩ mình thông minh lắm, nhưng hắn nhầm rồi, nếu không phải bọn tôi cố ý tiết lộ danh sách cần ám sát thì chỉ dựa vào một tên thổ phỉ lưu manh đó, làm sao có thể lấy được tin tình báo quân sự của chúng tôi chứ? Người Trung Quốc các ông ấy à, đa phần có thể chia thành hai loại người: một là hạng bán nước, chỉ biết đến lợi ích của mình, vì tiền có thể bán rẻ tất cả; hai là hạng lưu manh như Tăng Kính Võ, chỉ biết đánh đấm, chém giết. Không biết hắn đã từng nghĩ được điều này chưa, giết một hai người Nhật có thể thay đổi được đại cục không chứ? Đúng là phường thất phu! Hữu dũng vô mưu!”

Bà ta xô ra một tràng khiến Tổ Gia chán nản, nước lớn thế mạnh mà lại bị giặc Nhật bé cô chơi trò tung hứng trên tay, trước tình cảnh ấy, phải làm sao đây?

Suy ngẫm giây lát, Tổ Gia đột nhiên hỏi: “Lần này đã muốn giết tôi, tại sao không trực tiếp ra tay, lại còn phải lừa dụ tôi đến tô giới Pháp?”

Tây Điền Mỹ Tử cười: “Tổ Gia vốn rất khôn ngoan, đâu đâu cũng phòng bị, chúng tôi không muốn xông thẳng vào Mộc Tử Liên, phùng mang trợn má bắn giết lẫn nhau với mấy trăm huynh đệ của ông, đó là việc làm của thằng ngu thôi. Sau sự biến “18 tháng 9”, chúng tôi đã chiếm lĩnh được cả vùng Đông Bắc. Năm 1932, chúng tôi lại tiến công Thượng Hải, đầu xuân năm ngoài cho đến nay, chúng tôi đã liên tiếp tiêu diệt nghĩa quân kháng Nhật ở Đông Bắc. Nhân lúc chúng tôi phải liên tục tác chiến, vừa mới nghỉ ngơi lấy sức thì người Pháp lại lợi dụng tình hình đó mà nhảy vào, chiếm hết chín đảo ở biển Đông. Mấy hòn đảo này diện tích không đáng là bao, nhưng có vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng, kẻ nào chiếm lĩnh được, kẻ đó sẽ trấn giữ được cả eo biển Malacca, từ đây có thể khống chế được cả con đường vận tải biển ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương...”

“Từ năm 1911 đến nay, người Nhật đã bắt đầu tiến hành công việc khảo sát trên những hòn đảo này, người Pháp đổ bộ đến sau, lại đuổi hết người của chúng tôi ra khỏi đảo, chúng tôi không thể yên được. Thiên Hoàng bệ hạ đã cho triệu kiến lãnh sự Pháp ngay lập tức, bọn họ đưa ra một vài điều kiện. Trong đó, có một điều kiện là, khiếu nại Nhật có thể tự do ra vào tô giới Pháp, chỉ trừ phi xảy ra xung đột giữa khiếu nại Nhật với người Pháp, còn lại tất cả đều được hưởng quyền miễn trừ tư pháp. Hành động lần này, chúng tôi sắp đặt ở tô giới Pháp, thứ nhất để giảm bớt tâm lý đề phòng của Tổ Gia, thứ hai muốn xem người Pháp có làm theo điều họ cam kết hay không...”

Tổ Gia gật đầu, không khỏi thở dài trước sự xảo quyệt của người Nhật: “Đã dụ được tôi, sao không phải thêm nhiều người đến, chỉ một đòn giết tôi chết có phải hay không?”

Nghe thấy thế, Tây Điền Mỹ Tử bật cười khanh khách: “Tổ Gia tưởng những sát thủ đó là người Nhật thật sao? Chúng tôi làm sao có thể sai phái người của mình đi chết được chứ? Mạng của người Nhật đáng đồng tiền lắm đấy. Chúng tôi đã bỏ tiền ra thuê mấy thằng bạt mạng ở Thượng Hải, làm cho chúng mấy tờ chứng minh là khiếu nại Nhật rồi nhét vào túi, chúng chết như vậy ở tô giới Pháp, người Pháp sẽ phải bồi thường cho chúng tôi. Nếu chúng tôi thật sự muốn giết ông, liệu có để cho ông chạy thoát không?”

“Không giết tôi, vậy các người muốn thế nào?” Tổ Gia không hiểu.

“Tổ Gia không cần phải nôn nóng đến vậy. Lần này Tổ Gia mất tích, Tăng Kính Võ tất sẽ cuống quýt đem tin này đến báo cho Vương Á Tiều, chúng tôi có thể lần theo dây dưa mà ngắt quả, nhưng đây chẳng phải chuyện quan trọng lắm, quan trọng là, chúng tôi cần Tổ Gia...”

“Cần tôi?”

“Mai Huyền Tử là kẻ khôn ngoan, hôm đó chúng tôi sắp xếp cho ông ta gặp ông, chính là muốn để ông ta bàn chuyện cùng hợp tác với ông.”

“Thì ra chính các người đứng sau lưng giật dây? Bàn chuyện hợp tác?”

“Đúng thế. Nếu không phải tên Tăng Kính Võ lao đến sớm, Mai Huyền Tử đã nói hết ra rồi. Bây giờ, tôi đành phải thay Mai Huyền Tử nói nốt đoạn còn lại vậy. Trung Quốc và Nhật Bản, văn hoá cùng chung nguồn cội, những lý luận và học thuyết mà tổ tiên các ông đã sáng tạo ra, lần lượt được truyền tới đất nước chúng tôi, trong đó có Kinh Dịch và Huyền học ngũ thuật⁵⁹. Ngoài bản thân các ông ra, Nhật Bản là đất nước kế thừa văn hóa Trung Hoa tốt nhất. Nay, các dòng tôn giáo phương Tây theo chân các cường quốc ủa vào Trung Quốc như ong vỡ tổ, giáo học truyền thống Trung Hoa bị bóp nghẹt. Người Trung Quốc các ông đã không thể tự mình bảo vệ được mặt trận văn hóa, người được hưởng chung một dòng văn hóa như người Nhật chúng tôi đây không thể bàng quan, chỉ biết ngồi trơ mắt ếch mà nhìn được. Cuộc chiến tranh Nha phiến không chỉ thức tỉnh các ông, mà càng khiến chúng tôi bừng tỉnh. Cùng là những nước lạc hậu ở phương Đông, chúng tôi cũng sợ hãi, vì thế mới làm cuộc cách mạng Duy Tân từ thời Nhật hoàng Minh Trị. Cuộc chiến tranh Giáp Ngọ đã minh chứng cho thành công của chúng tôi. Từ thế kỷ 19 đến nay, bọn cường quốc chen nhau kéo đến, người Âu – Mỹ có thể chiếm đóng trên đất nước các ông, tại sao chúng lại không thể làm thế với đất nước chúng tôi? Ít nhất, nước Trung Quốc dưới sự thống trị của Đại Nhật vẫn còn giữ nguyên được nét văn hóa cùng cội cùng nguồn. Đây chính là sự khác biệt giữa chúng tôi và bọn Âu – Mỹ.

Lãnh thổ Trung Quốc hiện nay bị nhiều thế lực cùng chiếm cứ, chia năm xẻ bảy, tình hình ổn định này chỉ là tạm thời, sớm muộn cũng sẽ bị phá vỡ. Tổ Gia nghĩ xem, tình hình Trung Quốc đang tốt đẹp như thế này, có phải nhờ Đại Nhật giỏi thống trị hay không? Xét về văn hóa, không phải chúng tôi tới đây xâm lược, mà là vì các ông cả đấy.”

Tổ Gia cúi đầu không nói gì, ông đang từ từ cân nhắc những lời Tây Điền Mỹ Tử nói.

THUẬT TRÁT PHI HIỆN ĐẠI

“Người Nhật Bản chúng tôi có thầy Cao Đảo – một bậc Đại sư Dịch học, không biết Tổ Gia từng nghe danh chưa?” Tây Điền Mỹ Tử đột nhiên hỏi.

Tổ Gia nói: “Ừm, nghe đại danh đã lâu.”

“Thầy Cao Đảo từng dâng lời can gián với Thiên Hoàng ngay từ thời kỳ đầu Duy Tân Minh Trị, ông nói giữa Trung – Nhật tất sẽ xảy ra hai cuộc chiến lớn, Nhật – Mỹ cũng sẽ đánh nhau to một lần, bảo Thiên Hoàng hãy chuẩn bị đề phòng trước. Chiến tranh Giáp Ngọ đã ứng nghiệm một lần, tiếp theo ...” Đến đây, Tây Điền Mỹ Tử không nói tiếp nữa.

Tổ Gia rất quan tâm đến vị đại sư này, cũng từng đọc sách của ông ta. Đó là một thiên tài Dịch học với tác phẩm tiêu biểu Cao Đảo dịch đoán. Cuối thời nhà Thanh, khi thầy Vương Trị Bản dịch cuốn sách sang tiếng Trung, các nhân sĩ trong nước mới bắt đầu được tiếp cận với nó. Thầy Cao Đảo đã dự đoán được cục diện thế giới nhờ phương pháp chiêm dịch (bói), đồng thời dâng kiến nghị của mình tới Thiên Hoàng Nhật Bản. Thiên Hoàng coi trọng Cao Đảo như quốc bảo, mỗi lần có chiến sự, thường hỏi ý kiến thầy.

Tây Điền Mỹ Tử nói: “Giờ, Tổ Gia có hai con đường: Hoặc là hợp tác với chúng tôi; hoặc là chúng tôi sẽ giết ông.”

Tổ Gia khẽ mỉm cười: “Hợp tác thế nào?”

Tây Điền Mỹ Tử nói: “Hiện nay, ở Trung Quốc có hàng nghìn hội đạo môn, việc Tổ Gia cần làm là thống nhất bọn họ lại dưới sự giúp đỡ của chúng tôi, bắt họ tuân phục nghe theo mệnh lệnh của sở Cung giáo của đế quốc Nhật Bản. Chúng tôi không gây trở ngại gì đối với các hoạt động thường ngày của các hội đạo môn này, nhưng có hai điều: Thứ nhất, mỗi tháng các ông phải trích một khoản tiền cho chúng tôi để làm kinh phí chỉ đạo; thứ hai, các ông cần phải truyền bá để nhân dân Trung Quốc dần dần tin tưởng người Nhật là bạn bè tốt, đồng tông đồng tộc và cần phải tuyên truyền lý luận, học thuyết của thầy Cao Đảo.”

Tổ Gia nghe xong, chợt hiểu mọi chuyện, những bí mật ẩn giấu trong thời gian qua được hé mở. Mai Huyền Tử dám hư trương thanh thế, chính bởi được người Nhật ủng hộ; nhân vật lớn chống lưng mà Tả Vĩnh Thiên đã nói chính là chỉ người Nhật; ông lại nhớ đến khẩu hiệu gần đây của Thiên Thánh Đạo: “Cần khôn gặp họa lớn, ngày tận thế sắp ập xuống đầu, phúc đến từ phương Đông, một lòng cứu độ chúng sinh”, “phương Đông” ở đây chẳng phải chỉ bọn người Nhật sao? Xem ra, người Nhật định làm lớn rồi. Nghĩ đến đây, Tổ Gia nói: “Nếu tôi đoán không lầm, Mai Huyền Tử và Tả Vĩnh Thiên đều đã ngoan ngoãn theo các người.”

Tây Điền Mỹ Tử nói: “Thiên Thánh Đạo, Mai Hoa Hội, Trịnh Đại Tiên ở Đông Sơn, Nhược Lan Sư thái ở Phúc Kiến, Trung Nguyên Ngũ Hồ, đều đã nương nhờ Đế quốc Nhật Bản. Có sự ủng hộ về mặt kỹ thuật của chúng tôi, pháp thuật của bọn họ mới được nâng cao chưa từng có, thế mới hốt được từng đồng, từng đồng bạc vậy chứ.”

Tổ Gia nói: “Vậy Trương Kế Nghiêu cũng bị các người giết chết?”

Tây Điền Mỹ Tử nói: “Chính xác hơn là hắn ta bị chính người Trung Quốc các ông giết. Trương Kế Nghiêu cũng giống như Tổ Gia, là kẻ trượng phu, nhưng đồ đệ của ông ta Tả Vĩnh Thiên lại bị chúng tôi mua chuộc. Trương Kế Nghiêu dàn cụ vũ hóa thành tiên chính do Tả Vĩnh Thiên xúi giục. Sau khi ông ta bước vào lò, Tả Vĩnh Thiên đã khóa chặt lối đi, Trương Kế Nghiêu bị thiêu sống mà chết. Tổ Gia rất lợi hại, đội ngũ mà ông dựng lên cứng như thép như đồng, toàn những kẻ cố chấp. Nhưng vẫn nảy nòi ra một tên phản đồ, Tứ Bá đầu của ông đã nói cho Mai Huyền Tử biết điều cấm kỵ về quan tài tóc đen, đây chính là điều chúng tôi muốn, trực tiếp lôi kéo ông chắc chắn không được, nhưng bôi nhọ danh tiếng của ông thì dễ rồi. Nhưng Tổ Gia quả nhiên đáng nể, vẫn phá được Tiểu Quỷ tương của chúng tôi.”

Tâm trạng Tổ Gia càng thêm nặng nề. Khi các hội đạo môn trên cả nước còn đang nằm trong ổ cắn nhau thì bọn người Nhật đã nắm giữ đại cục trong tay. Trương Kế Nghiêu đáng thương, sáng suốt một đời, cuối cùng lại chết trong tay đồ đệ của mình. Lòng người ly tán, nước nhà sẽ chẳng còn!

Tây Điền Mỹ Tử thấy Tổ Gia không nói gì, bèn nói: “Tổ Gia hãy đi theo tôi.”

Tổ Gia sững người, hỏi: “Đi đâu?”

“Cứ đi theo tôi là được.”

Hai người quay người bước ra khỏi nhà lao, đi về phía nam 40 mét, đến một nơi trông giống như một nhà xưởng lớn, chỗ cửa ra vào treo một tấm biển ghi dòng chữ: “Phòng kỹ thuật sở Cung giáo.”

“Mời Tổ Gia vào.”

Tổ Gia bước vào, bên trong cực kỳ rộng rãi, ở giữa có một lối đi, hai bên kê bàn, trên bàn đặt mấy thứ chai lọ, trông giống như phòng thí nghiệm chế tạo các đạo cụ của Trương Tự Triêm, bao nhiêu con người đang bận rộn với công việc của mình.

Tây Điền Mỹ Tử nói: “Các hội đạo môn làm phép, nhất định cần phải dọa cho bà con chết khiếp mới được, mấy trò giả thần giả quỷ quê mùa của các ông đã tụt hậu lắm rồi, hãy xem các loại kỹ thuật tiên tiến của các thầy đồng cốt đến đây cùng với quân đội của Nhật Bản.”

Tiếp tục, bà ta cầm lên một thứ gì đó trông giống như đôi găng tay từ trên bàn, nói: “Súng mỏ hàn quân dụng, sau khi cải tiến có thể giấu trong ống tay áo, dùng để dàn cục thiên kiếm trăm, thần tiên đã vung kiếm lên, núi cũng phải sụp.” Nói đoạn, bà ta cầm đôi “găng tay” lên, mở nút khởi động, chĩa về phía tấm thép, rồi đâm vào đó, tấm thép đứt ra làm đôi.

Tổ Gia kín đáo gật đầu tán phục.

Tây Điền Mỹ Tử lại cầm lên một lọ thuốc nước ở bàn bên cạnh, nói với vẻ rất đắc ý: “Dầu chuối châu Mỹ, mùi thơm nức, sau khi được xử lý bằng kỹ thuật đông lạnh, có thể dàn cục tiên nhân đập bộ, mời Tổ Gia xem...” Nói xong, bà ta nhỏ thứ thuốc nước ấy lên một tấm kính, ngay sau đó bốc lấy một nắm bột như bột mỳ, rắc lên trên chỗ nước thuốc kia, liền thấy bề mặt chỗ bột đó xuất hiện những dấu vết như dấu chân hồ ly.

“Tổ Gia xem cái này...” Tây Điền Mỹ Tử đi vào phía bên trong vài bước, tới một gian nhỏ, mở một thứ trông giống như chiếc máy chiếu ra, sau đó lại mở cửa sổ, tay chỉ về phía ngoài: “Tổ Gia, ông hãy nhìn áng mây trên trời kia...”

Tổ Gia nhìn theo hướng tay chỉ, ở phía Tây trên bầu trời có một đám mây dày đặc. Tây Điền Mỹ Tử cài một thứ gì đó trông giống như một tấm phim vào trong chiếc máy chiếu, chùm sáng phát ra, trên áng mây lập tức xuất hiện hình dáng của Thượng đế.

“Đền pin quân sự, có thể dàn cục thượng đế xuất hiện. Trên chiến trường, khi hai bên đấu nhau, nếu vị thần linh trong tín ngưỡng của đối phương – ví như Thái thượng lão quân hay Ngọc hoàng của người Trung Quốc – xuất hiện trên bầu trời, ông nghĩ xem, sự thế sẽ thế nào?”

Chẳng phải chính là khả năng mời gọi thần tiên đến ư? Vụ Mai Huyền Tử đốt đèn quỷ bên bờ sông cũng nhờ cả vào kỹ thuật mà chúng tôi cung cấp cho đấy. Nếu không, chỉ dựa vào chút bản lĩnh nhỏ nhoi của ông ta, liệu có thể làm dấy lên làn sóng mạnh mẽ đến vậy không?”

Tổ Gia trầm ngâm không nói, nản lòng đến cực độ.

“Tổ Gia có thể phá được Tiểu Quỷ tương, nhưng e rằng khó mà phá được Đại Quỷ tương. Tổ Gia hãy theo tôi.” Nói rồi, bà ta mở cửa bước ra, rẽ ngoặt một cái, dẫn Tổ Gia đi xuống tầng hầm.

Đi được mười mấy mét, Tổ Gia thấy phía dưới không khác gì địa ngục, hai bên đặt những chiếc cũi sắt, trong mỗi cũi sắt đều nhốt một người, khuôn mặt ai nấy xanh mét, ánh mắt đờ đẫn, thấy có người đến, đều phản kích hẳn lên, họ há miệng, vớ tay, kêu gào thảm thiết. Tây Điền Mỹ Tử thuận tay nhặt một miếng thịt lợn sống ở dưới đất lên, ném vào trong, người đó vồ ngay lấy miếng thịt như loài dã thú, ngoạm một miếng to, ngấu nghiến nhai.

Tổ Gia thấy thế cũng phải rùng mình, sống lưng lạnh toát.

“Những người này...”

“Đây không phải là người, quỷ đấy. Bọn này đều là những kẻ cầm đầu các đội quân dám dùng cảm đứng lên chống Nhật ở Đông Bắc, bản năng sống cực kỳ mạnh mẽ, dùng để luyện Đại Quỷ tương thì quá tốt.”

Nghe thế, Tổ Gia lòng đau quặn thắt, hận một nỗi không thể bắm vằm người đàn bà đang đứng trước mặt.

Tây Điền Mỹ Tử nhìn Tổ Gia, nói: “Hắn là Tổ Gia hận tôi đến tận xương tủy rồi. Muốn trách thì phải trách đất nước các ông không thể bảo vệ được bọn họ. Tôi nói rồi, Tổ Gia chỉ có hai con đường, hoặc là hợp tác, hoặc là chết. Tổ Gia được chọn chết theo nhiều cách, chặt đầu, chôn sống, cũng có thể được dùng vào thuật Đại Quỷ tương...”

Đột nhiên Tổ Gia cười lớn, rồi nói: “Năm 1918, tôi đã từng chết một lần rồi, một kẻ lừa đảo, làm đủ thứ chuyện tồi tệ như tôi, chết không đáng tiếc!”

Tây Điền Mỹ Tử nhếch miệng khinh khỉnh cười: “Sở dĩ, chúng tôi để Tổ Gia sống đến ngày hôm nay bởi thấy ông là người khôn ngoan, là nhân tài có thể uốn nắn được. Mai Huyền Tử chỉ thuộc loại miệng hổ báo gan thỏ dê, Tả Vĩnh Thiên bất trung bất nghĩa. Địa bàn ở Giang Nam, chúng tôi đã chuẩn bị để Tổ Gia thống lĩnh, ông không nên phụ lòng tốt của chúng tôi. Ngoài ra...”

Nói đến đây, Tây Điền Mỹ Tử dẫn đo một chút.

“Ngoài ra... Tổ Gia tướng mạo xuất chúng, là bậc nhân tài, hai năm trước chúng ta gặp nhau

ở Nam Việt, đã thương nhớ trong lòng. Nếu có công hiến cho Đại Nhật, bên quân đội có thể cho Tổ Gia được mang thân phận là công dân Nhật Bản. Mai này, sau khi chiến tranh chấm dứt, chúng ta có thể cùng nhau về Nhật, nếu Tổ Gia không ghét bỏ...” Nói đến đây, Tây Điền Mỹ Tử đặt bàn tay thon nhỏ lên vai Tổ Gia.

Tổ Gia từ từ đẩy tay bà ta ra, nói: “Xin hãy để tôi nghĩ đã.”

Tây Điền Mỹ Tử bật cười, nói: “Muốn chết trên mảnh đất quê hương đón hèn này của ông, hay đến Nhật an hưởng nửa đời còn lại, Tổ Gia hãy tự mình cân nhắc.”

Đêm đó, Tổ Gia ngồi một mình trong phòng giam. Tất cả mọi thứ cứ quay cuồng trong đầu óc ông, cái đất nước hèn kém này, cái chính phủ vô dụng này, đám dân tình ngu muội ấy... Cha mẹ chết trong tay bọn Quốc dân, em trai và em gái chết trong tay bọn Quốc dân... Bọn quân phiệt hỗn chiến với nhau, chẳng nghĩ gì cho dân, cả nước từ trên xuống dưới đều không thể nào thấy được một tia hy vọng... Không phải vậy, tuyệt đối không phải như vậy! Vẫn còn những người yêu nước, vẫn còn những người đứng lên chống lại chúng! Không thể làm một tên Hán gian! Chỉ cái chết mới có thể tạ tội với dân với nước!

Cửa nhà giam mở ra.

“Tổ Gia, nghĩ thông chưa? Hợp tác hay là không?”

“Hợp tác!”

MƯU TÍNH CỦA TỔ GIA

Tổ Gia nhận tám lệnh bài Cung giáo từ trong tay Tây Điền Mỹ Tử, trở về Giang Hoài với thân phận mới – kẻ phụng mệnh Thiên Hoàng.

“Tổ Gia về rồi! Tổ Gia về rồi!” Quần gia kêu lên. Giang Phi Yên, Hoàng Pháp Dung, Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu và Tam Bá đầu ào ra.

“Tổ Gia!”

Tổ Gia cười nói với mọi người: “Ta không sao, ta không sao!”

Quần gia vội vàng sai đám người hầu đi làm cơm tẩy trần, mừng Tổ Gia trở về.

Tổ Gia nói: “Không phải vội. Nhị Bá Đầu, người dẫn theo con trai Mai Huyền Tử, rồi cùng ta đến Mai Hoa Hội.”

Mọi người sững sờ nhìn Tổ Gia, ông nhìn mọi người, rồi lại nói: “Không việc gì, mọi người nghỉ ngơi trước đi, tôi bàn chuyện tiếp.”

Mai Huyền Tử lúc này như đang ngồi trên đồng lửa, vừa nghe thấy bảo Tổ Gia đưa công tử về, liền bật dậy chạy ra cửa tiếp đón.

Hai người vào nhà, Tổ Gia nói: “Châu về Hợp Phố rồi đây.” Rồi giao tận tay con trai cho Mai Huyền Tử.

Mai Huyền Tử ôm chặt đứa con trai, giao lại nó cho người hầu, sau đó nói: “Tổ Gia, có chuyện gì xảy ra vậy?”

Tổ Gia cười: “Tôi đang muốn hỏi Mai sư phụ xem đã xảy ra chuyện gì đây.”

Mai Huyền Tử ấp a ấp úng: “Hôm đó, tôi chỉ muốn cùng Tổ Gia nói những điều trong lòng...”

“Là chuyện hợp tác chứ gì?”

Mai Huyền Tử kinh ngạc.

Tổ Gia giơ tay, lấy ra tấm lệnh bài Cung giáo, đập lên bàn: “Tôi cũng có!”

“Kìa...” Mai Huyền Tử lúng túng. “Việc...”

Tổ Gia nói: “Ông có, tôi có, Tả Vịnh Thiên cũng có. Thiên Hoàng vừa muốn chúng ta làm việc cho ông ta, vừa không muốn chúng ta đoàn kết với nhau, cho nên Tả Vịnh Thiên mới có thể tranh thủ lấy lòng, đem chuyện ông thông đồng với Tề Xuân Phú nói cho tôi nghe.”

“Là hấn ta ư?” Mai Huyền Tử kinh ngạc hỏi.

Tổ Gia nhếch miệng cười: “Đây chính là điều mà Thiên Hoàng muốn trông thấy, tất cả chúng ta cùng làm việc cho bọn họ, nhưng cùng lúc đó tất cả chúng ta đều không đoàn kết. Chắc hẳn bọn họ đã hứa với ông, cho ông ngồi lên chiếc ghế cao nhất ở Giang Nam.”

“Việc này...” Mai Huyền Tử toát mồ hôi.

“Chà chà, Mai sư phụ cứ yên tâm, chiếc ghế đó không phải của ông đâu, là của tôi.” Tổ Gia lạnh lùng nói.

“Ông cũng trở thành Hán gian rồi sao?” Mai Huyền Tử sợ hãi hỏi.

“Tôi làm Hán gian còn tốt hơn ông làm kìa!” Nói xong, Tổ Gia đứng dậy, đi thẳng không ngoái đầu nhìn lại.

Đêm đó, Đường khẩu nhộn nhịp vô cùng, Tổ Gia bình an trở về, mọi người cùng phấn khởi, vui mừng khôn xiết.

Tại bàn ăn, Giang Phi Yến hỏi ông xem rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì, Tổ Gia nói: “Có chút kinh sợ nhưng không đến nỗi nguy hiểm. Tôi bị đưa đến tở giới Pháp, rồi bị áp giải đến một nhà lao bí mật, các người không thể tìm thấy được. May mà Giả Tứ gia có chút thế lực ở tở giới Pháp, tôi cho tên lính canh vài đồng, bảo hắn gửi cho ông ta bức thư, Giả Tứ gia đã bỏ ra rất nhiều tiền để mua chuộc đồn cảnh sát nên chúng mới chịu thả tôi ra. Bọn người Nhật muốn dồn tôi vào chỗ chết, tôi phải đến phủ Giả Tứ gia trốn một thời gian, bây giờ tình hình bớt căng mới dám quay về, để Yến tỷ và các huynh đệ phải lo lắng. Kính cả nhà một chén nào!”

Tất cả mọi người cùng nâng chén, nói: “Tổ Gia là người tốt, tất được trời phù hộ.”

Sau bữa cơm, mọi người đều giải tán, Tổ Gia mời Giang Phi Yến đến thư phòng, mới kể lại toàn bộ sự thật.

Sau khi nghe xong, Giang Phi Yến giật mình hỏi: “Tổ Gia đồng ý với người Nhật thật sao?”

Tổ Gia nhếch miệng cười, nói: “Cúi đầu không bị thiệt, Yến tỷ hãy nghe tôi nói...”

Giang Phi Yến ngồi lắng nghe từng lời từng lời, đầu lông mày mới dần dần giãn ra, nhưng rồi bà lại cảm thấy lo sợ trong lòng, nói: “Tổ Gia, làm như vậy vô cùng nguy hiểm, có thể mất mạng bất cứ lúc nào!”

Tổ Gia thở dài: “Đành phải làm vậy, không còn cách nào khác.”

Giang Phi Yến nhìn khuôn mặt sầu não của Tổ Gia, trong lòng trào lên niềm cảm thương: “Tổ Gia... hay là...”

“Yến tỷ định nói gì cứ nói thẳng đi.”

“Hay là...” Thân là Đại sư bá mà lúc này lại tỏ rõ thái độ vô cùng do dự, chính bà cũng cảm thấy khó mở lời, nửa muốn nói nửa muốn thôi.

“Hay là gì?” Tổ Gia không hiểu, liền gặng hỏi.

Giang Phi Yến ngẩng phắt đầu lên, nhìn Tổ Gia bằng ánh mắt chan chứa ân tình: “Hay là chúng ta cùng ra đi!”

Tổ Gia ngây người. Chúng ta? Cùng đi? Tâm ý của Giang Phi Yến, không phải ông không hiểu.

Khi gặp Giang Phi Yến lần đầu tiên vào năm 1932, ông đã đọc được hai chữ “ái mộ” trong ánh mắt bà. Năm 1933, khi Tổ Gia dẫn Trương Tự Triêm đến Việt Hải Đường xin kết làm thông gia, Giang Phi Yến gặng hỏi Tổ Gia tính chuyện trăm năm của mình thế nào, Tổ Gia cũng hiểu rõ ý bà, nhưng ông luôn cố ý né tránh.

Không phải Tô Gia không có tình cảm, không yêu thương bà, mà bởi ông nghĩ, thân làm A Bảo, thực sự không nên kết hôn. Hai kẻ bip bợm kết duyên với nhau, con cái vừa được sinh ra đã mang danh đứa nhóc bip bợm. Bản thân đã đi trên con đường này, ông không muốn con cái của mình cũng sống với thân phận của kẻ lừa đảo. Hơn nữa, đối với một A Bảo, nguy hiểm luôn rình rập, không biết mình ngày nào sẽ phải mất mạng, bỏ lại mẹ góa con cô cho bọn kẻ thù tìm đến báo thù, sống sao cho nổi?

Chưa kể, hai người đều cùng là Đại sư bá, nếu kết hợp lại với nhau, lẽ nào không làm chấn động khắp vùng Đông Nam Á? Bạn bè đồng đạo trong nước chẳng nói làm gì, bạn bè của Giang Phi Yến và Tô Gia ở Hương Cảng, Đài Loan, Ma Cao và bạn bè ở các nước Đông Nam Á khác lại nhiều, làm như vậy, các huynh đệ trong Đường khẩu sẽ nghĩ thế nào? Sau này, một khi xảy ra xung đột giữa các huynh đệ của hai Đường khẩu thì biết xử lý kiểu gì? Ai có thể đảm bảo hai Đường khẩu sẽ sống hòa thuận mãi mãi.

Điều quan trọng hơn cả là, trong tình hình hiện nay, làm sao Tô Gia có thể bỏ đi cùng bà được. Năm xưa, khi tiếp quản Mộc Tử Liên từ tay Trương Đan Thành, ông đã hạ quyết tâm dẫn dắt phái Giang Tướng trở nên sán lạn, huy hoàng, luôn kiên định quan điểm cướp của người giàu chia cho người nghèo, thưởng thiện phạt ác. Nay, người Nhật muốn thao túng tất cả các hội đạo môn ở Trung Quốc, lại biết được âm mưu phía sau của chúng, mình thân là chủ soái phái Giang Tướng, đâu thể bỏ chạy được?

Giang Phi Yến thấy Tô Gia không nói gì, cũng hiểu được phần nào, bà nói: “Một mình Tô Gia không thể thay đổi được đại cục, tôi cũng không thể làm được, cái chết của Ngũ Nương khiến tôi đột nhiên nhận thấy tất cả mọi thứ đều không quan trọng đến vậy, tôi muốn được sống những ngày tháng của một người bình thường. Chúng ta có thể giao lại Đường khẩu cho người khác, bao nhiêu người muốn tranh giành vị trí này còn không được. Chúng ta cùng ra nước ngoài, đến một nơi không ai có thể tìm được mình, mai danh ẩn tính, sống quãng đời còn lại trong yên bình.”

Khi xúc động, Giang Phi Yến bất giác đặt tay bà lên tay Tô Gia.

Không phải Tô Gia không muốn sống những ngày tháng như vậy, chỉ cần ông bỏ đi là xong, bọn người Nhật không thể tìm được, người Trung Quốc cũng không thể tìm được, ông cũng không cần phải ngày nào cũng vắt óc nghĩ cách dàn cục, không cần phải hao tổn tâm sức lo nghĩ kế sinh nhai cho Đường khẩu, nào là Trát phi, nào là đoán mệnh, nào là phong thủy, gạt bỏ hết ra khỏi đầu óc, chỉ còn lại hạnh phúc đời thường. Ông có thể nắm tay Giang Phi Yến, cùng bà đi dạo trên bờ biển trong ánh hoàng hôn óng ánh sắc vàng của nước Pháp, dạo chơi trên đại lộ rợp bóng mát ở nước Anh, hay tay trong tay với bà trong một giáo đường trắng lộng lẫy ở Mỹ.

Nhưng các huynh đệ của Đường khẩu sẽ thế nào? Sau khi ông bỏ đi, ai sẽ cầm lái, các huynh đệ kéo đến đầu hàng giặc Nhật bán nước cầu vinh, hay sẽ liều mạng vật lộn với chúng? Tất cả sẽ bị người Nhật giết chết, hay sẽ như chim vỡ tổ, tan tác muôn nơi? Bộ dạng sẵn sàng xả thân

bảo vệ chủ của Đại Bá đầu, ánh mắt thê chết mõi trung thành của Nhị Bá đầu, những giọt nước mắt phó thác cho đến hết đời của Trương Tự Triêm, tiếng ai thán trước tình cảnh lẻ loi không nơi nương tựa của Hoàng Pháp Dung... Tất cả đã trói buộc con tim Tổ Gia.

Giang Phi Yến thấy Tổ Gia vẫn không nói gì, bèn rút tay lại, cõi lòng trào dâng nỗi niềm thê thiết. Mãi lâu sau, bà nói: “Tổ Gia, có phải thân này của Giang Phi Yến không trong sạch, Tổ Gia mới không thương yêu?”

Tổ Gia ngẩng đầu nhìn bà, ánh mắt chất chứa nỗi niềm: “Yến tỷ hiểu lắm rồi, Yến tỷ đã vì phái Giang Tướng mà đánh đổi mọi thứ, tôi chỉ một lòng kính phục, đâu dám có ý ghét bỏ... Tôi... Tôi không thể bỏ mặc các huynh đệ. Tôi đã lên một kế hoạch...”

Giang Phi Yến không nói nữa, chỉ ngồi bên cạnh lắng nghe.

Ngày hôm sau, Tổ Gia tiễn Giang Phi Yến. Bà mang theo chuyện cơ mật đã bàn bạc với Tổ Gia, lặng lẽ trở về Nam Việt.

Giang Phi Yến rời đi chưa được bao lâu, Tổ Gia liền cho gọi Hoàng Pháp Dung đến.

“Ta hỏi ngươi một việc, ngươi nói ta nghe xem thế nào?”

Cặp mắt to tròn của Hoàng Pháp Dung chớp chớp liên tục, hỏi: “Tổ Gia có gì cần căn dặn?”

Tổ Gia hỏi: “Nếu một ngày nào đó ta không may gặp nạn, Mộc Tử Liên sẽ do ngươi lèo lái, ngươi thấy thế nào?”

Hoàng Pháp Dung vừa nghe thấy thế, khuôn mặt nhỏ bé tái mét, quỳ sụp xuống thưa: “Tổ gia, con không dám, con không dám!”

Tổ Gia vẫn điềm tĩnh nói: “Kẻ dám ngông cuồng bàn tính đến chuyện nếu Đại sư bá có mệnh hệ gì, chết; kẻ dám chia rẽ Đường khâu, chết. Hẳn ngươi phải biết phép tắc này chứ?”

Hoàng Pháp Dung sợ hãi bật khóc, run cầm cập nói: “Xin Tổ Gia tha tội, xin Tổ Gia tha tội!”

Tổ Gia lườm bà ta một cái, nói: “Niệm tình ngươi phạm tội lần đầu, nếu còn có lần sau, ta tuyệt đối không tha!” Tổ Gia gằn giọng nhấn mạnh từng từ.

Hoàng Pháp Dung dập đầu cõm cõp xuống đất, luôn miệng nói: “Tạ ơn Tổ Gia, tạ ơn Tổ Gia!” Nhưng trong lòng thầm nghĩ, sao ông ấy lại biết những điều mình nói với mẹ nuôi? Lẽ nào mẹ nuôi đã bán đứng mình ư?

“Đừng đoán già đoán non nữa, ta tuy không có ở Đường khâu, nhưng tất cả mọi chuyện đều không thể giấu được ta.” Tổ Gia nói.

Hoàng Pháp Dung run bắn người, đây khác nào cơ quan đặc vụ, hay bọn hoạn quan nhà Thanh?

“Người đứng lên!” Tổ Gia thở dài.

Hoàng Pháp Dung run lấy bầy đứng dậy.

“Người là con nhóc thông minh, nhưng người ta bảo rồi, hết khôn dòn đến đại, người không hiểu được đạo lý này sao?!” Tổ Gia nói.

Hoàng Pháp Dung vội nói: “Tổ Gia, con không dám nữa, con không dám như vậy nữa!”

Tổ Gia gật đầu: “Ta giao cho người một nhiệm vụ.”

“Xin Tổ Gia cứ sai bảo.”

“Ta muốn người về quê nhà Sơn Đông một chuyến.”

“Làm gì ạ? Con không muốn về nhà, cha mẹ con sẽ ép con lấy chồng.”

“Ta không bảo người về nhà mình, mà bảo người đi Giao Châu, nắm bắt tình hình của Trịnh Bán Tiên, xem xem quy mô Đường khẩu của hắn, số đệ tử, cả thủ đoạn Trát phi gần đây của hắn...”

Hoàng Pháp Dung nói: “Việc này không khó gì, con có thể lấy danh nghĩa bá sư học đạo, trà trộn vào Đường khẩu của ông ta. Sao thầy lại muốn điều tra ông ta? Ông ta và chúng ta không chung địa bàn mà.”

“Người cứ làm theo ta bảo là được. Ngoài ra, hãy chuẩn bị chút bạc, lẳng lặng nhét vào nhà mình, mặc dù không thể quay về, nhưng không được quên ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ...”

Mắt Hoàng Pháp Dung đỏ hoe, cúi đầu nói: “Tạ ơn Tổ Gia!” Nói rồi cáo lui.

Tổ Gia nhìn theo bóng Hoàng Pháp Dung, sắc mặt đanh lại.

Ngày hôm sau, Hoàng Pháp Dung sửa soạn hành lý, nhận một khoản tiền lớn, mau chóng về Sơn Đông. Suốt dọc đường đi, bà ta cảm thấy thật lạ, sao Tổ Gia lại cho mình nhiều tiền để báo đáp cha mẹ đến vậy, lòng vừa thầm vui mừng, vừa dự tính nhiều chuyện. Bà không hề hay biết, đây chính là số tiền bán mạng cuối cùng mà Tổ Gia đưa cho mình.

Tổ Gia đã quyết định trừ khử Hoàng Pháp Dung.

Cùng lúc này, Nhị Bá đầu gấp rút đến Bắc Bình, Tam Bá đầu chạy đến Hà Bắc. Ván cờ của

Tổ Gia đã bắt đầu...

NGŨ BÁ ĐẦU RÚT ÊM

Một cái Tết nữa lại đến, đất nước Trung Quốc đón chào năm 1935 với đầy biến động.

Mùa xuân lạnh giá, vết thương của Ngũ Bá đầu Lương Văn Khâu lại tái phát, tay phải đau nhức không chịu nổi, Tổ Gia thấy vậy, rất đau lòng. Vị Bá đầu già đã đi theo mình 12 năm trời, luôn một lòng trung thành, mái đầu nay đã bạc trắng, cả đời làm A Bảo, không vợ không con, dâng hiến mọi thứ cho phái Giang Tướng.

Đêm đó, Tổ Gia sai người làm một mâm cơm, mời Lương lão đầu đến.

“Lương gia, tay ông đỡ chưa?” Tổ Gia ân cần hỏi.

Tổ Gia rất ít khi gọi ông ta là “Lương gia”, tuy ông lớn tuổi, nhưng lễ nghĩa trong Đường khẩu không thể thay đổi được, ngày thường trước mặt các huynh đệ, Tổ Gia luôn gọi ông là “lão ngũ”.

“Không đáng ngại lắm, đã khiến Tổ Gia lo lắng rồi.” Lương Văn Khâu trong lòng rất vui.

“Lương gia chần cho ta một viên đạn, ta suốt đời không quên ơn.”

“Tổ Gia quá lời rồi, Tổ Gia là Đường chủ, là huynh đệ, tôi làm vậy mới phải.”

“Lương gia, ông đã tính đến những ngày tháng sau này chưa?”

Lương Văn Khâu ngó người, vội hỏi: “Tổ Gia, tôi vẫn có thể làm được việc, tôi vẫn làm được mà!” Ông ta tưởng Tổ Gia nghĩ tay chân mình không còn nhanh nhẹn, muốn đá mình.

Tổ Gia thờ dài nói: “Lương gia, ông và ta đều biết nỗi khổ khi làm một A Bảo. Bề ngoài vàng đeo bạc giắt, mặt mày hả hê, nhưng chúng ta không bằng người ta, bước vào con đường này, vài người có thể gác kiếm, nhưng có người cả đời không thể gột rửa được. Lương gia chưa từng lấy mạng người khác, có thể rửa tay...”

Lương Văn Khâu nghe thấy thế, vội nói: “Tổ Gia khiến tôi thấy run sợ rồi, tôi sinh ra là người của Đường khẩu, chết làm ma Đường khẩu, tuyệt đối không làm phản.”

“Lương gia, hôm nay không có ai ở đây, chỉ còn hai huynh đệ ta, có thể nói những lời gan ruột, ông không cần phải câu nệ lễ tiết.”

“Ừm.”

“Nhà Lương gia có bốn người, cha mẹ đều mất sớm, chỉ còn một cô em gái lấy chồng tận

Hàng Châu. Bao năm nay, Lương gia bận bịu công việc, mộ phần của cha mẹ lâu không người quét dọn. Những người như chúng ta, liều mạng trong giang hồ, cả ngày chỉ biết chém giết, một chút bất cẩn sẽ mất mạng, việc này ông biết, ta biết, các huynh đệ đều biết rõ, chỉ có điều mọi người không muốn đối diện với nó, biết rõ là một cơn mộng, nhưng không ai dám tỉnh lại.”

Những giọt nước từ khóe mắt Lương Văn Khâu lặng lẽ lăn xuống.

Mắt Tô Gia cũng đỏ lên, ông nói đầy xót xa: “Ta không thể buông tay được nữa, không có đường lui, đời này ta phải vậy, kiếp sau làm người, ta hy vọng ông trời sẽ không sắp đặt như vậy nữa.”

“Tô Gia, uống một chén nào!” Lương Văn Khâu nâng chén, uống cạn.

Tô Gia nói tiếp: “Ông biết đấy, Đường khẩu có quy định, một ngày làm A Bảo, cả đời phải làm A Bảo, chết già cũng không thể rút khỏi Đường khẩu. Nhưng từ sau khi ta tiếp quản Đường khẩu, đã có tiền lệ, ngày Chu Chấn Long rời đi, ta không ngăn cản vì ta tin ông ấy, ta biết ông ấy sẽ không bao giờ nói ra bí mật của Đường khẩu. Bây giờ ta sắp có tiền lệ thứ hai, Lương gia có thể rời khỏi Đường khẩu, cầm theo bạc, ra ngoài tìm một phụ nữ, sống cuộc sống của một người bình thường. Những lời này của ta là thật tâm, mong Lương gia hiểu cho.”

“Tô Gia...” Lương Văn Khâu cảm động rơi nước mắt.

“Hãy cầm tiền bạc đi về phía Nam, càng xa càng tốt. Đừng đi về phía Bắc, rất có thể người Nhật sẽ đưa đại quân Nam tiến.”

“Đại quân Nam tiến ư?”

“Ừm, những việc này Lương gia không cần phải bận lòng. Về sau, nếu gặp khó khăn bên ngoài, vẫn có thể quay về Đường khẩu. Nhưng ta vẫn phải nhắc lại một lần nữa luật của Đường khẩu, Tư thông với người ngoài, chết; tiết lộ bí mật của Đường khẩu, chết; chia rẽ Đường khẩu, chuyển địa bàn, chết!”

“Tô Gia!” Lương Văn Khâu liền quỳ xuống, ôm chân Tô Gia, nước mắt trào ra ướt nhoe khuôn mặt già nua. “Tô Gia, Tô Gia...” Sau đó ông ta gục đầu vào chân Tô Gia, tỏ ý tạ ơn.

Trong A Bảo thiên đã viết:

Ngã tòng phạm gian lai tác tướng,

Phạm gian nhất thiết giai quá vãng.

Lôi đả hỏa thiêu bất tẩu phong,

Sinh sinh tử tử tướng môn trung.

Đây là những điều mà bất cứ một người nào gia nhập vào phái Giang Tướng đều phải thề, nghĩa là: Tôi từ một người bình thường trong thế gian trở thành A Bảo, làm kẻ lừa đảo gạt người, không lưu luyến mọi chuyện của thế tục, cho dù có bị sét đánh hay bị thiêu chết tôi cũng không rời khỏi Đường khẩu, sống hay chết đều ở Đường khẩu.”

Nếu một người đã bước chân vào phái Giang Tướng thì cả cuộc đời đừng nghĩ đến chuyện thoát ra khỏi. Một vài người bị cuộc sống bức bách phải gia nhập Đường khẩu, được một thời gian, có chút tiền bạc, lại muốn bỏ chạy, tất cả đều bị bắt lại và giết chết.

Nếu có thể an toàn thoát khỏi Đường khẩu, xem như đã được sinh ra một lần nữa. Lương Văn Khâu đã được tái sinh như vậy.

Mấy ngày sau, được Tổ Gia sắp xếp, tại đường hội, Lương Văn Khâu cáo bệnh xin từ chức Bá đầu, Tổ Gia đồng ý, để ông ta lui về tuyền hai. Tất cả mọi người đều cho rằng ông ta lui về tuyền hai thật, không ai biết đây là lần vĩnh biệt. Sau đó, lấy danh nghĩa về quê nhà thăm mồ mả cha mẹ, Lương Văn Khâu đã một đi không trở lại, mãi mãi rời khỏi Đường khẩu. Trước khi đi, ông cúi lạy Tổ Gia ba lạy, Tổ Gia ôm lấy ông, hai huynh đệ cùng khóc, rồi vĩnh biệt nhau trong chốn giang hồ.

Sau khi Lương Văn Khâu đi khỏi, chức vị Ngũ Bá đầu liền bị trống.

Trương Kỳ Linh quê gốc ở Phúc Kiến, 18 tuổi gia nhập Đường khẩu, làm tay chân dưới trướng của Tiết Gia Nhân. Người này là nhân tài do Tam Bá đầu phát hiện ra. Ông nội hấn là truyền nhân của phái phong thủy Tam Hoàng. Học sơ sơ được chút kiến thức từ ông nội, hấn liền bắt đầu kê sạp làm ăn. Nhưng người này xuống tay quá chớn, hét giá rất cao, lại còn ngạo mạn, lâu dần, người đến xem càng ngày càng ít, việc làm ăn dần dần ế ẩm...

Năm 1932, khi Tam Bá đầu dẫn mấy tay chân ra phố luyện tay nghề, Trương Kỳ Linh vừa hay cũng đi qua, kẻ ngồi không thường hay nhiều chuyện, hấn ngóng chuyện rồi phát hiện ra chỗ thiếu sót trong lý luận của Tam Bá đầu, liền xô mọi người ra tranh luận, khiến Tam Bá đầu phải mất mặt.

Sau sự việc đó, Tam Bá đầu cho tay chân theo dõi hấn, còn mình về báo việc này cho Tổ Gia.

Tổ Gia nghe xong, nói: “Có thể chiêu an hấn không?”

Tam Bá Đầu nói: “Để con đi thử xem.”

Sở dĩ Tam Bá đầu chủ động xin chỉ thị cấp trên như vậy, bởi ông ta cũng từng trải qua những việc tương tự, nên biết rõ tâm lý của các thuật sĩ đang nản lòng thoái chí. Sau khi tìm được Trương Kỳ Linh, Tam Bá đầu liền nói toạc ý định của mình, rồi kể lại quá trình khi mình được

Tổ Gia cho gia nhập Đường khẩu, sau đó lại phóng đại một hồi về cảnh tượng sau khi gia nhập, bạc cứ được tuồn vào túi ào ào. Nghe thấy vậy, Trương Kỳ Linh chợt nghĩ, mình đã tìm được một tổ chức hãn hoi, liền vỗ đầu nói: “Cuối cùng cũng có đất dụng võ rồi!”

Con người đứng trước tiền bạc của cải rất dễ mù mắt, dễ quên đi những thị phi tối thiểu. Hãn mới chỉ nghe thấy Tam Bá đầu nói đến những đồng bạc trắng lóa, chứ không biết một khi vào nghề rồi sẽ có thể đứt tay cụt chân, không khéo còn mất mạng. Nếu biết trước được việc sẽ bị Tổ Gia giết năm 19 tuổi, hãn ắt không đời nào gia nhập Đường khẩu.

Trương Kỳ Linh có một chút thần thông quảng đại, hãn có thể phác thảo ra từng dãy núi trong cả nước, Bắc tận Côn Lôn, Nam đến Hải Nam, Tây bắt đầu từ Himalaya, Đông đến tận Phúc Kiến... Hãn thuộc lòng những mỏ núi lớn nhỏ trong đầu. Sau khi đến Đường khẩu, Tổ Gia sắp xếp cho hãn làm tay chân của Tam Bá đầu. Bản thân hãn rất mừng rỡ, mỗi lần dàn cục đều thể hiện hết mình. Từ khi bước chân vào Mộc Tử Liên, hãn đã tham gia vào mười mấy vụ dàn cục phong thủy lớn nhỏ.

Tam Bá đầu từng đề bạt tên này lên làm Bá đầu, Tổ Gia chỉ nói qua quýt rằng tạm thời Đường khẩu không thay đổi quy định chỉ có năm Bá đầu. Đối với loại người nhìn thấy tiền là sáng mắt này, Tổ Gia xưa nay khá thận trọng.

Sau khi Lương Văn Khâu đi, Tam Bá đầu bắt đầu ra sức đề cử Trương Kỳ Linh. Kỳ thực, vẫn còn một người nữa muốn tranh giành chức vị này, đó chính là Hoàng Pháp Dung. Nhưng chuyện Hoàng Pháp Dung và Giang Phi Yến dám ngang nhiên bàn đến chuyện người kế nhiệm Đường khẩu đã bị quản gia Ngô Lão Nhị của Tổ Gia nghe trộm được và báo lại cho Tổ Gia. Tổ Gia liền đổi ý, thế nên Hoàng Pháp Dung hiện giờ vẫn nằm trong ván cờ của ông, đang bán mạng cho ông. Chỉ có Hoàng Pháp Dung không hay biết rằng, đây là lần cuối cùng mình có thể bay nhảy.

Trương Kỳ Linh lên nhậm chức Ngũ Bá đầu trong tiếng chúc tụng của mọi người. Từ đó, Trương Kỳ Linh và Tiết Gia Nhân kết thành bè đảng sống chết có nhau, cho đến khi cùng nhau làm phản và cùng nhau nhận lấy cái chết.

BÍ MẬT GẶP MAI HUYỀN TỬ

Đức Phật dạy: Vạn pháp giai không, nhân quả bất không, nhân quả tương báo, như ảnh tùy hình. Người ta có thể không tin tất cả mọi thứ, nhưng luật nhân quả thì không thể trốn thoát được. Con người ta làm cái gì, nhất cử nhất động cũng bị ông trời soi xét, ghi lại trong một cuốn sổ. Quan tài tóc đen, Bá đầu làm phản, vụ Quỷ tương đây sóng gió, gặp thích khách ở khách sạn Tây Nhã, bị cầm tù ở Ngụy Mãn Châu, việc buộc phải lựa chọn giữa sự sống và cái chết... Bao nhiêu việc liên tiếp diễn ra khiến Tổ Gia cảm thấy vô cùng mệt mỏi, nhưng lại không thể oán trách được người khác, con đường này do ông tự chọn lấy. Hồi tưởng lại những năm tháng đã qua của phái Giang Tương, ngoài lừa đảo ra, vẫn chỉ là lừa đảo, ngày ngày mưu tính hại nhau, chém chém giết giết, hết lần này đến lần khác, bây giờ, cuối cùng lại khiến mình

roi vào cảnh lưới đao kẻ cổ.

Lần đầu tiên ông phải băn khoăn nghĩ lại việc mình gia nhập phái Giang Tướng là đúng hay sai. Ông nhớ đến Trương Đan Thành, uy phong khắp chốn, hô mưa gọi gió, cuối cùng thì sao đây? Không vợ không con, rơi nước mắt lìa đời khi người mang khuyết tật; ông nghĩ đến Kiều Ngũ Muội, tung hoành giữa hàng quân cả đen lẫn trắng, đoán biết được thiên cơ, nhưng lại không thể đoán biết được chuyện mình sẽ đột tử; ông nghĩ đến Trương Kế Nghiêu, cả cuộc đời sắm vai Đấng cứu thế, cuối cùng lại chết thảm trong cái lò bát quái của chính mình; người tiếp theo biết đâu lại là mình cũng nên...

Thậm chí, Tổ Gia bắt đầu ngưỡng mộ Lương Văn Khâu, ngưỡng mộ ông ta có một vị Đại sư bá tốt, ngưỡng mộ ông ta có thể bắt đầu một cuộc đời mới. Còn mình cười trên lưng hổ khó mà xuống, chân có đạp khua cũng vô ích!

Tổ Gia không sợ chết, nhưng ông biết, việc ông phải làm còn chưa xong. Phàm việc gì có mở đầu đều có kết thúc, gánh nặng có nặng gánh hơn, cũng vẫn phải ghé vai vào, lần này không phải vì mình, càng không phải vì phái Giang Tướng, mà vì đất nước Trung Hoa. Tổ Gia bắt đầu nghĩ đến đối sách tiếp theo, nước cờ này rất nguy hiểm, chỉ cần một chút bất cẩn sẽ thua hoàn toàn. Chuyện sống chết của bản thân không còn quan trọng nữa, quan trọng là các hội đạo môn của Trung Quốc đi theo hướng nào, người Nhật sẽ làm thế nào, dân tộc Trung Hoa sẽ ra sao?

Bao nhiêu năm nay, Tổ Gia dàn cục vô số, ông chưa từng biết sợ điều gì, nhưng lần này ông đã sợ, bởi ông không được phép thua, thua sẽ là tội nhân thiên cổ. Tổ Gia khổ sở nghĩ cách dàn cục, cuối cùng, ông đã tìm được cửa đột phá.

Đêm hôm đó, ông dẫn theo hai tay chân thân cận đến Mai Hoa Hội, bí mật gặp Mai Huyền Tử.

“Mai sư phụ, đã lâu không gặp vẫn khỏe chứ!” Sau khi vào nhà, Tổ Gia chấp tay hỏi thăm.

Việc này khiến trông ngược Mai Huyền Tử đập loạn lên, đầu óc ông ta vốn đang rối mù về chuyện Tổ Gia làm Hán gian, đêm hôm lại thấy Tổ Gia đến thăm, càng khiến ông ta vạ lên ngơ vực.

“Tổ Gia đại giá quang lâm, có gì chỉ dạy?” Mai Huyền Tử hỏi.

“Tôi đến để cùng ông bàn xem làm thế nào để phục vụ Thiên Hoàng tốt nhất.” Tổ Gia nhếch miệng cười nhạt thề.

“Gì cơ?” Mai Huyền Tử sững sờ. “Tổ Gia thật biết đùa, theo tôi thấy Tổ Gia và phái Giang Tướng chẳng đời nào chịu làm Hán gian đâu.”

Tổ Gia cười lớn: “Mai sư phụ quá khen rồi, tôi chỉ là hạng dân đen, những kẻ lừa đảo như

chúng ta, sống được ngày nào hay ngày ấy, chết thì đi châu trời, còn bận tâm đến đạo nghĩa gì nữa.”

Mai Huyền Tử lại ngó người ra, Tổ Gia ít khi nói những lời bậy bạ, lần này lại khác hoàn toàn.

“Không phải Mai sư phụ cũng đã làm Hán gian sao?” Tổ Gia hỏi vặn một câu.

“Khà khà!” Mai Huyền Tử khẽ cười. “Đúng vậy, phường lừa đảo như chúng ta, sống được ngày nào hay ngày ấy, chết thì đi châu trời.”

Tổ Gia mỉm cười, Mai Huyền Tử quả thật không đơn giản.

“Cái ghế Giang Nam đệ nhất, tôi vẫn thấy Mai sư phụ ngồi là hợp nhất.” Tổ Gia nói.

Mai Huyền Tử lắc đầu, cười khà: “Nền móng Mai Hoa Hội non kém, làm sao bì được với phái Giang Tương của Tổ Gia đã sừng sững hiên ngang suốt 300 năm. Trước đây, nhờ có người Nhật chống lưng, chúng tôi mới ngẩng đầu lên được, nay Tổ Gia cũng được Thiên Hoàng Nhật ban lệnh bài Cung giáo, chiếc ghế Giang Nam đệ nhất này không thể thuộc về ai khác ngoài Tổ Gia.”

Tổ Gia lại lắc đầu: “Mai sư phụ quá khiêm tốn rồi, nếu tôi và ông đều không thích hợp, vậy đành phải nhường lại cho kẻ hiền tài như Tả chương môn của Thiên Thánh Đạo rồi!” Tổ Gia khá giáo hoạt, ông muốn thăm dò xem Mai Huyền Tử đánh giá thế nào về Tả Vĩng Thiên.

Cuối cùng khiến Mai Huyền Tử nổi xung lên, nói: “Cái thằng súc sinh đó! Trương Kế Nghiêu chính do hắn ta hại chết! Một ngày là thầy, suốt đời là thầy, bắt kẻ đi theo chính đạo hay tà môn, sư phụ vẫn là sư phụ, giết thầy khác nào giết cha, thằng đây còn được coi là người không?”

Tổ Gia vẫn thản nhiên, lâm bâm: “Sống được ngày nào hay ngày ấy, chết thì đi châu...”

Chưa nói hết câu, Mai Huyền Tử đã cắt ngang lời: “Tổ Gia, thôi đừng diễn kịch nữa! Chúng ta qua lại với nhau không phải mới ngày một ngày hai, ông là con người thế nào, tôi đây biết rõ. Ông dám làm Hán gian, không sợ Cửu gia cắt cổ sao?”

Tổ Gia lại cười: “Con người tránh sao được cái chết, làm Hán gian cũng chết, không làm Hán gian cũng chết, trước khi chết được nở mày nở mặt, cũng đáng!”

Mai Huyền Tử đứng phắt dậy, vắn mắt lên nhìn Tổ Gia, mấy từ “Tôi coi khinh ông!” rít qua kẽ răng.

Tổ Gia vẫn ngồi ung dung, nói: “Mai sư phụ, ông quay người lại đi.”

Mai Huyền Tử ngơ ngác: “Ý... Ý ông là gì?”

Tổ Gia chỉ vào tấm gương kiêu Tây phía sau lưng Mai Huyền Tử, nói: “Hãy nhìn người trong đó, nói khinh ông ta trước đi.”

Mai Huyền Tử điên tiết quay người lại, chỉ trừng trừng không chớp mắt mà nhìn vào mình trong gương, đột nhiên ông ta gào lên: “Chó chết!” Rồi phẩy tay, xoảng một tiếng, chiếc gương bị đẩy xô đổ xuống đất, ông ta điên tiết quay lại nhìn Tổ Gia, gằn giọng nói: “Tôi biết rõ ông không phải Hán gian, ông cũng không thể làm Hán gian. Bây giờ tôi nói cho ông biết, ông nghe cho rõ đây, tôi – Mai Huyền Tử, cũng không phải Hán gian!”

Tổ Gia rùng mình vì vui mừng, đây chính là điều ông mong đợi.

Năm xưa, khi Mai Huyền Tử tự lập môn phái ở Thượng Hải, Tổ Gia đã phái người đi điều tra, sau khi biết ông ta là đệ tử của bậc thầy quốc học đức cao vọng trọng Mai Phủ Tổ, ông đã nhìn kẻ hậu sinh này bằng con mắt khác. Mai Phủ Tổ là Đại sư Quốc học, nhân phẩm và tài hoa đều thuộc đẳng cấp hàng đầu. Lão tiên sinh cả đời dạy học trồng người, học sinh khắp thiên hạ, sau khi xuất gia một lòng thanh tu, cùng Lý Thúc Đồng tiên sinh, người theo Phật, kẻ theo Đạo, trên quỹ đạo cuộc đời khác nhau đều lãnh ngộ được cảnh giới khác nhau, cuối cùng một người thành Phật nhập cõi Niết Bàn, một người thành tiên cưỡi mây đỏ bay về trời.

Thầy nào trò ấy. Học trò của thầy Phủ Tổ dù thế nào cũng không thể là thứ bỏ đi được. Còn việc tại sao Mai Huyền Tử rời khỏi đạo môn hoàn tục, tự lập Đường khẩu ở bến Thượng Hải, nguyên do bên trong không ai biết rõ, Tổ Gia khi đó cũng không sao hiểu nổi.

“Tổ Gia hãy đi theo tôi.” Mai Huyền Tử đã bình tâm lại đôi chút.

Tổ Gia biết, bí mật thật sự sắp được hé mở.

Hai người bước vào căn phòng phía tây, Tổ Gia nhìn thì thấy một tấm bài vị, trên đó ghi: “Linh vị sư tổ Mai Công Phủ Tổ”.

Mai Huyền Tử rút ba nén nhang, châm lửa, cung kính cắm vào lư hương, rồi vái ba vái. Sau đó, ông kể cho Tổ Gia nghe nguyên nhân ngọn nguồn việc mình hoàn tục.

Sống tại gia đã khó khăn, xuất gia còn khó khăn hơn. Bất kể là tăng hay đạo, người xuất gia chân chính đều không phải người muốn lánh đời cầu sự thanh tịnh, việc đó gọi là chạy trốn, chứ không phải thanh tu.

Trong Hoa Nghiêm kinh – phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói: “Do như liên hoa bất trước thủy, diệp như nhật nguyệt bất trú không”. Hoa sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, mặt trăng và mặt trời treo lơ lửng giữa trời nhưng không hề dựa dẫm vào thứ gì, cảnh giới được thông dong, thư thả khác thường, không phải dựa vào việc trốn tránh lánh đời mà đạt được.

Trong lịch sử, có vô số bậc cao tăng, đại đức đều là các tấm gương chuyên tâm tu tâm đức, mỗi hành động việc làm, mỗi phút mỗi giây đều nghĩ cho muôn dân, luôn một lòng từ bi cầu nguyện cho muôn dân, trong khoảnh khắc nhập cõi Niết Bàn vẫn nghĩ đến muôn dân, khi sắp về trời vẫn luôn phát nguyện, không bỏ mặc chúng sinh, giống như Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện: “Địa ngục vị không thệ bất thành Phật, chúng sinh độ tận phương chứng Bồ đề”.

Bởi vậy, nhất thời xuất gia thì dễ, xuất gia cả cuộc đời mới khó. Mai Huyền Tử chính là minh chứng cho câu nói này, ông ta mang trên người quá nhiều thói hư tật xấu. Đặc biệt là cờ bạc, ông ta không thể bỏ được.

Cho dù Mai Phủ Tổ giáo hóa hết lần này đến lần khác, ông ta vẫn tật xấu khó bỏ. Có lần, thậm chí ông ta còn nghĩ đến chuyện lấy dao chặt đứt tay mình. Về sau, trong một cơ hội ngẫu nhiên, ông ta nghe được các sư huynh to nhỏ với nhau, nói rằng, trong Tàng kinh các ở hậu viện có cuốn sách Kỳ môn độn giáp do thầy Mai Phủ Tổ chú giải, tin này khiến Mai Huyền Tử rung mình.

Kỳ môn độn giáp là thuật dự đoán thuộc tầng bậc cao nhất của Dịch học, thời xưa còn được mệnh danh là “Đế vương chi học”, nó hàm chứa rất nhiều yếu tố dự đoán, dùng ngũ hành, can chi, cửu cung, bát quái, tinh thần (sao thần) của vĩ thư trong thiên bàn, địa bàn, môn bàn, được coi là cuốn tuyển tập văn hóa thần bí của Trung Quốc. Người xưa nói: “Học hội kỳ môn độn, lai nhân bất dụng văn”, nghĩa là, nếu hiểu thuật Kỳ môn độn giáp, anh cứ việc ngồi ở nhà uống trà, lúc này có người gõ cửa, người ta còn chưa mở miệng nói gì, anh đã biết được ý định của việc người ta đến tìm. Lời ngợi khen về sự thần kỳ của Kỳ môn độn giáp đã khiến nó trở thành đối tượng lòng tìm của vô số người, từ xưa tới nay, người nghiên cứu thuật số đông như kiến.

Sau khi hay tin về Tàng kinh các, Mai Huyền Tử liền tìm trăm phương nghìn kế lấy cho bằng được cuốn sách này về tay mình. Một khi học được bản lĩnh này thì chẳng lo gì đến cái ăn cái uống nữa, ông ta có thể “khởi cục” bất cứ lúc nào, dùng thuật Kỳ môn để chọn ngày đẹp đi đánh bạc, sau đó lại chọn hướng ngồi tốt trên bàn, chọn lúc chọn nơi đại cát đại lợi, chắc chắn sẽ thắng bạc.

Nào ngờ, mọi thuật dự đoán như đều có linh tính riêng của nó, hầu như mọi phương pháp dự đoán sinh ra từ trong Chu dịch đều tuân theo một quy luật: Tích thiện tất dư niềm vui, tích bất thiện tất thừa tai họa. Thánh nhân soạn dịch, mục đích để giáo hóa chúng sinh, đón cát tránh hung, chứ không phải dùng để thỏa mãn thói tham lam ích kỷ, nếu dùng thuật dự đoán theo con đường tà đạo tất sẽ gặp chuyện ngoài ý muốn, cuối cùng rồi sẽ hủy hoại bản thân. Có không biết bao người ôm giấc mộng được phát tài mà lao đi học thuật Kỳ môn, cuối cùng tẩu hỏa nhập ma, biến thành một kẻ điên điên khùng khùng.

Nhìn thấu lòng dạ Mai Huyền Tử, thầy Mai Phủ Tổ đã hết lòng hết dạ dạy bảo ông ta: “Tất cả mọi pháp đều hư ảo như bong bóng. Lục căn của con bất tịnh, không thích hợp học đạo thuật siêu hình, nếu không tất sẽ phải phiền lụy!”

Mai Huyền Tử cứ gật đầu, nhưng kỳ thực chẳng hề nghe lọt tai từ nào, cái ý nghĩ “trộm sách rồi chạy” cứ quay cuồng trong đầu ông ta. Canh ba hôm sau, Mai Huyền Tử một mình đến hậu viện, lên vào Tầng kinh các, châm một ngọn nến, lấy ống tay che kín ánh nến, lật khắp hòm tủ, cuối cùng trông thấy bản chép tay Kỳ môn độn giáp tập chú. Đúng lúc này, các tiểu đạo sĩ đi gác đêm đã phát hiện ra ánh đèn chập chờn trong Tầng kinh các, liền hô lớn: “Có trộm! Có trộm!”

Mai Huyền Tử vội vội vàng vàng giấu cuốn kinh thư vào trong người, phi thân bay ra làm vỡ cả cửa sổ, sau đó ông ta trèo lên chiếc thang đã được chuẩn bị sẵn từ trước, vượt qua tường, trong đêm tối chuồn khỏi đạo quán xuống núi.

Sau khi trời sáng, Mai Huyền Tử đã chạy xa đến bốn, năm mươi dặm, ông ta ngồi dưới một cây cỏ thụ, lau mồ hôi trên mặt, sung sướng cười sảng sặc. Sau đó, ông ta móc cuốn sách trong người, mở ra nhìn, mặt mũi ỉu xiu, nản lòng thoái chí vô cùng, thì ra chỉ là một cuốn đại cương, chủ yếu nói về nguyên lý của thuật Kỳ môn độn giáp và các yếu tố suy diễn cơ bản khi khởi cục, còn về cơ bản không hề nhắc đến các thao tác cụ thể. Lúc này, Mai Huyền Tử mới phát hiện thấy, tên của cuốn sách này là Kỳ môn độn giáp tập chú 1, có quyển 1 thì chắc chắn sẽ có quyển 2, quyển 3, thậm chí là quyển 100. Tối qua, do gấp gáp nên không nhìn rõ đã lấy trộm rồi bỏ chạy, nghĩ đến đây Mai Huyền Tử vừa hối hận vừa tức giận.

Ông ta nghĩ đến chuyện lại quay về lấy trộm, nhưng lý trí đã chiến thắng cơn điên cuồng, ông ta biết đó là điều không thể, hoặc sau khi quay về, ông ta sẽ bị các sư huynh đánh chết, sư phụ cũng sẽ đuổi cổ ra khỏi sư môn. Mai Huyền Tử ngẫm nghĩ, rồi quyết định rời xa nơi này mãi mãi, xem như vẫn còn sót lại chút lương tâm. Ông ta đập đầu mấy cái về phía Mai Hoa đạo quán, từ đó bắt vô âm tín.

Hai năm sau, Mai Huyền Tử đang đi trên phố thì đọc được dòng tin đăng trên báo, nói rằng bậc thầy quốc học đáng kính Mai Phủ Tổ đã qua đời. Ông ta bất chấp mọi chuyện chạy về đạo quán. Chuyện trộm sách hai năm trước vẫn còn hiện rõ mồn một trước mắt, đến cổng đạo quán, ông ta lại hơi lưỡng lự, đúng lúc cửa đạo quán mở ra, là Huyền Không sư huynh.

Huyền Không nói: “Vào đi, trước lúc sư phụ đi người cứ gọi tên đệ.”

Mai Huyền Tử nghe thấy vậy, bật khóc.

Quỳ trước bài vị của thầy Phủ Tổ, Mai Huyền Tử nhớ lại mọi thứ đã xảy ra, hình ảnh thầy khi còn sống cứ hiển hiện về trong đầu ông.

Huyền Không khóc nói: “Trước khi sư phụ đi, thầy đã nói rất nhiều với các huynh đệ chúng tôi, thầy nói rằng, cả đời này, điều khiến thầy tiếc nuối nhất chính là không thể độ hóa được đệ. Người có đèn năm trăm đệ tử và học trò, ai cũng đi theo con đường chính đạo, mà thầy không thể kéo đệ quay về, nhưng thầy tin rằng sẽ có một ngày đệ hồi tâm chuyển ý. Thầy tin rằng ai cũng có thiện căn, chỉ là cơ duyên chưa đến, còn chưa đến mùa cây cối đâm chồi, thầy

đã nguyện: Nếu ta nói sai, sau khi chết sẽ bị sét đánh, toàn thân cháy khét; nếu ta nói đúng, cây thiết trước cổng sẽ nở hoa ngay. Kết quả là ngày thứ hai sau khi sư phụ qua đời, cây thiết chưa từng ra hoa đã 90 năm nay lại trở nhụy hoa vàng tươi.”

“Sư phụ...” Mai Huyền Tử ngẩng mặt lên trời, nước mắt ầng ậc. Gió thu se sắt, cây cỏ đượm nỗi bi ai, tiếng gọi bi thương của Mai Huyền Tử vang tận rời xanh.

XEM TƯỞNG CHO PHÙNG NGỌC TƯỜNG

Mai Huyền Tử lại một lần nữa tái xuất vào năm 1924, khi diễn ra cuộc chiến Trục Phụng lần hai, ông ta thành lập Mai Hoa Hội ở Thượng Hải.

Ông ta từng nói với các sư huynh, sư đệ rằng: “Mọi người cứ ở đạo quán thanh tu cho tốt, trông coi linh vị sư phụ, tôi ra ngoài lặn lội vài năm. Tuy đi trên con đường khác nhau, nhưng mọi người hãy yên tâm, tôi sẽ không làm chuyện gì trái với lòng mình nữa.”

Mai Huyền Tử nhìn thấy sự suy bại của Trung Hoa. Từ cuộc chiến tranh Nha phiến đến nay, bọn đế quốc kéo đến xâm lược, đất nước sắp bị tiêu vong, tín ngưỡng sắp đến hồi tuyệt diệt, ông ta muốn dùng sức mình, một lần nữa phát triển văn hóa Đạo giáo thêm rực rỡ. Về sau, khi bắt tay vào mới phát hiện ra rằng chuyện không hề đơn giản đến vậy. Ông truyền giảng Đạo giáo cho người ta, người ta lại truyền giảng Tây học cho ông; ông nói về thuật luyện đan, người ta lại nói về đạn pháo; ông giảng về sự tu thân, người ta lại giảng về tự do; ông giảng về cấm dục, người ta lại nói cho ông nghe về những điều lãng mạn; ông nói về Nguyên Thủy, Thiên Tôn, người ta nói về Chúa Jesu, Cơ Đốc giáo... Đến lúc này ông mới hiểu, Quốc học đã bị lung lay đến tận gốc rễ. Tàu thuyền và pháo đạn của bọn đế quốc cứ lao vào Trung Quốc, tư tưởng về tôn giáo cũng dần dần ngấm xuống, tư tưởng bị u mê tê liệt là điều đáng sợ nhất, ông bắt đầu trăn trở xem phải dùng cách nào để người trong nước mình tin tưởng mình.

Chính vào lúc này, ông quen với bà đồng nổi tiếng An Huy là Cái Phi Tiên. Cái Phi Tiên, tên thật là Cái Hà, khi còn nhỏ thường hay bị chàng xác – chàng xác chính là bị những thứ không sạch sẽ ám vào người, như: bị người chết, bị loài hồ ly hay oan hồn ác quỷ nhập vào người. Về sau, khi lớn lên, bà thường nói rằng mình có thể nhìn thấy những thứ luôn đeo bám người ta, bà từng nói với ông cụ hàng xóm: “Sau lưng ông có một cái đầu ngựa, còn có cả một cái đầu trâu.” Ai cũng biết, một khi sau lưng người già có những cảnh tượng kỳ quái này, nghĩa là chẳng còn bao lâu nữa họ sẽ chết. Quả nhiên, hai ngày sau, trong căn nhà của người hàng xóm sát vách có tiếng khóc đám ma, ông cụ đã về trời. Người ta bắt đầu đến bái lạy Cái Hà, bà càng ngày càng nổi danh, thường hay đuổi quỷ trị bệnh cho người, về sau có được danh hiệu “Cái Phi Tiên”.

Mai Huyền Tử thấy vậy mới choàng tỉnh, thì ra sức mạnh của mê tín lại ghê gớm đến vậy. Ông ta tìm mọi cách tiếp cận Cái Phi Tiên, nhiều lần bày tỏ lòng mình, rồi cũng gây được ấn tượng tốt đẹp với bà. Hai người tâm đầu ý hợp, tư tưởng giống nhau, cuối cùng nên vợ nên chồng, cùng sáng lập ra Mai Hoa Hội.

Giống như tư tưởng cướp của người giàu chia cho người nghèo của phái Giang Tương, mục đích thật sự của Mai Hoa Hội cũng không phải lừa đảo, mà là muốn tống khứ các giáo phái của phương Tây, khôi phục Quốc học. Cho nên, khi gặp Tổ Gia ở khách sạn Tây Nhã, Mai Huyền Tử mới phát ra câu: “Tu kỳ thân nhi phát kỳ thiện, kẻ thánh học nhi khai vị lai”, còn trịnh trọng nói với Tổ Gia: “Mai Hoa Hội được thành lập 12 năm nay, mỗi khoản đều ghi lại rõ ràng, ngoài khoản chi tiêu bình thường để duy trì Đường khẩu ra, mọi nguồn thu đều cho vào...”

Bao nhiêu năm nay, Mai Huyền Tử luôn tìm kiếm một chỗ dựa lớn, rồi lại tìm chỗ lớn hơn nữa để truyền bá, phát triển Quốc học, nhưng bọn quân phiệt còn mãi đánh đấm lẫn nhau. Trước cục diện Trung Quốc đang lẩn quẩn trong cái vòng mê muội không chịu tỉnh ngộ này, từ khi Mai Hoa Hội được thành lập, ông ta luôn cảm thấy làm nên chuyện quả thực quá khó khăn. Chính vào thời điểm quan trọng này, người Nhật lại tìm đến ông ta. Ông ta nghe bọn chúng nói, cho rằng cơ hội trời ban “mượn sức mạnh này đánh lại sức mạnh kia” đã đến, cần phải lợi dụng thế lực của người Nhật, tống cổ tôn giáo của bọn Tây ra khỏi bờ cõi, đợi thời cơ chín muồi sẽ qua cầu rút ván, lật đổ con thuyền của người Nhật.

Mai Huyền Tử nói ra hết những lời gan ruột này với Tổ Gia. Sau khi nghe xong, Tổ Gia chỉ im lặng gật đầu, thở dài, rồi nói với Mai Huyền Tử: “Kẻ không biết mới giận, Mai sư phụ chịu tiếng chửi rửa sau lưng đã lâu, quả thực cũng khó cho ông, Mai sư phụ hãy nghe tôi nói...”

Mai Huyền Tử cúi người ghé sát tai ông lắng nghe, hai vị Đại sư cùng giải bày những lời xuất phát từ đáy lòng cho nhau nghe. Trước sự nguy nan của đất nước, một nụ cười có thể làm tan biến mọi ân oán, hận thù.

Sau đó, hai người lại lên kế hoạch tỉ mỉ cho bước tiếp theo, mãi cho đến khi trời sáng vẫn chưa bàn xong. Đến giờ Ngọ, hai người cùng quỳ trước linh vị của thầy Mai Phủ Tổ, thắp hương thề nguyện, vái nhau tám vái, kết nghĩa anh em.

Kết đồng minh với Mai Huyền Tử, Tổ Gia cảm thấy vững vàng hơn nhiều, nhưng vẫn luôn thấy thiếu thứ gì đó. Ba hôm sau, Tổ Gia lại bí mật gặp Tăng Kính Võ, nói rõ kế hoạch của mình, đồng thời bảo ông truyền lại với Cửu gia. Kỳ thực, gần đây Tăng Kính Võ cũng đang tìm cơ hội bàn chuyện với Tổ Gia, nếu Tổ Gia là Hán gian thật, ông ta nhất định sẽ ra tay trừ khử.

Sau khi biết được dự tính thật sự của Tổ Gia, Tăng Kính Võ lo lắng nhắc nhở: “Tổ Gia phải hết sức thận trọng, người Nhật không dễ đối phó đâu.”

Tổ Gia gật đầu, nói: “Tôi vẫn phải phiên Tăng Giáo đầu một chuyện.”

“Tổ Gia cứ nói!”

“Giúp tôi tìm một người...”

Một tuần sau, nhờ những manh mối mà Tăng Kính Võ cung cấp, Tổ Gia đã tìm được một vị tướng sĩ nổi tiếng ẩn cư ở An Huy là Bành Hàm Phong.

Bành tướng sĩ là nhân vật nổi tiếng trong giới thuật số thời Dân quốc, rất am hiểu về tướng thuật, được người ta gọi là Nhất đại thần tướng, thiết khẩu trực đoán. Sở dĩ Bành tướng sĩ có được bản lĩnh ấy, ngoài tư chất thông minh, luôn siêng năng, nỗ lực ra, còn bởi ông có cơ duyên có được cuốn sách tướng thuật còn sót lại trong hang Mạc Cao ở Đôn Hoàng.

Văn hoá Đôn Hoàng được nổi danh ở nước ngoài bởi người ta đã tình cờ phát hiện ra một động tàng kinh ở đây, tiếc rằng đã bị bọn đế quốc nháy vào xâu xé, giờ ở Đôn Hoàng chỉ còn lại vài cuốn sách rách nát.

Ngày 26 tháng 5 năm Quang Tự 26, khi trông coi động Mạc Cao khai thông lớp bùn lắng đọng ở lối đi số 16 ở Đôn Hoàng, đạo sĩ Vương Viên Duyên đã bất ngờ nghe thấy âm thanh phát ra từ một hang động ở bức tường đá phía bên phải. Vương đạo sĩ cho rằng bức tường này rỗng bên trong, vì thế gõ vỡ bức bích họa, cú gõ này thật tai hại, nó đã để lộ ra Động tàng kinh Đôn Hoàng gây kinh thiên động địa khắp trong và ngoài nước. Phật kinh, Đạo kinh, sách kinh điển thuật số – trong đó có cả sách tướng thuật – từ mấy nghìn năm trước đều phô bày ra trước mắt.. Đáng buồn là những cuốn kinh này lại không gây được sự chú ý của chính phủ nhà Thanh. Một vương triều rồi ren, đang ngụp lặn trong những ngày tàn, tự lo cho mình còn chẳng xong, nên cũng không thể bận tâm đến những thứ này, kết quả đã để cho bọn đế quốc nhào đến. Sách kinh ở Đôn Hoàng bị bọn người Nhật, Mỹ, Nga, Đức tranh cướp gần hết, chỉ còn chừa lại cho Trung Quốc lác đác vài cuốn. Đại sư Quốc học bậc nhất thời đó là thầy Lý Tiệm Lâm từng than: “Đôn Hoàng ở Trung Quốc, nhưng văn hoá Đôn Hoàng lại ở ngoài thế giới.”

Sau sự việc đó, Bành tướng sĩ vì muốn học về Đôn Hoàng học, đã vượt cả nghìn dặm đến tận đất Lũng (tên gọi khác tỉnh Cam Túc), tìm đến động tàng kinh, thăm viếng các ẩn sĩ, cuối cùng có được mười hai cuốn tướng thuật còn sót lại ở Đôn Hoàng, sau đó ông bế quan ba năm, chuyên tâm nghiên cứu, cuối cùng soạn ra Đại pháp.

Trước cuộc đại chiến ở Trung Nguyên, tướng quân Phùng Ngọc Tường đích thân mời Bành tướng sĩ đến, nhờ ông xem tướng cho mình. Bành tướng sĩ xem kỹ ngũ quan của Phùng Ngọc Tường, sau đó nói đúng một câu: “Sinh vu đao sơn, tử vu hỏa hải”.

Nửa câu đầu, Phùng Ngọc Tường có thể hiểu được. Quê gốc của ông ta ở An Huy, nơi đó ở vào thế đất có long mạch vượng, bên trái nhà tổ họ có một ngọn núi tên là Thử Đao Sơn, sở dĩ có tên như vậy vì tương truyền thời Tam Quốc, Quan Vũ đã thử cây Thanh Long yển nguyệt đao – cây đao Thanh Long hình bán nguyệt – lần đầu tiên ở đây. Còn về vế sau “chết trong biển lửa”, Phùng Ngọc Tường nát óc suy nghĩ mà vẫn không sao hiểu được.

Năm 1928, lịch sử đã minh chứng cho lời sấm này, khi Phùng Ngọc Tường ngồi trên con tàu

mang tên Thăng Lợi khởi hành từ New York đi Odessa, giữa đường tàu bốc cháy, cả nhà cùng bỏ mạng trong biển lửa. Có thể thấy, năng lực của Bành tướng sĩ thuộc hạng nhất.

Sở dĩ Tổ Gia tìm Bành tướng sĩ, chính vì muốn học được tướng thuật chân chính. Đã bao năm nay, ông luôn tìm tòi, học theo phương pháp tướng số nào đơn giản, thực dụng nhất, Bát tự cần phải có ngày sinh, Lục hào cần phải có đồng xu, Kỳ môn cần phải khởi cục, chỉ duy nhất có thuật xem tướng – quan sát tướng mạo mà biết ngay phúc họa, nghe giọng nói biết ngay cát hung – nếu ông nắm bắt được có khác gì như hổ thêm cánh vào lúc nguy cấp.

Điểm cao thâm nhất của tướng thuật là có thể nhìn ra được vận khí Lưu niên trên khuôn mặt. Lưu niên là thuật ngữ trong mệnh lý học, chỉ một năm mà người ta trải qua, thời gian như nước chảy (thủy Lưu niên), cho nên mới có cách gọi đẹp đẽ này. Từ Lưu niên đến Lưu nguyệt, từ Lưu nguyệt đến từng ngày, từ những nét đặc trưng và khí sắc mỗi ngày trên khuôn mặt của người ta mà có thể phán đoán ra được phúc họa cát hung trong một khoảng thời gian gần của một người. Một vị tướng sĩ cao minh, ngay cả một chuyện nhỏ nhất như bạn vừa mới có quan hệ nam nữ, ông ta đều có thể đoán chính xác qua khí sắc trên nét mặt của bạn. Tổ Gia muốn dùng phương pháp này, hy vọng có thể phán đoán chính xác sự thành bại của đối thủ vào thời khắc nguy cấp, cũng như đoán được sự thành bại của chính mình.

Không ngờ, sau khi gặp được Bành tướng sĩ, Tổ Gia đã vô cùng thất vọng. Bành tướng sĩ liền giảng cho ông ngay một đòn phủ đầu: “Xem tướng đoán mệnh đều là thứ tà đạo, không chỉ mê hoặc tâm trí của người dân mà còn khiến cho mình trượt chân lạc đường. Những người xem tướng số không một ai có được kết cục tốt đẹp. Đại sư Lục hào Kinh Phòng đời Hán đoán mệnh cả đời, cuối cùng lại bị Hoàng đế giết chết, sau khi chết thi thể bị phân thây, tòng xẻo; Hàn Dũ từng ca ngợi Lý Hư Trung xem Bát tự “trăm lần không sai một”, nhưng ông ta lại nuột nhằm phải thủy ngân trúng độc mà chết; Lưu Bá Ôn đời Minh có được mỹ danh “biết năm trăm năm về trước và năm trăm năm về sau”, cuối cùng lại bị Hồ Duy Dung hạ độc, hai người con trai, một người phải nhảy xuống giếng, một người phải treo cổ, hương hỏa gia môn tuyệt diệt; còn có rất nhiều thầy tướng số nổi tiếng khác, hoặc là cả đời vận hạn liên miên, hoặc con cháu đời sau tàn tật ngắn ngủi... Từ lâu ta đã không xem tướng cho người ta, cho nên những sách xem tướng đoán mệnh nổi tiếng đều bị đốt cả rồi!”

Từng câu, từng câu một thúc mạnh vào tâm khảm Tổ Gia. Tổ Gia như vẫn trong cơn mộng mị, thận trọng hỏi: “Tại sao lại vậy?”

“Nhìn thấu tâm trí người ta, đi ngược với đạo trời.” Bành tướng sĩ nói.

“Xin chân nhân chỉ dạy!” Tổ Gia nhất thời vẫn chưa lĩnh hội được.

“Trong Kinh Dịch, từ đầu chí cuối đều nói về đạo lý làm người, từ đầu chí cuối thứ mà nó nhấn mạnh đều là việc mỗi cá nhân phải tự tu thân, thuận theo lẽ trời, phản tỉnh bản thân mình, nâng cao đức hạnh của mình, có như vậy mới đạt được mục đích tránh hung đón cát, nói cách khác chính là, người có thể làm thay đổi được vận mệnh của anh chính là bản thân anh, đây là

nguyên tắc căn bản của Kinh Dịch. Mà việc xem tướng số lại phá vỡ nguyên tắc này, nó khiến người ta đem ký thác hy vọng lên ngoại vật, ký thác vào thầy tướng số, ký thác vào tà thuyết dị đoan của bùa chú, khiến cho chúng sinh đánh mất tâm tính, đánh mất bản ngã, đây gọi là đánh cắp linh hồn. Người nói xem, tội này sống được bao lâu?” Bành tướng sĩ giải thích.

Tổ Gia tâm đắc gật đầu, như đã lĩnh ngộ được sâu sắc, sau đó hỏi đến cùng: “Nói như vậy, bất luận là một vị đại sư hiểu rõ mệnh lý chân chính, hay chỉ là một kẻ khôn lanh lừa lọc, chuyên hành nghề lừa đảo trên giang hồ, đều không có kết quả tốt đẹp?”

“Đại sư và một kẻ lừa đảo có gì khác nhau?” Bành tướng sĩ hỏi ngược lại.

“Một người có bản lĩnh thật, một người chỉ là hư danh.” Tổ Gia đáp.

“Khà khà khà!” Bành tướng sĩ cười lớn. “Sai rồi! Bậc Đại sư và kẻ lừa đảo cũng chỉ kẻ tám lạng, người nửa cân mà thôi. Mục đích của bọn họ đều là để người ta đem ký gửi vận mệnh vào việc xem tướng mà coi nhẹ tầm quan trọng của việc tự tu tập bản thân. Rút cục đều vì tiền, bọn họ mới dùng lời khôn tiếng khéo để lừa phỉnh người ta, miệng tuy khăng khải đỉnh đạc nhưng thứ mà trong đầu họ nghĩ đến chẳng qua đều là những nén bạc trắng xóa lóa mắt mà thôi, chỉ khác nhau ở chỗ công phu biểu diễn cao hay thấp, kẻ giỏi che đậy tâm tư, tạm thời đứng trước đồng bạc mà mặt mày không biến sắc, đó chính là Đại sư; kẻ không giỏi giấu giếm, thấy tiền bạc là mắt sáng lên, đó chính là kẻ lừa đảo. Nhưng một khi lộ mất cái mặt nạ của bậc Đại sư thì sẽ phát hiện ra, ông ta còn tham hơn phường lừa đảo, gian trá hơn chúng!”

Tổ Gia bừng tỉnh như được dội nước lên đầu: “Chân nhân nói phải! Chân nhân nói phải!”

Bành tướng sĩ cười khà: “Theo ta thấy, Đại sư chân chính, từ cổ chí kim chỉ có một, đó chính là Trương Lương đời Hán. Ông ta là người thực sự hiểu được chân lý của Kinh Dịch, cho nên chưa bao giờ xem tướng số cho người ta, sau khi phò giúp Lưu Bang dựng lên cơ nghiệp nhà Hán, liền rút lui ngay. Đây chính là người duy nhất học Kinh Dịch đạt đến cảnh giới xuất thần, lại được sống thọ, được chết trên giường nhà mình. Gia Cát Lượng không được vậy, sau vài năm làm trái đạo trời, hao người tổn của, chết nơi đất khách mãi gò Ngũ Trượng (Thiểm Tây); Lưu Bá Ôn càng không xong, phải gánh chịu họa diệt môn thâm trọng; Kinh Phòng thì không phải nói nữa, chết chẳng toàn thân; Thiệu Ung được xem là Đại sư nửa vời, ban đầu ông ta cũng có ý định dùng cách xem tướng số để cải mệnh cho người ta, về sau mới phát hiện ra không thể làm được, cuối cùng im bặt, cái gì cũng không nói, điểm này đã được thể hiện rõ nét trong trước tác Hoàng cực kinh thế, ông ta chỉ viết ra khởi nguồn của âm dương, cách cục xã hội diễn biến tự nhiên, chứ không hề tiết lộ phương pháp diễn đoán (diễn giải mà luận đoán), đó chính là vì sợ người khác học được phương pháp này mà đi làm đường.”

Tổ Gia gật đầu liên tiếp: “Chân nhân dạy rất phải!”

“Hơn nữa, người không nhận ra một hiện tượng rất thú vị hay sao?” Bành tướng sĩ nhú mày hỏi.

“Hiện tượng gì vậy?” Tổ Gia không hiểu.

“Người thích xem tướng số thì vận mệnh càng ngày càng kém, càng mong cầu tài vận, tài vận càng không tốt; cầu nhân duyên, nhân duyên càng không thuận lợi; cầu sức khỏe, sức khỏe kém dần; cầu đường quan vận thì chiếc mũ ô sa sớm muộn cũng mất...” Bành tướng sĩ mỉm cười nói.

“Mệnh càng xem càng bạc?” Tổ Gia đã ngộ ra đôi phần.

“Ừm.” Bành tướng sĩ gật đầu. “Vì những người này đã giao vận mệnh của mình cho kẻ khác, vậy còn tốt đẹp được nữa không?”

Tổ Gia lại gật đầu lia lịa, sau đó liền đem ý đồ thật sự của mình nói với Bành tướng sĩ.

Sau khi nghe xong, Bành tướng sĩ mỉm cười gật đầu: “Người vì muốn cứu nước mà đến... Nếu ta đuổi người ra khỏi cửa thì ta chẳng khác kẻ bắt nạt bắt nghĩa. Ta sẽ truyền lại cho người đôi chút về Ngũ hành tâm pháp vậy, có lẽ sẽ có tác dụng, còn về việc nó có tác dụng thế nào, tự người liệu mà làm, không làm được sẽ mất mạng đấy!”

Tổ Gia vội cúi nghiêng người lắng nghe.

Lúc này, Tổ Gia mới phát hiện ra, Bành tướng sĩ không chỉ vô cùng tinh thông tướng thuật mà còn rất am hiểu kiến thức của các môn thuật số khác, mọi thuật dự đoán đều không thể tách rời khỏi quy luật sinh khắc chế hóa của ngũ hành, công cụ suy diễn đều là thiên can địa chi, nhất pháp thông, vạn pháp thông, nguyên lý đều giống nhau. Hai người thấp nền trò chuyện thâu đêm không nghỉ. Họ nói từ tướng mặt cho đến tướng tay, từ tướng tay đến Bát tự, từ Nạp âm thủ mệnh đến Thiết Bản thần toán, từ Kỳ môn độn giáp đến Mai Hoa dịch số, Bành tướng sĩ tóm lược những điểm cốt yếu đem truyền thụ, Tổ Gia liền ghi khắc lời dạy của thầy.

Lúc canh năm, Tổ Gia vẫn không thấy buồn ngủ, nhưng vì lo nghĩ cho sức khỏe của Bành tướng sĩ, liền đề nghị ông hãy nghỉ ngơi trước.

Sau khi Bành tướng sĩ vào nhà nằm nghỉ, Tổ Gia nhẹ nhàng khép cửa lại, bước ra ngoài. Giữa vùng sơn dã, ông ngồi xếp bằng trên một tảng đá lớn, hít thở bầu không khí trong lành, ngẫm nghĩ lại mọi điều mà Bành tướng sĩ đã truyền dạy, nghĩ đến lúc phấn chấn, ông không khỏi bất giác thâm thán phục sự thần kỳ vĩ đại của thuật số Trung Hoa.

Khi mặt trời đã lên cao, gần đến giờ Ty, Tổ Gia đoán chắc Bành tướng sĩ đã thức dậy, bèn quay lại nhà, gõ cửa nhẹ nhàng.

“Bành chân nhân?”

Không thấy tiếng đáp lại. Tổ Gia cầu có thêm kiến thức như kẻ đang khát cháy cổ, nhưng lại nhớ đến điển cố Trình môn lập tuyết, nếu lão tiên sinh còn chưa thức dậy, vậy thì hãy cứ đợi

thầy thức dậy đã. Tổ Gia đứng đợi ở ngoài đúng một giờ đồng hồ, thấy đã sắp đến giờ Ngọ, không thể chờ được lại gõ cửa lần nữa.

Trong nhà vẫn không có tiếng trả lời, một dự cảm không lành nhanh chóng ập đến, Tổ Gia liền đẩy mạnh cửa bước vào.

“Hả!?” Tổ Gia kêu lên, trên giường trống không, Bành tướng sĩ đã biến mất!

Tổ Gia nghĩ đủ cách mà vẫn không sao hiểu được, sau đó dùng thuật Kỳ môn độn giáp khởi cục trên tay, để xem Bành tướng sĩ đã đi về hướng nào. Kỳ môn độn giáp có tất cả tám cửa (bát môn), chia thành: Hưu môn, Sinh môn, Thương môn, Đỗ môn, Cảnh môn, Tử môn, Kinh môn, Khai môn. Trong đó, có bốn cát môn là: Hưu, Sinh, Cảnh, Khai; bốn cửa còn lại bị coi là hung môn. Năm xưa, khi tướng Ngụy là Tào Nhân bố trận Bát môn kim tỏa hòng dồn Lưu Bị vào Tử Môn, thì bị quân sư của Lưu Bị là Từ Thước nhìn ra mà phá giải được. Sau đó, Gia Cát Khổng Minh lại thay đổi trận pháp này, tạo ra Bát trận đồ (Trần đồ bát quái). Năm 222, tướng Ngô là Lục Tốn đã đánh bại Lưu Bị trong trận Hỏa thiêu liên doanh, đòi đánh đuổi đến cùng, bất cẩn mà chui vào Bát trận đồ do Gia Cát Lượng bố trí, nếu không phải cha vợ của Gia Cát Lượng dẫn hấn ra qua Sinh môn thì hấn đã chết trong vòng vây đó rồi. Tổ Gia liền áp dụng ngay thứ mình vừa học được, khởi cục trên tay, thấy Bành tướng sĩ đã lạc Hưu môn, cho thấy không có gì đáng lo ngại đến tính mệnh, nhưng Hưu Môn cũng cho thấy thầy đã “viễn hành” (đi xa), rốt cuộc là tự mình rời đi, hay đã xảy ra chuyện gì ngoài ý muốn? Công lực của Tổ Gia không đủ, nhất thời không thể nhìn ra được...

Đang thắc mắc, ông phát hiện ra một cái bọc trên án kỷ, trên đó có một tờ giấy, những dòng chữ do Bành chân nhân viết hiện lên rõ nét: “Thuật số giai hư ảo, đại đạo tại kỳ trung”. Tổ Gia chần chừ giây lát, rồi từ từ mở cái bọc, một cuốn sách hiện ra, có tên Liễu phàm tứ huấn.

Đầu óc Tổ Gia ong hết cả lên, những chuyện đã xảy ra khi ông còn bé chột hiện ra trước mắt...

Chương 7. GẬY ÔNG ĐẬP LƯNG ÔNG: THÀNH BÁT QUÁI TINH DIỆU VÔ SONG

VÀO SÂU HANG Ồ

Tổ Gia đợi đúng ba ngày, không thấy Bành tướng sĩ quay trở lại, đành phải một mình quay về Đường khẩu.

Tổ Gia về chưa được bao lâu, Tây Điền Mỹ Tử lại từ Đông Bắc bí mật đến Thượng Hải để thu khoản ăn chia của các hội đạo môn ở Giang Nam, đồng thời chỉ đạo kế hoạch tạo thanh thế mới.

Tổ Gia nhận thấy cơ hội đã đến.

Đêm đến, Tây Điền Mỹ Tử bày yến tiệc ở tô giới Pháp để thết đãi Tổ Gia.

“Tổ Gia, đã lâu không gặp, vẫn khoẻ chứ?” Tây Điền Mỹ Tử mỉm cười.

“Làm phiền Tây Điền tiểu thư quan tâm, gần đây bị nhân luân trăn trở một chuyện...” Tổ Gia nói.

Tây Điền Mỹ Tử lại bật cười thành tiếng: “Tổ Gia xưa nay tâm tư khó đoán, không biết lại có cao kiến gì?”

Tổ Gia nhìn bà ta nói: “Tại hạ cho rằng, nên tuyển chọn ra một Thái Sơn Bắc Đẩu Dịch học Trung Hoa trong số thủ lĩnh của các hội đạo môn, nhằm thống lĩnh các hội đạo môn quan trọng trong cả nước, như vậy sẽ càng phục vụ Thiên Hoàng bệ hạ tốt hơn.”

“Cái ghé Giang Nam đệ nhất vẫn chưa đủ cho Tổ Gia ngồi sao?” Tây Điền Mỹ Tử liếc nhìn ông đầy tình ý.

Tổ Gia mỉm cười, nói: “Tây Điền tiểu thư quá lời rồi, ăn bổng lộc vua, san sẻ lo âu với vua.”

Tây Điền Mỹ Tử cười giòn tan, nói: “Việc này e rằng sẽ không được phía Quân bộ ủng hộ, điều mà bên quân đội sợ nhất là người Trung Quốc các ông được tét thành một sợi dây thừng, bây giờ phân ra mà trị, không phải rất hay sao?”

Tổ Gia cũng cười lớn: “Quan điểm của bên Quân bộ không phải không có lý, chẳng có quy

tắc nào cứ phải nhất nhất làm theo một lối, Tây Điền tiểu thư hăng cứ nghe tôi nói. Phân ra để trị quả đúng là cách hay, nhưng sự cân bằng này sớm muộn gì cũng sẽ bị phá vỡ, cũng như lần trước Tây Điền tiểu thư đã phân tích, bọn đế quốc hùng mạnh cắt xẻo Trung Quốc, cùng hãm chân nhau, cùng giữ thế cân bằng, trước mắt chẳng kẻ nào có khả năng nuốt chửng cả Trung Quốc, nhưng Thiên Hoàng không thấy các đế quốc Âu – Mỹ cũng đang ra sức phát triển các tin đồ Tây dương bằng cách đưa tôn giáo thâm nhập vào đây sao? Sự cân bằng ngoài mặt này không thể che đậy được mâu thuẫn giữa các cường quốc, cũng không thể che đậy được mâu thuẫn giữa người Trung Quốc với bọn đế quốc, sớm muộn gì Trung Quốc cũng xảy ra chuyện lớn! Một khi thế cục hỗn loạn, không ai có thể biết được các hội đạo môn sẽ quay về phe nào? Hội đạo môn phần lớn đều là đám người ô hợp, chẳng nói chuyện tín nghĩa gì đâu, Tây Điền tiểu thư chưa từng nghĩ đến điều này sao?”

Nụ cười tắt ngấm trên mặt Tây Điền Mỹ Tử: “Ý Tổ Gia là...?”

“Hiện giờ, các nước lớn ở Âu – Mỹ vừa mới thoát khỏi chiếc bóng âm u của khủng hoảng kinh tế, nhân lúc bọn họ còn chưa kịp nghĩ đến việc nắm lấy kẽ hở của các hội đạo môn này, Đế quốc Nhật Bản nên chủ động xuất kích. Chúng ta có ưu thế ở gần, lại cùng chung một dòng văn hoá, cần phải nắm chặt lấy mà thao túng tất cả các hội đạo môn ở Trung Quốc, đặc biệt phải thống nhất các hội đạo môn quan trọng ở các vùng Đông Bắc, Bắc Bình, Thiên Tân, Giang Hoài, Giao Đông, Phúc Kiến lại với nhau...”

Tây Điền Mỹ Tử hỏi: “Thống nhất dưới trướng của Tổ Gia?”

Tổ Gia lắc đầu, đáp: “Thống nhất dưới trướng của Đế quốc Nhật Bản.”

Tây Điền Mỹ Tử nở một nụ cười quỷ quyệt, nói: “Tổ Gia hãy cứ thống nhất Tứ đại Đường khẩu của phái Giang Tương nằm dưới trướng của Đế quốc Nhật đi đã.”

Tổ Gia ngậm khen ngợi sự lợc lối, xảo quyệt của Tây Điền Mỹ Tử.

“Có điều này Tây Điền tiểu thư không biết thôi, bí nhân từ lâu đã có ý định thống nhất phái Giang Tương, nhưng phái Giang Tương không giống với các hội đạo môn khác. Tứ đại Đường khẩu đã phân tách gần 300 năm rồi, tình trạng này tồn tại ngay từ khi sư tổ Phương Chiếu Dư thành lập phái Giang Tương, không thể một sớm một chiều thống nhất được, không khéo còn đánh rạn động cơ. Người cầm đầu Tây phái và Nam phái qua lại mật thiết với Quốc dân Đảng, bọn họ có muốn hợp tác với quan quân hay không vẫn là vấn đề, lúc này mà tôi lại ngang nhiên thu về một mối, e hỏng việc...”

Tây Điền Mỹ Tử gật đầu, mỉm cười nói: “Xem ra cái ghé Giang Nam đệ nhất này chẳng đủ cho Tổ Gia ngồi rồi, Tổ Gia muốn ăn miếng to kia!”

Tổ Gia cười lớn: “Bí nhân chỉ đề nghị như vậy, còn về danh hiệu Thái Sơn Bắc Đẩu Dịch học Trung Hoa nên do ai đảm nhận, hoàn toàn do phía quân đội định đoạt!”

“Nam Viên, bắc Vĩ, đông Nhạc Ngô, tam tiên quy lai vãn Tổ Gia’. Mánh khoé của ông vậy là đã đủ lắm rồi! Nhưng việc này một mình tôi không thể quyết định được, hơn nữa, mặc dù các hội đạo môn của Trung Hoa vàng thau lẫn lộn, nhưng đúng là trong số đó có không ít cao nhân thật sự, danh hiệu Thái Sơn Bắc Đầu Dịch học không có chuyện thích thì có thể gán lên người một vị nào đấy được, đặc biệt người Trung Quốc các ông gả cùng một mẹ rất thích đá nhau, chẳng ai chịu phục ai cả. Cho nên, có được danh hiệu này hay không, còn phải phụ thuộc vào bản lĩnh thật của chính bản thân Tổ Gia...” Tây Điền Mỹ Tử nói.

“Ngoài ra...” Tây Điền Mỹ Tử dừng lại một lúc, lại tiếp tục: “Ngoài ra, tôi mong rằng Tổ Gia không giở trò. Tổ Gia là người khôn ngoan, nên biết rằng thế cục lớn đến vậy không thể xoay chuyển được đâu...”

Tổ Gia cười vang: “Tây Điền tiểu thư quá lo rồi! Cái đất nước này đã chết ngất rồi, muốn làm cho nó hồi tỉnh lại, chỉ trông mong vào Nhật Bản. Không phải tôi vì các người, tôi chỉ vì mình thôi.”

Tây Điền Mỹ Tử mỉm cười gật đầu: “Sau khi trở về Mãn Châu, tôi sẽ báo ngay lên trên việc này, Tổ Gia đợi tin của tôi.” Nói xong, bà ta mở cửa sổ ra, ngược lên nhìn bầu trời đêm. “Cảnh đêm trêu ghẹo lòng người, ánh trăng cũng đẹp đẽ như ánh trăng biển bắc.”

Tổ Gia cũng đứng dậy nói: “Ánh trăng chỉ có một.”

Tây Điền Mỹ Tử quay người nói: “Hôm nay đã muộn quá rồi, Tổ Gia cứ ở lại đây nghỉ ngơi...”

Tổ Gia lắc đầu, chối từ: “Đa tạ Tây Điền tiểu thư, Đường khâu nhiều việc, tôi nên quay về sớm thì hơn. Tây Điền tiểu thư nghỉ sớm, tại hạ cáo lui.”

Mắt Tây Điền Mỹ Tử ánh lên vẻ thất vọng.

HỘI THI HÙNG BIỆN DỊCH HỌC DO THIÊN HOÀNG BAN ÂN CHIẾU

Hai tháng sau, vừa giữa hè, Tây Điền Mỹ Tử bí mật điện báo cho các hội đạo môn, gần hai trăm thủ lĩnh của các hội đạo môn đã đến vùng chiếm đóng của người Nhật ở Thượng Hải.

“Ta đã tìm cách tiên cử Tổ Gia với Quân bộ, nhưng kế hoạch của bên Quân bộ là lần này phải tiến hành cuộc thi hùng biện công khai để chọn Thái Sơn Bắc Đầu Dịch học Trung Hoa, đúng dịp các học giả của Sở Cung giáo Quân bộ Nhật Bản và các đại sư giới Dịch học Nhật Bản đều có mặt, họ sẽ chọn ra ba cái tên đáng mong đợi nhất. Tổ Gia chỉ cần vào được top ba đó, việc lớn coi như đã thành!” Tây Điền Mỹ Tử nói với Tổ Gia.

Tổ Gia gật đầu: “Tây Điền tiểu thư yên tâm, tại hạ sẽ cố gắng hết sức.”

Ngày hôm sau, “Hội thi hùng biện Dịch học do Thiên Hoàng ban ân chiếu” được bí mật tổ

chức tại khu đóng quân của người Nhật ở Thượng Hải. Tất cả thủ lĩnh của các hội đạo môn được chia thành mười nhóm, quy chế thi đấu như sau: Sau khi có kết quả hùng biện vòng một, các nhóm sẽ chọn ra người thắng cuộc; mười người thắng cuộc ở vòng hai sẽ lần lượt ra sân để đối đáp lại hơn hai trăm người, người thách thức có thể hỏi mọi vấn đề trong Dịch học, chín người được chọn còn lại cũng có thể đưa ra câu hỏi, chỉ cần người thách đấu không trả lời được một vấn đề hoặc trả lời không đúng câu hỏi thì sẽ bị loại ra khỏi cuộc chơi; ba người cuối cùng có câu trả lời nhiều nhất, hay nhất sẽ được chọn làm đối tượng đáng mong đợi, phía quân đội Nhật Bản sẽ tổng hợp, định đoạt ai xứng đáng trở thành Thái Sơn Bắc Đầu Dịch học.

Việc chia nhóm hùng biện phải mất cả một ngày mới xong, mười người thắng cuộc lần lượt là:

Nhóm 1: Nhược Lan sư thái của Thái Cực Bang, Phúc Kiến.

Nhóm 2: Trịnh Bán Tiên của Ngọc Xích Đạo, Giao Đông.

Nhóm 3: Tô Gia của phái Giang Tương, Thượng Hải.

Nhóm 4: Mai Huyền Tử của Mai Hoa Hội, Thượng Hải.

Nhóm 5: Lưu Hật Tử của Thiên Thánh Đạo, Bắc Bình.

Nhóm 6: Đồng Hoài Tú – truyền nhân phong thủy Tam Hoàng của Trung Nguyên Ngũ Hồ, Hà Nam.

Nhóm 7: Long Ngọc Phụng của Dao Trì Đạo, Thiên Tân.

Nhóm 8: Bùi Cảnh Long của Hoàng Cực Đạo, Bảo Định.

Nhóm 9: Đinh Tử Hà của Tử Hà Đường, Mãn Châu.

Nhóm 10: Trương Thiên Thừa của Thuận Thiên Giáo, Mãn Châu.

Đêm hôm đó, Tô Gia gọi cả Hoàng Pháp Dung đến để chuẩn bị cho vòng thi chọn ra ba trong số mười người của ngày hôm sau. Cuộc thi biện luận lần này, Tô Gia chỉ nói cho các Bá đầu của Đường khẩu, đồng thời ra lệnh: “Kẻ nào tiết lộ chuyện cơ mật sẽ phải chết!”

Việc tham gia cuộc thi hùng biện Dịch học do người Nhật tổ chức lần này khiến các Bá đầu đều cảm thấy khó hiểu, Nhị Bá đầu không nhịn được tò mò hỏi một câu: “Tô Gia, thầy định làm gì vậy?”

Chuyện Tô Gia “nuơng nhò” người Nhật, trong nội bộ phái Giang Tương, ngoài Giang Phi Yến ra, những người khác hoàn toàn không biết gì. Tô Gia cũng không muốn để cho bọn họ biết quá nhiều.

“Chỉ cần mọi người đồng tâm hiệp lực giành cho được danh hiệu Thái Sơn Bắc Đẩu Dịch học là được, những việc khác không cần nghĩ đến.” Tổ Gia trả lời.

Đại Bá đầu lúc lắc cái đầu hỏi: “Tổ Gia... Không phải Tổ Gia đã nương nhờ... nương nhờ...”

Tổ Gia trợn mắt lườm, Đại Bá đầu sợ hãi không dám ho he nữa.

Nhị Bá đầu thấy bầu không khí có phần căng thẳng, liền nói: “Tổ Gia có sắp đặt riêng của thầy rồi, kinh nghiệm bao nhiêu năm nay cho chúng ta thấy, chỉ cần theo Tổ Gia, sẽ không đi lạc đường.”

Trương Tự Triêm há miệng định nói gì đó thì bị Hoàng Pháp Dung đứng sau lưng kéo áo, nên lại im bặt.

Ngũ Bá đầu Trương Kỳ Lĩnh hắng giọng ho lên một tiếng, nói: “Con tin theo Tổ Gia, Tổ Gia đi đâu con đi đấy.”

Nhị Bá đầu lườm anh ta một cái, nói: “Lẽ nào là Hán gian thì không xứng đáng?!”

Bầu không khí trong Đường khẩu bỗng trở nên căng thẳng.

Hoàng Pháp Dung là tay chân được Tổ Gia đặc cách cho tham gia vào cuộc họp, lúc này đã phát huy được uy lực: “Bùn nhiều thì đắp Phật to, nước lên thuyền lên, Tô Tần dùng thuyết hợp tung theo giúp Sở Vương, Trương Nghi lấy thuyết liên hoành phò trợ Tần Đế, lấy được danh hiệu Thái Sơn Bắc Đẩu Dịch học chính là gián tiếp góp sức cứu nước, đối với phái Giang Tương, đối với sức mạnh kết tụ của các hội đạo môn Trung Hoa, đều mang lại lợi ích lớn. Sư bá ra lệnh một tiếng, núi rung đất chuyển, kim vàng trích máu cùng thề, các huynh đệ cùng đồng tâm hiệp lực. Lẽ nào các vị đã quên lời thề khi bước vào phái Giang Tương rồi sao?”

Tổ Gia ngược mắt nhìn bà ta, nói với tất cả mọi người: “Còn nghi ngại điều gì nữa không?”

Lời này của Tổ Gia đồng nghĩa với câu: “Giải tán cuộc họp.” Kỳ thực mọi người nghe mà vẫn còn lơ mơ, cái hiểu cái không. Cứ thế, mỗi người đều rời khỏi Đường hội mà lòng vẫn còn phảng phất nỗi ngờ vực.

ĐẠI SƯ CỐT TƯỚNG CỦA THIÊN THÁNH ĐẠO

Giờ Thìn ngày hôm sau, cuộc thi hùng biện chọn ra ba người xuất sắc trong số mười người bắt đầu. Mười người được đề cử lần lượt bốc thăm, họ sẽ tham gia phần thi thách đấu theo số thứ tự đó.

Cuộc thi biện luận, hùng biện đã có từ thời xưa, mỗi cuộc thi giống như một trận chiến, không

dao súng kiếm kích mà chủ tâm giết người bủa vây bốn phía, không thấy máu chảy, chỉ bằng lời nói mà có thể bịt miệng người ta. Trước khi lên hùng biện, cần phải chuẩn bị chu đáo, biết mình biết ta, trăm trận trăm thắng; trong lúc hùng biện, môi như mang gươm, lưỡi như mang kiếm, anh chém tôi đỡ, tránh mạnh đánh yếu, tránh thật đánh hư; sau cuộc hùng biện, về mặt phải vui vẻ hoà nhã, thua hay thắng cũng không được làm ảnh hưởng đến mọi người.

Tổ Gia chưa bao giờ chơi trận nào mà không có sự chuẩn bị. Trước đó vài tháng, ông đã phái các Bá đầu đi điều tra tình hình của từng hội đạo môn.

Người đầu tiên lên bục diễn thuyết chính là “Kim cương” Lưu Hạc Tử thuộc phân đà Bắc Kinh của Thiên Thánh Đạo.

Sở dĩ bị gọi là Lưu Hạc Tử (Lưu mù) bởi khi còn bé, mắt trái của ông ta đã bị hỏng vì chơi đốt pháo, mắt phải cũng chỉ có thể nhìn được đồ vật mờ mờ.

Sau khi Lưu bị mù một mắt, cha mẹ ông ta lo lắng không biết đưa con này về sau sẽ sống thế nào. Nhưng ông trời không tuyệt đường của người ta, ở U Châu gần Bắc Kinh có bậc thầy Cốt tướng (sờ xương) mù lòa, nghe nói đám trợ tá của Trương Tác Lâm cũng từng đến nhờ vị đại sư này, mẹ của Lưu mù đã nhờ người nói hộ, xin đại sư thu nhận con trai mình làm đồ đệ, mong về sau nó cũng có miếng cơm ăn.

Pháp Cốt tướng có từ thời tiên Tần, cũng thuộc phạm trù xem tướng, kỳ thực chính là kiểu xem tướng xương. Người tinh có thể vừa xem vừa sờ, còn người mù lòa chỉ có thể dùng tay sờ, nhưng người mù không bị ảnh hưởng bởi thị giác, thường đưa ra phán đoán chuẩn xác hơn.

Khi Lưu Hạc Tử vừa ngồi xuống đã có người đầu tiên nhảy tót lên hỏi. Mọi người cùng đưa mắt nhìn, thì ra chính là chương môn mới nhậm chức của tổng đà Thiên Thánh Đạo – Tả Vịnh Thiên. Tả Vịnh Thiên vốn nghĩ rằng, lần chia nhóm tranh luận này một chương môn như mình sẽ lọt được vào top mười, không ngờ người lọt vào chỉ là một kẻ ở cấp Kim cương của một phân đà, trong lòng hấn căm tức vô cùng. Hấn đâu biết rằng, tất cả đều do bọn người Nhật giờ trò. Tả Vịnh Thiên là kẻ quá nham hiểm, thâm độc, cứ có sữa là gọi mẹ, nếu đề hấn lên làm Thái Sơn Bắc Đầu Dịch học, thứ nhất hấn sẽ không phục tùng. thứ nữa, một khi có biến, kẻ khác hứa hẹn lợi ích lớn hơn, chắc chắn hấn sẽ trở mặt. Tầm Hán gian cũng cần phải tìm kẻ có phẩm chất, bởi vậy hấn đã bị loại ngay từ vòng sơ tuyển.

“Lưu sư gia thường ngày bói tướng xương không ít, đã từng xem cho mình chưa?” Câu đầu tiên Tả Vịnh Thiên hỏi đã nhồi đầy thuốc nổ.

Lưu Hạc Tử ngược con mắt phải lên, cũng không rõ ông ta có nhìn thấy Tả Vịnh Thiên hay không, chỉ cười khà rồi đáp: “Chúng ta từ khi lọt lòng đến nay, thân này, da tóc này đều là của cha mẹ cho ta. Cốt tướng là thuật tiết lộ thiên cơ, mặc dù bị nhân hiểu được thuật này, nhưng không dám tùy tiện đem nó ra làm trò vui, cho dù người ta đến cửa nhờ xem giúp, tôi cũng phải thấp ba nén nhang, bảo họ phải thành tâm, mới có thể tiết lộ. Còn về bản thân tôi, từ khi

bái sư, chính tay sư phụ đã xem tướng đầu, cốt tướng của tôi chỉ có thầy tôi xem cho, tôi chưa xem thêm lần nữa.”

Lưu Hạc Tử rất nhạy bén, ông ta đã liệu trước, nếu trả lời chưa từng xem cho mình thì Tả Vĩnh Thiên chắc chắn sẽ công kích: Đại sư Cốt tướng mà lại chưa từng xem cho mình, nghe không thấy tức cười sao? Nếu ông ta đáp mình đã từng xem cho mình thì Tả Vĩnh Thiên chắc chắn sẽ vặn vẹo: “Đã làm rồi thì vận khí năm nay thế nào? Trong hội thi hùng biện lần này, ông có nhòm ngó ngôi đầu không?” Đến lúc này, dù Lưu Hạc Tử trả lời có hay không cũng đều bị dòn vào thế bất lợi.

Chiêu đầu tiên của Tả Vĩnh Thiên đã bị đối phương dùng chiêu binh đến tướng chặn, hấn liền túm lấy một tên thanh y tép riu, đẩy hấn lên trước bực diễn thuyết: “Nghe danh thầy Lưu xem tướng xương chuẩn xác từ lâu, nhưng trong giới xem tướng, cũng có rất nhiều người hoài nghi về Cốt tướng này. Hay là hôm nay thầy Lưu đích thân xem cho đồ đệ của ta xem sao. Lưu sư gia không cần nói sau này nó thế nào, chỉ cần nói về những việc lớn đã xảy ra trước đây của nó là được!”

Đây là nước cờ chết – dự đoán tại chỗ, thầy tướng số sợ nhất việc này. Bất kể là xem Bát tự, lục hào, phong thủy, hay xem tướng mặt... bị kê tại chỗ thế này, ai chẳng hoang mang, loạng choạng. Có bản lĩnh thật sự hay không tạm thời không cần nói đến, cho dù có bản lĩnh thật sự, trước trăm con mắt dõi nhìn chòng chọc, khó mà tránh khỏi sai sót. Hơn nữa, Tả Vĩnh Thiên lại chặt đứt đường lui của Lưu Hạc Tử, chỉ cho ông ta nói những chuyện đã xảy ra trước đây, không để cho ông ta nói đến những chuyện sau này, vì những việc chưa xảy ra cần phải có thời gian kiểm chứng, còn những việc trước đây có thể kiểm chứng ngay tại chỗ.

Lưu Hạc Tử cười ha hả: “Tả Chương môn làm khó tại hạ rồi! Tôi có thể thực hiện thuật Cốt tướng ngay tại đây, nhưng không thể xem cho đệ tử của Thiên Thánh Đạo được, anh và tôi thuộc cùng môn phái, cho dù tôi có nói đúng, các vị có mặt ở đây cũng sẽ cho rằng chúng ta thông đồng với nhau, nghi ngờ chúng ta gian lận.”

Lưu Hạc Tử đã lấy gậy của hấn mà đập lưng hấn, ông ta biết rõ, cho dù mình có phán trúng thì đệ tử của Tả Vĩnh Thiên chắc chắn sẽ phủ nhận tất cả, nếu không lúc quay về hấn sẽ phải chết, một thanh y mà lại không hiểu được “luật chơi” này sao?! Nhưng Lưu Hạc Tử cũng hơi run, ngộ nhờ người Nhật lại tìm một người đưa lên, xem chuẩn hay không, trong lòng ông cũng không dám chắc.

Tổ Gia nhìn ra huyền cơ trong việc này, ông bắt đầu thi triển thuật hợp ngang chia dọc, kẻ thù của kẻ thù là bạn của mình, cách để giành được thắng lợi trong cuộc chiến chính là đoàn kết tất cả các sức mạnh có thể đoàn kết được lại với nhau, loại dần từng tên một.

“Nếu đã như vậy, tôi làm người đứng giữa vậy. Để thử nghiệm, Lưu sư gia hãy xem tướng xương cho tôi với thân phận là Chương môn đời thứ mười bốn của phái Giang Tướng, Tả chương môn có ý kiến gì không?” Tổ Gia nói.

Mai Huyền Tử ngồi bên cười thầm vì ông ta nhìn rõ dụng ý của Tổ Gia.

Tả Vịnh Thiên nhìn Tổ Gia, rồi lại nhìn Tây Điền Mỹ Tử, Tây Điền Mỹ Tử gật đầu, Tả Vịnh Thiên thầm nghĩ: Xong rồi! Hắn đành phải gật gù cái đầu.

Tổ Gia đứng dậy bước lên, Lưu Hạc Tử lúc này vẫn chưa biết Tổ Gia có ý gì, không biết Tổ Gia nhảy ra là muốn giúp mình hay muốn hại mình đây?!

“Lưu sư gia, mời!” Tổ Gia mỉm cười nói.

Lưu Hạc Tử hấp háy con mắt phải, giơ hai tay ra, bắt đầu sờ từ tay đến cánh tay, từ cổ đến đầu. Sau đó đồng dặc nói: “Tổ Gia xương cốt lạ thường, là hậu duệ của hàng môn tướng, tổ tiên từng có người làm quan trong triều, huynh đệ tỷ muội không quá ba người, cha mẹ mất sớm...”

Tổ Gia gật đầu, nói: “Đúng cả! Nhưng những chuyện này, bạn bè đồng đạo đều biết, Lưu sư gia hãy nói những chuyện khác xem!” Ý Tổ Gia muốn bảo ông ta: “Ông diễn kịch cũng phải diễn sao cho ra trò, chứ nói những chuyện ấy lừa gạt đám quân Nhật, ông coi người Nhật là lũ ngu sao?”

Lưu Hạc Tử hiểu ngay, liền nói: “Năm tuổi, Tổ Gia phạm Thủy ách, bị ngã sông, suýt nữa chết đuối. Mười hai tuổi, bị hung tinh Hồng loan chiếu, một phụ nữ lớn tuổi có hành vi dâm loạn với ông.”

Tổ Gia nghe thấy thế, suýt chút nữa phì cười, nhưng ông nghiêm mặt nói: “Lưu sư gia thật lợi hại! Điều đúng cả!”

Tiếng vỗ tay như sấm dậy vang lên bên dưới khán đài.

Lúc này, lẽ ra Lưu Hạc Tử phải biết chừng mực mà dừng lại, không ngờ ông ta lại hăng hái hơn, vừa sờ vừa phán: “Xương ngọc chằm phía sau đầu Tổ Gia nổi lên, đây là tướng đại phú đại quý, phạm việc gì cũng gặp hung hoá cát, gặp tai lại may mắn tốt lành...”

Tổ Gia nghĩ thầm: Để ông đùa chút vậy là đủ rồi, ông còn không biết dừng lại. Liền nói: “Tôi nghe nói nếu xương ngọc chằm quá to sẽ bị coi là phản cốt (một thuật ngữ trong Cốt tướng). Đại tướng Ngụy Diên nước Thục thời Tam Quốc có cái xương hơi to quá sau ót, Gia Cát Khổng Minh nhìn ra đó là phản cốt. Trên từ Lưu Bị, dưới từ đám binh lính đều cho rằng Ngụy Diên đừng mảnh thiện chiến, trung nghĩa can đảm, nhưng Gia Cát Lượng lại sinh lòng nghi ngờ ông ta. Về sau, quả không ngoài dự đoán, Gia Cát Khổng Minh vừa chết, Ngụy Diên liền làm phản, cũng may Khổng Minh đã có sự đề phòng từ trước, sắp xếp Mã Đại làm nội ứng bên cạnh Ngụy Diên, sau Mã Đại chém tên tướng làm phản đó ngã xuống ngựa. Lưu sư gia nói tôi xương ngọc chằm nổi rõ, là đang muốn khen hay chê tại hạ vậy? Khả khả!”

Những người ngồi dưới khán đài đều bật cười. Mặt Lưu Hạt Tử đỏ lên, cả cục thịt bên mắt trái cũng đỏ au.

Tổ Gia dùng cách đùa cợt để bảo Lưu Hạt Tử đừng có đùa bốn quả đà. Cho một quả táo ăn, rồi lại tát cho một cái, vừa mua chuộc lòng người, vừa khiến đối phương phải biết chừa mặt mình ra, Tổ Gia đã đạt được mục đích.

Cuộc tranh luận lại tiếp tục, một vài người dưới khán đài thay nhau hỏi thêm một số kiến thức về Cốt tướng, Lưu Hạt Tử đáp lại từng câu một, cuối cùng hạ cánh an toàn.

BÓI TỬ TRỤ

Người thứ hai ra sân chính là Trịnh Bán Tiên ở Giao Đông. Người này chiếm cứ vùng Giao Đông đã lâu, nghe nói trình độ bói bát tự cao thâm, được người ta ca tụng là thần tiên sống, chỉ cần nói cho ông ta biết Bát tự, ông ta sẽ bói ra tình hình sức khỏe, tài vận, đường quan lộ, lục thân của người đó.

Lục thân là một thuật ngữ chỉ mối quan hệ xã hội do bát tự của một người sinh ra.

Những người hay đi xem tướng số đều biết rằng, thầy tướng số có thể nhìn ra được các sự việc của cha mẹ, anh chị em, bạn đời, thậm chí cả ông bà mình, đều bởi căn cứ vào Lục thân mà suy đoán ra.

Lục thân chỉ: cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ, quan sát tinh, con cái. Qua Bát tự, căn cứ vào mối quan hệ sinh khắc trong ngũ hành mà có được Lục thân.

Bát tự phân chia thành tứ trụ: năm sinh là một trụ, tháng sinh là một trụ, ngày sinh là một trụ, giờ sinh là một trụ, mỗi trụ lại do một thiên can và một địa chi kết hợp tạo thành, tất cả gồm tám chữ, cho nên được gọi là Bát tự.

Khi suy đoán, dùng nhật trụ để biểu thị cho mình, đặc biệt phải dùng thuộc tính ngũ hành thiên can của nhật trụ để đoán ra Lục thân, đây là bước thứ nhất khi đoán mệnh. Ví dụ, nếu một người sinh vào ngày Canh Thìn, vậy thì lấy chữ Canh biểu thị cho mình, đồng thời coi chữ Canh là trung tâm, từ đó đoán ra lục thân của anh ta.

Canh là một trong mười can, ngũ hành thuộc Kim, cách suy đoán lục thân như sau:

Sinh ra ta là cha mẹ. Canh là Kim, Thổ sinh Kim, bởi vậy, cha mẹ của Kim chính là Thổ, nếu trong ba trụ còn lại xuất hiện ngũ hành thuộc Thổ, như Mậu Thổ hoặc Kỷ Thổ, chữ đó sẽ tượng trưng cho người mẹ.

Ta sinh ra là con cái. Canh là Kim, Kim sinh Thủy, cho nên, con cái của Kim chính là Thủy, nếu trong ba trụ còn lại xuất hiện ngũ hành thuộc Thủy, như Nhâm Thủy hoặc Quý Thủy, chữ đó sẽ tượng trưng cho con cái.

Ta khắc là Thê tài. Canh là Kim, Kim khắc Mộc, cho nên Mộc là thê tài của Kim, nếu trong ba trụ khác xuất hiện ngũ hành thuộc Mộc, như Giáp Mộc hoặc Ất Mộc, vậy thì chữ đó tượng trưng cho vợ. Đương nhiên, người xưa có năm thê bảy thiếp, nên chia thành Chính tài và Thiên tài, nhưng trong chế độ xã hội ngày nay, thực chất cũng không thay đổi, nếu trong bát tự của một người đàn ông Tài tinh quá nhiều cho thấy anh ta dễ có tình nhân.

Khắc ta là Quan sát. Canh thuộc Kim, Hoả khắc Kim, Hoả chính là Quan sát của Kim, nếu trong ba trụ khác xuất hiện ngũ hành thuộc Hoả, như Bính Hoả hoặc Đinh Hoả, vậy chữ đó tượng trưng cho cấp trên. Đối với nữ giới, vì địa vị xã hội thấp kém, bị nam giới khắc chế, nên quan sát trong bát tự của nữ giới chính là chồng, phụ nữ thời xưa vì thế gọi chồng là “quan nhân”.

Ngoài bốn mối quan hệ sinh ta, ta sinh, ta khắc, khắc ta này ra, còn có tình trạng không sinh không khắc, đó chính là Tỷ kiếp. Canh là Kim, nếu trong ba trụ khác xuất hiện ngũ hành thuộc Kim, như Canh Kim hoặc Tân Kim, vậy thì những chữ này được gọi là Tỷ kiếp, tượng trưng cho anh em trai và chị em gái.

Đoán Bát tự, đầu tiên là phải phân tích sự mạnh yếu của nhật can, rồi mới xem đến mối quan hệ sinh khắc của nhật can với can chi khác, sau đó kết hợp với Đại vận và Lưu niên để suy đoán cát hung.

Tổ Gia đã phái Hoàng Pháp Dung đi điều tra nội tình bên phía Trịnh Bán Tiên. Lão này tuổi đã ngoài ngũ tuần, dáng người không cao, hơi gầy gò, râu dài, dáng vẻ quắc thước, tạo cho người ta cảm giác ông ta thật sự mang dáng vẻ của thần tiên. Người này chiếm cứ ở Giao Đông nhiều năm, bản lĩnh xem Bát tự khá cứng. Tổ Gia sợ nhất là loại người này, có bản lĩnh thật sự mà lại đi lừa đảo, khác gì như hổ thêm cánh. Phường lừa đảo đầu óc ngu dốt không đáng sợ, loại có thể vượt nóc bằng tường mới đáng sợ, Tổ Gia thề sẽ bắt Trịnh Bán Tiên hiện nguyên hình.

Sau khi Trịnh Bán Tiên yên vị, dưới khăn đài, người đầu tiên vọt lên hỏi: “Trịnh sư gia nghiên cứu Bát tự đã nhiều năm, có thể nói cho tại hạ hay, rốt cuộc mệnh quan trọng hay vận quan trọng? Nguyên lý nằm ở đâu?”

Mọi người cùng nhìn về phía người phát ra câu hỏi ấy, đó là một phụ nữ dáng vẻ xuất chúng, thoát tục, cặp mắt to, sáng ngời – không ai khác ngoài “quý muội” Hoàng Pháp Dung. Việc này Tổ Gia đã dàn xếp.

Trịnh Bán Tiên gật đầu, điềm đạm nói: “Vận mệnh thực ra là hai từ, một là mệnh, một vận. Mệnh chính là Bát tự, sinh ra sẽ không thể đổi khác được cho đến tận lúc chết; còn vận, cứ mười năm lại thay đổi một lần, bởi vậy mới có câu ‘thập niên nhất Đại vận’, đời người tất cả có bát bộ Đại vận (tám Đại vận). Trong hai chữ vận mệnh, lão hủ cho rằng, mệnh là căn bản, là gốc rễ, vận là phụ trợ, là phần ngọn. Mệnh được tạo ra từ tiên thiên (bẩm sinh), thuộc về số

trời, không thể thay đổi, còn vận là khí hậu thiên sau này, có thể dùng các phương pháp phong thủy, bùa chú để điều chỉnh. Tiên Ân Môn của tôi từng sống ở Giao Đông 50 năm chưa từng bị quật đảo, đều nhờ vào sự ứng nghiệm trong việc hoá giải tai ương hậu thiên cho bách tính...” Lúc này, Trịnh Bán Tiên vẫn không quên quảng cáo về mình.

“Trịnh sư gia nói sai rồi!” Tô Gia đứng dậy lớn tiếng: “Mệnh thư viết: Hữu bệnh phương vi quý, vô thương bất thị kỳ. Phần lớn những nhân vật làm mưa làm gió, trong mệnh đều mang bệnh. Trong Bát tự, hoặc Thương quan quá vượng, hoặc Ân tinh suy nhược, hoặc Quan sát hợp thân, lúc còn nhỏ đa nạn đa tai, rơi vào cảnh ngộ nguy hiểm, một khi Đại vận đến, được vận thể tương trợ, vực dậy như cơn lốc, vận mệnh của người này sẽ có sự biến đổi hoàn toàn. Xa xôi thì có Chu Nguyên Chương, mới gần đây có Hồ Tuyết Nham, bọn họ đều là những minh chứng sống.”

Trịnh Bán Tiên sững người: “Khà khà, thì ra Tô Gia của phái Giang Tương. Thất kính! Thất kính! Vậy ý Tô Gia là đại vận còn quan trọng hơn cả Bát tự? Mệnh của một người như một cái cây, Bát tự là gốc rễ, là căn bản, rễ ăn sâu cành lá mới xum xuê, những người nghèo trước giàu sau, cho dù phát lên như điều gặp gió, cũng bởi nhờ trong mệnh có sự báo hiệu giàu có, chẳng qua đến đại vận mới diễn ra.”

Tô Gia cười khà khà, nói: “Nếu giàu nghèo hay phú quý đều được ghi hết trong Bát tự, vậy thì phương pháp cải mệnh hậu thiên của Trịnh sư gia là căn cứ vào đâu?”

Trịnh Bán Tiên vừa nghe xong thì thấy như thể mình bị dây quán cổ, vội vàng nói: “Phương pháp giải nạn hậu thiên đã có từ xưa rồi, lẽ nào Tô Gia lại chê cười các bậc tiên thánh thời xưa hay sao?”

Tô Gia nói chắc nịch: “Dịch sinh ra từ thuật bốc phệ, bất kể là Bát tự, lục hào hay các thuật số khác, vạn pháp cũng không tách rời khỏi quy luật biện chứng âm dương. Mọi quan hệ giữa mệnh và vận, chính là mối quan hệ giữa trứng gà và gà con, không có trứng gà thì không không bao giờ ấp được thành gà con, nhưng nếu không có nhiệt độ thích hợp, trứng gà sẽ bị ung hỏng, cũng không thể thành gà con được. Mệnh và vận, trong âm có dương, trong dương có âm, âm dương cùng biến đổi trong nhau, tạo hoá đã như vậy. Không phải các bậc tiên thánh thời xưa sai, chỉ là Trịnh tiên sinh giải thích hơi sai lệch!”

“Ông...” Trịnh Bán Tiên mặt mũi đỏ bừng lên.

Tô Gia thuận đà xông lên, nói tiếp: “Trịnh sư gia nghiên cứu, học tập Bát tự đã lâu, đã từng xem cho mình chưa? Chắc Trịnh sư gia không giống như Lưu sư gia, chỉ được sư phụ xem cho lúc nhỏ chứ? Bát tự khác với Cốt tướng, có thể thường ngày đem ra xem chơi để giải khuây.”

“Nếu đã xem rồi, tôi nghe nói, cảnh giới dự đoán cao nhất theo Bát tự là có thể xác định được cát hung theo từng ngày, Trịnh sư gia thấy hôm nay có thể giành được danh hiệu quán quân, hay giữa đường ngã ngựa vậy?” Tô Gia tiếp tục vặn hỏi.

Trịnh Bán Tiên không hổ là kẻ lọc lõi, già đời, ông ta lấy lại bình tĩnh, cười khanh khách: “Tổ Gia sai rồi! Cảnh giới dự đoán cao nhất theo Bát tự không phải là xác định cát hung cho mình, mà là có thể nhìn thấy được thành bại của đối thủ thông qua Bát tự của mình. Tồi qua tồi đã xem Bát tự cho mình, đoán biết được rằng, hôm nay phạm kẻ nào xích mích với mình, tất sẽ bại! Nhưng tôi không nghĩ người đó lại là Tổ Gia. Khả khả!”

Trịnh Bán Tiên bật lại cũng không tồi, Tổ Gia bị đâm một nhát khá nhức.

Tây Điền Mỹ Tử cũng nhìn ông, thầm nghĩ Tổ Gia lần này bước hăng chân rồi.

Tổ Gia mỉm cười, sau đó tung ra vũ khí giết người: “Hay là thế này, Trịnh sư gia dùng thuật dự đoán Bát tự của mình, tôi dùng Thiết Bản thần toán của tôi, chúng ta so tài ngay tại đây, ông thấy thế nào?”

Đám người ngồi bên dưới rộ lên xì xào. Đại sư và Đại sư cùng “xương ca” trên sân là điều cấm kỵ, hai kẻ mạnh gặp nhau tất sẽ cùng mang thương tật, trong giang hồ hiếm khi có người giơ quân bài đó ra, trừ phi đó là kẻ tử thù của mình, vì không ai chịu thua.

Trịnh Bán Tiên bị dồn đến chân tường, trợn trừng mắt gật đầu: “Độ thế nào?”

“Chúng ta cùng nói Bát tự của mình, sau đó cùng chỉ ra việc riêng tư của đối phương.”

Mọi người dưới khán đài càng kinh ngạc hơn.

“Làm sao tôi biết Tổ Gia có nói dối hay không chứ?” Trịnh Bán Tiên nhếch mép cười.

“Khả khả, người quân tử thẳng thắn phóng khoáng, kẻ tiểu nhân mới lo lắng quanh co. Tôi còn không sợ Trịnh sư gia nói dối, ông sợ cái gì chứ?”

Bầu không khí căng thẳng hẳn lên.

“Được!” Trịnh Bán Tiên đã không còn đường lui.

Hai người liền trao đổi Bát tự cho nhau, thật giả thế nào chẳng ai biết. Kỳ thực, lúc này thật hay giả chẳng quan trọng, hai vị Đại sư đấu nhau chính là đấu trí.

Ngay sau đó, Tổ Gia tỏ ra khiêm nhường: “Mời Trịnh sư gia trước?”

“Mời Tổ Gia trước!” Trịnh Bán Tiên khôn ngoan thừa biết, khi đấu kiểu này, kẻ xuất chiêu trước thường dễ lộ sơ hở.

Tổ Gia mỉm cười: “Được. Nhưng... có điều, tôi sợ tôi nói xong rồi, Trịnh sư gia sẽ không còn cơ hội mở miệng.”

“Chà chà chà, từ lâu đã nghe nói Anh diệu của phái Giang Tướng cao siêu, nay gặp được, quả là danh bất hư truyền. Nhưng hôm nay chúng ta đấu nhau là đấu bản lĩnh thật sự kìa, chỉ dựa vào Anh diệu e không xong!”

“Khà khà! Trịnh sư gia nói rất phải, tôi đã nghe rõ rồi! Nếu Bát tự của Trịnh sư gia đưa cho tôi là đúng, vậy thì ông lúc năm tuổi khắc mẫu thân, năm đó mẫu thân qua đời!”

“Chà chà, cực kỳ đúng!” Trịnh Bán Tiên cười. “Nếu ngày sinh của Tổ Gia là đúng, năm mười lăm tuổi khắc lục thân, khiến năm đó cha mẹ, tổ mẫu, huynh đệ tử muội chết cả!”

Miệng lưỡi của Trịnh Bán Tiên quá độc địa, lão ta muốn gợi chuyện đau lòng hòng làm rối loạn tâm tư Tổ Gia.

Tổ Gia gật đầu: “Những việc này của tôi và ông, các huynh đệ đồng đạo ai cũng biết. Tôi nói ra một chuyện lớn mà không một ai biết, ông thấy được không?”

Trịnh Bán Tiên sửng người: “Xin mời!” Trong lòng ông ta biết rõ, nếu đã là chuyện mọi người đều không biết, cho dù ông nói đúng hay sai, tôi chỉ việc nói “không đúng” là được.

Ông ta không ngờ được Tổ Gia lại nói: “Bát tự và tướng mặt của một người tương thông với nhau, Bát tự đại phú đại quý thì tướng mặt và dáng vẻ tất sẽ biểu lộ tướng phú quý, tương tự như vậy, người có dáng dấp hèn mọn, thân thể khuyết tật thì trong Bát tự cũng có những biểu hiện tương ứng. Trong Bát tự của Trịnh sư gia hai Dần khắc chế Tý Thủy và Hợi Thủy, lại biểu hiện ra trên người, chính là...”

“Là cái gì?” Trịnh Bán Tiên vội hỏi.

“Chính là tình trạng thân thể bị ần cao!”

“Ồ!” Tiếng xì xào vang lên dưới khán đài.

Ần cao là một thuật ngữ y học, chỉ tình trạng một người đàn ông bẩm sinh không có tinh hoàn trong âm nang, đối với một người đàn ông mà nói, đây chính là một đòn chí mạng.

“Ông?!” Mặt Trịnh Bán Tiên méo xệch đi.

“Có cần phải kiểm chứng tại chỗ không?” Tổ Gia truy đến cùng.

Có năm mơ Trịnh Bán Tiên cũng không thể nào ngờ được rằng Tổ Gia lại kết hợp Bát tự và tướng học với nhau, chém thẳng vào điểm yếu thuộc về sinh lý của mình. Chuyện ần cao là chuyện tuyệt mật của ông ta, không một ai được biết. Ông ta nghi hoặc, không biết Tổ Gia đoán ra được thật, hay dùng cách gì khác mà biết được?

Bầu không khí trở nên ngưng ngập đến cực điểm, tiếp theo Trịnh Bán Tiên liệu có tụt quần ra

không?

Lúc này, Tổ Gia quay mũi nhọn đi chỗ khác: “Ha ha, vừa rồi tôi chỉ đùa Trịnh sư gia thôi, mong Trịnh sư gia không trách, mong các vị không trách!” Nói xong, ông chấp tay xin lỗi Trịnh Bán Tiên.

Lúc này, Trịnh Bán Tiên mới nhếch được cái mép lên, cười gượng, vội vàng đáp lễ: “Tổ Gia thật hài hước!”

“Chúng ta tiếp tục chứ?” Tổ Gia hỏi.

“Kìa... Tổ Gia tài nghệ cao thâm, tuyệt đối không thấp hơn bỉ nhân, bỉ nhân đã già nua, xin nhường lại cho lớp người trẻ tuổi!”

Hoàng Pháp Dung đứng lên, vỗ tay đầu tiên, mọi người còn đang ngơ ngác, cũng vỗ tay theo.

Trịnh Bán Tiên xem như vẫn giữ được thể diện mà rút lui.

Tây Điền Mỹ Tử và các vị đại sư Nhật Bản ngồi dưới khán đài đều trố mắt không nói được gì, chỉ thầm nghĩ trong lòng: Tên Tổ Gia này thật không đơn giản!

Bảy người được đề cử còn lại cũng phải kinh hồn bạt vía, tên Tổ Gia này chơi thứ ma thuật gì, mà lại lợi hại đến thế?!

BÓI LỤC HÀO

Tiếp theo, đến lượt Nhượng Lan Sư thái ở Phúc Kiến. Bà già ngoài 60 này rất giỏi thuật giữ gìn nhan sắc, dù đã lớn tuổi nhưng da dẻ trắng ngần, khi bước lên bục diễn thuyết, bà ta mang theo cả hương thơm phảng phất, êm dịu.

Sở trường của Nhượng Lan sư thái là bói lục hào.

Dự đoán lục hào là dùng ba đồng tiền đồng giống nhau, như đồng Càn Long Thông Bảo, để trong lòng bàn tay, hai tay khép lại, thành tâm nhắm đọc việc đang muốn hỏi, lắc lắc, tung xuống bàn, sau khi chúng nằm yên trên mặt bàn, nhìn xem mấy đồng mặt khắc chữ ngựa lên, mấy đồng mặt khắc hoa văn ngựa lên. Mỗi một lần tung được ghi là một hào, lặp lại sáu lần, sẽ được sáu hào (lục hào).

Việc tung xóc như vậy sẽ cho ra bốn kết quả: ba đồng đều có hình hoa văn; ba đồng đều là mặt chữ; hoặc một mặt hoa văn, hai mặt chữ; hoặc một mặt chữ, hai mặt hoa văn.

Cứ ba mặt đều là hoa văn hoặc một hoa văn hai chữ thì dùng nét ngang liền biểu diễn: “—”; còn cứ ba mặt đều là mặt chữ hoặc một chữ hai hoa văn, thì dùng nét ngang đứt biểu diễn: “—”.

Giả sử, sau sáu lần, lần lượt như sau: ba hoa, ba chữ, một hoa hai chữ, một chữ hai hoa, ba chữ, ba hoa. Như vậy, quẻ này được ghi thành:

Hào 6: —

Hào 5: — —

Hào 4: — —

Hào 3: —

Hào 2: — —

Hào 1: —

Lục hào được sắp xếp từ dưới lên trên, thấp nhất là hào 1, trên cùng là hào 6, cho nên mới có câu: Số vãng giả thuận, tri lai giả nghịch. Bói Lục hào căn cứ vào quẻ tượng xóc được, phối hợp với các yếu tố của can chi ngũ hành để luận đoán.

Nghe nói, Hoàng đế khai quốc triều Minh Chu Nguyên Chương cũng từng gieo đồng xu. Khi còn làm hoà thượng trong chùa, Chu Trọng Bát thấy tiền đồ của mình quá mịt mờ, vì thế liền tìm ba đồng xu thử bói. Ông ta nắm đồng xu trong lòng bàn tay, thầm khấn: Ông trời ơi, xin hãy chỉ dẫn cho con một lối đi, nếu là mặt chữ, con sẽ ở lại chùa làm hoà thượng, nếu là mặt hoa văn, con sẽ đi nương nhờ người ta. Kết quả ông trời lại trêu người Chu Nguyên Chương, sau khi tung lên, đồng xu lăn qua lăn lại, cuối cùng bị kẹp thẳng đứng trong một cái khe, không phải mặt chữ, cũng chẳng phải mặt hoa văn. Chu Nguyên Chương thần người ra. Vậy là sao đây? Vừa không cho con đi nương nhờ kẻ khác, cũng không cho con làm hoà thượng, lẽ nào bảo con phải tự mình làm? Thế rồi lão Chu làm một mình thật, cuối cùng thống nhất giang sơn.

Sau khi Nhượng Lan Sur thái yên vị, bà cầm cây phát trần trong tay, nói: “Các vị Đại sư, xin mời chỉ giáo!” Trông dáng vẻ thong thả tự nhiên, tràn đầy khí khái.

Một người chừng 40 tuổi, mái tóc búi gọn phía sau, dáng vẻ lễ độ ôn tồn dưới khăn đài đứng lên, đó chính là bà đồng cốt Cái Hà ở An Huy, vợ Mai Huyền Tử.

“Từ lâu đã nghe kỹ pháp lục hào của Nhượng Lan Sur thái cao thâm, không biết thuật bói lục hào cao minh đến chừng nào?”

Nhượng Lan Sur thái nhìn Cái Phi Tiên, thầm nghĩ: Người chỉ là hạng sinh sau đẻ muộn, lại đòi bắt bẻ ta ư?

“Lục hào pháp bắt nguồn từ Đại diện Phệ pháp, vô cực đến thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái tương thổ (tám quẻ giao nhau), tạo thành 64 quẻ. Pháp Lục hào kế thừa số của Thiên địa Đại diện, bao trùm các đạo trong trời

đất, trên có thể đoán biết việc đại sự của bậc quân vương, dưới có thể bói ra những chuyện nhỏ nhất của muôn dân, vạn vật trong trời đất, không có thứ gì nằm ngoài khuôn khổ của nó.” Nhược Lan Su thái nói xong, điềm tĩnh nhìn Cái Hà.

“Có thể đoán biết được sự sống chết của con người không?” Cái Hà hỏi.

“Đương nhiên! Vạn lần chẳng sai một!” Nhược Lan Su thái quả quyết.

Cái Hà cười rất khó hiểu: “Pháp Lục hào bắt nguồn từ thời nhà Chu, hoàn thiện vào thời Hán, người đã hoàn thiện nó và làm cho nó phát triển rạn rở chính là lão tiên bói Kinh Phòng thời Hán, phải vậy không?”

“Đúng thế.” Nhược Lan Su thái đáp.

“Thầy Kinh Phòng thông minh tuyệt đỉnh, phát huy pháp lục hào, phát triển lên đến đỉnh điểm, đoán đâu trúng đó, rất được hoàng đế yêu thích, nhưng vị sư tổ lục hào lại không thể đoán biết được sự sống chết của mình, cuối cùng bị hoàng đế giết chết, không biết vấn đề là tại pháp lục hào hay bởi thầy Kinh Phòng trình độ có hạn? Một điều nữa, xin hỏi trình độ của Nhược Lan Su thái so với thầy Kinh Phòng thế nào?” Mấy câu hỏi của Cái Hà nhằm tuyệt đường lui của Nhược Lan su thái.

Đây đều là đối sách đã được Tổ Gia và Mai Huyền Tử bàn bạc với nhau.

Nhược Lan Su thái quả đúng là mục già quỷ quyết, bà ta khinh khỉnh cười, rồi đáp: “Chuyện về thầy Kinh Phòng phần lớn chỉ do người đời sau kể thành chuyện cười, kỹ pháp chẳng có liên quan gì đến việc sống chết, có nhiều việc cho dù tính ra cũng khó lòng trốn thoát được, hễ cứ gặp phải tai ương đều né được, vậy thì con người sống mãi không chết sao?”

Cái Hà mỉm cười gật đầu, nói: “Nếu các vị tiên thánh đã tiên đoán được ra, nhưng lại không thể trốn tránh được, vậy căn cứ vào đâu để nói pháp lục hào của Sư thái dùng để hóa giải tai ương cho người ta? Sư thái được tiếng đã giải được vô số tai ương từ nhiều năm nay, có thể lấy một ví dụ đã làm được gần đây không? Cũng là để tôi được vui lòng bái phục!”

Nhược Lan Su thái cười lớn, nói: “Thánh nhân soạn dịch, chính là để đón cát tránh hung, nếu không thể giải được tai ương thì dùng để làm gì đây? Có những tai ương không thể giải được, nhưng phần lớn đều có thể hoá giải được! Nếu các hạ đã muốn nghe, ta xin kể về một trường hợp mới gần đây vậy. Vài tháng trước, vì tình hình buôn bán ảm đạm, thương nhân buôn trà nổi tiếng vùng Mân Nam (miền nam Phúc Kiến) tên Ôn Văn Khanh đã đến xin gieo quẻ, ta đã dùng pháp lục hào giải hạn cho ông ta, giúp ông ta vượt qua được cửa ải khó khăn một cách suôn sẻ, Ôn tiên sinh đã đích thân đề biếu, tỏ lòng cảm tạ, việc này làm chấn động khắp vùng Bát Mân (tên khác của Phúc Kiến), các hạ cứ việc đi điều tra làm rõ!”

Cái Hà mỉm cười: “Quả đúng là có chuyện này, nhưng không biết một lần Sư thái giải hạn, thì

được bao năm?”

Nhược Lan Sur thái nói: “Thái cực chi pháp, kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội, một quẻ có thể nhìn thấu cả đời, vừa có thể xem được những chuyện lớn bé trong một năm, Uông tiên sinh muốn xem quẻ mười năm, ta đã giải hạn trong vòng mười năm cho ông ấy.”

Cái Hà bật cười: “Chà chà, Sur thái khoác lác quá rồi! Nếu không phải pháp lục hào có vấn đề, thì chắc kỹ pháp của Sur thái có vấn đề rồi. Hôm qua, một hiệu buôn trà của một thương nhân Phúc Kiến bị cháy, hàng nghìn cân trà bốc cháy như bó đuốc khổng lồ vậy, Hộ báo (báo Thượng Hải) đưa tin, hiệu trà này của thương nhân Uông Văn Khanh nổi tiếng khắp vùng Mân Nam đây!”

Nhược Lan Sur thái mặt mày biến sắc, tin này quả thực bà ta không hề hay biết, vì lần này đến tham gia hội thi hùng biện ở Thượng Hải, người Nhật yêu cầu phải bảo mật nghiêm ngặt, các vị Đại sư ở khắp nơi một khi vào khu Nhật chiếm đóng không được phép đi lại lung tung, càng không được trao đổi thông tin với bên ngoài.

Nhược Lan Sur thái nổi giận: “Nói xằng bậy!”

Cái Hà thông thả nói: “Vừa rồi, trước khi vào hội trường, tôi thấy mấy anh lính Hoàng quân đọc báo, bèn mượn một tờ...” Nói xong liền nhặt tờ báo trên mặt bàn giờ lên. “Sur thái tự xem đi!”

Chính Tổ Gia và Giang Phi Yến cùng dàn cục này mây trắng trước. Sau khi từ sở Cung giáo của Nhật Bản trở về Thượng Hải, Tổ Gia đã trò chuyện thâu đêm với Giang Phi Yến, kể hết toàn bộ sự việc cho bà nghe. Giang Phi Yến thầm khóc suốt đêm, bà không thể ngăn cản được Tổ Gia, cũng không thể thuyết phục được ông cùng mình cao chạy xa bay, cuối cùng, bà đồng ý giúp Tổ Gia. Việt Hải Đường và Thái Cực Bang xưa nay vẫn qua lại thân thiết với nhau, Tổ Gia đã nhờ Giang Phi Yến kể rõ hoạt động gần đây nhất của Nhược Lan Sur thái, đến giờ phút quyết định, Tổ Gia sai Nhị Bá đầu phóng hỏa, hòng đánh gục Nhược Lan Sur thái.

Nhược Lan Sur thái then đỏ mặt, then quá hoá giận, bà ta chỉ vào mặt Cái Hà quát tháo: “Chắc chắn do các người ngẫm giở trò!”

Lúc này, Tây Điền Mỹ Tử lên tiếng: “Nhược Lan Sur thái hà tất phải như vậy, tiêu chí của cuộc thi hùng biện hôm nay giao lưu là chính, chuyện thắng bại chỉ phụ thôi. Người Trung Quốc thường nói dĩ hoà vi quý, phải thế không?!”

Nhược Lan Sur thái vung cây phát trần, đi xuống khỏi bục diễn thuyết, hậm hực ngồi xuống.

TRUYỀN NHÂN PHONG THỦY TAM HOÀNG

Người thứ tư lên bục diễn thuyết là một trong năm vị Ngũ hồ Trung Nguyên – Đồng Hoài Tú,

truyền nhân phái Phong thủy Tam Hoàng.

Phong thủy nghĩa là gió và nước. Khi xây dựng nhà cửa, nơi người ta lựa chọn đầu tiên chắc chắn là một nơi vừa có thể tránh gió, lại vừa gần nguồn nước, cho nên mới có câu: Trạch địa nhi cư, cận thủy hướng dương. Tránh gió để đề phòng bị gió thổi lật nhà; gần nguồn nước ít nhất không bị chết khát, chưa kể trong đó có cá tôm, ắt không bị chết đói. Cho nên, cái nôi của nền văn minh nhân loại phàm đều là nơi có sông nước, như nơi khởi nguồn của nền văn hoá Hoa Hạ là ở lưu vực sông Hoàng Hà, cái nôi của nền văn minh Ai Cập cổ đại là ở lưu vực sông Nile, nền văn hoá Babylon bắt nguồn từ lưu vực sông Lưỡng Hà... Trên thế giới, không một nền văn minh nào lại bắt rễ ở vùng sa mạc, bởi nơi đó không thể cung cấp cho con người điều kiện đảm bảo sinh tồn, theo mệnh lý học thì nơi đó phong thủy kém.

Hàm nghĩa phong thủy chỉ đơn giản như vậy.

Cùng với sự thúc đẩy của tiến trình phát triển văn minh nhân loại, các yếu tố ngũ hành bắt đầu gia nhập vào, nội dung của thuật phong thủy phong phú lên, từ những yêu cầu sinh tồn đơn giản, dần dần còn phải cân nhắc đến các vấn đề như: hướng đi của thế núi, triều hướng kiến trúc, cây cối xung quanh nhiều hay ít, địa thế cao hay thấp, hướng dòng chảy ở xung quanh... Về sau, con người còn bắt đầu quan tâm đến các yếu tố phong thủy phần mộ, vì thế mới xuất hiện các mô thức thiết kế phong thủy cho người chết như: chọn hướng mộ, thiết kế quan tài, sự phối hợp giữa các đồ vật xung quanh phần mộ... Bởi vậy, phong thủy được chia thành hai loại: phong thủy dương trạch và phong thủy âm trạch. Dương trạch chính là chỉ nơi ở của người còn sống, bao gồm: nhà ở, nơi làm việc...; còn âm trạch chính là nơi mộ phần của người chết. Học thuyết phong thủy được thật sự hệ thống hoá vào thời tiên Tần, hình thành vào thời nhà Hán. Đến thời nhà Đường, thuật phong thủy đạt đến đỉnh cao. Tên tuổi tiêu biểu có Viên Thiên Cương và học trò của ông là Lý Thuần Phong. Có nhiều truyền thuyết về hai vị đại sư này, nhưng chuyện kinh điển nhất cần phải kể đến là việc hai thầy trò họ chọn mộ phần cho Võ Tắc Thiên.

Tương truyền, khi Võ Tắc Thiên vừa mới chào đời, Viên Thiên Cương đã nhìn ra được khí thiên tử trong người đứa bé này. Về sau, khi Võ Tắc Thiên xưng đế, bà ta vô cùng xem trọng Viên Thiên Cương. Khi về già, bà ta rất để tâm đến chuyện hậu sự của mình, yêu cầu phải được an táng ở nơi có phong thủy tốt nhất và an toàn nhất. Chuyện này đã khiến bà ta hao tâm tổn trí rất nhiều.

Một hôm, Võ Tắc Thiên cho gọi Viên Thiên Cương và Lý Thuần Phong đến, sai họ tìm cho mình nơi có phong thủy tốt nhất để xây cất lăng mộ. Để đề phòng Viên Thiên Cương và Lý Thuần Phong giở trò dối trá lừa mình, Võ Tắc Thiên đã cho họ tiến hành công việc độc lập, Lý Thuần Phong đi tìm trước, Viên Thiên Cương bị giữ lại trong cung; đợi sau khi Lý Thuần Phong quay về, Viên Thiên Cương mới được đi tìm; đợi khi Viên Thiên Cương quay lại, Võ Tắc Thiên phái người đi xem xét nơi hai người họ nói.

Kết quả, Lý Thuần Phong đi đúng bảy bảy bốn chín ngày, đi khắp trăm núi nghìn sông, cuối

cùng tìm được một mảnh đất báu, liền chôn một đồng xu tại vị trí trung tâm bảo địa đánh dấu, để sau này dễ tìm.

Sau đó, Viên Thiên Cương xuất phát, cũng đi mất bảy bảy bốn chín ngày, cuối cùng tìm được một bảo địa, sợ sau này khó tìm, liền rút trăm bạc trên đầu cắm vào vị trí trung tâm.

Đến khi, Võ Tắc Thiên phái hai tốp người riêng rẽ đi tìm địa điểm theo lời hai người miêu tả, cuối cùng bọn họ gặp nhau và kinh ngạc phát hiện ra rằng: trăm bạc của Viên Thiên Cương cắm đúng vào lỗ đồng xu của Lý Thuần Phong.

Đây chính là truyền thuyết khiến cho người đời sau phải kinh ngạc hách hốc miệng, Viên Thiên Cương và Lý Thuần Phong gần như được đẩy lên bảo tọa của các bậc thần tiên.

Sau khi Đồng Hoài Tú vào chỗ, ông ta khom người cười nói: “Các vị, xin chỉ giáo!”

Một trong năm vị Ngũ hổ Trung Nguyên, Tổ Gia chỉ được nghe qua, hôm nay mới được gặp mặt, người này chưa đến ba mươi, mặt đen sì, dáng người tầm thước, giọng nói nặng trịch đậm chất giọng của người Hà Bắc, một nam tử hán Trung Nguyên điển hình.

Một người ngồi ở phía dưới đứng lên, nói: “Từ lâu đã nghe nói, tổ tiên ba đời của Đồng sư gia đều là truyền nhân phái Phong thủy Tam Hoàng, Đồng sư gia thấy Phong thủy Tam Hoàng và Phong thủy Dương Công thế nào?”

Mọi người đưa mắt nhìn về phía người nói, đó chính là Dương Tịnh Sa, truyền nhân phái Phong thủy Dương Công ở Sơn Đông.

Đồng Hoài Tú gật đầu, nói: “Phong thủy Dương Công thuộc trường phái phong thủy hình thế, nói về năm yếu tố “long, sa, thủy, hướng, huyệt”, thường đề cao phong thủy hình thế, không vận dụng đủ khí vận của ngũ hành, còn Phong thủy Tam Hoàng bao hàm cả ngũ hành bát quái, thiên thời cửu tinh, địa bàn cửu tinh, xem xét cả một hệ thống nhiều yếu tố của thiên thời địa lợi...”

“Khà khà!” Đồng Hoài Tú còn chưa nói hết, Dương Tịnh Sa liền nhảy vào chen hòng: “Có thể bật ra những lời này, chứng tỏ Đồng sư gia nghiên cứu về các trường phái phong thủy còn hơi non. Từ xưa, các trường phái phong thủy ở Hoa Hạ nhiều vô kể, chỉ phái Huyền Không Phi Tinh đã có thể chia thành mấy trăm môn phái lớn nhỏ. Môn phái khác nhau, tùy theo góc độ nhìn nhận, trông ngang thành cả dãy núi dài, nhìn nghiêng thành đỉnh núi cao, nhưng trăm sông vẫn đổ về một biển, vạn pháp quy tông, cho dù là môn phái nào đi nữa, chân lý chỉ có một, hướng hồ phái Phong thủy Dương Công đã có từ xưa, được liệt vào hàng thứ năm trong sáu môn phái lớn, còn cái thứ không chính thống như Phong thủy Tam Hoàng chưa từng thấy ghi trong chính sử, chuyên trò thuật bịp bợm chốn quê mùa mà thôi.”

Đồng Hoài Tú không hề tỏ ra tức giận, ông ta nói: “Bất luận là pháp thuật chính thống, hay

không chính thống, thấy hiệu quả thì lý lẽ mới cứng! Đồng tử tung hoành ở Trung Nguyên mười mấy năm, chưa một ai nói tôi xem không chuẩn xác.”

Tổ Gia cười, đứng dậy nói: “Đồng tử gia cho rằng nguyên lý của thuật phong thủy là thế nào?”

Đồng Tử nhìn Tổ Gia, trong lòng hơi run, mồ hôi túa ra khắp người.

Đồng Tử ngẫm nghĩ một chút, hỏi vặn lại: “Tổ Gia có cao kiến gì về nguyên lý thuật phong thủy?” Ông ta biết Tổ Gia không phải người nghiên cứu phong thủy, cho nên mới hỏi ngược lại như vậy, đợi Tổ Gia đề lộ sơ hở, ông ta sẽ phản công vào lúc thích hợp.

“Tại hạ chỉ nghiên cứu chút ít về Thiết Bản thần số, nói đến phong thủy thì thua xa Đồng tử gia, cho nên đành phải khiêm tốn xin chỉ giáo!” Tổ Gia nói.

Đồng Tử thấy Tổ Gia không cần câu, đành phải vặn dây cót mà nói: “Vạn pháp không tách khỏi dịch lý, việc điều chỉnh phong thủy là ở chỗ âm dương ngũ hành phải hài hoà, thông suốt. Ngũ hành tắc, tất vận hạn liên miên; ngũ hành thông thuận, tất đại cát đại lợi!”

Tổ Gia gật đầu nói: “Ừm! Với kinh nghiệm bao nhiêu năm của Đồng tử gia, có thể nhìn ra được phong thủy của một nơi nào đó là tốt hay xấu không?”

Đồng Tử nói: “Đương nhiên là được! Phi ngựa đoán định âm dương, tôi đây chỉ nhìn là biết!”

Tổ Gia nói: “Hay lắm! Nơi Tần Thủy Hoàng được sinh ra, phong thủy tốt không?”

“Đương nhiên! Nếu không làm sao có thể san bằng sáu nước, thống nhất thiên hạ!”

“Ừm, phong thủy tốt như vậy, mấy nghìn năm đã qua, sao vẫn chưa thấy xuất hiện ông Tần Thủy Hoàng thứ hai? Thậm chí còn chẳng thấy một nhân vật lớn nào xuất hiện?”

“Thì... thì Tần vương Doanh Chính đã chiếm hết khí phong thủy rồi, cho nên...” Đồng Tử khó có thể viên lại cho tròn lời mình định thốt ra.

“Khà khà!” Tổ Gia cười. “Xem ra, Đồng tử gia chưa nghiên cứu phong thủy một cách thấu triệt rồi! Tại hạ xin bạo gan phân tích đôi lời, có gì không đúng, mong Đồng tử gia bỏ qua cho! Thuật phong thủy cần phải kết hợp với yếu tố con người, mới có được ý nghĩa sự tồn tại của nó, chỉ nói riêng lẻ phong thủy thì chẳng có chút giá trị nào cả. Các trường phái phong thủy ở Trung Quốc nhiều vô số, nhưng biết kết hợp phong thủy và mệnh lý lại với nhau thì chẳng được mấy nhà. Người nghiên cứu phong thủy thường đính đạc nói về một căn nhà, hoặc nói nó tốt, hoặc nói nó xấu. Nhưng không ngôi nhà nào giống ngôi nhà nào, mỗi người khác nhau vào ở trong căn nhà đó sẽ có vận mệnh khác nhau, đúng không? Dinh thự số 23 đường Nam Kinh, bao nhiêu bậc đại sư đều nói đây là nơi phong thủy bảo địa, vì thế thời đó bao

nhân vật máu mặt thay nhau đến ở; về sau, Lư Chiêm Sơn – một phần tử cốt cán của Thanh Hồng Bang đã mua nó, chưa được ba ngày đã bị người ta chém chết trong phòng ngủ. Vẫn phong thủy đó, vẫn căn phòng đó, chớp mắt mà đại cát đã biến thành đại hung, việc này phải giải thích sao đây? Còn có rất nhiều thương phố làm ăn, người trước đó dù kinh doanh kiểu gì đi nữa cũng bị thua lỗ sạch, nhưng người đến sau lại như gió nổi nước lên, tiền tài chảy vào nhà không ngớt. Vẫn là cửa hiệu đó, vẫn phong thủy ấy, mà vận mệnh lại khác nhau trời vực, việc này phải giải thích sao đây? Còn nữa, khu Thái Thị Khẩu ở Bắc Bình, trước đây chính là nơi chuyên thi hành án tử hình, là mảnh đất phong thủy đại hung, nay qua bao cuộc dâu bể, người ta đến bán buôn tấp nập, lại phải giải thích sao đây? Nói tóm lại, nếu chỉ nói chuyện phong thủy, khó mà phán định cát hung được, phải kết hợp phong thủy và ngũ hành của con người mới là đúng đắn, hợp nhau là đại cát, không hợp tất là đại hung. Ngu kiến của tại hạ, không biết có lý hay không, mong Đồng sư gia chỉ bảo thêm!”

Không đợi Đồng Hoài Tú trả lời, tiếng vỗ tay nhiệt liệt vang lên bên dưới khán đài, ngay cả truyền nhân phái Phong thủy Dương Công là Dương Tịnh Sa cũng nhìn Tổ Gia bằng ánh mắt đầy khâm phục.

Lúc này, Tây Điền Mỹ Tử mới bị thuyết phục thật sự trước kiến thức của Tổ Gia, ánh mắt lộ rõ sự tán thưởng và lòng ái mộ. Bà ta không biết rằng, tất cả những điều này đều nhờ cuộc trò chuyện giữa Tổ Gia và Bành tướng sĩ đêm hôm đó. Tổ Gia trí nhớ vô song, lại học một biết mười, biết ứng dụng ngay cái vừa học được, không ai có thể theo kịp.

Đồng Hoài Tú mặt mày ủ rũ về chỗ, ông ta chỉ biết lắc đầu.

BÍ MẬT CỦA THUẬT XEM TƯỚNG TAY

Vị thứ năm lên bục diễn thuyết chính là Long Ngọc Phụng của Dao Trì Đạo. Long Ngọc Phụng đã ngoài 40, mắt liếc đào hoa, miệng môi tựa cánh anh đào, dáng người cao ráo, đẹp tựa tiên nữ, dưới cò có gần trăm đệ tử, tất cả đều là phụ nữ; Bà ta thường sánh mình với tiên nữ ở Dao Trì, cho nên Đường khẩu mới có tên Dao Trì Đạo. Dao Trì Đạo thành danh nhờ thuật tướng học, Long Ngọc Phụng là cao nhân tướng học có tiếng khắp Thiên Tân, tinh thông cả tướng tay và tướng mặt.

Xem tướng tay chính là xem hình dáng bàn tay, vân tay, màu sắc tay và độ nhạy cảm tay. Đặc biệt là xem vân tay, nó là một trong những tiêu chí tham khảo quan trọng để suy đoán của nhà nhân tướng học.

Phương pháp cổ điển cho rằng, trai xem tay trái, gái xem tay phải. Xòe bàn tay ra, 99% đều có thể nhìn thấy rõ ba đường chính. Đường bắt đầu từ gốc ngón trỏ kéo tận vị trí ở góc bàn tay chính là đường sinh mệnh, đường bắt đầu từ gốc ngón giữa xuống đến bên dưới ngón út chính là đường tình duyên, đường nằm ở giữa đường sinh mệnh và đường tình duyên chính là đường trí tuệ. Người xưa cho rằng, đây là ba đường chủ đạo trong cuộc đời, đường sinh mệnh biểu hiện tình trạng sức khỏe và tuổi thọ; đường tình duyên biểu hiện về chuyện tình cảm, hôn nhân;

đường trí tuệ cho thấy khả năng học vấn của một người. Tướng tay chủ yếu căn cứ vào độ nông sâu, to bé, màu sắc, dài ngắn, đứt đoạn hay không để dự đoán cát hung. Đông y còn cho rằng căn cứ vào đặc trưng của vân tay có thể đoán được bệnh tật.

Tướng mặt, xét theo nghĩa hẹp, chỉ khuôn mặt và các bộ phận trên mặt như: mắt, tai, mũi, miệng, lông mày; xét theo nghĩa rộng, ngoài khuôn mặt và ngũ quan ra, còn bao gồm cả các nốt ruồi trên người, chân tay, da dẻ và cả dáng đi, đứng, ngồi, nằm, thậm chí là phân và nước tiểu... Nhà nhân tướng học sẽ căn cứ vào tỷ lệ khuôn mặt và dáng người của người ta, độ lớn bé, cao thấp, màu sắc của các bộ phận, và cả hành vi cử chỉ để luận đoán được tình trạng giàu nghèo, thọ yếu của một người.

Lịch sử Trung Quốc, từng xảy ra một hiện tượng kỳ lạ: trong một thời kỳ nào đó, khi đất nước cần gấp nhân tài, hoặc khi có ít người tham gia thi cử, lúc này cần phải bổ sung. Việc bổ sung không căn cứ vào điểm thi cao thấp, tuổi tác, phẩm chất, mà căn cứ vào tướng mặt đẹp xấu. Những người được triệu tập nằm trong số những người thi trượt, hoặc căn bản không hề tham gia thi cử, vài vị quan chủ khảo ngồi trong nhà, yêu cầu những người này lần lượt vào “phòng vấn”. Đầu tiên, họ xem xem người này có tướng làm quan không, rồi nghe xem giọng nói có phải giọng quan không, cuối cùng lại yêu cầu người đó đi lại vài bước, xem người đó có dáng dấp của quan lại không. Trong những trường hợp như thế này, thông thường loại béo múp đầu múp cổ, ngực ưỡn, mặt vênh vang lên đi lại đều căn bản là được chọn. Như vậy đủ thấy mặt khuất đen tối, ngu xuẩn của chế độ khoa cử phong kiến.

Tướng thuật bắt nguồn từ thời kỳ Tiên Tần, hoàn thiện vào thời Hán. Cho đến nay, không ai biết người sáng lập ra tướng thuật là ai, tài liệu lịch sử cũng không có ghi chép nào liên quan, nhưng giới học thuật vẫn cho rằng tướng thuật được ra đời trong suốt một quá trình dài lâu, chứ không phải chỉ một đời người là có thể hoàn thiện được.

Tướng thuật có thể kết hợp tướng mạo và cát hung, chắc chắn đã trải qua bề dày thực tiễn với những minh chứng cụ thể mới đúc rút ra được kinh nghiệm. Ví dụ, người có cặp mắt trông như mắt dê là đoản mệnh (dương mục thọ đoản), người có nhân trung dài, đường pháp lệnh (hai đường chạy từ cánh mũi xuống đến khóe miệng) sâu sẽ sống lâu...

Nói đến chuyện ăn uống và đại tiểu tiện để luận tướng, Tổ Gia từng giảng cho các huynh đệ trong Đường khẩu nghe những sách tướng thuật thời xưa, về cơ bản có những ý nghĩa dưới đây:

Về tướng ăn, phàm người ngồi ngay ngắn, ổn định, ăn uống từ tốn, không hấp tấp vội vàng, “dĩ thực tự chủ”, đều là phúc tướng; phàm là người ngồi không ra ngồi nằm không ra nằm, nuốt vội nuốt vàng, “dĩ chủ tự thực”, đều là tướng bần tiện.

Tổ Gia từng đùa rằng: “Toàn những lời hàm hồ! Ăn cơm thì tướng cái gì chứ, nó chỉ nói lên việc người này ăn còn đói hay không. Người phú quý có cái ăn cái uống, bữa kia ăn còn chưa

kịp tiêu hóa hết đã đến bữa sau, đương nhiên sẽ ngồi vững vàng, ăn chậm rãi, từ tốn. Dân nghèo đói khổ không có cái ăn cái uống, bữa có bữa không, có khi cả mấy ngày liền chẳng được no bụng, không dễ dàng gì mới có được miếng ăn, đương nhiên sẽ nhồi cả người mà và cơm, ăn ngấu nghiến như hổ đói. Nếu để một tên địa chủ đói dăm ba ngày, xem lão ta còn ngồi ngay ngắn được không?”

Còn về chuyện đại tiện tiện, sách xưa nói rằng, phàm người đại tiện phân nhỏ dài, mềm, màu vàng bóng, đều là phúc tướng; phàm người đi phân lớn, khô, đen, to, rắn quắt lại với nhau, đều là tướng bần tiện.

Tổ Gia lại cười, đùa rằng: “Đại tiện ra kiểu gì là do thứ mình ăn vào mồm. Bọn quý tộc, địa chủ một ngày ba bữa, đồ chay đồ mặn vừa phải, hay được ăn hoa quả trái cây, đương nhiên sẽ không bị táo bón; đám người hầu hay nông dân phải ăn vỏ cây, rau tạp, đói quá còn phải ăn cả tàn hương, đất sét trắng, đương nhiên phân sẽ vừa đen vừa to. Thử đổi vị trí cho nhau xem, thử đặt đầu xuống đất lật cật lên giờ xem!”

Nói đến tướng thuật, có một người không thể không nhắc đến. Bà tên là Hứa Phụ, người mà Tổ Gia vô cùng khâm phục. Ông cũng kể cho chúng tôi nghe nhiều chuyện về bà.

Hứa Phụ là thầy xem tướng nổi tiếng thời Tây Hán, một người phụ nữ kỳ tài bậc nhất trong giới nữ tướng thuật Trung Quốc. Rất nhiều truyền thuyết nói về bà và những đánh giá đều rất tích cực. Đặc biệt, những truyền thuyết nói về việc Hứa Phụ xem tướng cho những nhân vật lớn như Lã Hậu, Lưu Bang mới thật thần kỳ.

Tổ Gia từng nói, Hứa Phụ là đại diện tiêu biểu cho thời Tây Hán, những người này có công lao to lớn đối với việc kế thừa và phát triển thuật xem tướng, làm cho tướng thuật bắt đầu dần được hệ thống hoá, quy phạm hoá.

Theo tư tưởng của người xưa, những người bất phàm tất sẽ có những trải nghiệm không tầm thường, nếu không sẽ không phải với lịch sử. Hứa Phụ đã lợi hại như vậy, vậy thì việc bà ra đời cũng phải khác hẳn người thường. Bà không phải hoàng đế, cho nên khi sinh ra, mẹ bà không thể nhìn thấy cảnh tượng rồng bay phượng múa được. Thay vào đó, một truyền thuyết còn đẹp đẽ hơn đã ra đời.

Tương truyền, khi Hứa Phụ chào đời có ngậm một viên bạch ngọc, trên viên bạch ngọc có hình bát quái ẩn hiện. Sau khi nghe nói về việc này, Tần Thủy Hoàng cho rằng đây là điềm báo tốt lành, đã thưởng cho cha mẹ của Hứa Phụ rất nhiều tiền, còn khen họ biết sinh con.

Trung Quốc có hai người vừa chào đời đã ngậm ngọc trong miệng, một là Giả Bảo Ngọc, còn người kia không ai khác chính là Hứa Phụ. Một nam một nữ, một người chỉ là hư cấu, một người là người thật. Rốt cuộc, một người có thể ngậm một miếng ngọc lúc được sinh ra đời hay không, vấn đề này rất khó nói, nhưng khả năng trong cơ thể người có thể sản sinh ra “ngọc” là có.

“Ngọc” nói đến ở đây không phải ngọc thật, mà là một loại sỏi. Khi trong cơ thể xuất hiện viên sỏi, lâu dần, viên sỏi có màu sắc tươi sáng, bề ngoài bóng mịn, thậm chí có viên còn được đào thải ra khỏi cơ thể. Thời kỳ Dân quốc từng có một trường hợp như vậy, một cô gái luôn cảm thấy đau và trướng bụng dưới, đi tiểu rất khó khăn; kết quả, một hôm trong lúc đi tiểu, sau một cơn đau dữ dội, cô gái đã tiểu ra hai hạt nhỏ màu đỏ tươi, cô rất sợ hãi liền đem chuyện đó nói với người nhà. Một người thân am hiểu kim cổ nói, đây chính là viên mỹ ngọc đã được nói đến trong truyền thuyết, cực kỳ quý giá, tuyệt đối không được làm ầm chuyện này nên, đồng thời khuyến khích cô gái tiểu ra thêm nhiều hạt nữa.

Về sau cô gái chết, không phải do tắc sỏi mà bởi tin tức trong cơ thể có ngọc đẹp bị lộ ra ngoài, thế là cô gái bị giết chết, rồi bị mổ bụng để lấy “ngọc”. Bao nhiêu vụ án mạng giết người hoang đường như vậy là có bấy nhiêu kẻ vô tri ngu dốt.

Căn cứ vào đó, có thể đoán được rằng, phàm những người ngậm ngọc ra đời đều bởi cơ thể người mẹ bị sỏi kết, hơn nữa, viên sỏi này lại rơi đúng vào miệng của thai nhi, đồng thời nó vừa hay cũng trơn bóng như ngọc. Mẹ của Hứa Phụ cũng nằm trong số những trường hợp thần kỳ như vậy.

Long Ngọc Phụng chậm rãi quay người bước lên khán đài.

“Xin mọi người chỉ giáo!”

“Long chương môn, đã lâu không gặp vẫn khoẻ chứ?!” Đinh Tử Hà – chương môn Tử Hà Đường ở Mãn Châu là người đầu tiên đứng dậy uốn miệng hỏi.

Long Ngọc Phụng mỉm cười, đáp lại: “Đã khiến Mông Đình đại sư bận tâm, Ngọc Phụng vẫn khoẻ.”

Mọi người nghe thấy vậy, tưởng hai nhà có chút dây mơ rễ má.

Tổ Gia mỉm cười, tọa sơn quan hổ đấu.

Đinh Tử Hà tức tối nói: “Dao Trì Đạo cứ gặp người là nói diện hàm đào hoa (người có vẻ mặt sẽ gặp phải kiếp đào hoa), mười người thì có đến chín người có đào hoa sát, hơn nữa không quá ba ngày, thế nào cũng có phụ nữ sà vào lòng ôm ấp, sau đó, hoặc vì sắc hại đến thân, hoặc vì sắc mà hao tài tốn của, cuối cùng bắt buộc dĩ phải mời Long chương môn giải hạn. Lẽ nào một người, ngoài đặc điểm diện hàm đào hoa ra thì không còn điểm đặc biệt nào khác sao?”

Câu hỏi này rõ ràng sắc mùi châm chọc, không ngoài mục đích bóc lột ném người, vạch mặt Long Ngọc Phụng thường hay dùng nhan sắc, dung mạo để dàn cục quyền rũ mục tiêu, rồi lại “chém đẹp”.

Long Ngọc Phụng cười khúc khích, đầy vẻ quỵên rũ, đáp: “Rượu không làm say người, người tự say, sắc không mê hoặc người, người tự mê. Có tên đàn ông nào không háo sắc, có người phụ nữ nào không đong đưa lơ lả. Các đức ông đang có mặt ở đây đều là người nghiên cứu thuật số siêu hình, bất luận là xem tướng tay, tướng mặt, bói lục hào hay bát tự, đào hoa sát chính là đại sát. Nam hoan nữ ái là chuyện thường tình của con người, mười ông thì đến chín ông sẵn tính trăng hoa, ông còn lại xuất gia, ta nói sai ở đâu nào? Tổ Gia thấy tôi nói có đúng không?” Nói xong, liếc mắt về phía Tổ Gia, nhìn ông tình tứ.

Tổ Gia khẽ rùng mình. Còn chưa đợi Tổ Gia nói, Hoàng Pháp Dung cuống lên, đứng phắt dậy: “Rượu là thứ thuốc độc đâm thủng ruột, sắc là con dao sắc róc xương, kẻ dùng nhan sắc mê hoặc người khác, đều sẽ bị đâm xuống địa ngục. Người nghiên cứu Dịch học lẽ ra phải giáo hoá chúng sinh, rời xa sắc dục, mới là chính đạo. Hơn nữa, Long chương môn nói sai rồi! Hàm nghĩa đào hoa sát rất rộng, không chỉ riêng gì sắc dục, đào hoa được chia thành đào hoa trong tường và đào hoa ngoài tường; đào hoa trong tường chủ về vẻ đẹp, dung mạo tuấn tú, lại chủ về sự thông minh; chỉ có đào hoa ngoài tường mới dễ tình vương vãi khắp nơi, mới là dê già háo sắc. Long chương môn vợ đưa cả năm, đánh mất vẻ tao nhã rồi!”

Long Ngọc Phụng liếc xéo Hoàng Pháp Dung, rồi nói: “Ta thấy người chính là diện hàm đào hoa, hơn nữa, lại đào hoa ngoài tường, sát khí cực nặng, chồng của người phải cẩn thận đấy...”

Lúc này, ban giám khảo người Nhật ngồi phía dưới, trợ trợ bằng tiếng Trung: “Hùng biện chính là tùy việc mà xét, không được đả kích về nhân phẩm người khác, nếu Long chương môn không còn gì biện bạch, có thể về chỗ.”

Long Ngọc Phụng và Đinh Tử Hà đều là đại Hán gian ở ba tỉnh miền đông, không có chút bản lĩnh thật sự nào, lần này tham gia cuộc thi hùng biện, đều phải hy sinh thể diện để có được chỉ tiêu. Tây Điền Mỹ Tử luôn đề tâm, ghi nhớ trong lòng, bà ta đã bàn định trước với mấy vị chủ khảo, cho bọn họ được lọt vào vòng đấu loại mười người, sau đó đẩy bọn họ xuống, vừa giữ thể diện cho bọn Hán gian, vừa không đến nỗi làm hỏng việc lớn.

Long Ngọc Phụng khoát tay, hậm hực bước xuống.

Đinh Tử Hà cười thâm trong lòng mà không biết rằng, chỉ một lát nữa thôi, kết cục của mình cũng chẳng khác gì Long Ngọc Phụng.

THẬT GIẢ TRONG MAI HOA DỊCH SỐ

Người thứ sáu ra sân chính là Đinh Tử Hà của Tử Hà Đường, Mãn Châu.

Đinh Tử Hà dáng người cao ráo, mắt phượng, mũi cao, cặp môi mọng đỏ, răng đều hạt bắp, là hình mẫu người đẹp Đông Bắc điển hình. Tử Hà Đường dưới trướng của bà ta được thành lập sau Chính biến 18 tháng 9, là một đội ngũ mê tín do bọn Hán gian và người Nhật cùng nhau

dù dắt.

Thời của Trương Tác Lâm, các vụ “thảm án Huyết cốc điều” liên tiếp xảy ra ở ba tỉnh phía Đông, đều do bọn này làm ra. Huyết cốc điều chính là ngỗng trời chuyên ăn ruột trẻ con, vài người lớn đi làm đồng, thường nhốt bọn trẻ con ở nhà, sau khi về nhà không thấy con mình đâu, liền hô hào người làng đi tìm, cuối cùng đến chỗ ngỗng trời tụ tập thì phát hiện thấy thi thể của con mình, đã bị lũ ngỗng trời mổ rách bụng, ăn rỗng hết ruột. Các “Tiên cô” của Tử Hà Đường mượn cớ tuyên truyền thuyết “đồng tử quy thiên” (đưa bé về trời), nhân cơ hội đó giải hạn vợ tiên.

Tổ Gia căm ghét tận xương tủy bọn Tử Hà Đường, từ lâu đã bàn với Tăng Kính Võ xem có thể cử vài sát thủ đi cắt cổ Đình Tử Hà hay không, ngặt nỗi Đình Tử Hà hành tung bí hiểm, nhiều thủ hạ đi theo bảo vệ, nhất thời khó mà ra tay. Hôm nay lại gặp mặt ở đây, cơn giận trong người Tổ Gia bốc lên.

“Xin các vị chỉ giáo!” Đình Tử Hà nói.

“Đình đại tiên thường nói, có thể nhìn thấy thần tiên giáng trần, thường làm phép tụ hội quần tiên, ứng nghiệm nhiều lần, nay các vị cao minh đều tề tựu đủ cả, Đình đại tiên hãy gọi tiên về một lần, cho chúng tôi được mở rộng tầm mắt được không? Đình đại tiên sẽ không nói hôm nay các vị thần tiên đều không có nhà đấy chứ?!” Long Ngọc Phụng vừa bị rút đài nổ phát pháo đầu tiên.

Đình Tử Hà cười nhạt: “Việc này có gì khó? Kỳ thực, Cửu Thiên Huyền Nữ và Vương Mẫu nương nương đang ở bên cạnh tôi, nhưng hạng phàm phu tục tử không nhìn thấy được!”

“Dám hỏi Đình tiên gia, Cửu Thiên Huyền Nữ và Vương Mẫu nương nương đang làm gì bên cạnh bà vậy?”

Đình Tử Hà nhìn Tổ Gia, nói: “Đương nhiên là bảo vệ ai gia!”

Chưa dứt lời, một chiếc phi tiêu bắn vù ra cực mạnh, nhanh như chớp, thoát cái làm sỗ tung búi tóc trên đầu Đình Tử Hà, khiến bà ta hồn xiêu phách tán, mặt mày tái nhợt.

“Xem ra, Huyền Nữ và Vương Mẫu không ở bên cạnh bà!” Tổ Gia nhếch miệng cười.

Mấy tên lính bảo vệ người Nhật hò nhau bao vây Tổ Gia, chúng sợ ông lại bắn phi tiêu, giết chết các vị đại sư người Nhật ngồi phía dưới.

Độc! Độc! Độc! Ba tiếng vỗ tay vang lên, Tây Điện Mỹ Tử đứng lên, bắt nhịp mọi người vỗ tay hoan hô Tổ Gia. Mọi người ngơ ngác, sau đó tiếng vỗ tay vang lên như sấm dậy.

Ban chủ khảo người Nhật xua tay, bảo bọn lính kia lui xuống.

Đinh Tử Hà bước xuống bục diễn thuyết, vẻ khiếp đảm vẫn còn nguyên trên mặt.

“Phái Giang Tướng chớ giở thói ngang ngược!” Một người dưới khán đài lên tiếng, mọi người cùng đưa mắt nhìn, thì ra Tướng Thiên Thừa của Thuận Thiên Giáo ở Mãn Châu. Vốn dĩ, người tiếp theo đến lượt chính là ông ta, nhưng ông ta không nín nhịn được, không đợi nghe tuyên bố, đã tự nhảy lên. Vì Đinh Tử Hà cùng bang phái ở Mãn Châu bị Tổ Gia ở Giang Hoài làm cho bẽ mặt.

“Khà khà!” Tổ Gia điềm tĩnh cười, lòng thầm nghĩ: Chỉ cần dựa vào biểu hiện này của lão, hôm nay lão thua chắc.

Sau khi Tướng Thiên Thừa trèo lên bục diễn thuyết, chỉ thẳng Tổ Gia: “Tổ Gia có vấn đề gì, cứ việc hỏi!”

Mọi người thấy vậy, cũng chấp nhận bỏ qua cơ hội được đưa câu hỏi, ánh mắt cùng dồn về phía Tổ Gia. Tổ Gia vẫn vững như đồng, chỉ gật đầu, rồi nói: “Thuận Thiên Giáo đã tung hoành khắp ba tỉnh phía Đông mười năm nay, Tướng sư gia được chân truyền hai cuốn tuyệt học là Mai Hoa dịch số và Hoàng Cực kinh thế của Thiệu Ung, thông hiểu hết cả, đưa dịch số, dịch lý đạt đến cảnh giới cực đỉnh, người trong giang hồ không ai không biết, văn bối ngưỡng mộ đại danh tiền bối từ lâu, nay mới được gặp mặt, Tướng sư gia quả đúng là bậc tiên phong đạo cốt, phong thái hơn người!”

Tướng Thiên Thừa đã gần 60, cho nên Tổ Gia tự xưng là văn bối.

Tướng Thiên Thừa vốn đang tức mình, bị Tổ Gia dùng chiêu long, đột nhiên cảm thấy ngân ngại: “Tổ Gia quá khen rồi, phái Giang Tướng tung hoành trên giang hồ mấy trăm năm, kỹ pháp Trát phi của Mộc Tử Liên thuộc hạng siêu phàm khắp vùng Giang Hoài, lão đây đã như ngọn đèn trước gió, hậu sinh khả uly.”

“Tướng sư gia đã nghiên cứu, học tập Mai Hoa dịch số nhiều năm, ông thấy nó ứng với người, với việc được bao nhiêu?” Ý Tổ Gia muốn hỏi về độ chính xác của Mai Hoa dịch số.

“Vạn pháp quy tông, đúng hay không không phải ở thuật pháp, mà là ở con người. Chỉ cần nghiên cứu, học tập đến nơi đến chốn, mọi phương thuật đều có thể chiêm bốc thiên địa, tức bốc toán mọi việc trong trời đất. Mai Hoa dịch số do đại sư Dịch học đời Tống là Thiệu Ung Tiết soạn ra, sau sự việc “quán mai chiêm” mới có tên như vậy. Pháp thuật này dùng số lý tiên thiên bát quái, mượn các quẻ tượng là nội quái, ngoại quái, hồ quái, rồi nạp âm thanh, phương vị, thời gian, động tĩnh, địa lý, thiên thời, người vật, màu sắc, động thực vật vào trong quẻ bốc, từ đó có thể chiêm bốc ra vạn vật trong thế gian!”

Sách xưa đã ghi: Thiệu Ung Tiết và bạn bè thường ngồi ngắm hoa mai trong vườn. Một hôm, họ trông thấy hai chú chim sẻ đang chiu chít cãi nhau trên cành mai, đột nhiên, một con chim mổ cho con kia ngã xuống đất. Thiệu Ung Tiết thấy vậy, liền gieo quẻ, sau đó phán: “Chập tối

mai nhất định sẽ có một cô gái vào vườn hái hoa mai, người coi vườn tưởng là kẻ trộm mới đuổi bắt, khiến cho cô gái bị ngã từ trên cây xuống, gãy chân.” Ngày hôm sau quả đúng là đã xảy ra chuyện như vậy, từ đó Mai Hoa dịch số nổi danh trong thiên hạ.

Bổng Tổ Gia chuyển đề tài, hỏi: “Tại hạ có một câu, không biết có nên nói ra không?”

“Xin mời!” Tưởng Thiên Thừa nói.

“Tại hạ cho rằng Mai Hoa dịch số là ngụy tác!”

Dưới khán đài kinh ngạc ồ lên. Ngụy tác ý nói rằng, đoạn sử liệu kia không có thật, chỉ là do người đời sau bịa đặt ra.

Tưởng Thừa Thiên giận run người: “Mai Hoa dịch số và Hoàng Cực kinh thế là hai tuyệt tác lớn lúc sinh thời của Thiệu Công, Tổ Gia lại dám vọng ngôn nói là giả danh, há chẳng phải chuyện nực cười nhất trên đời hay sao?”

Tổ Gia nói rành mạch: “Thiệu Ung nổi tiếng là bậc đại tài, từ nhỏ đã đọc nhiều sách vở, Tổng sử đã ngợi ca ông: ‘Kiên trì, chịu khó, chịu khổ, lạnh không cần sưởi, nóng không cần quạt, ngày đêm mài miết học hỏi suốt mấy năm ròng’; ‘tiếp thu Hà Đồ, Lạc Thư, 64 quẻ tượng của Phục Hy’; ‘trước tác gồm có Hoàng Cực kinh thế, Quán vật nội ngoại thiên, Ngự tiêu vấn đáp; thơ có Y xuyên kích nhưỡng’ tập. Người đời sau kế tục người đi trước chép sử, tất sẽ vô cùng cẩn trọng, không dám ăn nói ngông cuồng, đã đưa ra dẫn chứng ví dụ có thể tra cứu được, nhưng trong sử sách đời Tống Thiệu Ung bản truyện lại chỉ kể ra bốn tác phẩm của nhân vật truyền kỳ này là: Hoàng cực kinh thế, Quán vật nội ngoại thiên, Ngự tiêu vấn đáp, Y xuyên kích nhưỡng tập. Nếu Mai Hoa dịch số quả đúng như Tưởng sư gia đã nói, là một trong hai tuyệt tác lớn bị thất truyền của Thiệu Ung Tiết, thì làm sao người biên soạn sử thời Tống lại dám bỏ sót. Từ đây có thể thấy, Mai Hoa dịch số đích thị do người đời sau mượn tiếng soạn ra. Bỏ nhân tài hèn học mọn, nhưng không đến nỗi không hiểu biết kinh sử, không biết trong hai chúng ta, rốt cuộc ai mới đang nói chuyện nực cười đây?!”

Tưởng Thiên Thừa vừa định giải thích, Tổ Gia liền nói tiếp: “Vừa rồi, chỉ mới khảo chứng Mai Hoa dịch số là tác phẩm mạo danh căn cứ vào sử sách, bây giờ chúng ta hãy xét về mặt nội dung để xem xem Mai Hoa dịch số có giả mạo hay không. Hầu như cả cuốn Mai Hoa dịch số đều giảng giải về phương pháp bói toán, nhưng lại chẳng hề có một cương lĩnh chung, càng không hề nói đến phương thức và cách thức suy luận, diễn giải cụ thể. Cả một cuốn sách thần kỳ như thế, cuối cùng chỉ dùng một bài thơ mà đòi thay thế phương pháp giải đoán, bài thơ viết rằng:

Nhất vật kỳ lai hữu nhất thân,

nhất thân hoàn hữu nhất Càn Khôn;

Năng tri vạn vật bị vu ngã,
khẳng bá tam tài biệt lập căn;
Thiên hướng nhất trung phân hạo hoa,
nhân vu tâm thượng khởi kinh luân;
Tiên nhân diệc hữu lương ban thoại,
đạo bất hư truyền chỉ tại nhân.

Người tinh tường sẽ phát hiện ra bài thơ này cực kỳ giống với Quán vật ngâm trong Kịch những tập của Thiệu Ung. Bài vịnh Quán vật ngâm viết rằng:

Nhất vật tòng lai hữu nhất thân,
nhất thân hoàn hữu nhất Càn Khôn;
Năng tri vạn vật bị vu ngã,
khẳng bá tam tài biệt lập căn;
Thiên hướng nhất trung phân thể dụng,
nhân vu tâm thượng khởi kinh luân;
Thiên nhân yên hữu lương ban nghĩa,
đạo bất hư truyền chỉ tại nhân.

Các vị thấy đây, đây rõ ràng là đã trộm dùng ý niệm và học thuyết của Thiệu Ung, người đời sau tự lập môn hộ. Nếu Trương sư gia vẫn cố chấp không chịu tỉnh ra, e rằng sẽ làm trò cười cho thiên hạ!”

Tổ Gia biết Trương Thiên Thừa gian xảo, cáo già, nhận giặc làm cha, cho nên không chút nể mặt lão. Không biết do Trương Thời Thiên tuổi tác đã già, hay do lời Tổ Gia quá sâu cay mà mặt ông ta cau lại, đỏ bừng lên, thở hổn hển, đệ tử của ông ta vội vàng kêu lên: “Sư phụ tôi bị suyễn, mau mang thuốc đến!”

Trương Thiên Thừa được đệ tử nhắc xuống như vậy.

Đây là lần đầu tiên Mai Hoa dịch số bị đem ra chất vấn trong lịch sử Dịch học, lần chất vấn này của Tổ Gia được nói trước mặt hơn hai trăm người, về sau nó được truyền ra giới giang

hồ. Mãi cho đến sau khi nhà nước Trung Quốc kiều mới ra đời, cuối cùng cũng có một học giả chứng minh sự nghi ngờ của Tổ Gia là đúng.

KỲ MÔN ĐỘN GIÁP

Vị thứ tám ra sân là Bùi Cảnh Long của Hoàng Cực Đạo ở Bảo Định. Bùi Cảnh Long mới 20 tuổi, là nhân tài mới xuất hiện trong giới Dịch học Trung Hoa. Khi 15 tuổi, anh ta đã bái một vị nghiên cứu đạo Lão trong Phòng Quản lý Phong tục Sở Tổng đốc Trục Lệ làm thầy, có được một bản sao cuốn Kỳ môn độn giáp giấu ở Cố Cung, về sau ngày đêm nghiên ngẫm, cuối cùng cũng lĩnh hội được cái sâu xa huyền diệu trong đó.

Khi cuộc đại chiến nổ ra ở Trung Nguyên, Uông Tinh Vệ liên kết với các cánh quân quân phiệt đánh Tưởng Giới Thạch, người trong giang hồ đều cho rằng: Mạng của Tưởng Trung Chính thế là xong rồi. Bùi Cảnh Long quan sát bầu trời ban đêm, dùng Kỳ môn mỗ xẻ, đưa ra lời dự đoán rằng: “Tất có mãnh sư đến từ hướng Cấn, Càn, Khôn, Chấn, Đoài bị quét sạch.” Về sau, khi chiến sự giữa hai bên đang ở vào thế giằng co, Trương Học Lương ở phía đông đột nhiên điện báo cả nước: ủng hộ Tưởng Giới Thạch, rồi dẫn hai mươi vạn quân ở Đông Bắc xuống phía Nam, giáng một đòn dựng lại cục diện thắng bại của cuộc đại chiến ở Trung Nguyên. Sau khi cuộc chiến kết thúc, Tưởng Giới Thạch và Trương Học Lương còn kết nghĩa anh em. Phía Đông Bắc trong hậu thiên bát quái vừa hay lại nằm đúng Cấn vị, ứng nghiệm với lời dự đoán “Tất có mãnh sư đến từ hướng Cấn”, Bùi Cảnh Long thành danh từ đó.

Tổ Gia cũng đã nghe danh tiếng của kẻ hậu sinh trong giới Dịch học từ lâu, lần này được gặp mặt, thấy Bùi Cảnh Long mặt mũi tuấn tú, tướng mạo bất phàm, ánh mắt cương nghị, phong thái đỉnh đạc, Tổ Gia không thể không công nhận: nhân tài lớn!

Tổ Gia luôn tin rằng, những người tâm thiện ánh mắt sáng ngời, tâm sáng mắt sáng thì thông minh hơn người, cho thấy về học thuật anh ta cũng đạt tột đầu. Vạn vật đều tương thông, người có thiện tâm không bị ham muốn hưởng thụ vật chất của thế tục che khuất, một lòng chuyên tâm nghiên cứu học vấn, tài năng sẽ đạt đến đỉnh cao. Tổ Gia dùng tướng thuật để xét lòng người, lại dùng nhân tâm đánh giá trình độ, không nén nổi ý muốn thu nạp anh ta.

Tổ Gia và Mai Huyền Tử đã bàn bạc với nhau trước đó rất lâu, trong cuộc hùng biện Dịch học lần này, cần phải chú ý tìm kiếm người chưa đánh mất lương tâm, có lẽ trong số những người công trên lưng cái tiếng Hán gian này, cũng có người đang phải nhẫn nhục chịu đựng như tôi và ông, chỉ cần thời cơ chín muồi, ô long sẽ quấy đuôi, rửa sạch hận thù.

Theo sự sắp xếp của Tổ Gia, Mai Huyền Tử sẽ hỏi vài câu để thử xem chiều sâu của con người này ra sao, vì Mai Huyền Tử cũng nghiên cứu thuật Kỳ môn độn giáp.

Mai Huyền Tử đứng lên hỏi: “Người nghiên cứu thuật Kỳ môn độn giáp đều biết rằng, pháp Kỳ môn huyền diệu vô cùng, đáng tiếc tư liệu tham khảo còn lưu truyền đến ngày nay quá ít ỏi, đặc biệt là phép diễn toán càng ít được đề cập đến. Rất nhiều người sau khi học được cách

khởi cục, đều giậm chân tại chỗ bao nhiêu năm, bởi họ chỉ biết bày bàn Kỳ môn chứ không biết phân tích mỗ xê, đừng nói gì đến phá giải nạn tai. Đối với việc phá giải, trong Yên ba điều tẩu ca còn lưu lại một câu: Cấp tắc tông thần, hoãn tông môn. Không biết Bùi tiên sinh có cao kiến gì đối với câu này?”

Nội dung được coi là tinh hoa của thuật Kỳ môn độn giáp đều đã được cô đọng lại trong bài quyết Yên ba điều tẩu ca, đây cũng chính là nội dung mà những người nghiên cứu thuật pháp này cần phải lĩnh hội được.

Cấp tắc tông thần, hoãn tông môn, câu này nói về cách làm thế nào để có thể tiến hành việc hóa giải dựa vào những thông tin mà bàn cục Kỳ môn độn giáp đã tiết lộ, hay nói một cách dễ hiểu, là làm thế nào để chọn giờ, chọn không gian có lợi, làm những việc có lợi cho mình.

Cấp tắc tông thần, tức là, trong tình huống gặp phải chuyện gì đó nguy cấp, không cho phép anh có thời gian nghiên ngẫm mọi phương diện trong bàn cục để tìm cách phá giải, sẽ phải làm thế nào? Lúc này, anh chỉ cần hành động theo phương vị của Lục Giáp Trực Phù trong bàn cục hoặc của Cửu Tinh Trực Phù là được, như vậy, anh sẽ có thể trốn thoát, tránh được nạn tai, hoặc có thể phá được vòng vây từ phương vị này.

Hoãn tông môn, tức, nếu sự việc không gấp, cho phép anh có thời gian suy tính, vậy thì phải suy xét toàn cục, xem cát hung của bát môn, sau đó chọn phương vị, chỉ đạo hành động.

Bùi Cảnh Long cười, nói: “Cấp tắc tông thần, hoãn tông môn mặc dù là câu chứa đựng tinh hoa, nhưng gấp hay không gấp lại không hề đưa ra một tiêu chuẩn phán đoán chính xác, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào trạng thái tâm lý của người đó đang tốt hay xấu. Có người núi Thái Sơn sắp đổ sập xuống đầu vẫn không hề sợ hãi, có người gió mới chỉ làm lay động ngọn cỏ đã lo trời sập đến nơi, cho nên bỉ nhân cho rằng, gấp hay không gấp, không phải chỉ cần nhắc đến sự việc khi đó, mà càng cần phải cân nhắc để liệu đoán được tình hình cát hung chủ quan và khách quan của bàn cục, kết hợp bản chất và hiện tượng của sự vật, mới có thể phán đoán chính xác, nếu không sẽ hiểu sai pháp thuật của bậc thánh nhân.”

Tô Gia vừa nghe, vừa mỉm cười gật đầu.

Mai Huyền Tử hỏi tiếp: “Nghe nói Cửu Thiên Huyền Nữ đã ban cho thuật Kỳ môn độn giáp, không biết Bùi tiên sinh có cao kiến gì?”

Đây quả thực là một thắc mắc mang tính lịch sử, cuốn Kỳ môn độn giáp xưa nay vẫn được ca ngợi là thuật số thần kỳ, nhưng rốt cuộc lai lịch của nó như thế nào thì vẫn chưa tìm được bằng chứng lịch sử có thể thuyết phục được người ta.

Theo truyền thuyết, Kỳ môn độn giáp có từ thời Hoàng Đế. Khi Hoàng Đế Hiên Viên đánh nhau với Si Vưu ở Trác Lộc (nay là huyện Trác Lộc, tỉnh Hà Bắc), hai bên khó lòng phân định thắng thua, đột nhiên Si Vưu dùng yêu thuật rải sương mù dày đặc, Hoàng đế và quân của ông

bị lạc mất phương hướng rồi bị vây khốn dưới núi. Chính vào lúc Hoàng đế không biết phải làm thế nào, một tiếng sét nổ “đoàng” trên đầu, rồi một chiếc cầu vòng vắt ngang trời, một tiên nữ bước ra, bà tiên ấy chính là Cửu Thiên Tiên Nữ. Bà ban cho Hoàng đế một cuốn sách, Hoàng đế bày binh bố trận theo phương pháp đã được nói trong đó, cuối cùng đánh bại được quân của Si Vu.

Về sau, cuốn sách được truyền cho Khương Thái công. Khương Thái công mang cuốn sách ra, vừa đọc vừa câu cá, câu mãi cho đến khi 80 tuổi, cuối cùng cũng đợi được vua Văn Vương nhà Chu, từ đó được giao phó trọng trách lớn lao. Khương Thái công đem những thứ học được ra giúp vua Vũ Vương đánh dẹp vua Trụ nhà Ân.

Kể đó, cuốn sách này lại được truyền cho Hoàng Thạch Lão Nhân. Một hôm, cụ gặp một người tên Trương Lương ở trên cầu, thấy đứa bé này có tướng mạo rất khá liền thử anh ta. Cụ cố ý ném chiếc giày của mình xuống sông, rồi bảo anh vớt lên cho mình, lúc đó Trương Lương rất bực mình, muốn đánh cho ông lão này một trận, nhưng lại nghĩ ông ấy đã lớn tuổi, việc gì phải nói lý lẽ, liền vớt chiếc giày lên. Nhưng ông cụ lại được nước làm tới, nói thẳng nhóc đi giày cho ta, Trương Lương tức đến sắp nổi khùng lên, nhưng trong lòng lại nghĩ mình đã vớt giày giúp ông lão rồi, đi giày cho ông ta thì có sao nào? Thế là lại cung kính đi giày cho ông cụ.

Ông cụ rất hài lòng nói: “Được rồi, được rồi. Con trai, năm ngày sau con hãy tới đây, ta tặng con một món quà nhỏ.”

Hoàng Thạch Lão Nhân tặng cho Trương Lương một cuốn sách có tên Binh pháp Thái công, khi đó, Trương Lương cảm động rơi nước mắt, vội vàng quỳ xuống dập đầu bái lạy thầy. Từ đó, Trương Lương đã dùng cuốn sách này, cùng với những nhân vật có thể hô mưa gọi gió là Hàn Tín và Tiêu Hà giúp Lưu Bang đánh lấy thiên hạ. Sau này, Trương Lương sửa lại cuốn sách, rồi đổi tên thành Kỳ môn độn giáp.

Mãi về sau, cuốn Kỳ môn độn giáp lại được truyền đến tay Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng nhờ đó lập nên công tích vĩ đại “Công át thời Tam Quốc, danh lừng Bát trận đồ”.

Đây chính là nguồn gốc của Kỳ môn độn giáp trong truyền thuyết.

Bùi Cảnh Long gật đầu, đáp: “Ừm, khi Hoàng Đế đánh Si Vu, đến khi Thái công phò trợ Văn Vương, Vũ Vương xưng đế, tới Trương Lương giúp Lưu Bang thống nhất giang sơn, rồi lại đến Gia Cát Lượng giúp Lưu Bị chia ba thiên hạ. Trong lịch sử, Kỳ môn độn giáp đều xuất hiện vào lúc thiên hạ đại loạn, nó không thể tách rời khỏi chiến sự. Độn giáp chính là ẩn tàng, Giáp đứng đầu mười thiên can, giống như đại tướng trong hàng quân. Binh lính hành quân nghìn dặm, tướng ở giữa, ẩn Giáp tức là bảo vệ Giáp, không để đại tướng bị cung tên sát hại, không để đại tướng bị kẻ khác chặt đầu. Theo mọi dấu vết cho thấy, Kỳ môn độn giáp có nguồn gốc từ những cuộc bài binh bố trận trong quân sự thời xưa. Còn chính xác từ thời đại nào, tạm thời không thể biết được!”

Những người ngồi dưới khán đài thâm gập đầu. Lác đác có vài người hỏi thêm để được nghe lời giảng giải thấu tình đạt lý về vấn đề uyên bác, cao thâm này. Cuối cùng, một tràng vỗ tay giòn giã vang lên. Tổ Gia cũng bất giác vỗ tay khen ngợi.

Bùi Cảnh Long từ từ bước xuống trong ánh mắt khâm phục, ngưỡng mộ của mọi người.

Vị thứ chín lên đài chính là Mai Huyền Tử. Theo sách lược mà ông và Tổ Gia đã bàn bạc trước, tuyệt đối không thể để cho bọn người Nhật phát hiện ra rằng mâu thuẫn giữa hai người đã được hóa giải, cho nên sau khi ông ta bước lên bục diễn thuyết, Tổ Gia đưa ra câu hỏi đầu tiên, hơn nữa còn mang trong đó cả ụ thuốc nổ, hai người đối đầu gay gắt như nước với lửa hòng qua mặt bọn người Nhật.

Người cuối cùng ra sân chính là Tổ Gia, kỳ thực ông đã chẳng cần phải ra sân nữa, thắng bại dường như được phân định từ lâu, nhưng lúc này ông trở thành tấm bia lãnh tên của mọi người. Mấy vị Đại sư ngồi bên dưới chỉ hận không thể cắn chết Tổ Gia, liền bắt đầu hoạnh học, bắt bẻ đủ kiểu, nhưng Tổ Gia vẫn sừng sững như núi Thái Sơn, điềm tĩnh trả lời từng câu, từng câu một.

Câu hỏi: “Giới thuật số đều cho rằng Thiết Bản thần số là giả tác, Tổ Gia giải thích sao đây?”

Đáp: “Chính xác thì là ngụy tác chứ không phải giả tác! Sư tổ Thiết Bốc Tử đã lĩnh ngộ được đạo pháp này trong Hoàng Cực kinh thế của Thiệu Ung, nhưng không dám kể công, nên đã nhờ tên tuổi của bậc tiên hiền mà truyền bá đạo pháp Dịch học, phong độ khí phách của thầy như vậy có gì sai kém?”

Hỏi: “Tổ Gia thấy Bát tự, phong thủy cái nào lợi hại hơn?”

Đáp: “Người xưa đã nói Nhất mộ, nhị phòng, tam Bát tự, có vẻ như phong thủy được coi là đi đầu. Kỳ thực, phong thủy và Bát tự có liên quan đến nhau, bổ trợ cho nhau, không thể nói cái nào ghê gớm hơn cái nào, chỉ có cách nói quá cứng nhắc về công phu của người sử dụng nó mà thôi!”

Hỏi: “Trẻ sinh đôi có Bát tự giống nhau, lẽ nào vận mệnh cũng giống y nhau? Tổ Gia thấy thế nào?”

Đáp: “Hai đứa trẻ sinh đôi không chui ra khỏi bào thai người mẹ cùng một lúc, luôn luôn có thứ tự trước sau, đứa trẻ nào được sinh ra sau thì càng gần với giờ tiếp theo sau, khí trong ngũ hành cũng gần kề với khí của giờ tiếp theo sau đó. Ông không thấy thời xưa có hai anh em sinh đôi, người anh sinh ra vào lúc gà trống cất tiếng gáy vang, người em sinh ra thì con gà trống đó đã gáy xong, chỉ còn lại tiếng cùng cục hít hơi ngược lại, kết quả người anh đỗ trạng nguyên, còn người em làm kẻ ăn mày, vận mệnh của hai đứa trẻ sinh đôi đương nhiên không thể giống nhau hết được.”

Hỏi: “Tổ Gia có biết Bát tự có bao nhiêu kiểu không?”

Đáp: “512 vạn kiểu!”

...

Tổ Gia sở dĩ có thể phát huy tinh hoa tư tưởng Dịch học đến mức độ sâu sắc, là bởi ông đã khiêm tốn học hỏi nhiều năm, lại có Hoàng Pháp Dung đến Mộc Tử Liên và được Bành tướng sĩ hết lòng chỉ bảo.

Cuộc thi hùng biện Thái Sơn Bắc Đẩu Dịch học Trung Hoa với thanh thế phô trương này cuối cùng cũng đã đến hồi hạ màn, Tổ Gia hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu quán quân, đồng thời cũng trở thành “Hán gian số một” trong giới Dịch học Trung Hoa.

QUÊN MÌNH BÁO QUỐC

Quan mới nhậm chức thường hăng hái, xông xáo, việc đầu tiên Tổ Gia làm chính là liên kết các hội đạo môn, sau đó xây dựng Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Nhật – Trung. Nước cờ thứ hai này của Tổ Gia nhằm mục đích moi khoét hết tiền dưỡng mệnh của các hội đạo môn.

Các hội đạo môn vừa nghe thấy thế đã nổi điên, mỗi tháng phải tiến cống cho bọn người Nhật đã đành, bây giờ lại còn muốn xây học viện cái gì nữa. Bọn họ thi nhau gửi thư phản đối đến cho Quân bộ Nhật Bản, nhưng kiến nghị này đã được bên quân đội và cơ quan đặc vụ của Nhật hết sức ủng hộ.

Cuối cùng, Học viện này đã được xây dựng tại vùng đất thấp rộng 20km² trên quần đảo Chu San. Đây là vùng phong thủy bảo địa mà Tổ Ga và Bùi Cảnh Long cùng tiến cử.

Mảnh đất thấp này phong thủy rất đẹp, cánh đồng cỏ um tùm, bát ngát mênh mông, ở giữa có bốn con sông nhỏ uốn lượn, trải dài chảy qua, tại chỗ các dòng chảy hợp lại, tạo thành những bãi bùn thu hút từng đàn, từng đàn chim muông bay đến đậu. Thường ngày, 80% diện tích mảnh đất này lộ ra ngoài, một khi thủy triều lên, diện tích của nó chỉ còn khoảng 60%.

Người Nhật ủng hộ quyết định của Tổ Gia, kỳ thực bởi chúng cũng có toan tính riêng của mình. Nhìn bề ngoài, Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Trung – Nhật này là nơi giao lưu học thuật hữu hảo giữa Nhật và Trung, nhưng thực chất chính là cơ quan đặc vụ đầu não để thao túng các hội đạo môn Trung Quốc.

Sau Chính biến 18 tháng 9 năm 1931, Nhật Bản liên tục chiếm cứ ba tỉnh miền Đông, rồi liền đó giờ nanh ma vượt quỹ về phía quần đảo Chu San của các môn hộ miền Đông Trung Hoa. Sau chính biến 28 tháng 1 năm 1932, chúng lại đưa rất nhiều tàu chiến đổ bộ quanh quần đảo Chu San và tiến hành diễn tập quân sự. Cuộc Hội chiến Tùng Hộ nổ ra, người Nhật có chỗ đứng ở Thượng Hải, càng coi Chu San là căn cứ xâm lược Trung Hoa quan trọng. Đặt cơ

quan đầu não thao túng các hội đạo môn Trung Quốc ở Chu San cũng là kết quả mà người Nhật luôn nung nấu. Nghĩ sâu tính kỹ, bọn chúng thiết lập cơ quan đặc vụ ở đây, theo chiều dọc có thể móc nối với các tỉnh Đông Bắc Sơn Đông, An Huy, Phúc Kiến, theo chiều ngang có thể chống đỡ Hà Nam, Lương Hồ, Sơn Tây, khi cần rút lui có thể vòng về Thượng Hải, quay thẳng về đại bản doanh Nhật Bản, toàn bộ mạch máu của các hội đạo môn Trung Quốc đều bị người Nhật nắm chặt trong tay. Để thực hiện cuộc xâm lược Trung Hoa trên quy mô toàn diện, người Nhật đã làm đúng làm đủ các bài tập mà bọn họ phải làm.

Việc tiếp theo, người Nhật liên tập hợp nhân lực, động thổ xây Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Trung – Nhật ở quần đảo Chu San.

Thời gian vun vút trôi, hết mùa giá lạnh lại đến mùa nóng nực, thu qua rồi đông lại tới.

Ngày 1 tháng 11 năm 1935, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 khóa 4 của Quốc dân Đảng họp, trong cuộc họp đã xảy ra một chuyện làm kinh động trong và ngoài nước: Nguyên lão Ưông Tinh Vệ của Quốc dân Đảng bị ám sát tại hội trường. Người thực hiện cuộc ám sát chính là một chí sĩ yêu nước, nhà báo của thông tấn xã Thần Quang tên là Tôn Phụng Minh. Ưông Tinh Vệ trúng ba phát súng, trong đó phát thứ hai găm trúng giữa xương ức thứ sáu và thứ bảy là vết thương chí mạng, mặc dù không mất mạng ngay, song vết thương khá nguy kịch, về sau tuy được cứu sống, nhưng năm 1944, vết thương cũ tái phát, chết ở Nagoya, Nhật Bản.

Người lên kế hoạch cho hoạt động ám sát lần này chính là Vương Á Tiều. Vốn dĩ, mục tiêu hàng đầu là Tưởng Giới Thạch, không ngờ hôm đó, Tưởng Giới Thạch thấy trong hội trường quá lộn xộn nhốn nháo, nên hấn do dự không muốn xuống lầu, kết quả Tôn Phụng Minh liền chĩa súng nhắm thẳng Ưông Tinh Vệ.

Tin tức đăng đầy trên báo chí, làm chấn động cả nước. Tổ Gia hay tin cả người toát mồ hôi lạnh, bất giác nhớ đến lá thư do đích thân Vương Á Tiều viết không lâu trước đó: “... huynh không biết tự lượng sức mình, lại muốn mưu việc lớn tại Nam Kinh, chặt đầu ba tên Hán gian thề rửa nhục cho đất nước, lấy thân mình mang chính nghĩa chiếu khắp Hoa Hạ!” Vị Cửu gia này đúng là gan lớn tay trời, việc mà ông muốn làm, không chuyện gì là không làm được. Nhưng sau sự việc lần này, tình cảnh của Cửu gia tất nhiên càng thêm nguy hiểm, bọn Quốc dân Đảng nhất định sẽ trừ khử ông bằng mọi giá. Nghĩ đến đây, Tổ Gia mồ hôi ướt đầm, một khi Cửu gia gặp điều bất trắc sẽ không còn ai chống lưng cho mình trong giang hồ nữa.

Kỳ thực, từ sau khi gia nhập vào tổ chức Cung giáo Nhật Bản, hầu như Tổ Gia không hề liên lạc với Vương Á Tiều, thỉnh thoảng có gửi tin tức qua Tăng Kính Võ cũng phải cực kỳ thận trọng, ông sợ người Nhật sẽ lần ra manh mối mà truy tìm, hòng trả thù Vương Á Tiều khi trước đã giết chết Yoshinori Shirakawa. Nhưng, sau một thời gian ngồi yên quan sát động tĩnh và thăm dò tình hình, ông phát hiện thấy hình như người Nhật không hề định ra tay ngay, cho đến sau khi xảy ra chuyện Ưông Tinh Vệ bị ám sát, Tây Điền Mỹ Tử mới nói rõ chân tướng của sự việc cho Tổ Gia nghe: chúng tôi đã điều tra ra hành tung của Vương Á Tiều từ lâu, nhưng trực tiếp ra tay giết Vương Á Tiều không bằng cứ đợi hắn giết chết Tưởng Giới Thạch,

bọn Quốc dân Đảng chắc chắn sẽ điên cuồng bổ nhào tới, chúng tôi chỉ việc ngồi trên núi mà xem hổ cắn nhau, đến thời khắc then chốt bồi thêm một phát đạn là được.

“Chuyện nghề cò mổ nhau, ngư ông đắc lợi, Tổ Gia đâu phải không hiểu. Nào ngờ Tưởng Giới Thạch mạng lớn, lại tránh được kiếp nạn.” Tây Điền Mỹ Tử lại nói: “Trò hay sắp diễn ra rồi, Tổ Gia đừng quên sứ mệnh của mình!”

Ngay sau đó, vào ngày 24 tháng 11 năm 1935, dưới sự thao túng của người Nhật, tên đại Hán gian vùng Hoa Bắc là Ân Nhĩ Canh phát động “Sự biến Ký Đông”, đọc tuyên ngôn tuyên bố Nam Kinh thoát ly khỏi chính phủ Quốc dân Đảng; ngày 25 tháng 11 năm 1935 lại thành lập Ủy ban tự trị chống Cộng Ký Đông, tuyên bố 12 huyện vùng Ký Đông thoát khỏi sự quản chế của chính phủ Quốc dân.

Trong quá trình 12 huyện Ký Đông giành được độc lập, phân đà Thiên Thánh Đạo ở Bắc Bình cực kỳ chăm lo tạo thanh tạo thế cho mình, chúng luôn mồm hô hào khẩu hiệu: “Cần Khôn gặp họa lớn, ngày tận thế sắp ập xuống đầu, phúc đến từ phương Đông, một lòng cứu độ chúng sinh”, chúng tiêm nhiễm dần dần tư tưởng “bạn Nhật tử tế” rồi lại dùng thuật Trát phi được Sở Cung giáo Nhật cung cấp cho, giờ thần giờ quỷ, lừa gạt nhân dân, sau khi 12 huyện độc lập, nhân dân vẫn tưởng những ngày tháng tươi đẹp đã đến.

Cùng lúc này, bọn trùm sỏ đặc vụ Nhật cũng bôn ba khắp các vùng Bảo Định, Thái Nguyên, Tế Nam với mưu đồ lợi dụng Tổng Triết Nguyên ở Ký Sát Bình Tân, Diêm Tích Sơn ở Sơn Tây, Hàn Phúc Cử ở Sơn Đông, Thương Chấn ở Hà Bắc... để thực hiện kế hoạch “Năm tỉnh Hoa Bắc tự trị”.

Trong sự ồn ào như vậy, Trung Quốc đã bước qua những giờ phút sống còn của năm 1935.

Vào đêm giao thừa, Tổ Gia lại chìm vào trạng thái đắm chiêu, trầm ngâm.

Phía Nhật Bản không ngừng hối thúc các hội đạo môn phải phô trương thanh thế của mình, tuyên truyền tư tưởng “Nhật – Trung hữu hảo” và quan niệm “đồng tông đồng tộc”, đồng thời liên tục dàn dựng lớn triệu gọi các tiên nhân xuất hiện ở Hoa Bắc, Giao Đông và Giang Hoài, dọa cho nhân dân ngơ ngác, sững sờ. Các hội đạo môn thì nhau gọi giặc là cha, xóa sạch ranh giới phân biệt giữa người Trung Quốc và Nhật Bản. Tổ Gia nhận thấy sự việc càng ngày càng cấp bách.

Ông liên tục thúc giục tiến độ công trình Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Trung – Nhật.

Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Trung – Nhật là một quần thể kiến trúc được xây dựa theo bố cục “Bát trện đồ” của Gia Cát Lượng.

Toàn bộ quần thể kiến trúc tọa Nam hướng Bắc, gồm có chín lầu nhỏ, trong đó có một tòa chính nằm ở giữa, đằng trước, đằng sau và hai bên trái phải đều có một phòng phụ, bốn góc

mỗi góc lại phối hợp với một phòng phụ nữa, kết cấu này chính là hình cửu cung bát quái. Trên Khảm vị lại trồng 24 cây đại thụ, tượng trưng cho 24 trận kỵ binh đi tuần du đột kích. Bốn dòng sông nhỏ chảy qua như hình con thoi trong quần thể kiến trúc, là trạng thái phong thủy thông suốt, dẫn khí của bát môn: Hưu Môn, Sinh Môn, Thương Môn, Đỗ Môn, Cảnh Môn, Tử Môn, Kinh Môn và Khai Môn ra ngoài. Giữa các phòng nối với nhau bằng lối đi được đóng kín toàn bộ, chỗ nối liền dùng thạch môn che chắn, người đi vào trong quần thể kiến trúc phải đi vào từ Sinh Môn, di chuyển thuận theo khí bát quái, cuối cùng đi ra qua Hưu Môn, mới có thể ra ngoài một cách bình an, một khi vào nhằm Tử Môn, động phải cơ quan thạch môn, thạch môn sẽ tự động đóng kín, người đi vào qua cửa đó chắc chắn sẽ bị nhốt cho đến chết trong đó. Ở đây có một mẹo, khi bị lạc đường, tuyệt đối không được phép ngồi yên trong phòng đợi, chỉ cần muốn đi ra ngoài thì cứ đi theo hướng dòng chảy, thuận theo khí đi xuống, thì có thể tìm lại được Sinh Môn, sau đó thoát thân qua Hưu Môn.

Thiết kế này hoàn toàn do Bùi Cảnh Long và Tổ Gia bày ra, đồng thời nhận được sự tán thưởng cất lực của người Nhật. Người Nhật cũng đã lường trước được rằng, sau khi Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Nhật – Trung được hoàn thành, đặc vụ Nhật và các thầy đồng cốt của sở Cung giáo sẽ tụ tập tại đây, việc này tất sẽ dẫn dụ đám sát thủ Trung Quốc đến ám sát, ngộ nhỡ dụ đến bọn cảm tử không sợ chết, liệu chúng có thể kéo một mẻ lưới hốt được tất cả các nhân tài Dịch học Nhật Bản hay không?

Sau khi nghe Tổ Gia và Bùi Cảnh Long giải thích về Bát trận đồ, bọn chúng mới an lòng, song vẫn không dám khinh địch, chiến hạm của Nhật ngày đêm tuần du quanh quần đảo Chu San để đề phòng bất trắc.

Dưới sự hồi thúc và đích thân giám sát thi công của Tổ Gia, vào ngày 6 tháng 5 năm 1936, Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Trung – Nhật đã được hoàn thành thắng lợi. Tên đầu sỏ cơ quan đặc vụ Nhật tên là Yoshio Kodama đích thân đến cắt băng khánh thành, tất cả các cao thủ thuật số Trung – Nhật đều đến chúc mừng. Xét thấy công lao to lớn của Tổ Gia và Bùi Cảnh Long, người Nhật đã dành hai căn phòng phía Nam cho hai vị Đại sư ở lâu dài, đi sâu nghiên cứu thuật số, để phục vụ quân của Thiên Hoàng tốt hơn nữa.

Trong Mộc Tử Liên lúc này đang xông xáo tranh cãi, giấy không thể bọc được lửa, việc Tổ Gia trở thành Thái Sơn Bắc Đầu Dịch học Trung Hoa cuối cùng cũng bị tất cả các huynh đệ biết được.

Bọn chân tay xì xào bàn tán không nói làm gì, các Bá đầu cũng bắt đầu có sự chia rẽ, bất đồng. Tam Bá đầu và Ngũ Bá đầu cương quyết ủng hộ, Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu nhất quyết phản đối, Tứ Bá đầu Trương Tự Triêm cũng đang nhìn ngó nghe ngóng. Một người khí tiết chính trực như Tổ Gia, chương môn đời thứ 14 của Mộc Tử Liên, một vị đại sư Giang Hoài luôn căm thù cái ác, sao lại có thể trở thành Hán gian?

Đêm hôm đó, Trương Tự Triêm cố gắng hỏi Hoàng Pháp Dung: “Rốt cuộc thì mấy tháng nay cô và Tổ Gia đang làm cái gì vậy? Cha ta bị bọn người Nhật giết chết, anh trai ta cũng bị

người Nhật giết chết, rốt cuộc thì các người đang làm chuyện gì?”

Hoàng Pháp Dung thản nhiên nói: “Chúng ta phải tin tưởng Tổ Gia!”

Trương Tự Triêm cau: “Ta bảo cô mau nói cho ta biết!”

Hoàng Pháp Dung điềm tĩnh nói: “Quy định của Đường khẩu anh hiểu rõ mà, chuyện gì nên để người khác biết, Tổ Gia sẽ tự nói, chuyện gì không nên biết, bất kể ai cũng không dám nhiều lời!”

Trương Tự Triêm ngậy người ra: “Chúng ta có phải vợ chồng không vậy?”

Hoàng Pháp Dung cười: “Không phải vợ chồng thì là gì?”

Trương Tự Triêm nóng nảy quát tháo: “Cút đi cho ta! Cút!”

Hoàng Pháp Dung nhìn anh ta, nín thinh.

Đêm ngày 15 tháng 8 năm 1936, Tổ Gia đột nhiên triệu tập các Bá đầu.

Điều kỳ lạ là, cuộc họp này không diễn ra ở Đường khẩu, Tổ Gia dẫn mọi người đến từ đường, nơi thờ cúng liệt tổ liệt tông phái Giang Tương.

Tổ Gia thấp ba nén nhang, cung kính cắm vào lư hương, sau đó không nói gì, chỉ im lặng ngưỡng vọng bài vị và ảnh thờ của liệt tổ liệt tông.

Cả gian phòng im phăng phắc, các Bá đầu cũng ngẩng đầu lặng lẽ nhìn phả hệ.

Tổ đời thứ nhất: Phương Chiêu Dư, Hứa thị, Tăng thị.

Tổ đời thứ hai: Đường Vĩnh Hà, Phương Đại Trung, Lâm Khai Thế, Uất Trì Lâm.

Tổ đời thứ ba: Tiêu Văn Viễn, Chu Vân Khai, Giang A Thái, Triệu Tứ Nương.

...

Ngắm nhìn như vậy một hồi, Tổ Gia rung rung nước mắt, các Bá đầu cũng rơm rớm, hình ảnh các vị liệt tổ liệt tông trong các bức vẽ chân dung cứ ẩn hiện trong ánh nến ánh đèn, cảnh tượng như gió giục mây vùn của bao chuyện đã qua như thấp thoáng, phảng phất trước mắt họ, nào là phản Thanh phục Minh, hành thích Ung Chính, cướp của người giàu chia cho người nghèo, thay trời hành đạo, đi Nam về Bắc, dẹp yên giang hồ... Từng cảnh tượng oanh liệt, lẫy lừng ủa về trong dòng tâm trạng đang trượt theo như một bức tranh cuộn, bức tranh ấy cứ trải dài, dài mãi, kể lại những ngày tháng hào hùng đã qua, thời thế vùn xoay, đoạn đường phái Giang Tương đã đi cũng gần 300 năm, mà nay...

Đột nhiên, Tổ Gia vén vạt áo, quỳ sụp xuống, các Bá đầu cũng quỳ xuống theo.

“Thử tịch hội minh thiên hạ hợp!” Tổ Gia đồng đọc hô to.

“Thử tịch hội minh thiên hạ hợp!” Các Bá đầu không thể tự chủ được, cũng đồng thanh đọc theo.

“Tứ hải chiêu lai tận tính Hồng!” Tổ Gia lại đọc to.

“Tứ hải chiêu lai tận tính Hồng!”

“Kim châm thủ huyết đồng lập thế!”

“Kim châm thủ huyết đồng lập thế!”

“Huynh đệ tề tâm yêu đồng hợp!”

“Huynh đệ tề tâm yêu đồng hợp!”

Tiếng hô vang vọng hòa cùng tâm trạng hăng hái khuấy động cả màn đêm, tỏ rõ nghĩa khí can đảm, hào hùng.

Sau đó, Tổ Gia đứng dậy, quay người lại, tuyên bố trước các vị Bá đầu: “Các huynh đệ! Đã đến lúc phái Giang Tướng quên mình báo quốc!”

Các Bá đầu đều trở mắt, ngơ ngác nhìn Tổ Gia. Tổ Gia làm bất cứ điều gì cũng đều có mục đích, mọi người biết Tổ Gia sắp nói ra sự thật.

“Ta từ thế gian đến ‘tác tướng’, trải qua mọi sự giữa chốn nhân gian. Sấm đánh hỏa thiêu không trốn chạy, sống chết ở trong tướng môn. Sống làm người phái Giang Tướng, chết làm ma phái Giang Tướng! Khắc ba giờ Tuất ngày mai, ta sẽ cho lũ giặc Nhật vào chỗ chết cả lũ. Kẻ bằng lòng theo ta thì đi cùng ta, kẻ không đồng ý đi, hãy ở lại đây đợi, sau khi việc lớn ngày mai xong, các người tự phân chia tài sản rồi trốn đi!”

“Người đâu!” Tổ Gia hô to.

Sáu A Bảo to con, cường tráng, cỡi trần đang đứng ngoài cửa bước vào, tên nào cũng lăm lăm con dao lớn sáng loáng. Tổ Gia nói: “Không phải ta không tin các huynh đệ, nhưng việc lần này vô cùng hệ trọng, trước khi hành sự, không thể để lộ tin tức. Huynh đệ nào không muốn đi, không được phép rời khỏi đây nửa bước trước khắc ba giờ Tuất ngày mai!”

Các Bá đầu nhìn nhau, có vẻ còn chưa hiểu chuyện gì đang diễn ra. Nhị Bá đầu không nín nhịn được, cuối cùng cũng thốt ra một câu: “Tổ Gia, chúng con đều chưa rõ chuyện gì, xin Tổ Gia nói cho chúng con hay, chúng con thề chết đi theo Tổ Gia!”

Tổ Gia gật đầu, nói ra kế hoạch hành động.

Lúc này, các Bá đầu mới biết điều mà Tổ Gia nung nấu trong lòng bấy lâu nay. Để đợi đến giờ phút này, Tổ Gia đã phải nhẫn nhục chịu khổ; vì cái giờ phút này, Tổ Gia phải lừa gạt các huynh đệ; vì giờ phút này, Tổ Gia cam lòng để người ta chửi rửa sau lưng là “Hán gian số một giới Dịch học”.

Các Bá đầu nghe xong, dòng máu nóng trong người trào sôi, đây mới là Tổ Gia khiến người ta nguyện đi theo cả cuộc đời.

“Kẻ có chí, việc ắt thành, đập nồi dìm thuyền, trăm ải hiểm yếu của Tần sẽ về tay Sở! Người có tâm, trời không phụ, ném mật nằm gai, ba nghìn quân Việt nuốt sống quân Ngô!” Tam Bá đầu hô to.

“Tổ Gia, chúng con thề chết đi theo sư phụ!” Các Bá đầu đồng lòng.

Tổ Gia nhìn các huynh đệ, mắt rung rung, hô lớn: “Mang rượu tới!”

Mấy tên tay chân khênh lên một hũ rượu Nữ Nhi Hồng thượng hạng, rót một mạch bảy tám bát.

Tổ Gia rút chiếc kim vàng ra, đâm vào ngón tay giữa của mình, máu tươi chảy ra, nhỏ vào trong bát rượu. Các Bá đầu cũng đều rút kim ra, chích vào ngón tay mình, rỏ máu vào bát rượu.

Tổ Gia nâng bát rượu lên, nói thật đông dạc trước bài vị tổ tiên: “Tuy không sinh cùng ngày cùng tháng cùng năm, nhưng nguyện chết cùng ngày cùng tháng cùng năm!”

Những dòng nước mắt nóng hổi trào ra trên khóe mắt các vị Bá đầu, tất cả bọn họ nói theo: “Tuy không sinh cùng ngày cùng tháng cùng năm, nhưng nguyện chết cùng ngày cùng tháng cùng năm!”

Nói dứt lời, tất cả mọi người hùng hực khí thế, uống cạn bát rượu, sau đó cùng giơ cao bát lên vút xuống đất vỡ tan tành.

TRẦN QUYẾT CHIẾN

Ngày 16 tháng 8 năm 1936, thủy triều dâng cao trên sông Tiền Đường.

Đây là đợt thủy triều dâng cao nhất trong vòng mười năm trở lại đây trên sông Tiền Đường, cũng chính là điều mà Tổ Gia mong đợi. Báo chí đã cho đăng tải tin tức quan sát hiện tượng thủy triều dâng cao này, ngay cả tướng quân Phùng Ngọc Tường hôm đó cũng sẽ đích thân đến Diêm Quan ngắm thủy triều.

Đầu tiên, sợ xảy ra sơ suất về thời gian thủy triều dâng, Tổ Gia lại bảo Bùi Cảnh Long dùng

pháp thuật Kỳ môn khởi cục dự đoán. Sau khi phân tích kỹ lưỡng, Bùi Cảnh Long nói với Tổ Gia: “Tổ Gia yên tâm, khắc ba giờ Tuất, thủy triều sẽ tràn lên toàn bộ quần đảo Chu San, đúng giờ, sóng sẽ cao bảy thước, việc lớn tất thành!”

Tổ Gia tâm đắc gật đầu, sau đó nhìn Bùi Cảnh Long nói: “Bùi hiền đệ, chúng ta từ biệt thôi, mai này chiến tranh kết thúc, Trung Hoa hòa bình trở lại, Dịch học phát triển rực rỡ phải nhờ cả vào hiền đệ.”

Bùi Cảnh Long nhìn Tổ Gia đầy khâm phục, nói: “Tổ Gia, tôi và ông tuy không cùng thế hệ, nhưng rất tâm đầu ý hợp, biết nhau trong cuộc đời là đủ rồi, cuộc chiến lần này, thập tử nhất sinh, tôi không thể bỏ đi được, tôi lên đảo cùng Tổ Gia! Cơ quan Kỳ môn kia do một tay tôi sắp đặt, vào lúc quan trọng có lẽ tôi có thể giúp được Tổ Gia một tay.”

Tổ Gia nhìn chàng trai trẻ tuổi trước mặt, gật đầu, sau đó vỗ vào vai anh ta, hai người anh em ôm nhau thật chặt, soi tỏ lòng can đảm cho nhau.

Tổ Gia không hề nhìn nhầm người, Bùi Cảnh Long quả thật tâm lạnh còn chưa mát. Sau khi cuộc thi hùng biện Dịch học hôm đó kết thúc, Tổ Gia và Mai Huyền Tử đã bí mật gặp Bùi Cảnh Long, hỏi anh ta tại sao lại chạy theo người Nhật, Bùi Cảnh Long mới kể rõ sự tình, thì ra người Nhật đã giữ mẹ của anh ta, chúng tuyên bố nếu không hợp tác với quân của Thiên Hoàng sẽ giết không tha. Bùi Cảnh Long có tiếng là đứa con hiếu thảo, tự xưa đến nay, trung hiếu khó giữ vẹn toàn, vì thế đành phải nhẫn nhục chịu đựng, ép lòng ép dạ cầu cả hai được toàn vẹn. Sau khi nghe xong, Tổ Gia đã âm thầm bàn tính, kết quả chưa đến một tuần, qua mối quen biết với người ở vùng Trục Lệ của chương môn Bắc phái Tuyết Mạnh Thảo là Tiên Diệu Lâm, ông đã bỏ ra rất nhiều vàng để mua chuộc mấy tên Hán gian, đưa mẹ Bùi Cảnh Long về an toàn.

Sau sự việc đó, Bùi Cảnh Long cảm kích rơi nước mắt. Tổ Gia thấy thời cơ đã chín, liền nói ra sự thật, nghe thấy thế, Bùi Cảnh Long máu nóng hừng hực, còn đòi: Thẻ chết đi theo Tổ Gia! Nhưng Tổ Gia đã từ chối: “Phái Giang Tương không phù hợp với cậu, cậu là người am hiểu Dịch học chân chính, hãy làm một người đường đường chính chính, chăm chỉ trau dồi học vấn, mai này tất sẽ thành người tài!”

Bùi Cảnh Long mắt rung rung gật đầu: “Đại ân đại đức của Tổ Gia, tôi phải báo đáp thế nào?”

Tổ Gia vỗ vai anh ta, nói nhỏ...

Trưa ngày 16 tháng 8, Tổ Gia, các Bá đầu, Hoàng Pháp Dung, Mai Huyền Tử, Bùi Cảnh Long và thủ lĩnh của hơn hai trăm các hội đạo môn khác, tất cả cùng đi lên đảo, quan sát đợt thủy triều dâng lớn nhất trong vòng gần mười năm qua.

Vào bữa trưa, Tây Điền Mỹ Tử cố ý ngồi cùng bàn với Tổ Gia.

“Tổ Gia đã phải vất vả nhiều, công lao không nhỏ, tôi kính Tổ Gia một chén.” Ánh mắt Tây Điền Mỹ Tử tràn đầy sự ái mộ.

Tổ Gia mỉm cười, nói: “Tất cả đều nhờ Tây Điền thiếu thư nâng đỡ.”

Tây Điền Mỹ Tử nhoẻn miệng cười, nói: “Mặt trăng là âm, mặt trời là dương, âm dương hút nhau thì sẽ có hiện tượng triều dâng. Tôi nghe nói khi thủy triều lên, là lúc nam nữ dễ nảy sinh tình cảm, không biết Tổ Gia đã nghe chưa?”

Tổ Gia chỉ mỉm cười không nói gì.

“Đêm nay, sau khi thủy triều rút, Tổ Gia cứ ở lại đây nghỉ ngơi.” Nói xong, bà ta lại đặt tay lên tay Tổ Gia.

Lần này Tổ Gia không lảng tránh, ngược lại, còn đặt tay kia của mình lên tay Tây Điền Mỹ Tử, nắm thật chặt nói: “Ánh trăng của Trung Quốc quả thật chẳng khác gì ánh trăng của Nhật Bản, cũng vẫn sáng và đẹp như ánh trăng ở Hokkaidō.”

Tây Điền Mỹ Tử sửng người.

Sau 7 giờ tối, mặt trời gần khuất hẳn đằng tây, thủy triều dần dần dâng lên.

Đám đông đều tụ tập lại trên tầng hai của tòa lầu chính, cùng ngắm thủy triều đang từ từ dâng lên. Một lúc sau, nước lên cao, tạo thành những con sóng cuộn trào, như hàng vạn con tuấn mã đang lao đến, đâm mạnh vào dải đá ngầm và bề mặt bãi cát, sóng vọt lên cao mười mấy mét. Sau khi vượt qua những vật cản, những con sóng biển xa vạn dặm tạo thành những dải uốn lượn màu trắng, cuộn cuộn ngất trời xô đến, mạnh đến nỗi khó mà chống đỡ được. Đê phòng hộ quanh chín tòa lầu chìm ngấm dưới những con sóng, mọi người hò reo không ngớt.

Lúc này, mặt trời lặn vẫn còn in bóng, mặt trăng nhô lên phía đằng Đông, ánh sáng chan hòa vào nhau. Sóng biển cuộn cuộn ào tới, đám người vẫn huyên náo, rộn ràng.

Đột nhiên, Tây Điền Mỹ Tử cau mày lại, bà ta phát hiện thấy có thứ gì đó chuyển động lẩn trong những đợt sóng, liền hoảng hốt nói vài câu với đám vệ sĩ đứng bên cạnh, mấy tên vệ sĩ kia quay vào trong phòng, một lúc sau cầm ra một chiếc kính viễn vọng quân dụng.

Tây Điền Mỹ Tử cầm chiếc kính viễn vọng lên nhìn, kêu thất thanh: “Không hay rồi!”

Thì ra, lẩn trong những con sóng là rất nhiều, rất nhiều rắn, chúng đang trườn tới Viện giao lưu Dịch học hữu nghị Nhật Trung theo những con sóng lớn đang ào đến.

“Ồ đâu ra nhiều rắn đến vậy?” Tây Điền Mỹ Tử nhìn kỹ, trên mình những con rắn này có hình hoa văn rất đặc biệt, đều là loại rắn cực độc, bà ta hét hoảng kêu lên: “Mau đóng thạch môn! Mau đóng thạch môn! Trong nước có rắn!”

Đám binh lính chen nhau chạy xuống lầu nhưng đã muộn, hàng nghìn hàng vạn con rắn đã bò vào tận đây, mọi người chỉ chú ý ngắm nhìn những đợt sóng tung bọt trắng xóa, chẳng ai phát hiện ra rắn độc đã trườn vào trong quần thể kiến trúc này.

Một tên lính đứng canh chỗ cầu thang liền rút súng, toan bắn vào đàn rắn thì một con rắn độc lao vọt đến, há miệng cắn đúng vào trán hắn, đám binh lính náo loạn cả lên, thi nhau nổ súng dọa.

Nghe thấy tiếng súng nổ, đám đông đột nhiên sững lại, cùng cúi người nhìn, một luồng khí lạnh ngắt chạy dọc sống lưng, vô số con rắn độc như bị niệm chú, trườn nhanh như bay giữa đám cây leo tường, bò lên tận đỉnh lầu. Cả đám người la hét, chạy tán loạn.

Lưu Hạc Tử chỉ có một con mắt cũng loạng choạng mò mẫm chạy theo đám người, đột nhiên, một bóng đen dài lao tới trước mặt, ông ta há miệng định hét lên, con rắn độc lao thẳng vào miệng lão, cắn phập lưỡi. Lưu Hạc Tử đau đớn, muốn kêu mà không kêu nổi, hai tay bóp chặt mình con rắn, giữ không cho nó chui vào bụng. Bất thành lời, người hắn chao đảo, rồi rơi xuống lầu, nằm giữa vạn con rắn.

Trịnh Bán Tiên hốt hoảng trốn vào trong một cái tủ, đóng chặt cánh lại, thở hồng hộc, đột nhiên hắn nghe thấy trên đầu có tiếng xì xì. “Chết rồi!” Trịnh Bán Tiên thảm kêu lên. Một con rắn độc đã chui vào cái tủ từ lâu, đứng vào lúc Trịnh Bán Tiên ngẩng đầu lên nhìn, từ răng con rắn rớt ra một thứ chất độc, cứ thế cắn thẳng vào con người Trịnh Bán Tiên. “Á!” Trịnh Bán Tiên kêu lên thảm thiết, thân người đổ nghiêng xuống làm bật tung cánh tủ, mấy trăm con rắn lao đến. Chỉ trong chớp mắt, hắn ta ngập trong bầy rắn.

Long Ngọc Phụng và Đinh Tử Hà chạy đến chỗ rẽ xuống sảnh lớn dưới lầu thì bị một đàn rắn chặn ở chỗ cầu thang. Mấy binh lính dùng súng và súng lửa bắn về phía chúng chặn lại.

Ngọn lửa dữ dội thiêu lụi rắn cháy xèo xèo, bao nhiêu con quần người lại, co quắp, từng đồng từng đồng đang bò trên cầu thang bị rơi xuống.

Nhưng lũ rắn phía sau lại trườn đến như ong vỡ tổ, không thể chống đỡ được.

Long Ngọc Phụng và Đinh Tử Hà cuống cuống cầm đầu chạy. Đinh Tử Hà sợ hãi hét toáng lên. Long Ngọc Phụng túm chặt lấy bà ta, gào lên bằng giọng Thiên Tân nặng trĩu, khàn đặc: “Mẹ kiếp, gào cái gì! Làm lão nương hết hồn! Không phải bên cạnh người có Vương Mẫu che chở sao! Mẫu Nương!?”

Đinh Tử Hà mắt long sòng sọc lườm Long Ngọc Phụng: “Câm mồm!”

Khi hai mẹ con đang chửi nhau, một tiếng “khục” vang lên, còn chưa biết đó là tiếng gì thì đột nhiên im thinht.

“Tiếng gì vậy?”

“Hả?” Đinh Tử Hà lại kêu lên thăm thiết, thì ra đó là tiếng một binh sĩ bị gãy cổ.

Không biết từ bao giờ, một con trăn khổng lồ bò đến, nó lạng sang bên này rồi lại lạng sang bên kia nhanh thoăn thoắt, thân người co lại, ép đầu một tên lính nát bét, đốt sống cổ bị gãy, ngay lập tức cái đầu treo lủng lẳng.

Hai tên lính khác hoảng hốt cầm súng bắn đuôi con trăn khổng lồ, nó quất mạnh cái đuôi vào khẩu súng, rồi lại trườn lên chỗ cao nhất ở tay vịn cầu thang đánh vụt một cái, hai tên lính kia còn chưa kịp phản ứng gì, nó đã từ trên không lao vụt xuống, trong chớp mắt quần chặt lấy hai tên lính, nó lại ưỡn mạnh một cái khiến hai bộ xương kêu lên răng rắc, hai tên lính đổ ra đất như hai người giấy.

Ngay sau đó, con trăn khổng lồ bỏ nhào về phía Long Ngọc Phụng và Đinh Tử Hà...

Lúc này, Tổ Gia đang bám sát theo Tây Điền Mỹ Tử, ông muốn tận mắt nhìn thấy con mụ trùn sò đặc vụ độc ác này chết thế nào.

Tây Điền Mỹ Tử cầm khẩu súng ngắn, đi xuống lầu trong sự yểm hộ của đám binh lính. Lúc này, trời đã tối hẳn, nước biển ngập tràn, lũ rắn nhảy múa hỗn loạn, mấy binh lính bắn súng lửa mở đường. Quần thể kiến trúc này vốn được thiết kế theo Bát trận đồ, tạo thành một mê cung, trong đêm tối càng khó phân biệt được phương hướng, Tây Điền Mỹ Tử cuống quýt nói: “Mau tìm Sinh Môn! Vào từ Sinh Môn mới có thể ra được qua Hư Môn.”

Nói thì dễ, nhưng tìm được là điều vô cùng khó. Lúc này, Tây Điền Mỹ Tử chẳng còn nghĩ đến chuyện giữ bí mật nữa, bà ta gào lên: “Chạy theo hướng dòng sông sẽ tìm được Sinh Môn!”

Tổ Gia nghe thấy thế, thở dài ngẩng mặt lên trời. Hơn một năm ông chuyên tâm dàn cục, nhẫn nhục chịu đựng mang cái tiếng Hán gian, lại nghĩ trăm phương nghìn kế để đoạt cho được danh hiệu Thái Sơn Bắc Đẩu Dịch học Trung Hoa, sau đó lại lấy danh nghĩa xây dựng Viện giao lưu hữu nghị Dịch học Nhật – Trung để rút sạch tiền bạc của các hội đạo môn, chung tay với Bùi Cảnh Long dựng lên bố cục Trận đồ bát quái vô cùng tinh vi này. Cuối cùng, hôm nay cũng được như tâm nguyện. Thứ mà ông muốn nhìn thấy chính là cảnh tượng này.

Trong cửu cung Bát trận đồ, bốn long mạch (dòng chảy) như tàu con thoi, từ Sinh Môn đến Tử Môn đều có quy luật của nó. Tổ Gia đã đợi đợt thủy triều lớn nhất trong vòng mười năm này, để nước lớn cuộn cuộn tràn vào, tạo thành những dòng chảy ngược chiều; một khi dòng chảy ngược chiều, các cơ quan cũng sẽ đảo ngược chiều, long mạch vỡ tắc, khí ngũ hành lập tức biến đổi, khí cửu cung cũng đột ngột biến đổi theo, Sinh Môn biến thành Tử Môn, Tử Môn biến thành Sinh Môn, kiến trúc nơi này không thay đổi, nhưng cục cát hung đã khác một trời một vực. Đây chính là chỗ thần kỳ của Bát trận đồ!

Tổ Gia bám theo bọn Tây Điền Mỹ Tử chạy về phía dòng chảy thuận chiều, mắt chừng một khắc, cuối cùng cũng thấy một thạch môn, trên cửa ghi hai chữ Sinh Môn.

Tây Điền Mỹ Tử mỉm cười: “Trời giúp ta rồi!”

Ngay sau đó, bọn chúng liền chui vào trong.

Vòng qua mấy chỗ rẽ, chúng bị một thạch môn chặn lại trước mặt, Tây Điền Mỹ Tử nói: “Thạch môn này được đặt theo một hướng, phải đi vào Sinh Môn mới có thể đẩy ra được.” Nói xong, bà ta rút súng vào túi, giơ tay ra đẩy cửa.

Thạch môn không hề động đậy, Tây Điền Mỹ Tử lại đẩy tiếp, vẫn không thấy cánh cửa nhúc nhích, mấy tên lính cũng đến đây giúp bà ta.

Lúc này, Tổ Gia lặng lẽ đi vòng ra phía sau lưng Tây Điền Mỹ Tử, nhanh như chớp rút lấy khẩu súng lục trong túi bà ta. Pằng! Pằng! Pằng! Ba tiếng súng đanh gọn, chói tai, ba tên lính chết ngay tức khắc. Ngay sau đó, Tổ Gia chĩa thẳng súng vào Tây Điền Mỹ Tử.

Tây Điền Mỹ Tử sững người, song dù gì cũng là một đặc vụ lão luyện bao nhiêu năm, bà ta liền hiểu ra mọi chuyện, bình thản nói: “Thì ra là âm mưu của người ư?”

Tổ Gia gật đầu: “Người giết bao nhiêu người Trung Quốc như vậy, thù mới hận cũ chất chồng, cũng đến lúc báo rồi.”

Tây Điền Mỹ Tử đưa tay lên vén tóc mai ướt nhẹp vì nước biển, cười như mỉa: “Xem ra Tổ Gia luôn lừa dối tôi...”

“Là bà luôn lừa gạt người Trung Quốc.”

“Uổng công tôi luôn nặng lòng với Tổ Gia...” Tây Điền Mỹ Tử đau lòng nói.

“Khà khà...” Tổ Gia cười. “Chuyện nữ nhi tình trường chỉ là chuyện nhỏ, chuyện sống chết của nước nhà mới là chuyện lớn. Tây Điền tiểu thư không phải cũng vì Nhật Bản mới đến Trung Quốc sao?”

Tây Điền Mỹ Tử nước mắt tuôn rơi, mãi lâu sau, bà ta nói: “Cha tôi là một ngư dân, khi còn nhỏ, tôi rất thích được nằm trên bãi biển, ngắm nhìn ánh trăng vừa to vừa đẹp để. Nay tôi vào lính, trở thành một đặc vụ, tính mạng của một đặc vụ không thuộc về bản thân mình nữa mà thuộc về Thiên Hoàng của Đế quốc Nhật Bản, tôi không có đường lui. Tôi luôn nhớ về thời thơ ấu, vô lo vô nghĩ nằm dài trên bãi biển, ngắm nhìn ánh trăng vừa to, vừa tròn...”

“Tại sao phải có chiến tranh, tại sao không thể chung sống hòa bình?” Tổ Gia buồn bã nói.

“Cá lớn nuốt cả nhỏ, đây là quy luật của xã hội loài người. Cho dù Nhật Bản không xâm lược

Trung Quốc, nước khác cũng sẽ... Đáng tiếc, ở Trung Quốc, những người như Vương Á Tiêu và Tổ Gia quá ít...” Nói đến đây, Tây Điền Mỹ Tử nhìn Tổ Gia bằng ánh mắt tha thiết. “Tổ Gia, tôi hỏi ông một chuyện, xin hãy trả lời thật lòng!”

Tổ Gia gật đầu.

“Với tôi, ông có từng động lòng chút nào không?”

Tổ Gia nhìn Tây Điền Mỹ Tử, gật đầu thừa nhận.

“Vậy, hãy ôm tôi một lần!”

Tây Điền Mỹ Tử từ từ ngả về phía Tổ Gia, trong khoảnh khắc giờ hai tay ra, đột nhiên tay trái giữ chắc lấy tay phải Tổ Gia, quay người định cướp lấy khẩu súng trong tay Tổ Gia.

Tay phải bị giữ chặt, Tổ Gia liền xoay người đẩy ra, đổi khẩu súng sang tay trái, bóp cò. Một tiếng “đoàng” vang lên, Tây Điền Mỹ Tử đổ gục trong lòng ông.

Tổ Gia vẫn đỡ lấy bà ta. Gắng gượng hơi thở cuối cùng, Tây Điền Mỹ Tử thở hắt ra, mỉm cười nhìn thẳng Tổ Gia, yếu ớt nói: “Nếu... không có chiến tranh, tôi nguyện... được cùng Tổ Gia ngắm trăng.” Nói xong, vĩnh viễn khép chặt đôi mắt, nụ cười vẫn còn in trên khóe miệng.

Lúc này, một tiếng nổ chói tai vang lên xé toạc màn đêm, ngay sau đó là tiếng rầm rầm, đất trời như đổ sụp xuống, hoành ngang ở chỗ lối đi bị đổ, Tổ Gia cởi bỏ chiếc áo dài đang mặc trên người, quần lên người Tây Điền Mỹ Tử, sau đó chạy nhanh ra ngoài. Lại một tiếng nổ cực mạnh nữa vang lên, đất trên tường rơi xuống bụi mù, trong khoảng khắc nó xộc tới chỗ hành lang, Tổ Gia không thể kìm lòng ngoảnh lại nhìn, thi thể Tây Điền Mỹ Tử dần bị chôn vùi trong đồng đổ nát, khói bụi cuồn cuộn. Tổ Gia không nhìn nữa, ông xông thẳng ra ngoài.

Bên ngoài, lửa đạn bay mịt mù, ánh lửa bùng cháy tận trời cao.

Quân hạm của Nhật Bản tuần tra gần quần đảo Chu San nhận được tín hiệu cầu cứu do bọn đặc vụ gửi đi, vô số đạn pháo từ ngoài biển khơi nã vào, bùn đất bắn tung tóe, bầy rắn độc và đám cả đám người cùng nát nhừ.

Học viện giao lưu hữu nghị Dịch học Trung – Nhật khí thế hùng tráng đổ sụp ầm trời.